BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 86 /TTr-BTTTT	*Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2021*

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 07/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, ban hành mới; Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Thông tin và Truyền thông kính trình Chính phủ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cụ thể hóa chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển ngành công nghiệp công nghệ số

(1) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII xác định một số mục tiêu và nhiệm vụ chủ yếu về công nghệ số như sau:

+ Kinh tế số đạt khoảng 20% GDP.

+ Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của CMCN 4.0, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

+ Đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo.

+ Chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số.

+ Ưu tiên nguồn lực phát triển hạ tầng nông thôn miền núi, vùng dân tộc thiểu số; đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo.

+ Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc CMCN 4.0, tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nhanh và bền vững.

+ Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc CMCN 4.0 vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

(2) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030

Chiến lược đặt ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp:

- Phát triển mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chính của tăng trưởng kinh tế... Đẩy nhanh chuyển đổi số đối với một số ngành, lĩnh vực đã có điều kiện, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa, ứng dụng và phát triển công nghệ mới, ưu tiên công nghệ số.

- Quan tâm đầu tư đúng mức nghiên cứu khoa học cơ bản; tập trung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ lõi, công nghệ số.

- Nâng cao tiềm lực và trình độ khoa học, công nghệ trong nước để có thể triển khai các hướng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới, tập trung phát triển công nghệ ưu tiên có khả năng ứng dụng cao, nhất là công nghệ số.

- Đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế (công dân toàn cầu).

- Phát triển một số doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin, doanh nghiệp số chủ lực thực hiện tốt vai trò dẫn dắt về hạ tầng công nghệ số, làm nền tảng cho nền kinh tế số, xã hội số.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số.

- Đẩy nhanh xây dựng xã hội số, tập trung vào chuyển đổi kỹ năng, mở các khóa học đại trà trực tuyến, đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số.

(3) Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0

Chủ trương "Tập trung phát triển các ngành ưu tiên có mức độ sẵn sàng cao như: Công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông; an toàn, an ninh mạng; công nghiệp chế tạo thông minh; tài chính - ngân hàng; thương mại điện tử; nông nghiệp số; du lịch số; công nghiệp văn hoá số; y tế; giáo dục và đào tạo"; "Ưu tiên nguồn lực cho triển khai một số chương trình nghiên cứu trọng điểm quốc gia về các công nghệ ưu tiên, trọng tâm là: Công nghệ thông tin và truyền thông, cơ điện tử, công nghệ mới trong lĩnh vực năng lượng, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, điện tử y sinh".

(4) Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị (Khóa XII) về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Quan điểm phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp điện tử là con đường chủ đạo; phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo là trung tâm; phát triển công nghiệp chế tạo thông minh là bước đột phá; chú trọng phát triển công nghiệp xanh".

Chủ trương giai đoạn đến năm 2030, tập trung ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp như: Công nghệ thông tin và viễn thông, công nghiệp điện tử ở trình độ tiên tiến của thế giới, đáp ứng được yêu cầu của cuộc CMCN 4.0 nhằm tạo ra nền tảng công nghệ số cho các ngành công nghiệp khác...

(5) Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (Khóa XI) về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế

Chủ trương coi "Công nghệ thông tin là một công cụ hữu hiệu tạo lập phương thức phát triển mới và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; là một trong những động lực quan trọng phát triển kinh tế tri thức, xã hội thông tin, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong quá trình hội nhập quốc tế; góp phần đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, bảo đảm phát triển nhanh, bền vững". Về công nghiệp công nghệ thông tin, Nghị quyết 36 đặt mục tiêu đến 2020: "Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin thành ngành kinh tế - kỹ thuật tăng trưởng nhanh và bền vững, có vai trò dẫn dắt, tạo nền tảng phát triển kinh tế tri thức. Xây dựng các công viên phần mềm, khu công nghệ thông tin tập trung, hiện đại. Thu hút mạnh đầu tư của các tập đoàn công nghệ thông tin đa quốc gia có uy tín để tham gia chuỗi giá trị gia tăng. Hình thành một số tập đoàn công nghệ thông tin có khả năng cạnh tranh trong khu vực và trên thế giới, đồng thời phát triển mạnh doanh nghiệp công nghệ thông tin vừa và nhỏ".

(6) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16 tháng 1 năm 2012) về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020

Về lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin, Nghị quyết 13 của Đảng chỉ rõ: "Coi thúc đẩy phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong lộ trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong từng ngành, từng lĩnh vực. Phát triển mạnh công nghiệp công nghệ thông tin, thúc đẩy ngành công nghiệp phần mềm phát triển nhanh, bền vững" và chủ trương "xây dựng khu công nghệ thông tin trọng điểm quốc gia".

Như vậy, theo định hướng tại các văn bản của Đảng, công nghệ số được khẳng định là động lực để phát triển kinh tế xã hội đất nước trong giai đoạn tới, đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển. Để cụ thể hóa chủ trương của Đảng, việc xây dựng hành lang pháp lý về công nghệ số là phù hợp và cần thiết.

(7) Luật Công nghệ thông tin năm 2006 bao gồm 6 Chương, 79 Điều quy

định toàn diện các lĩnh vực của CNTT gồm 3 chương chính: 1) Ứng dụng CNTT (trong cơ quan nhà nước, trong thương mại và trong một số lĩnh vực); 2) Phát triển CNTT (nghiên cứu - phát triển, phát triển nguồn nhân lực, phát triển công nghiệp CNTT, phát triển dịch vụ CNTT); 3) Biện pháp bảo đảm ứng dụng và phát triển CNTT (cơ sở hạ tầng thông tin, đầu tư cho CNTT, hợp tác quốc tế về CNTT, bảo đảm an toàn và bí mật thông tin,...) và các nội dung chung như quy định chung, giải quyết tranh chấp về công nghệ thông tin,...

Sau 15 năm thi hành, một số nội dung của Luật CNTT đã được nâng cấp, bổ sung, cập nhật thành một số luật chuyên ngành như Luật an toàn thông tin mạng, Luật an ninh mạng và các nghị định quy định chi tiết về phát triển CNTT, về ứng dụng CNTT trong các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội.

Thực hiện Nghị quyết 50/NQ-CP ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII, Bộ Thông tin và Truyền thông đang chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành nghiên cứu xây dựng 3 dự án Luật gồm: Luật Chính phủ số, Luật Giao dịch điện tử sửa đổi và Luật Công nghiệp công nghệ số. Sau khi các dự thảo trên được Quốc hội thông qua, hành lang pháp lý về CNTT sẽ được hoàn thiện một cách đồng bộ, tổng thể. Luật CNTT năm 2006 sẽ được thay thế hoàn toàn.

(8) Hành lang pháp lý về phát triển CNTT

Quy định về Phát triển CNTT được nêu tại Chương III của Luật CNTT gồm 4 thành phần chính là: nghiên cứu - phát triển, phát triển nguồn nhân lực, phát triển công nghiệp CNTT, phát triển dịch vụ CNTT, cụ thể tại các Điều từ 38 đến 53 của Luật CNTT. Ngoài ra, nội dung về phát triển CNTT còn được đề cập tại Chương IV của Luật CNTT về Biện pháp bảo đảm ứng dụng và phát triển CNTT. Các cấu phần của ngành công nghiệp CNTT được quy định tại Luật CNTT bao gồm các loại hình: Công nghiệp phần cứng, điện tử; công nghiệp phần mềm; công nghiệp nội dung số; khu CNTT tập trung. Để làm rõ hơn một bước nữa các khái niệm trong lĩnh vực công nghiệp CNTT, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/5/2007 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều về công nghiệp CNTT của Luật công nghệ thông tin. Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 154/2013/NĐ-CP ngày 08/11/2013 quy định về

khu CNTT tập trung và Quyết định số 2407/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển khu CNTT tập trung đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 để tạo hành lang pháp lý phát triển khu CNTT tập trung.

Hiện nay, thế giới đã bước sang thập niên thứ hai của thế kỷ XXI với những thay đổi cơ bản về khoa học, công nghệ, mức độ cạnh tranh trên trường quốc tế. Xuất hiện hàng loạt xu hướng công nghệ mới có tính đột phá, những mô hình sản xuất, kinh doanh tiên tiến trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, nền kinh tế số. Xu thế phát triển mới đang làm thay đổi ngành công nghiệp CNTT, biến đổi sang công nghệ số, dần hình thành ngành công nghiệp công nghệ số. Do vậy, việc nghiên cứu sửa đổi, thay thế, hoàn thiện khung pháp lý về phát triển công nghiệp CNTT, hướng tới công nghiệp công nghệ số là cần thiết.

Mục A.6 Phụ lục phân công thực hiện nhiệm vụ chủ yếu của Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ) đã giao Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, nghiên cứu xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số. Vì vậy, việc nghiên cứu xây dựng các quy định pháp luật mới về công nghiệp công nghệ số là đúng nhiệm vụ được giao.

2. Nhu cầu thực tiễn

Ngành công nghiệp CNTT Việt Nam đã trở thành ngành kinh tế quan trọng của đất nước qua quá trình phát triển, quá trình thực thi pháp luật và các Chương trình, Kế hoạch phát triển về công nghiệp CNTT (CNTT). Tổng doanh thu công nghiệp CNTT năm 2020 đạt 123,5 tỷ USD. Tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2015-2020 đạt bình quân 15,2%/năm, cao hơn 2 lần tốc độ tăng trưởng GDP, trở thành một trong những ngành kinh tế có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất, quy mô lớn nhất của cả nước (Chi tiết trong Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật về phát triển CNTT, công nghiệp CNTT trình kèm).

Bên cạnh các kết quả đạt được, sự phát triển nhanh chóng của ngành thời gian qua cũng phát sinh những tồn tại bất cập trong hệ thống pháp luật về công nghiệp CNTT, có thể khái quát thành 02 nhóm vấn đề lớn sau:

a) Phạm vi điều chỉnh, đối tượng quản lý trong các hoạt động công nghiệp CNTT

Công tác quản lý và thúc đẩy hoạt động công nghiệp CNTT thời gian qua đã bộc lộ một số vướng mắc do việc thiếu đồng bộ trong khái niệm, phân loại các loại hình công nghiệp CNTT, đặc biệt là sự xuất hiện của công nghệ số chưa được định nghĩa trong hệ thống văn bản QPPL nên khó khăn trong việc áp dụng chế tài và cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển. Cụ thể là:

(1) Về định nghĩa, phân loại công nghiệp CNTT trong hệ thống pháp luật bộc lộ một số tồn tại, bất cập, chưa cập nhật được các xu thế phát triển của công nghệ số

Công nghệ số xuất hiện là bước phát triển tiếp theo của CNTT, đặt ra những yêu cầu quản lý mới, nhưng chưa được quy định, định nghĩa trong hệ thống văn bản QPPL nên khó khăn trong việc áp dụng chế tài và cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển. Một số khái niệm đang tồn tại (công nghiệp phần cứng, công nghiệp phần mềm, công nghiệp nội dung số,...) nhưng chưa theo kịp xu thế phát triển mới. Ví dụ như khái niệm hoạt động công nghiệp phần mềm, công đoạn sáng tạo, đưa ra ý tưởng là bước xác định bài toán cần giải trước khi thiết kế phần mềm chưa được đề cập trong định nghĩa này, trong khi đây lại là bước rất quan trọng trong xu thế phát triển mới của công nghệ số. Bước sáng tạo, đưa ra ý tưởng cũng là một yếu tố quan trọng để xác định sản phẩm phần mềm là Make in Viet Nam - sáng tạo, thiết kế, thử nghiệm, sản xuất tại Việt Nam - hay không.

Thiếu đồng bộ giữa cách phân loại các loại hình hoạt động công nghiệp CNTT trong hệ thống pháp luật chuyên ngành với các quy định mã ngành Kinh tế Việt Nam, dẫn đến thống kê không đầy đủ, chưa phản ánh đúng sự phát triển của ngành. Ngành công nghiệp CNTT chưa được coi là một ngành kinh tế trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam theo Quyết định 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quyết định Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam. Do vậy, các hoạt động công nghiệp CNTT được phân chia rải rác vào 3 ngành gồm: Công nghiệp chế biến, chế tạo; bán buôn và bán lẻ; thông tin và truyền thông. Cách phân loại trong Hệ thống ngành Kinh tế vừa thừa, vừa thiếu so với phân loại trong pháp luật về công nghiệp CNTT.

Quy định hoạt động công nghiệp CNTT trong Luật CNTT chưa thống nhất cách hiểu với quốc tế. Chẳng hạn, trong Bảng phân loại các ngành dịch vụ trong WTO thì hoạt động công nghiệp CNTT được hiểu là "Dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan" (có các mã là CPC 841-845, CPC 849) bao gồm: Mã 841 về Dịch vụ tư vấn liên quan tới lắp đặt phần cứng máy tính, mã 842 về Dịch vụ thực hiện phần mềm; mã 843 về Dịch vụ xử lý dữ liệu; mã 844 về Dịch vụ cơ sở dữ liệu; mã 845 về Dịch vụ duy tu và bảo dưỡng máy móc và thiết bị văn phòng, bao gồm cả máy tính; mã 849 về Các dịch vụ máy tính khác. Cách phân loại này khác biệt nhiều so với phân loại các loại hình công nghiệp CNTT trong pháp luật về công nghiệp CNTT của Việt Nam nên dẫn đến cách hiểu và áp dụng chính sách khác nhau.

(2) Về hành lang pháp lý cho các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới

Hệ thống pháp luật về công nghiệp CNTT đang thiếu các quy định cho việc phát triển các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới. Những vướng mắc pháp lý chưa giải quyết được, chưa có không gian pháp lý cho các sản phẩm mới, dịch vụ mới. Kết quả là các doanh nghiệp khó triển khai các hoạt động nghiên cứu,

sáng tạo, thương mại hóa các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới, giảm sút phạm vi và hiệu quả kinh doanh, giảm lợi ích kinh tế, có thể phát sinh những rủi ro cho việc đầu tư của doanh nghiệp; ẩn chứa những nguy cơ rủi ro đối với người sử dụng, tác động xấu đến xã hội. Ví dụ: Trí tuệ nhân tạo (AI) đang phát triển nhanh chóng[1], dẫn dắt sự tăng trưởng kinh tế, trở thành cơ hội thúc đẩy sản xuất, thương mại, nâng cao chất lượng dịch vụ trong nền kinh tế toàn cầu đang thay đổi nhanh chóng; đóng vai trò quan trọng trong tăng cường an ninh kinh tế và an ninh phi truyền thống, cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân và đẩy mạnh an ninh quốc gia. Tuy nhiên, AI cũng là một lĩnh vực phức tạp, cũng có thể có những rủi ro và mặt trái, là khởi nguồn của những lo ngại liên quan đến khía cạnh đạo đức trong nghiên cứu, phát triển, cung cấp và sử dụng. Điều này đòi hỏi phải nhận diện được các tác động tiêu cực và không mong muốn của các sản phẩm và dịch vụ AI đối với kinh tế - xã hội. Từ đó, xác định các công cụ/chính sách quản lý nhà nước cần thực hiện để giảm thiểu tác động tiêu cực do AI mang lại.

Do vậy, việc xác lập phạm vi điều chỉnh, đối tượng quản lý trong các hoạt động công nghiệp công nghệ số trên cơ sở kế thừa và thay thế những quy định về công nghiệp CNTT trong Luật CNTT, làm cơ sở để ban hành chính sách quản lý thúc đẩy, biện pháp bảo đảm phát triển ngành công nghiệp công nghệ số phù hợp với thực tiễn phát triển là cần thiết.

b) Biện pháp bảo đảm phát triển công nghiệp CNTT

Luật CNTT đưa ra các biện pháp bảo đảm phát triển CNTT như chính sách về nghiên cứu phát triển, phát triển nguồn nhân lực, khu CNTT tập trung, cơ sở hạ tầng thông tin, đầu tư cho CNTT, phát triển thị trường... Qua thực tiễn triển khai, Bộ TTTT nhận thấy, các biện pháp bảo đảm trong Luật CNTT khá chung chung, chưa cụ thể, bất cập và cần bổ sung thêm một số biện pháp bảo đảm mới để thúc đẩy ngành công nghiệp công nghệ số. Cụ thể:

(1) Về thị trường cho công nghiệp công nghệ số

Quy định về hỗ trợ phát triển thị trường cho công nghiệp CNTT trong pháp luật hiện hành chưa rõ ràng, chưa cụ thể: Luật Công nghệ thông tin (Khoản 2 Điều 49) quy định cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quy định và tổ chức thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá, tiếp thị hình ảnh công nghiệp công nghệ thông tin… tuy nhiên không kèm theo các quy định về trách nhiệm, nguồn lực cụ thể để triển khai. Chưa có các giải pháp hiệu quả để thúc đẩy sản phẩm công nghiệp công nghệ thông tin Việt Nam.

(2) Về phát triển nguồn nhân lực công nghệ số

---

[1] Năm 2019, doanh thu thị trường TTNT đạt mức khoảng 27,23 tỷ đô la Mỹ. Dự báo sẽ tăng lên khoảng trên 266 tỷ vào năm 2027. Theo PwC, GDP toàn cầu sẽ cao hơn 14% vào năm 2030 do sự phát triển và ứng dụng TTNT - tương đương thêm 15.700 tỷ Đô la Mỹ.

Chính sách phát triển nhân lực CNTT (từ Điều 42 đến Điều 46 Luật CNTT) còn chung chung, chưa cụ thể; quy định về trách nhiệm giữa các bộ, ngành trong đào tạo và cấp chứng chỉ chưa rõ ràng,... khó khăn trong triển khai thực tế; thiếu các chính sách để thu hút nhân lực chất lượng cao, chính sách gắn việc đào tạo lý thuyết với thực tiễn.

Trong xu thế phát triển mới của công nghệ số và hội nhập toàn cầu, cần có chính sách để tập trung phát triển kỹ năng về công nghệ số cho nguồn nhân lực; bảo đảm sự liên kết chặt chẽ giữa cơ quan quản lý và doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực số... Các điểm mới này chưa được thể hiện trong pháp luật về công nghiệp CNTT, cần được bổ sung, làm rõ trong Luật Công nghiệp công nghệ số.

(3) Về thúc đẩy phát triển dữ liệu số

Dữ liệu số là tư liệu sản xuất của các doanh nghiệp công nghệ số và sẽ trở thành một ngành công nghiệp tiềm năng (công nghiệp dữ liệu). Tuy nhiên, chính sách phát triển cơ sở hạ tầng (từ Điều 54 đến Điều 59 Luật CNTT) chưa có quy định về dữ liệu số. Do đó cần có cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển, phân loại, đánh giá, quản lý, giao dịch, sử dụng, tái sử dụng hợp pháp dữ liệu số.

(4) Về thâm nhập thị trường nước ngoài

Trong Luật CNTT và văn bản hướng dẫn chưa có các quy định để quản lý các hoạt động kinh doanh sản phẩm công nghệ số xuyên biên giới; chưa có các quy định, tiêu chuẩn tham gia các Thỏa thuận hoặc Hiệp định kinh doanh Kỹ thuật số tạo thuận lợi cho các hoạt động thương mại sản phẩm công nghệ số xuyên biên giới... Những bất cập này cần được giải quyết trong Luật Công nghiệp công nghệ số.

(5) Về khu công nghệ thông tin tập trung

Trong hệ thống pháp luật công nghiệp CNTT hiện nay, kết cấu hạ tầng công nghiệp CNTT cụ thể là Khu CNTT tập trung. Khu CNTT tập trung tại Việt Nam đã và đang khẳng định vai trò quan trọng, trở thành hạ tầng quan trọng cho phát triển công nghiệp CNTT. Luật CNTT đã quy định chung về khuyến khích đầu tư, xây dựng khu CNTT tập trung (Điều 54), tuy nhiên, thực tiễn phát triển thời gian qua cho thấy việc thiếu những quy định liên quan đến mô hình phát triển mới của khu CNTT tập trung như mô hình chuỗi công viên phần mềm, thiếu quy trình thực hiện dự án đầu tư khu CNTT tập trung; chính sách về giao đất, thuê đất; tiền sử dụng đất, tiền thuê đất chưa rõ ràng... trong Luật CNTT và văn bản dưới Luật đang làm hạn chế sự phát triển của các khu.

(6) Về trung tâm dữ liệu, trung tâm tính toán hiệu năng cao

Trung tâm dữ liệu và trung tâm tính toán hiệu năng cao là các cấu phần quan trọng để phát triển ngành công nghiệp công nghệ số, tuy nhiên chưa có cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư.

(7) Về cơ quan quản lý chuyên ngành về công nghiệp công nghệ số

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Công nghệ thông tin về công nghiệp CNTT, Bộ Bưu chính, Viễn thông (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông) chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan thực hiện quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ thông tin. Vụ Công nghệ thông tin là tổ chức trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, thực hiện chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông bao gồm: Công nghiệp phần mềm, công nghiệp nội dung số, công nghiệp phần cứng, điện tử, công nghiệp sản xuất thiết bị viễn thông, khu công nghệ thông tin tập trung.

Đến nay, quy mô ngành công nghiệp công nghệ thông tin lớn gấp nhiều lần so với trước đây (tổng doanh thu công nghiệp CNTT năm 2020 đạt 123,5 tỷ USD, gấp 20 lần so với năm 2009 - 6,2 tỷ USD) và gấp hơn 2 lần năm 2015. Quy mô lớn và tốc độ phát triển nhanh đặt ra yêu cầu về tăng cường các hoạt động thực thi, hỗ trợ phát triển. Đồng thời, xu thế phát triển của các công nghệ số đặt ra các thách thức về quản lý và các loại hình công nghiệp mới, các mô hình kinh doanh hình thành từ các sản phẩm công nghệ số mới. Công nghệ phát triển nhanh, vòng đời sản phẩm ngắn đòi hỏi một tư duy và mô hình quản lý mới. Các bất cập và vướng mắc này là nhu cầu thực tiễn để kiện toàn, nâng cấp và hình thành cơ quan quản lý chuyên ngành về công nghiệp công nghệ số nhằm tăng cường hiệu quả quản lý và thực thi thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ số.

Trong thời gian tới, ngành công nghiệp công nghệ số tiếp tục phát triển mạnh. IDC[2] dự báo thị trường ngành công nghiệp ICT toàn cầu năm 2021 đạt trên 5100 tỷ USD, trong đó các công nghệ mới (như AI, robot, AR/VR, blockchain,...) đạt trên 1000 tỷ USD; toàn ngành công nghiệp ICT sẽ tiếp tục tăng trưởng gấp hơn 2 lần GDP; các công nghệ mới sẽ chiếm thị phần lớn hơn trên thị trường, từ 19,6% vào năm 2021 lên 30,5% vào năm 2023. Trong bối cảnh này, với các nội dung nêu trên, việc xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số là cần thiết. Luật sẽ là hành lang pháp lý để ngành công nghiệp công nghệ số tiếp tục phát triển mạnh hơn, bền vững hơn, đóng góp nhiều hơn vào sự phát triển của đất nước.

Trên cơ sở đó, việc xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số để hoàn thiện hành lang pháp lý về công nghiệp công nghệ số là cần thiết để cụ thể hóa chủ trương của Đảng, Nhà nước, phù hợp với nhu cầu thực tiễn và đúng nhiệm vụ được giao.

II. MỤC ĐÍCH VÀ QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

[2] https://www.idc.com/promo/global-ict-spending/forecast

1. Mục đích

- Thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về phát triển công nghiệp công nghệ số.

- Xây dựng và bảo vệ được không gian tăng trưởng và phát triển kinh tế số (bền vững và tự chủ) dựa trên các hoạt động nghiên cứu, sáng tạo, sản xuất, cung cấp, ứng dụng các sản phẩm, dịch vụ của ngành công nghiệp công nghệ số Việt Nam.

- Thống nhất các nội dung quy định về công nghiệp công nghệ số trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, tránh việc quy định chồng chéo, mâu thuẫn, khắc phục những khó khăn, vướng mắc, bất cập phát sinh trong quá trình thi hành pháp luật về phát triển công nghệ thông tin, bảo đảm tính công khai, minh bạch trong việc thực hiện chính sách công trong hoạt động lĩnh vực công nghiệp công nghệ số, thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ số.

2. Quan điểm xây dựng Luật

- Bảo đảm phù hợp, thống nhất với Hiến pháp và các quy định của pháp luật có liên quan; bảo đảm thể chế hóa kịp thời chủ trương, quan điểm lớn của Đảng tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 liên quan đến lĩnh vực công nghiệp công nghệ số và phù hợp với các chiến lược, quy hoạch đã được phê duyệt.

- Tạo khung pháp lý toàn diện để phát triển công nghiệp công nghệ số, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho sự ra đời và phát triển các sản phẩm, công nghệ, mô hình mới có tính sáng tạo, đột phá; tạo điều kiện bảo đảm công nghiệp công nghệ số phát triển nhanh đi đôi với phát triển bền vững; bảo đảm phù hợp với nhu cầu thực tiễn và xu thế phát triển công nghiệp công nghệ số.

- Bảo đảm những nội dung về công nghiệp CNTT trong Luật CNTT năm 2006 được kế thừa và bổ sung hoàn chỉnh trong Luật Công nghiệp công nghệ số. Các nội dung khác trong Luật CNTT (như ứng dụng CNTT và các biện pháp bảo đảm ứng dụng CNTT), tiếp tục thực hiện theo quy định tại Luật CNTT và các văn bản hướng dẫn.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về hoạt động công nghiệp công nghệ số và bảo đảm phát triển công nghiệp công nghệ số tại Việt Nam

2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động công nghiệp công nghệ số.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Chính sách 1: Quy định hoạt động công nghiệp công nghệ số, sản phẩm, dịch vụ công nghệ số

1.1. Mục tiêu của chính sách

- Bảo đảm sự phù hợp với thực tiễn phát triển, không có khoảng trống, không chồng chéo với các ngành công nghiệp khác khi công nghệ số đã và đang được ứng dụng trong tất cả các lĩnh vực.

- Thúc đẩy, tạo cơ chế bảo vệ cho hoạt động nghiên cứu, phát triển, thương mại hoá các sản phẩm, dịch vụ mới được tạo ra khi ứng dụng công nghệ số, dịch vụ số vào các lĩnh vực; giảm thiểu các rủi ro khi triển khai sản phẩm, dịch vụ mới vào các lĩnh vực của đời sống.

1.2. Nội dung của chính sách

Nội dung chính sách gồm:

(1) Định nghĩa về công nghệ số, công nghiệp công nghệ số.

Vì công nghệ số, công nghiệp công nghệ số là khái niệm mới, do vậy cần làm rõ nội hàm, khái niệm, từ đó xác định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Luật Công nghiệp công nghệ số.

Theo phân loại của OECD (Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế), ngành công nghệ thông tin và truyền thông (ICT sector) bao gồm các lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ ICT và công nghiệp nội dung, đa phương tiện. Phân loại ngành của OECD tương ứng với phân loại lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông của Việt Nam, bao gồm công nghiệp công nghệ thông tin (công nghiệp phần cứng, công nghiệp phần mềm, công nghiệp nội dung, dịch vụ CNTT), dịch vụ viễn thông, báo chí, xuất bản, phát thanh truyền hình.

Về công nghiệp công nghệ số, trên thế giới hầu như chưa có quốc gia, tổ chức có định nghĩa. Các Tổ chức như OECD, ITU, UNCTAD, một số quốc gia có những báo cáo coi Digital Technology Industry là sự phát triển tiếp theo của ICT industry. Cụ thể: ITU: coi một số công nghệ như điện toán đám mây, chuỗi khối, trí tuệ nhân tạo, di động, thực tế ảo, thiết bị không người lái, internet kết nối vạn vật, in 3D là công nghệ số[3]; Trung Quốc đề cập đến định hướng thêm các công nghệ 4.0 vào ICT industry[4]; Vương Quốc Anh đề cập ngành công nghệ số là sự mở rộng của ngành ICT ("Digital Sector - an extension of the ICT sector"[5]); Nhật Bản xác định ngành công nghệ số tập trung vào công nghệ điện

---

[3] https://www.itu.int/dms_pub/itu-d/opb/stg/D-STG-SG01.03.2-2021-PDF-E.pdf

[4] https://www.mdpi.com/2071-1050/10/1/106/htm

[5] https://www.ons.gov.uk/businessindustryandtrade/itandinternetindustry/articles/ecommerceandinternetuse/previousReleases

toán đám mây[6]; EU coi công nghệ số là 5G, IoT, AI, Robot...[7]

Trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn phát triển công nghệ số tại Việt Nam, Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất khái niệm công nghệ số, công nghiệp công nghệ số như sau:

- Công nghệ số: là công nghệ thông tin có sự bổ sung, tích hợp thêm các công nghệ mới bao gồm nhưng không giới hạn như trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối (blockchain), in 3D, internet kết nối vạn vật (IoT), kết nối mạng băng rộng (5G, sau 5G), dữ liệu lớn (Bigdata), điện toán đám mây (Cloud Computing), thực tại ảo (VR), thực tại tăng cường (AR), thực tại trộn (MR).

- Công nghiệp công nghệ số là ngành kinh tế sáng tạo, thiết kế, phát triển, chế tạo, sản xuất và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số.

Như vậy, có thể hiểu công nghệ số là sự phát triển tiếp theo, trên cơ sở kế thừa của CNTT, có tích hợp bổ sung các công nghệ mới của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

(2) Phân loại hoạt động công nghiệp công nghệ số.

(3) Thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ mới hình thành từ ứng dụng công nghệ số.

(4) Quản lý sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới, sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu.

1.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

a) Giải pháp thực hiện chính sách

(1) Định nghĩa về công nghệ số, công nghiệp công nghệ số

(2) Phân loại hoạt động công nghiệp công nghệ số

Quy định phân loại hoạt động công nghiệp công nghệ số bao gồm sáng tạo, thiết kế, sản xuất, kinh doanh, buôn bán, phân phối các sản phẩm, dịch vụ phần cứng, phần mềm, nội dung số, sản phẩm sản xuất trong nước và sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới.

(3) Thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ mới hình thành từ ứng dụng công nghệ số

Quy định khái niệm sản phẩm mới, dịch vụ mới; trách nhiệm quản lý nhà nước của các bộ, ngành, địa phương đối với các sản phẩm, dịch vụ mới; quy trình phối hợp xử lý khi có đề xuất về nghiên cứu phát triển, triển khai sản phẩm, dịch vụ mới; các biện pháp hỗ trợ, chính sách ưu đãi,... phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới.

---

[6] https://www.meti.go.jp/english/press/2021/0604_005.html

[7] https://eur-lex.europa.eu/legal-content/en/TXT/?uri=CELEX%3A52021DC0118

(4) Quản lý sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới, sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu

Quy định về việc phân loại; trách nhiệm của các cơ quan quản lý liên quan; hướng dẫn, thiết lập các quy tắc quản lý hoạt động kinh doanh; yêu cầu đối với sản phẩm AI, sản phẩm công nghệ số trọng yếu; quy định về quản lý (cung cấp, sử dụng; tiêu chí xác định; danh mục; việc mua bán, xuất khẩu, chuyển giao,...).

b) Lý do lựa chọn

Quy định về định nghĩa, phân loại hoạt động, sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trên cơ sở kế thừa, hoàn thiện và bổ sung các quy định mới sẽ góp phần mở rộng phạm vi hoạt động và hiệu quả kinh doanh của ngành, tăng lợi ích kinh tế; thúc đẩy tạo ra nhiều việc làm mới, góp phần bảo đảm an sinh xã hội, tạo ra nhiều sản phẩm, dịch vụ công nghệ số cho phát triển kinh tế số, xây dựng xã hội số. Chính sách về phát triển sản phẩm công nghệ số sản xuất trong nước sẽ giúp các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam làm chủ công nghệ, tạo sự bền vững trong phát triển ngành.

Quy định về sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới, trí tuệ nhân tạo sẽ góp phần mở rộng không gian phát triển mới của ngành, tăng cơ hội phát triển của ngành, tăng đóng góp của ngành vào phát triển kinh tế đất nước, người dân có cơ hội được sử dụng sản phẩm, dịch vụ mới với giá rẻ hơn. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, bảo vệ doanh nghiệp khỏi những rủi ro trong việc đầu tư nghiên cứu phát triển và triển khai các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới, đột phá. Xã hội có cơ hội được sử dụng nhiều sản phẩm, dịch vụ mới để phục vụ công việc và cuộc sống hàng ngày. Giảm thiểu những rủi ro mà xã hội có thể gặp do sử dụng những sản phẩm mới, bảo vệ người tiêu dùng.

2. Chính sách 2: Bảo đảm phát triển công nghiệp công nghệ số

2.1. Mục tiêu của chính sách

- Tạo cơ chế, nguyên tắc để hình thành và triển khai hiệu quả các biện pháp bảo đảm phát triển công nghiệp công nghệ số.

- Hình thành được hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại cần thiết để phát triển ngành công nghiệp công nghệ số.[8]

2.2. Nội dung của chính sách

Các biện pháp bảo đảm cho phát triển công nghiệp công nghệ số bao gồm:

(1) Thị trường cho công nghiệp công nghệ số.

(2) Phát triển nguồn nhân lực công nghệ số.

---

[8] Công nghiệp công nghệ số là lõi của nền kinh tế số. Phát triển nền kinh tế số cần những kết cấu hạ tầng hiện đại. Do vậy, cần phát triển các kết cấu hạ tầng hiện có cũng như hạ tầng mới để phát triển công nghiệp công nghệ số

(3) Phát triển dữ liệu số.

(4) Thâm nhập thị trường nước ngoài.

(5) Khu công nghệ thông tin tập trung.

(6) Phát triển trung tâm dữ liệu, trung tâm tính toán hiệu năng cao.

(7) Kiện toàn và nâng cấp cơ quan quản lý chuyên ngành về công nghiệp công nghệ số.

2.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

a) Giải pháp thực hiện chính sách

Hoàn thiện hành lang pháp lý nhằm tạo các điều kiện cho phát triển ngành công nghiệp công nghệ số, phù hợp với thực tiễn tại Việt Nam và xu thế phát triển của công nghệ số, gồm một số biện pháp chính sau:

(1) Thị trường cho công nghiệp công nghệ số

Quy định cơ chế chính sách cho phép dùng thị trường trong nước để nuôi dưỡng, phát triển ngành công nghiệp công nghệ số theo hướng ưu tiên mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sản xuất trong nước; phát triển Thương hiệu ngành công nghiệp công nghệ số Việt Nam; hệ sinh thái thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

(2) Phát triển nguồn nhân lực công nghệ số

Quy định về phát triển nguồn nhân lực công nghệ số cho ngành công nghiệp công nghệ số (khung kỹ năng công nghệ số quốc gia, đào tạo thực tế tại doanh nghiệp trong các chương trình đào tạo về công nghệ số, thu hút nhân lực công nghệ số xuất sắc trong và ngoài nước; cấp chứng chỉ, công nhận tương đương về chương trình, chuẩn kỹ năng công nghệ số;...)

(3) Phát triển dữ liệu số

Quy định cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển, phân loại, đánh giá, quản lý, giao dịch, sử dụng, tái sử dụng hợp pháp dữ liệu số.

(4) Thâm nhập thị trường nước ngoài

Quy định về kinh doanh sản phẩm công nghệ số xuyên biên giới; quy định phạm vi, tiêu chuẩn tham gia các Thỏa thuận hoặc Hiệp định kinh doanh Kỹ thuật số tạo thuận lợi cho các hoạt động thương mại sản phẩm công nghệ số xuyên biên giới; nền tảng ghi nhận hoạt động xuất nhập khẩu sản phẩm công nghệ số...

(5) Khu công nghệ thông tin tập trung

Quy định về mô hình, tiêu chí khu công nghệ thông tin tập trung, quy hoạch phát triển khu công nghệ thông tin tập trung trên cả nước, quy trình đầu tư thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung, chính sách ưu đãi đối với

khu công nghệ thông tin tập trung, quản lý đất đai và quy hoạch xây dựng, tổ chức quản lý vận hành khu công nghệ thông tin tập trung.

(6) Phát triển trung tâm dữ liệu, trung tâm tính toán hiệu năng cao

Quy định về đầu tư, phát triển trung tâm dữ liệu, biện pháp đảm bảo phát triển trung tâm dữ liệu, hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn trung tâm dữ liệu, trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp sở hữu trung tâm dữ liệu, điều kiện cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu.

Quy định về đầu tư phát triển các trung tâm tính toán hiệu năng cao, quy định về kết nối, chia sẻ năng lực của các trung tâm tính toán hiệu năng cao.

(7) Kiện toàn và nâng cấp cơ quan quản lý chuyên ngành về công nghiệp công nghệ số

Những bất cập, thách thức phát sinh do thực tiễn phát triển ngành công nghiệp công nghệ số đặt ra những yêu cầu tăng cường hoạt động thực thi pháp luật, sẽ được giải quyết với việc chuyển từ mô hình cấp Vụ sang mô hình cấp Cục nhằm tăng cường các nhiệm vụ thực thi chính sách, pháp luật về công nghiệp công nghệ số. Việc tổ chức lại Vụ Công nghệ thông tin (đơn vị tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ thông tin) thành Cục Công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông là giải pháp thiết thực để kiện toàn, nâng cấp và hình thành Cơ quan quản lý chuyên ngành về công nghiệp công nghệ số. Cục Công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông là cơ quan thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số theo sự phân công, phân cấp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Lý do lựa chọn

Các quy định về biện pháp bảo đảm phát triển công nghiệp công nghệ số dưới đây là cần thiết để phát triển công nghiệp công nghệ số, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, cụ thể:

(1) Thị trường cho công nghiệp công nghệ số

Biện pháp phát triển thị trường công nghiệp công nghệ cần thiết để khai thác tối đa, hiệu quả thị trường nội địa. Với quy mô dân số gần 100 triệu người, với tỷ lệ sử dụng điện thoại thông minh cao, thị trường nội địa là cái nôi để phát triển công nghiệp công nghệ số Việt Nam. Do vậy, cần nghiên cứu để quy định các biện pháp, chế tài, chính sách phát triển thị trường nội địa, cụ thể như chính sách đầu tư mua sắm, sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số phục vụ chuyển đổi số, xây dựng chính phủ số (ví dụ có thể quy định tỷ lệ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sản xuất trong nước); chính sách phát triển doanh nghiệp công nghệ số tập trung vào sáng tạo, thiết kế, thử nghiệm sản xuất tại Việt Nam bởi các doanh nghiệp Việt Nam (Make in Viet Nam).

Doanh nghiệp công nghệ số là trung tâm để phát triển công nghiệp công nghệ số. Việc quy định định nghĩa, khái niệm, phân loại các loại hình doanh nghiệp CNTT, doanh nghiệp công nghệ số cũng như các tiêu chí để xác định là cơ sở để quản lý và thúc đẩy phát triển cộng đồng doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam.

(2) Phát triển nguồn nhân lực công nghệ số

Quy định về phát triển nguồn nhân lực công nghệ số tạo điều kiện, hành lang pháp lý để thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực. Trong xu thế chuyển đổi số, nguồn nhân lực có ý nghĩa then chốt, tuy nhiên quy định hiện hành chưa có chính sách cụ thể để phát triển nguồn nhân lực đặc biệt là phát triển kỹ năng số và thu hút nhân lực công nghệ số xuất sắc trong nước và nước ngoài,...

(3) Phát triển dữ liệu số

Tài nguyên dữ liệu số đang trở thành tài nguyên quan trọng, là đầu vào và đầu ra cho sự phát triển của công nghiệp công nghệ số (chẳng hạn như các doanh nghiệp muốn phát triển các sản phẩm phần mềm, nền tảng số, đặc biệt là các sản phẩm ứng dụng công nghệ như trí tuệ nhân tạo thì cần sử dụng rất nhiều dữ liệu từ người sử dụng, cơ quan nhà nước, từ các thiết bị IoT, các sàn thương mại điện tử,… để có thể ra đưa ra quyết định/kết quả chính xác. Dữ liệu số sẽ trở thành một ngành công nghiệp tiềm năng (công nghiệp dữ liệu). Do vậy, việc có các cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển, phân loại, đánh giá, quản lý, giao dịch, sử dụng, tái sử dụng hợp pháp dữ liệu số là cần thiết.

(4) Thâm nhập thị trường nước ngoài

Quy định này sẽ tạo cơ chế để quản lý phù hợp với các hoạt động kinh doanh sản phẩm công nghệ số xuyên biên giới và tham gia các thỏa thuận quốc tế liên quan để đẩy mạnh hoạt động thương mại các sản phẩm công nghệ số Việt Nam ra thị trường nước ngoài.

(5) Khu công nghệ thông tin tập trung

Việc bổ sung quy định mới, cập nhật, thống nhất với các quy định pháp luật hiện hành về khu CNTT tập trung với sự hình thành của mô hình chuỗi công viên phần mềm sẽ tạo không gian mới để hình thành hạ tầng phục vụ, hỗ trợ cho các doanh nghiệp công nghệ số sản xuất kinh doanh, thúc đẩy phát triển ngành đóng góp lớn vào nền kinh tế quốc dân.

(6) Phát triển trung tâm dữ liệu, trung tâm tính toán hiệu năng cao

Tạo cơ chế chính sách để khuyến khích thúc đẩy đầu tư phát triển trung tâm dữ liệu trở thành một trong các kết cấu hạ tầng quan trọng cho lưu trữ, xử lý dữ liệu số phục vụ phát triển công nghiệp công nghệ số và chuyển đổi số quốc gia, tạo thuận lợi để Việt Nam cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu cho thị trường trong nước và các nước trong khu vực. Đây là một lĩnh vực tiềm năng do nhu

cầu về thuê dịch vụ trung tâm dữ liệu tại Việt Nam và khu vực đang gia tăng đáng kể.

Việc quy định trung tâm tính toán hiệu năng cao trong Luật là cơ sở để đầu tư phát triển mạng lưới trung tâm tính toán hiệu năng cao để Việt Nam đẩy mạnh nghiên cứu phát triển công nghệ số, công nghệ lõi trong thời gian, đặc biệt là những công nghệ mới, phức tạp, quy mô/phạm vi ứng dụng lớn, ví dụ như AI.

(7) Kiện toàn và nâng cấp cơ quan quản lý chuyên ngành về công nghiệp công nghệ số

Việc kiện toàn, nâng cấp cơ quan quản lý chuyên ngành về công nghiệp công nghệ số và quy định trách nhiệm cơ quan này trong Luật Công nghiệp công nghệ số là cơ sở để tăng cường các hoạt động thực thi, hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp công nghệ số. Việc quy định trách nhiệm cơ quan này trong Luật sẽ hỗ trợ tạo thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp tham gia các hoạt động công nghiệp công nghệ số. Các vướng mắc bất cập và các nhu cầu hỗ trợ pháp luật của doanh nghiệp sẽ được giải quyết nhanh hơn, hiệu quả hơn, tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

Sau khi Luật Công nghiệp công nghệ số được ban hành, Nhà nước cần đầu tư một khoản kinh phí cho việc tổ chức thực hiện, cụ thể là:

- Cân đối, bố trí nguồn ngân sách để triển khai các chương trình đầu tư, phát triển công nghiệp công nghệ số, xây dựng hạ tầng cho phát triển công nghiệp công nghệ số.

- Tuyên truyền, phổ biến, đào tạo nội dung của Luật gồm: chi phí cho việc in ấn tài liệu, hợp đồng với phương tiện thông tin đại chúng...

- Chi phí triển khai thi hành Luật khi có hiệu lực thi hành và chi phí phục vụ việc theo dõi, sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình thực thi Luật theo thời gian định kỳ hoặc đột xuất.

- Để tổ chức triển khai Luật công nghiệp công nghệ số sau khi được ban hành, cần thiết bố trí các nguồn lực để xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN

Nội dung này, Bộ Thông tin và Truyền thông xin ý kiến Bộ Tư pháp để có đề xuất thời gian phù hợp với chương trình xây dựng văn bản pháp luật chung của Chính phủ, đảm bảo tính khả thi.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số, Bộ Thông tin và Truyền thông xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: Đề cương dự thảo Luật; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật; Tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị; ...).

Bộ Thông tin và Truyền thông kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, Ngoại giao, Nội vụ;
- Bộ TTTT: Bộ trưởng (để b/c), TTr Phạm Đức Long;
- Thứ trưởng Bộ TTTT
- Lưu: VT, CNTT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Phạm Đức Long

QUỐC HỘI ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---
Luật số: …/20…/QH…	Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

LUẬT
CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật Công nghiệp công nghệ số.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều.. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về hoạt động công nghiệp công nghệ số và bảo đảm phát triển công nghiệp công nghệ số tại Việt Nam

Điều.. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động công nghiệp công nghệ số tại Việt Nam

Điều.. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công nghệ thông tin: là tập hợp các phương pháp khoa học, công nghệ và công cụ kỹ thuật hiện đại để sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số

2. Công nghệ số: là công nghệ thông tin có sự bổ sung, tích hợp thêm các công nghệ mới bao gồm nhưng không giới hạn như trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối (blockchain), in 3D, internet kết nối vạn vật (IoT), kết nối mạng băng rộng (5G, sau 5G), dữ liệu lớn (Bigdata), điện toán đám mây (Cloud Computing), thực tại ảo (VR), thực tại tăng cường (AR), thực tại trộn (MR)

3. Công nghiệp công nghệ số là ngành kinh tế sáng tạo, thiết kế, phát triển, chế tạo, sản xuất và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số

4. Điện toán đám mây: là mô hình cho phép thực hiện truy cập mạng tùy theo yêu cầu vào một nhóm tài nguyên máy tính do tổ chức, cá nhân cung cấp và có thể tùy chỉnh cấu hình được như mạng, máy chủ, khả năng lưu trữ, ứng dụng và dịch vụ

5. Trí tuệ nhân tạo:

6. Internet vạn vật:

7. Chuỗi khối:

8. Dữ liệu lớn:

9. Sổ cái phân tán:

...

Điều.. Nguyên tắc chung trong hoạt động công nghiệp công nghệ số

1. Hoạt động công nghiệp công nghệ số phải tuân thủ các cam kết quốc tế về phát triển công nghiệp công nghệ thông tin…

2. Tổ chức, cá nhân tiến hành các hoạt động công nghiệp công nghệ số được Nhà nước khuyến khích và bảo đảm thực hiện

…

Điều.. Chính sách phát triển công nghiệp công nghệ số

1. Phát triển hoạt động công nghiệp công nghệ số thành một ngành kinh tế trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

2. Thúc đẩy sự phát triển

3. Quản lý hạn chế rủi ro công nghệ, rủi ro tài chính, bảo đảm an ninh, an toàn

4. Làm chủ công nghệ lõi

…

Điều.. Chiến lược, Chương trình, Kế hoạch phát triển công nghiệp công nghệ số

1. Chiến lược phát triển công nghiệp công nghệ số quốc gia theo giai đoạn

2. Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số theo giai đoạn

3. Nội dung Chiến lược, Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số

a) Định hướng, tiêu chí và mục tiêu phát triển ngành

b) Các nội dung giải pháp triển khai định hướng, tiêu chí và mục tiêu phát triển ngành

c) Nguồn lực tổ chức thực hiện

d) Trách nhiệm tổ chức thực hiện

…

4. Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược, Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số

Điều… Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động công nghiệp công nghệ số

1. Cản trở hoạt động công nghiệp công nghệ số của tổ chức, cá nhân bất hợp pháp

2. Cung cấp trao đổi, chia sẽ dữ liệu công nghiệp công nghệ số vi phạm các quy định liên quan theo quy định của pháp luật về an ninh mạng và an toàn thông tin

3. Vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động công nghiệp công nghệ số.

…

Chương II

HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ

Điều… Loại hình công nghiệp công nghệ số

1. Hoạt động công nghiệp phần cứng

a) Công nghiệp phần cứng là các hoạt động sáng tạo, thiết kế, sản xuất, kinh doanh, buôn bán, phân phối các sản phẩm phần cứng, điện tử - viễn thông

b) Sản phẩm phần cứng, điện tử - viễn thông bao gồm:

…

2. Hoạt động công nghiệp phần mềm

a) Hoạt động công nghiệp phần mềm là các hoạt động sáng tạo, thiết kế, sản xuất, kinh doanh, buôn bán, phân phối sản phẩm phần mềm

b) Sản phẩm phần mềm bao gồm:

…

3. Hoạt động công nghiệp nội dung số

a) Hoạt động công nghiệp nội dung số là các hoạt động sáng tạo, thiết kế, sản xuất, kinh doanh, buôn bán, phân phối sản phẩm nội dung số

b) Sản phẩm nội dung số bao gồm:

…

4. Hoạt động công nghiệp công nghệ số mới

Hoạt động công nghiệp công nghệ số mới là các hoạt động sáng tạo, thiết kế, sản xuất, ứng dụng, kinh doanh, buôn bán, phân phối các sản phẩm trên nền tảng các công nghệ số mới như AI, IoT, Big Data, Blockchain… (ví dụ: sản phẩm ứng dụng công nghệ AI; thiết bị IoT; sản phẩm được tạo ra, phát hành và chuyển giao bằng công nghệ sổ cái phân tán, chuỗi khối,…)

…

5. Hoạt động dịch vụ công nghệ số

a) Hoạt động dịch vụ công nghệ số là các hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ công nghệ số

b) Dịch vụ công nghệ số bao gồm dịch vụ phần cứng, dịch vụ phần mềm, dịch vụ nội dung số,…

…

6. Hoạt động công nghiệp công nghệ số khác

7. Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết danh mục các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp công nghệ số

…

Điều.. Phát triển sản phẩm công nghệ số sản xuất trong nước

1. Sản phẩm công nghệ số sản xuất trong nước[1] là sản phẩm công nghệ số đạt được tối thiểu một trong các điều kiện sau đây:

a) Sản phẩm được sáng tạo, thiết kế tại Việt Nam;

b) Sản phẩm được tích hợp, thử nghiệm, sản xuất tại Việt Nam;

c) Sản phẩm được sản xuất tại Việt Nam.

[1] Make In Viet Nam

2. Quy định về Danh mục sản phẩm công nghệ số sản xuất trong nước và biện pháp thúc đẩy các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam phát triển các sản phẩm công nghệ số sản xuất trong nước; quy định về phương thức xác định sản phẩm sản xuất trong nước

Điều... Thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ mới hình thành từ ứng dụng công nghệ số

1. Quy định cơ quan đầu mối, cơ chế điều phối, tổ chức xử lý các đề xuất về nghiên cứu phát triển, triển khai sản phẩm, dịch vụ mới (cấp phép/cho phép thử nghiệm/thí điểm hoặc các trường hợp ngoại lệ…)

2. Quy định phạm vi, trách nhiệm, thẩm quyền quản lý của các bộ, ngành, địa phương trong việc xác định các biện pháp quản lý và xử lý các đề xuất về nghiên cứu phát triển, triển khai sản phẩm, dịch vụ mới thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước chuyên ngành

3. Quy định các biện pháp hỗ trợ, chính sách ưu đãi,… phát triển sản phẩm, dịch vụ mới

4. Chính phủ quy định chi tiết về nội dung này.

…

Điều... Quản lý sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới

1. Quy định chung về quản lý sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới

Quy định về việc phân loại; trách nhiệm của các cơ quan quản lý liên quan; hướng dẫn, thiết lập các quy tắc quản lý hoạt động kinh doanh

2. Sản phẩm trí tuệ nhân tạo

(Quy định về việc các sản phẩm, dịch vụ trí tuệ nhân tạo khi đưa ra thị trường cần được đánh giá để tạo niềm tin, bảo đảm kiểm soát những rủi ro và các tác động tiêu cực)

a) Khái niệm sản phẩm trí tuệ nhân tạo

b) Ban hành danh mục hệ thống/sản phẩm trí tuệ nhân tạo rủi ro cao theo từng lĩnh vực để có các quy định kiểm soát các vấn đề rủi ro, đảm bảo độ tin cậy[2]

[2] EU: Dự thảo bộ luật AI đặt ra các giới hạn xung quanh việc sử dụng TTNT trong một loạt các hoạt động, từ ô tô tự lái đến các quyết định tuyển dụng nhân sự, cho vay ngân hàng, tuyển sinh, chấm điểm các kỳ thi và việc sử dụng TTNT trong hệ thống hành pháp và toà án – những lĩnh vực được coi là "rủi ro cao" bởi chúng có thể đe dọa đến sự an toàn hoặc các quyền cơ bản của mọi người. Một số ứng dụng sẽ bị cấm hoàn toàn, bao gồm nhận diện khuôn mặt trực tiếp tại nơi công cộng, mặc dù có một số trường hợp ngoại lệ vì an ninh quốc gia và các mục đích khác

c) Quy định về quản lý, đánh giá, thử nghiệm[3]

d) Yêu cầu đối với sản phẩm trí tuệ nhân tạo (công nghệ, kỹ thuật, tính năng; tác động về kinh tế xã hội; cách thức đánh giá; môi trường thử nghiệm; bộ dữ liệu mẫu;…)

đ) Cung cấp, sử dụng sản phẩm trí tuệ nhân tạo[4]

…

Điều.. Quản lý sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu

1. Quy định về tiêu chí xác định, danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu

2. Quy định việc mua bán, xuất khẩu, chuyển giao sản phẩm trọng yếu

3. Quy định về cơ chế quản lý nhân lực, tổ chức tham gia quản lý, cung cấp, sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu

4. Quy định về trách nhiệm quản lý

…

Chương III

BẢO ĐẢM PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ

Mục 1

THỊ TRƯỜNG CHO CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ

Điều.. Thương hiệu ngành, thương hiệu sản phẩm công nghệ số

1. Quy định quản lý, tiêu chí thương hiệu ngành công nghiệp công nghệ số Việt Nam

---

[3] Các hệ thống TTNT hứa hẹn sẽ mang lại nhiều lợi ích, tuy nhiên, các vấn đề về niềm tin, đạo đức và xã hội cần phải được cân nhắc xuất phát từ lĩnh vực ứng dụng, yêu cầu kinh doanh, các quy định pháp luật, người tiêu dùng, người dùng cuối… Hệ thống trí tuệ nhân tạo cần đảm bảo độ tin cậy, công bằng và minh bạch. Do đó, sản phẩm, dịch vụ TTNT cần được đánh giá theo các tiêu chí (chất lượng dữ liệu, thiết kế, thành phần hệ thống TTNT, mô hình hệ thống…) để có thể giảm thiểu các lỗ hổng của hệ thống TTNT và cải thiện mức độ đáng tin cậy của hệ thống TTNT.

[4] Để thúc đẩy, phát triển và tạo niềm tin sử dụng sản phẩm TTNT trong nhà nước và xã hội cần ban hành khung hướng dẫn cung cấp, sử dụng sản phẩm TTNT. Khung hướng dẫn sẽ đưa ra những quy tắc cơ bản cần giải quyết khi mua sắm và triển khai các giải pháp và dịch vụ TTNT. Các quy tắc này sẽ giúp đơn vị sử dụng phát triển các yêu cầu cho hệ thống TTNT và quản lý quy trình mua sắm, doanh nghiệp cung cấp các giải pháp TTNT hiểu rõ hơn những yêu cầu dự án TTNT để điều chỉnh các đề xuất phù hợp với các tiêu chí mua sắm. Các tiêu chí đánh giá rủi ro hệ thống TTNT như: Dữ liệu (chất lượng dữ liệu – data quality, độ nhạy cảm của dữ liệu - data sensitivity, đồng thuận dữ liệu - data consent); Lĩnh vực ứng dụng; Tác động kinh tế xã hội, phạm vi tác động; Tác động hệ thống TTNT lên các quy trình, người lao động (tác động lên các chức năng chính, mất việc làm…)

2. Kế hoạch phát triển, quảng bá thương hiệu

3. Quy định việc sử dụng thương hiệu ngành công nghệ số, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm trong nước (quy chế, gắn thương hiệu với chất lượng sản phẩm, hỗ trợ sản phẩm đạt thương hiệu,…)

…

Điều.. Hệ sinh thái thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số

1. Quy định quản lý, hướng dẫn các hoạt động hợp tác, liên kết hình thành hệ sinh thái phát triển doanh nghiệp công nghệ số; các biện pháp hỗ trợ thúc đẩy; xây dựng và phát triển sàn giao dịch công nghệ số; các doanh nghiệp công nghệ số được phép tiếp cận, huy động vốn thông qua các hoạt động chào bán các loại tài sản số

2. Quy định về việc chia sẻ, kết nối các nền tảng trong hệ sinh thái phát triển công nghệ số

…

Điều.. Đầu tư, thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trong các cơ quan nhà nước

1. Quy định Danh mục các sản phẩm, dịch vụ công nghệ chuyên ngành ưu tiên đầu tư, thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sản xuất trong nước bảo đảm chất lượng theo quy định của cơ quan chuyên ngành

2. Quy định các biện pháp tạo thị trường mua sắm Chính phủ nhằm tạo thị trường cho doanh nghiệp công nghệ số phát triển (đồng nhất với các cam kết quốc tế)

...

Mục 2

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CÔNG NGHỆ SỐ

Điều.. Khung kỹ năng công nghệ số quốc gia

1. Quy định ban hành, cập nhật Khung kỹ năng công nghệ số quốc gia (kỹ năng cơ bản, kỹ năng nâng cao, các loại hình đào tạo)

2. Công nhận các chương trình đào tạo của các tổ chức trong và ngoài nước phù hợp với Khung kỹ năng công nghệ số quốc gia

3. Quy định về việc quản lý, kiểm tra và cấp văn bằng, chứng chỉ kỹ năng công nghệ số

…

Điều.. Đào tạo thực tế tại tổ chức, doanh nghiệp

1. Quy định về thời gian và nội dung đào tạo thực tế tại tổ chức, doanh nghiệp

2. Quy định việc công nhận tương đương giữa kết quả thực tập/làm việc/tham gia các dự án phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số tại doanh nghiệp (ngoài chương trình bắt buộc) với tín chỉ trong chương trình đào tạo công nghệ số của cơ sở đào tạo

...

Điều.. Thu hút nhân lực công nghệ số xuất sắc trong nước và nước ngoài

Điều này quy định những kỹ năng công nghệ số cần thu hút nhân lực theo giai đoạn; các biện pháp, tiêu chí thu hút nhân lực công nghệ số trong nước và nước ngoài; trách nhiệm quản lý,…

Mục 3

VỐN, ĐẦU TƯ, ƯU ĐÃI CHO CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ

Điều.. Ngân sách nhà nước cho công nghiệp công nghệ số

1. Quy định nguyên tắc chi, nhiệm vụ, loại chi trong ngân sách nhà nước cho công nghiệp công nghệ số

2. Quy định về việc sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp nhà nước cho các hoạt động công nghiệp công nghệ số

3. Quy định về việc sử dụng Quỹ bảo vệ tài nguyên môi trường Việt Nam trong việc thu hồi, tái chế, tái tạo, tái đầu tư vào tân trang, phát triển các sản phẩm công nghệ số, đầu tư nghiên cứu sản phẩm công nghệ số xanh, sạch,…

…

Điều.. Quy định về chính sách ưu đãi công nghiệp công nghệ số

Quy định về trách nhiệm quản lý; đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi (loại hình hoạt động, tiêu chí xác định, danh mục,…) để bảo đảm ưu đãi trọng tâm, trọng điểm theo từng thời kỳ; các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm (khái niệm, tiêu chí, danh mục, ngân sách bảo đảm đầu tư, hình thức hỗ trợ đầu tư,…)

Mục 4

NGHIÊN CỨU - PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ SỐ

Điều... Khuyến khích nghiên cứu phát triển công nghiệp công nghệ số

1. Quy định về nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ số phục vụ phát triển công nghiệp công nghệ số

2. Quy định các hoạt động đầu tư nghiên cứu phát triển công nghiệp công nghệ số cần thúc đẩy, hạn chế, cấm

…

Điều...Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia về công nghiệp công nghệ số

Quy định việc xây dựng và triển khai chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm quốc gia về công nghiệp công nghệ số

…

Điều... Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong công nghiệp công nghệ số

Các sản phẩm công nghệ số được bảo vệ sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ

Mục 5

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SỐ

Điều... Quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số

(Điều này quy định về biện pháp quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; Cơ chế quản lý sản phẩm công nghệ số trọng yếu).

1. Chất lượng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được quản lý thông qua các hình thức sau đây:

a) Chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

b) Công bố phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

c) Kiểm định chất lượng

…

2. Cơ chế quản lý sản phẩm công nghệ số trọng yếu

…

Điều... Tiêu chuẩn, quy chuẩn công nghiệp công nghệ số

1. Việc quản lý tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn và chất lượng sản phẩm, hàng hóa

2. Khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, công bố tiêu chuẩn cơ sở và phải bảo đảm sản phẩm, dịch vụ của mình phù hợp với tiêu chuẩn đã công bố

3. Bộ Thông tin và Truyền thông công bố sản phẩm, dịch vụ công nghệ số cần áp dụng tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn quốc tế; ban hành và công bố áp dụng quy chuẩn kỹ thuật; quy định cụ thể về quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; quy định các điều kiện đối với cơ quan đo kiểm trong nước và nước ngoài để phục vụ cho việc quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số và công bố cơ quan đo kiểm về công nghệ số có thẩm quyền

4. Việc thừa nhận lẫn nhau về đánh giá phù hợp tiêu chuẩn đối với sản phẩm công nghệ số giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với nước ngoài và với tổ chức quốc tế được thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

…

Mục 6

CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM KHÁC

Điều.. Quản lý thông tin về công nghiệp công nghệ số

1. Quản lý toàn diện thông tin tổng thể công nghiệp công nghệ số

2. Xây dựng và vận hành nền tảng/hệ thống quản lý tổng thể thông tin về công nghiệp công nghệ số; về kiểm soát chất lượng sản phẩm công nghệ số;…

3. Quy định trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân hoạt động công nghiệp công nghệ số cung cấp dữ liệu về tình hình sản xuất kinh doanh công nghệ số

4. Quy định về cơ quan quản lý chuyên ngành về công nghiệp công nghệ số vận hành nền tảng/hệ thống quản lý tổng thể thông tin về công nghiệp công nghệ số

5. Quy định về việc thông báo lĩnh vực hoạt động mới của doanh nghiệp công nghệ số trên hệ thống quản lý tổng thể thông tin về công nghiệp công nghệ số

…

Điều.. Hợp tác quốc tế

Quy định việc tham gia các tổ chức quốc tế; hợp tác chuyển giao công nghệ số; đưa sản phẩm công nghệ số ra nước ngoài, thúc đẩy các hoạt động hợp tác nghiên cứu và phát triển quốc tế

Điều.. Thâm nhập thị trường nước ngoài

Quy định về kinh doanh sản phẩm công nghệ số xuyên biên giới; quy định phạm vi, tiêu chuẩn tham gia các Thỏa thuận hoặc Hiệp định kinh doanh Kỹ thuật số tạo thuận lợi cho các hoạt động thương mại sản phẩm công nghệ số xuyên biên giới; nền tảng ghi nhận hoạt động xuất nhập khẩu sản phẩm công nghệ số

Chương IV

PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU SỐ

(Dữ liệu số là tư liệu sản xuất của các doanh nghiệp công nghệ số và sẽ trở thành một ngành công nghiệp tiềm năng (công nghiệp dữ liệu). Do đó cần có cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển, phân loại, đánh giá, quản lý, giao dịch, sử dụng, tái sử dụng hợp pháp dữ liệu số;...)

Điều.. Khái niệm dữ liệu số

Dữ liệu số là dữ liệu, thông tin được thể hiện dưới đạng số hóa được lưu trữ trong các hệ thông máy tính, truyền đưa thông qua môi trường mạng

Điều.. Phân loại dữ liệu số

1. Phân loại chung (phân loại theo các nhóm Dữ liệu công khai/ Dữ liệu nội bộ/ Dữ liệu bí mật/ Dữ liệu hạn chế)

2. Chính phủ quy định chi tiết về phân loại dữ liệu số

Điều.. Quy định đảm bảo an toàn dữ liệu số

1. An toàn dữ liệu số trong cơ quan nhà nước

2. An toàn dữ liệu số trong tổ chức, doanh nghiệp

…

Điều.. Quản lý sử dụng, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong cơ quan, tổ chức

1. Nguyên tắc quản lý, sử dụng, kết nối, chia sẻ dữ liệu số giữa các cơ quan, tổ chức

2. Nguyên tắc quản lý, sử dụng, kết nối, chia sẻ dữ liệu số giữa cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân

a) Về chia sẻ dữ liệu của cơ quan nhà nước cho tổ chức, cá nhân

b) Về cung cấp dữ liệu của tổ chức, cá nhân cho cơ quan nhà nước

3. Chính phủ quy định chi tiết về yêu cầu kỹ thuật, cơ chế tài chính, quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan tham gia quản lý, sử dụng, kết nối, khi chia sẻ dữ liệu trong cơ quan, tổ chức khi cần thiết.

…

Điều.. Đảm bảo công bằng, cạnh tranh trong tiếp cận dữ liệu số

1. Nghĩa vụ về minh bạch dữ liệu số trong công nghiệp công nghệ số. Quyền sở hữu và sử dụng dữ liệu phi cá nhân. (Điều khoản hoặc công khai)

2. Quy định chống độc quyền dữ liệu số (trong chia sẻ hoặc trong các dịch vụ điện toán đám mây…

3. Quy định về hợp đồng mẫu về dữ liệu số

…

Điều.. Quy định về thu thập, sử dụng và kinh doanh dữ liệu số của dịch vụ xuyên biên giới

1. Quy định về đăng ký luồng dữ liệu xuyên biên giới.

2. Quy định về việc thu thập, sử dụng và kinh doanh dữ liệu

3. Quy định về việc đặt dữ liệu số và chuyển dữ liệu

4. Quy định nghĩa vụ cung cấp, minh bạch và phản hồi về dữ liệu thu thập tại Việt Nam.

5. Chính phủ quy định chi tiết về thu thập, sử dụng và kinh doanh dữ liệu số của dịch vụ xuyên biên giới

Điều.. Chính sách ưu tiên phát triển dữ liệu số

1. Ưu tiên kết nối, chia sẻ dữ liệu số giữa các cơ quan nhà nước

2. Tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân kết nối, sử dụng và chia sẻ dữ liệu số với chính phủ nhằm phục vụ lợi ích công cộng

3. Ưu tiên sử dụng nguồn ngân sách nhà nước phát triển cơ sở dữ liệu, nền tảng, doanh nghiệp và nguồn nhân lực dữ liệu số trong một số ngành thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế số, an ninh quốc phòng

…

Chương V

KHU CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẬP TRUNG

Điều.. Mô hình, tiêu chí khu công nghệ thông tin tập trung

1. Quy định khái niệm, mô hình khu CNTT tập trung, mô hình chuỗi khu CNTT tập trung (chuỗi công viên phần mềm), mô hình "cụm" công nghiệp công nghệ số

2. Các tiêu chí khu CNTT tập trung: diện tích, nhân lực, quy hoạch phân khu, chỉ tiêu xây dựng

…

Điều.. Quy hoạch phát triển khu công nghệ thông tin tập trung trên cả nước

Quy định về phương án quy hoạch khu CNTT tập trung trong quy hoạch chung của Vùng và quy hoạch chung của tỉnh/thành phố

…

Điều.. Quy trình đầu tư thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung

1. Điều kiện thành lập, mở rộng, công nhận khu CNTT tập trung

2. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư thành lập khu CNTT tập trung trên cơ sở thẩm định của Bộ Thông tin và Truyền thông

3. Chính phủ hướng dẫn quy định chi tiết về trình tự, thủ tục hồ sơ về thành lập, mở rộng, công nhận khu CNTT tập trung

…

Điều.. Chính sách ưu đãi đối với khu công nghệ thông tin tập trung

1. Quy định chính sách ưu đãi áp dụng đối với đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng

2. Quy định chính sách ưu đãi đối với hoạt động công nghệ thông tin trong khu CNTT tập trung

…

Điều.. Quản lý đất đai và quy hoạch xây dựng

1. Chính sách đất đai đối với khu CNTT tập trung

2. Quy định các nội dung về quy hoạch xây dựng đối với các hoạt động đầu tư trong khu CNTT tập trung

…

Điều.. Tổ chức quản lý vận hành khu công nghệ thông tin tập trung

Quy định cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị quản lý vận hành khu CNTT tập trung

…

Chương VI

PHÁT TRIỂN TRUNG TÂM DỮ LIỆU, TRUNG TÂM TÍNH TOÁN HIỆU NĂNG CAO

Mục 1
PHÁT TRIỂN TRUNG TÂM DỮ LIỆU

Điều.. Đầu tư, phát triển trung tâm dữ liệu

(Quy định cơ chế, chính sách ưu tiên, khuyến khích đầu tư, đặc biệt là khối doanh nghiệp tư nhân để có các trung tâm dữ liệu đạt chuẩn, tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng đủ nhu cầu trong nước và cạnh tranh với các nhà cung cấp xuyên biên giới)

1. Căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, Nhà nước tập trung đầu tư xây dựng một số trung tâm dữ liệu quy mô quốc gia

2. Nhà nước khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp đầu tư xây dựng, vận hành trung tâm dữ liệu đáp ứng đủ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư xây dựng trung tâm dữ liệu đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu, về sở hữu trung tâm dữ liệu và đáp ứng các chuẩn, tiêu chuẩn quốc tế, quy chuẩn quốc gia nhằm hướng tới các trung tâm dữ liệu xanh, an toàn an ninh thông tin

3. Có chính sách ưu đãi về thiết lập đầu tư, vận hành (điện, viễn thông, sử dụng thiết bị sản xuất trong nước,…) đối với hoạt động đầu tư xây dựng trung tâm dữ liệu

Điều.. Biện pháp đảm bảo phát triển trung tâm dữ liệu

Điều này quy định về các biện pháp bảo đảm để phát triển trung tâm dữ liệu như quy hoạch, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng thông tin cùng các thiết bị phụ trợ

Điều.. Hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn trung tâm dữ liệu

Nhà nước có cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu tiên đầu tư trung tâm dữ liệu nhưng việc đầu tư xây dựng trung tâm dữ liệu cần đảm bảo đáp ứng các chuẩn, tiêu chuẩn quốc tế, quy chuẩn quốc gia nhằm hướng tới các trung tâm dữ liệu xanh, sạch, an toàn và bảo mật.

…

Mục 2

PHÁT TRIỂN TRUNG TÂM TÍNH TOÁN HIỆU NĂNG CAO

Điều.. Đầu tư phát triển các trung tâm tính toán hiệu năng cao

Quy định mô hình đầu tư phát triển máy tính hiệu năng cao (HPC), máy tính lượng tử theo hình thức PPP tại Việt Nam

…

Điều.. Quy định về kết nối, chia sẻ năng lực của các trung tâm tính toán hiệu năng cao

Quy định kết nối, chia sẻ năng lực của các hệ thống trung tâm dữ liệu, trung tâm tính toán hiệu năng cao

…

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều.. Trách nhiệm quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số

2. Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan thực hiện quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Ban hành hoặc xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chương trình, kế hoạch, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn, tiêu chí kỹ thuật quốc gia về công nghiệp công nghệ số

b) Thẩm định, đánh giá, công nhận, chứng nhận, giám sát,… hoạt động công nghiệp công nghệ số, sản phẩm, dịch vụ công nghệ số

c) Tổ chức quản lý và thúc đẩy phát triển khu công nghệ thông tin tập trung, trung tâm dữ liệu, trung tâm tính toán hiệu năng cao

d) Ban hành Khung kỹ năng công nghệ số quốc gia, cấp chứng chỉ, công nhận tương đương về chương trình, chuẩn kỹ năng công nghệ số

đ) Tổ chức các hoạt động hỗ trợ xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại về công nghiệp công nghệ số

e) Thực hiện quản lý chất lượng đối với sản phẩm, dịch vụ công nghiệp công nghệ số

g) Quản lý và thực hiện hợp tác quốc tế về công nghiệp công nghệ số

h) Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về công nghiệp công nghệ số

i) Chủ trì, phối hợp với bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và doanh nghiệp có liên quan trong quản lý hoạt động công nghiệp công nghệ số

k) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công nghiệp công nghệ số

l) Định kỳ hằng năm tổng hợp, báo cáo Chính phủ về hoạt động công nghiệp công nghệ số

…

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Sở Thông tin và Truyền thông

…

Điều.. Cơ quan quản lý chuyên ngành về công nghiệp công nghệ số

Cơ quan quản lý chuyên ngành về công nghiệp công nghệ số là cơ quan thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số theo sự phân công, phân cấp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Điều.. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động công nghiệp công nghệ số

1. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động sản xuất, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số

2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ công nghệ số

3. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong quản lý các hoạt động công nghiệp công nghệ số

…

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều.. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm ...

2. Các Điều, Khoản … trong Luật Công nghệ thông tin số .../20.../QH... hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

Điều.. Quy định chuyển tiếp

1. ……..(9)……

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa ...., kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm ...

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

(Họ và tên)

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 118 /BC-BTTTT

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO

TỔNG KẾT THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

PHẦN I

TỔNG QUAN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VỀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

I.1. Pháp luật về phát triển công nghệ thông tin, công nghiệp CNTT

Luật CNTT gồm 6 Chương, 79 Điều quy định toàn diện các lĩnh vực của CNTT, bao gồm: Ứng dụng CNTT (trong cơ quan nhà nước, trong thương mại và trong một số lĩnh vực); *Phát triển CNTT (nghiên cứu - phát triển, phát triển nguồn nhân lực, phát triển công nghiệp CNTT, phát triển dịch vụ CNTT)*; Biện pháp bảo đảm ứng dụng và phát triển CNTT (cơ sở hạ tầng thông tin, đầu tư cho CNTT, hợp tác quốc tế về CNTT, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và hỗ trợ người sử dụng sản phẩm, dịch vụ CNTT) và các nội dung chung như quy định chung, Giải quyết tranh chấp về công nghệ thông tin, … Như vậy, hai cấu phần chính trong Luật CNTT là Ứng dụng CNTT và Phát triển CNTT.

Hành lang pháp lý về phát triển CNTT: Quy định về Phát triển CNTT được nêu tại Chương III của Luật CNTT gồm 4 thành phần chính là: nghiên cứu - phát triển, phát triển nguồn nhân lực, phát triển công nghiệp CNTT, phát triển dịch vụ CNTT, cụ thể tại các Điều từ 38 đến 53 của Luật CNTT. Ngoài ra, nội dung về phát triển CNTT còn được đề cập tại Chương IV của Luật CNTT về Biện pháp bảo đảm ứng dụng và phát triển CNTT. Các cấu phần của ngành công nghiệp CNTT được quy định tại Luật CNTT bao gồm các loại hình: Công nghiệp phần cứng, điện tử; công nghiệp phần mềm; công nghiệp nội dung số; khu CNTT tập trung. Để làm rõ hơn một bước nữa các khái niệm trong lĩnh vực công nghiệp CNTT, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/5/2007 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều về công nghiệp CNTT của Luật công nghệ thông tin. Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 154/2013/NĐ-CP ngày 08/11/2013 quy định về khu CNTT tập trung và Quyết định số 2407/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển khu CNTT tập trung đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 để tạo hành lang pháp lý phát triển khu CNTT tập trung.

Hiện nay, bối cảnh quốc tế, tình hình phát triển đất nước và bản thân lĩnh vực CNTT đã có nhiều thay đổi. Thế giới đã bước sang thập niên thứ hai của thế kỷ XXI với những thay đổi cơ bản về khoa học, công nghệ, mức độ cạnh tranh trên trường quốc tế. Xuất hiện hàng loạt xu hướng công nghệ mới có tính đột phá, những mô hình sản xuất, kinh doanh tiên tiến trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, nền kinh tế số. Xu thế phát triển mới đang làm thay đổi ngành công nghiệp CNTT, biến đổi sang công nghệ số, dần hình thành ngành công nghiệp công nghệ số. *Do vậy, cần phải nghiên cứu để sửa đổi, thay thế, hoàn thiện khung pháp lý về phát triển CNTT, công nghiệp CNTT, hướng tới hình thành khung pháp lý về công nghiệp công nghệ số.*

I.2. Một số văn bản QPPL về phát triển CNTT, công nghiệp CNTT

- Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006.

- Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật công nghệ thông tin về công nghiệp CNTT.

- Nghị định số 154/2013/NĐ-CP ngày 08/11/2013 của Chính phủ quy định về khu CNTT tập trung.

- Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 về thuê dịch vụ công nghệ thông tin, số 223/2006/QĐ-TTg và số 169/2006/QĐ-TTg về đầu tư mua sắm các sản phẩm CNTT.

- Quyết định số 18/2016/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định các trường hợp cho phép nhập khẩu sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu.

- Quyết định số 31/2019/QĐ-TTg ngày 09/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ về nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu để nghiên cứu khoa học và thực hiện hoạt động gia công sửa chữa.

I.3. Một số văn bản chỉ đạo, điều hành quan trọng về phát triển CNTT, công nghiệp CNTT

- Quyết định số 51/2007/QĐ-TTg ngày 12/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình phát triển công nghiệp phần mềm Việt Nam đến năm 2010.

- Quyết định số 56/2007/QĐ-TTg ngày 03/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình phát triển công nghiệp nội dung số Việt Nam đến năm 2010.

- Quyết số 75/2007/QĐ-TTg ngày 28/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển công nghiệp điện tử Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020.

- Quyết định số 50/2009/QĐ-TTg ngày 03/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế quản lý Chương trình phát triển công nghiệp phần mềm và Chương trình phát triển công nghiệp nội dung số Việt Nam.

- Quyết định số 698/QĐ-TTg ngày 01/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin đến đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020.

- Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án "Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông".

- Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình mục tiêu phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

- Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 30/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020.

PHẦN II

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI PHÁP LUẬT VỀ PHÁT TRIỂN CNTT, CÔNG NGHIỆP CNTT

Theo Luật Công nghệ thông tin năm 2006 và Nghị định 71/2007/NĐ-CP, pháp luật về phát triển CNTT, công nghiệp CNTT bao gồm quy định về: Nghiên cứu - phát triển CNTT, phát triển nguồn nhân lực, phát triển công nghiệp CNTT, phát triển dịch vụ CNTT, các biện pháp bảo đảm phát triển CNTT như cơ sở hạ tầng, đầu tư, hợp tác quốc tế... Thực thi các quy định pháp luật về phát triển CNTT, công nghiệp CNTT và các Chương trình, Kế hoạch phát triển ngành công nghiệp CNTT qua các giai đoạn đã định hình ngành công nghiệp CNTT Việt Nam, giúp ngành này trở thành ngành kinh tế quan trọng của đất nước.

II.1. Về phát triển ngành công nghiệp CNTT

Trong bối cảnh dịch Covid-19, nhiều lĩnh vực của nền kinh tế đang suy giảm, lĩnh vực công nghiệp CNTT tiếp tục giữ vững được sự tăng trưởng dù chưa đạt được mức tăng trưởng như các năm trước. Tổng doanh thu công nghiệp CNTT năm 2020 đạt 123,5 tỷ USD, gấp 20 lần so với năm 2009 (6,2 tỷ USD) và gấp hơn 2 lần năm 2015. Tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2015-2020 đạt bình quân 15,2%/năm, cao hơn 2 lần tốc độ tăng trưởng GDP, trở thành một trong những ngành kinh tế có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất, quy mô lớn nhất của cả nước. Năm 2020, Việt Nam đã hình thành đội ngũ lao động công nghệ số với hơn 1 triệu người. Các doanh nghiệp công nghiệp CNTT đã nộp ngân sách nhà nước gần 60 nghìn tỷ đồng. Các mặt hàng công nghiệp CNTT đặc biệt là điện thoại và máy tính vẫn đứng vững trong danh sách top 10 nhóm hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam năm 2020, đưa ngành công nghiệp phần cứng, điện tử của Việt Nam xuất siêu hơn 15 tỷ USD.

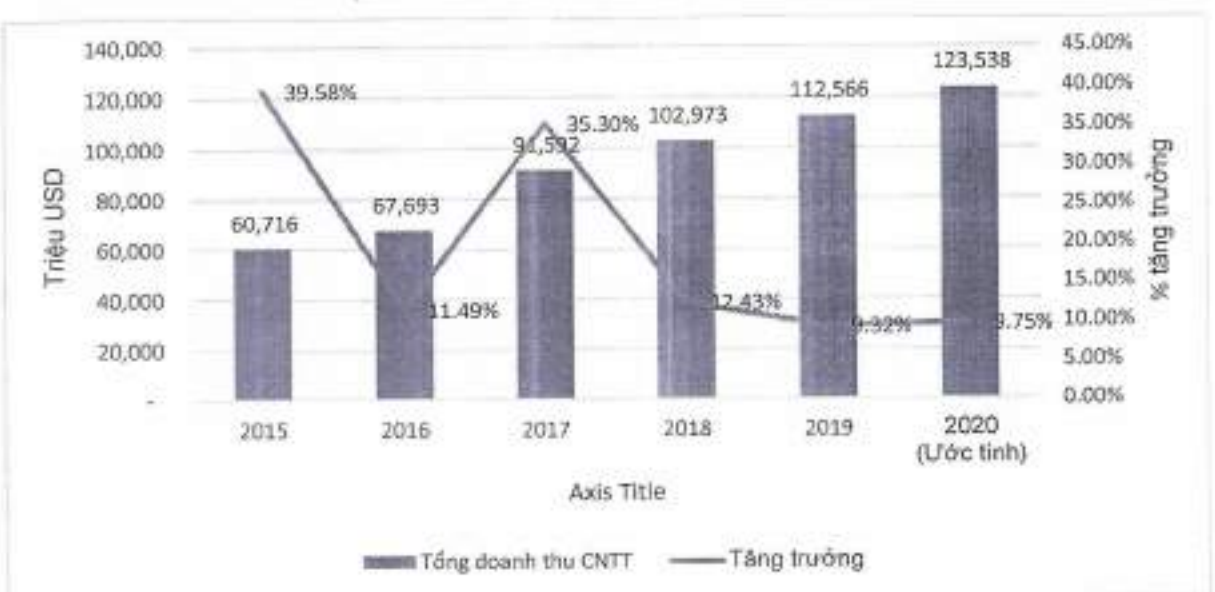

Về đóng góp cho GDP, nếu trong các giai đoạn trước năm 2015, ngành công nghiệp CNTT thường được đánh giá là "quy mô ngành công nghiệp còn nhỏ, giá trị gia tăng chưa cao". Tuy vậy, từ năm 2015 trở lại đây, ngành công nghiệp CNTT đã có một vị thế hoàn toàn khác. Đến nay, công nghiệp CNTT đã trở thành lĩnh vực có quy mô lớn của nền kinh tế cả về doanh thu, xuất khẩu, chiếm tỉ trọng cao trong đóng góp ngân sách nhà nước cũng như đóng góp cho GDP.

Một số số liệu phát triển ngành công nghiệp CNTT giai đoạn 2016-2020

	Đơn vị tính	2016	2017	2018	2019	2020 (Ước tính)
Số lượng doanh nghiệp						
Doanh nghiệp phần cứng, điện tử	Doanh nghiệp	3.404	4.001	4.745	5.365	5.926
Doanh nghiệp phần mềm	Doanh nghiệp	7.433	8.883	11.919	12.423	13.340
Doanh nghiệp nội dung số	Doanh nghiệp	2.700	3.202	3.561	3.982	4.596
Doanh nghiệp dịch vụ CNTT	Doanh nghiệp	10.965	12.338	19.059	20.366	20.670
Tổng số doanh nghiệp	Doanh nghiệp	24.502	28.424	39.284	42.136	44.532
Lao động lĩnh vực Công nghiệp CNTT						
Tổng số lao động	Người	780.926	922.521	973.692	1.005.206	1.030.000
Công nghiệp phần cứng, điện tử	Người	568.288	678.917	717.955	760.097	761.338
Công nghiệp phần mềm	Người	97.387	112.004	127.366	143.149	130.213
Công nghiệp nội dung số	Người	46.646	55.908	51.952	42.479	57.138
Công nghiệp dịch vụ CNTT (trừ buôn bán, phân phối)	Người	68.605	75.692	76.419	59.481	81.310

Về doanh nghiệp công nghiệp CNTT, doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam

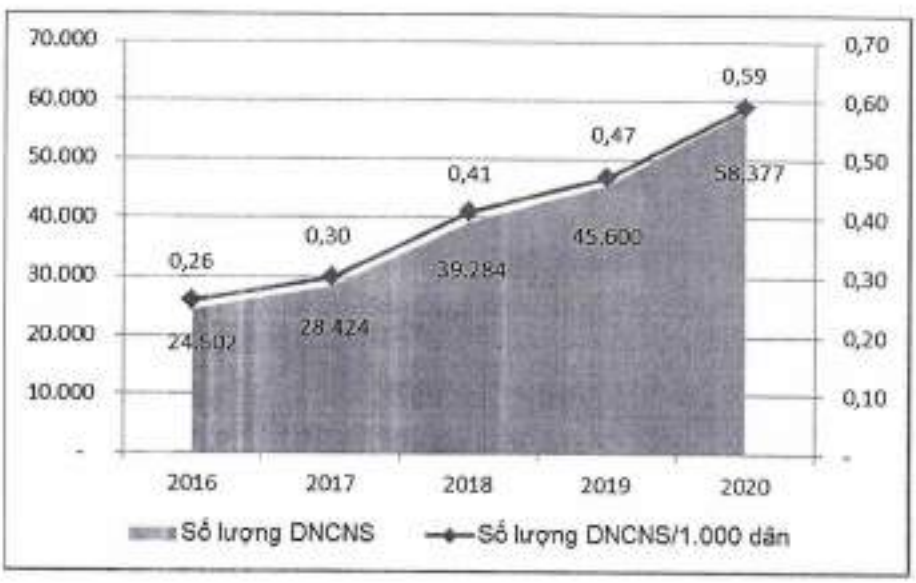

Công nghiệp phần cứng

Công nghiệp phần cứng, điện tử viễn thông (bao gồm sản xuất máy tính và linh kiện, thiết bị điện tử viễn thông gồm điện thoại di động và linh kiện) có tốc độ tăng trưởng cao, tính riêng giai đoạn 2015-2020, tăng trưởng trung bình hàng năm đạt khoảng 15,7%, cơ bản đáp ứng được nhu cầu trong nước về các loại sản phẩm điện tử dân dụng, điện lạnh và máy tính. Năm 2020, doanh thu xuất khẩu sản phẩm phần cứng, điện tử viễn thông (kể cả từ khối FDI của Việt Nam) được xếp vào top 2 thế giới về sản xuất điện thoại di động và linh kiện, top 10 thế giới về xuất khẩu mạch điện tử và linh kiện và top 12 thế giới về xuất khẩu thiết bị máy tính. Năm 2020, doanh thu xuất khẩu sản phẩm phần cứng ước đạt trên 95,8 tỷ USD. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là sản phẩm máy tính, điện thoại và linh kiện điện tử đã được xuất khẩu tới 35 nước trong khu vực và trên thế giới.

Top 15 quốc gia dẫn đầu thế giới về xuất khẩu phần cứng, điện tử - viễn thông năm 2020

TT	XUẤT KHẨU ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG VÀ LINH KIỆN			XUẤT KHẨU MẠCH ĐIỆN TỬ VÀ LINH KIỆN			XUẤT KHẨU THIẾT BỊ MÁY TÍNH		
	Quốc gia	Doanh thu xuất khẩu (tỷ USD)	Thị phần toàn cầu	Quốc gia	Doanh thu xuất khẩu (tỷ USD)	Thị phần toàn cầu	Quốc gia	Doanh thu xuất khẩu (tỷ USD)	Thị phần toàn cầu
1	China	126,1	50,9%	Hong Kong	153,9	19,6%	China	170,2	45,3%
2	Vietnam	35,3	14,2%	Taiwan	122,9	15,7%	Mexico	31,8	8,5%
3	Hong Kong	27,5	11,1%	China	117,1	14,9%	United States	24,8	6,6%
4	United States	9,6	3,9%	Singapore	86,3	11,0%	Hong Kong	24,2	6,4%
5	Czech Republic	6,5	2,6%	South Korea	82,9	10,6%	Germany	15,6	4,2%
6	Germany	6	2,4%	Malaysia	49,3	6,3%	Czech Republic	14,3	3,8%
7	South Korea	4,1	1,7%	United States	44,2	5,6%	Netherlands	12,6	3,4%
8	Singapore	3,97	1,6%	Japan	28,9	3,7%	Thailand	11,7	3,1%
9	Slovakia	3,61	1,5%	Philippines	20,2	2,6%	Taiwan	10,6	2,8%
10	Austria	3,4	1,4%	Vietnam	14	1,8%	Singapore	7,3	1,9%
11	India	3	1,2%	Germany	12,7	1,6%	Poland	6,2	1,7%
12	Netherlands	2,5	1,0%	Netherlands	11,6	1,5%	Vietnam	5,5	1,5%
13	Sweden	2,4	1,0%	Ireland	8,2	1,0%	Malaysia	5	1,3%
14	Italy	1,5	0,6%	Thailand	7,1	0,9%	United Kingdom	4,4	1,2%
15	United Kingdom	1,2	0,5%	France	6,5	0,8%	Ireland	4,2	1,1%

Nguồn: World's Top Exports[1]

[1] http://www.worldstopexports.com/electronic-circuit-component-exports-country/

http://www.worldstopexports.com/cellphone-exports-by-country/

Mặc dù đạt được kết quả khá tốt, tuy nhiên, công nghiệp phần cứng điện tử Việt Nam chủ yếu là FDI, các doanh nghiệp phần cứng, điện tử Việt Nam có quy mô nhỏ, năng lực tham gia sản xuất các sản phẩm điện tử và khả năng tham gia vào chuỗi giá trị của các tập đoàn đa quốc gia còn hạn chế.

Công nghiệp phần mềm và dịch vụ CNTT

Ngành công nghiệp phần mềm, dịch vụ CNTT có tốc độ phát triển cao, được ghi nhận trên bản đồ CNTT thế giới. Nhiều doanh nghiệp phần mềm có chứng chỉ quản lý chất lượng sản xuất phần mềm CMMi, trong đó có những doanh nghiệp đã đạt CMMi mức cao nhất (mức 5) như: Fsoft, Luxoft, Global Cybersoft, CSC và TMA. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2015-2020 đạt khoảng hơn 12,1%/năm. Doanh thu năm 2020 ước đạt 12,4 tỷ USD. Nhiều doanh nghiệp phần mềm Việt Nam đã có khả năng cạnh tranh được với các doanh nghiệp Ấn Độ, Trung Quốc trên thị trường dịch vụ phần mềm thế giới. Việt Nam thường xuyên được các tổ chức có uy tín đánh giá và xếp hạng cao trong danh sách các điểm đến hấp dẫn nhất thế giới về dịch vụ ủy thác phần mềm xuất khẩu[2]. Năm 2021, Việt Nam được xếp thứ 6/60 về gia công dịch vụ phần mềm theo đánh giá của AT. Kearney. Theo khảo sát của Tập đoàn tư vấn NeoIT có trụ sở tại Hoa Kỳ, Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội được xếp vào nhóm các thành phố dịch vụ ủy thác hấp dẫn nhất thế giới. Một số các sản phẩm phần mềm đóng gói thương hiệu Việt bắt đầu chiếm lĩnh thị phần trong nước.

Điểm hạn chế của công nghiệp phần mềm Việt Nam là doanh thu chủ yếu tập trung vào gia công, làm dịch vụ cho nước ngoài, chưa có nhiều doanh nghiệp sáng tạo, thiết kế, phát triển sản phẩm phần mềm Việt. Chưa phát triển được cơ sở kết cấu hạ tầng, cơ sở dữ liệu để hỗ trợ phát triển ngành. Pháp lý về công nghiệp phần mềm còn một số tồn tại hạn chế, đặc biệt liên quan đến phân loại sản phẩm, dịch vụ phần mềm chưa phù hợp với thực tiễn phát triển để áp dụng chính sách ưu đãi thuế.

Công nghiệp nội dung số

Trong các lĩnh vực thuộc ngành công nghiệp CNTT, ngành công nghiệp nội dung số được kỳ vọng có nhiều tiềm năng về giá trị gia tăng và năng suất lao động cao. Tuy vậy, cho đến nay quy mô của ngành này còn khá khiêm tốn, chỉ chiếm 0,8% tổng doanh thu ngành. Tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành công nghiệp nội dung số giai đoạn 2015 – 2020 chỉ đạt 7,9% khá khiêm tốn so với tốc độ phát triển chung của ngành. Về số lượng doanh nghiệp, đến năm 2020 có gần 4.600 doanh nghiệp tham gia kinh doanh trong lĩnh vực này so với số lượng doanh nghiệp 2.339 năm 2015. Doanh thu của lĩnh vực ước đạt 934 triệu USD. Một số doanh nghiệp chiếm lĩnh được thị trường nội địa và bước đầu đầu

[2] https://www.kearney.com/digital/article/?/a/the-2021-kearney-global-services-location-index

tư, cung cấp dịch vụ ra thị trường nước ngoài. Năm 2020, Việt Nam được xếp top 7 trong các nước xuất khẩu trò chơi điện tử (video games) lớn nhất thế giới chiếm 4,4% thị phần với 954,7 triệu USD – theo Worldtopexports (*lớn hơn doanh thu của ngành nội dung số do một phần được tính vào phần mềm).*

Để ngành công nghiệp nội dung số Việt Nam phát triển mạnh trong thời gian tới, cần rà soát khung pháp lý để giải quyết các vướng mắc đang tồn tại: vấn đề quản lý nội dung số xuyên biên giới, cơ chế tài chính giữa doanh nghiệp hạ tầng và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung, bảo đảm an toàn dữ liệu của người dân,...

II.2. Về phát triển nguồn nhân lực CNTT

Nguồn nhân lực CNTT nước ta luôn đạt tốc độ tăng trưởng cao, đến năm 2020, tổng số lao động làm việc trong ngành công nghiệp CNTT ước tính là 1.030.000 người, tăng bình quân 7,38%/năm trong giai đoạn 2015-2020.

Thực thi pháp luật về phát triển nguồn nhân lực CNTT, cơ cấu nguồn nhân lực CNTT Việt Nam cũng được hình thành theo các lĩnh vực phát triển công nghiệp CNTT, bao gồm các nhóm chính như: nhân lực công nghiệp phần cứng và điện tử; nhân lực công nghiệp phần mềm; nhân lực công nghiệp nội dung số và nhân lực dịch vụ CNTT. Về cơ cấu cụ thể như sau:

- Lao động ngành công nghiệp phần cứng, điện tử ước tính khoảng 760.000 người, chiếm 73,9% tổng số lao động toàn ngành công nghiệp CNTT năm 2020. Tốc độ tăng trưởng bình quân/năm giai đoạn 2015-2020 đạt 7,39%, chủ yếu trình độ trung cấp hoặc phổ thông trung học.

- Lao động ngành công nghiệp phần mềm và và dịch vụ CNTT ước tính khoảng 211.000 người, chiếm 20,54% tổng số lao động toàn ngành công nghiệp CNTT, tốc độ tăng trưởng bình quân/năm đạt 7,95%. Nhân lực làm phần mềm và dịch vụ CNTT chủ yếu có trình độ cao đẳng và đại học.

- Lao động ngành công nghiệp nội dung số ước tính khoảng 57.000, chiếm 5,5% tổng số lao động toàn ngành công nghiệp CNTT; Tốc độ tăng trưởng bình quân/năm giai đoạn 2015-2020 đạt khoảng 5,7%. Nhân lực làm nội dung số chủ yếu có trình độ cao đẳng và đại học.

Về năng lực và kỹ năng, nguồn nhân lực CNTT Việt Nam được đánh giá khá cao trên bình diện quốc tế. Việt Nam xếp hạng 29 trên toàn thế giới trong bảng xếp hạng kỹ năng lập trình viên của Skillvalue report năm 2018. Năm 2017, sinh viên Việt Nam xếp thứ 34/128 tại kỳ thi lập trình quốc tế ACM/ICPC). Việt Nam liên tục lọt vào top 10 nước gia công phần mềm hấp dẫn Châu Á - Thái Bình Dương. Đến năm 2019, Việt Nam xếp thứ 5/55 nước dẫn đầu về dịch vụ gia công quy trình (BPO), và xếp thứ 28/100 nước về trò chơi

trực tuyến, xếp thứ 2 thế giới về xuất khẩu smartphone và thiết bị văn phòng theo thống kê của Tổ chức thương mại thế giới (WTO).

Về hướng phát triển, nguồn nhân lực CNTT Việt Nam đang phát triển theo xu thế đào tạo kỹ năng, công nghệ mới theo nhu cầu doanh nghiệp, thị trường, kết hợp chặt chẽ doanh nghiệp - trường - viện trong đào tạo nhân lực CNTT. Cụ thể:

- Ngoài đào tạo chính quy bậc đại học, cao đẳng, trung cấp ngành CNTT, hiện nay còn hình thức đào tạo theo nhu cầu để cập nhật các công nghệ mới cho doanh nghiệp và người lao động. Nhiều cơ sở đào tạo đã tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn với các nội dung theo đặt hàng của doanh nghiệp hoặc nhu cầu lớn trong thị trường như đào tạo cập nhật các công nghệ của các hãng công nghệ lớn như Oracle, Microsoft, Cisco…

- Các doanh nghiệp mở ra các viện, trường đào tạo riêng như FPT, TMA, VNG, các cơ sở đào tạo chuyên về công nghệ mới như AI, IoT (Học viện AI, Học viện Sofia...).

- Một số viện đào tạo (như Viện CNTT - Đại học Quốc Gia Hà Nội, Viện CNTT Đại học Bách khoa Hà Nội…) đào tạo riêng một số khóa học chuyên sâu, các trường Đại học có đào tạo ngắn hạn theo đặt hàng doanh nghiệp.

- Nhiều trường đại học và doanh nghiệp đã bắt đầu hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu, tập trung chính vào phối hợp xây dựng các phòng Lab, phòng thí nghiệm thực hành chung và phối hợp tìm kiếm đầu ra cho sinh viên.

II.3. Về nghiên cứu - phát triển CNTT

Thực thi các quy định pháp luật về nghiên cứu phát triển sản phẩm, dịch vụ CNTT, các Bộ, ngành, địa phương đã lồng ghép nội dung nghiên cứu, phát triển sản phẩm CNTT trong các chương trình phát triển CNTT của mình.

Với vai trò quản lý ngành, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tích cực hỗ trợ cho các doanh nghiệp theo các xu thế, tiêu chuẩn tiên tiến trên thế giới. Bên cạnh đó, Bộ Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng một số chương trình nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ CNTT như: Chương trình nghiên cứu ứng dụng và phát triển CNTT&TT (Chương trình KC.01); Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến 2020 với một số sản phẩm đảm bảo an ninh, an toàn mạng thông tin, sản phẩm vi mạch điện tử…

Hoạt động nghiên cứu - phát triển sản phẩm CNTT trong doanh nghiệp được triển khai khá tích cực. Các tập đoàn công nghệ hàng đầu của Việt Nam như VNPT, Viettel đã xây dựng các sản phẩm phần mềm, hệ thống thiết bị phần cứng triển khai trong các cơ quan nhà nước từ Trung ương tới địa phương, phục vụ tốt cho công tác ứng dụng CNTT trên phạm vi cả nước. Các sản phẩm CNTT

thương hiệu Việt đã được nghiên cứu, phát triển thành công và được sử dụng khá rộng rãi như: Điện thoại thông minh, đầu thu kỹ thuật số; thiết bị giám sát, điều khiển tự động; các phần mềm ứng dụng trong lĩnh vực y tế, giáo dục, bảo hiểm xã hội, văn phòng điện tử, cổng thông tin điện tử trong cơ quan nhà nước, các sản phẩm quản lý điều hành sản xuất, giám sát hành trình; nghiên cứu sản xuất các sản phẩm nội dung số trên môi trường mạng và kênh truyền thông…

Chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (CMCN 4.0), các doanh nghiệp CNTT Việt Nam đã đẩy mạnh nghiên cứu - phát triển sản phẩm công nghệ 4.0, điển hình như: thiết bị mạng 5G, sản phẩm công nghệ AI, Rô bốt, thiết bị bay không người lái, xe tự hành, thiết bị IoT, các sản phẩm, thiết bị an toàn thông tin (phần mềm diệt virus, thiết bị tường lửa, thiết bị IPS/IDS và các dịch vụ kiểm tra đánh giá ATTT, khắc phục sự cố, phòng chống tấn công mạng…). Xuất hiện xu thế các doanh nghiệp, tập đoàn lớn chuyển dịch sang "công nghệ số", CNTT như Tập đoàn Vingroup với Viện Nghiên cứu Trí Tuệ VinAI…

II.4. Về kết cấu hạ tầng cho phát triển CNTT

Khu CNTT tập trung là hạ tầng quan trọng để phát triển ngành công nghiệp CNTT. Đến năm 2020, số lượng Khu CNTT tập trung là 06 (Công viên phần mềm Quang Trung, Công viên phần mềm Đà Nẵng, Khu CNTT tập trung Cầu Giấy, Khu CNTT tập trung Đà Nẵng, Khu Công viên công nghệ phần mềm Hà Nội, Khu CNTT tập trung TP. Cần Thơ) Bên cạnh đó, có mô hình thí điểm Chuỗi công viên phần mềm Quang Trung được Thủ tướng Chính phủ thí điểm thành lập, hoạt động theo chức năng của khu CNTT tập trung).

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2015	2020
Số lượng các khu CNTT tập trung	khu	3	6
Tổng quỹ đất	m^2	524.875	2.426.157
Tổng diện tích văn phòng làm việc	m^2	466.215	1.398.623
Tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trong các khu	dn	300	trên 800
Tổng số nhân lực đang làm việc trong các khu	người	20.000	trên 42.000

Tỷ lệ lấp đầy của các khu CNTT tập trung đang hoạt động trên cả nước đạt trên 95%. Theo báo cáo của TP Hồ Chí Minh và Hà Nội, hiện nay một số doanh nghiệp lớn về lĩnh vực CNTT hoạt động trong khu CNTT tập trung đang có nhu cầu lớn về mở rộng đầu tư sản xuất, kinh doanh, do vậy rất cần thêm mặt

bằng. Các khu như Công viên phần mềm Quang Trung, Công viên phần mềm Đà Nẵng, Khu CNTT tập trung Cầu Giấy đạt hiệu quả vốn đầu tư với tổng số tiền nộp ngân sách nhà nước của các đơn vị quản lý khu CNTT tập trung đã nhiều hơn tổng nguồn vốn đầu tư.

II.5. Về đầu tư cho phát triển CNTT

Về đầu tư trong nước

Giai đoạn 2011-2015, ngành thông tin và truyền thông được bố trí vốn đầu tư nguồn ngân sách trung ương khoảng 4.704 tỷ đồng, trong đó lĩnh vực công nghệ thông tin được bố trí khoảng 1.630 tỷ đồng. Giai đoạn 2016-2020, ngành công nghệ thông tin được bố trí vốn đầu tư nguồn ngân sách trung ương khoảng 2.358 tỷ đồng, trong đó chương trình mục tiêu công nghệ thông tin được bố trí 844 tỷ đồng. Tổng số vốn bố trí cho Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020 mới đạt 28,5% nhu cầu là rất thấp[3].

Về NSNN chi cho mua sắm sản phẩm, dịch vụ CNTT, chỉ tính riêng 02 năm 2017, 2018, tổng kinh phí đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ CNTT tại các Bộ, ngành và địa phương khoảng 12.000 tỉ đồng. Trong đó kinh phí đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ trong nước chiếm khoảng 42%; kinh phí đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ nước ngoài chiếm khoảng 48%.

Về đầu tư nước ngoài

Đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực công nghiệp CNTT

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2018	2019
Tổng số vốn đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực công nghiệp CNTT - điện tử, viễn thông	Triệu USD	591,77	3.566,25
Tổng số dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực công nghiệp CNTT - điện tử, viễn thông	Dự án	248	568
Tổng số nước đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp CNTT - điện tử, viễn thông	Nước	42	42

Nhờ chính sách hấp dẫn, Việt Nam đang là điểm đến của dòng vốn FDI trong ngành công nghiệp điện tử nhờ các lợi thế như: Hệ thống chính trị ổn định, 60% dân số ở độ tuổi lao động (từ 17-60 tuổi), chi phí cho lao động tương đối thấp, vị trí địa lý thuận lợi và nằm trong khu vực có nền kinh tế phát triển nhanh và năng động. Theo số liệu từ Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), đến nay, lĩnh vực công nghiệp điện tử Việt Nam đã thu hút hơn 10 tỷ USD vốn

[3] Bổ sung theo góp ý của Bộ KHĐT

FDI với các tên tuổi lớn như Samsung, Foxconn, LG, Panasonic, Intel, Electronics, Nokia,... Một số doanh nghiệp mạng xã hội, kinh doanh xuyên biên giới như Facebook, Google cũng đang nghiên cứu về việc mở đại diện tại Việt Nam.

II.6. Về hợp tác quốc tế để phát triển CNTT

Nhiều hoạt động hợp tác song phương với nhiều nước thông qua các hình thức hợp tác như trao đổi đoàn các cấp, hội thảo, đào tạo và ký kết các thoả thuận song phương. Tiêu biểu có thể kể hợp tác song phương với Hàn Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Ấn Độ về xây dựng chính sách, công tác đảm bảo an toàn thông tin, đào tạo, nâng cao năng lực CNTT, đầu tư sản xuất, kinh doanh,...

Các doanh nghiệp Việt Nam được tạo điều kiện tiếp cận thị trường nước ngoài, từng bước xây dựng thương hiệu CNTT Việt Nam trên trường quốc tế cũng như tăng cường năng lực cạnh tranh. Từ chỗ bị phụ thuộc hoàn toàn vào công nghệ của nước ngoài, đến nay các doanh nghiệp CNTT hàng đầu của Việt Nam đặc biệt là trong lĩnh vực gia công phần mềm đã không chỉ đáp ứng được nhu cầu trong nước mà còn vươn tầm ra quốc tế.

Ngành CNTT Việt Nam đã có sự hội nhập kinh tế quốc tế khá sâu rộng, bắt kịp đà phát triển về công nghệ của thế giới. Luật Công nghệ thông tin đã tạo tiền đề thúc đẩy hoạt động của Việt Nam tại các tổ chức quốc tế về CNTT, các tổ chức đa phương chuyên ngành và các cơ chế hợp tác đa phương khác như ITU, ICANN, APEC, APT,... đồng thời Luật tạo sự đồng bộ với các quy định trong các đạo luật có liên quan và khuôn khổ pháp lý phù hợp, đáp ứng yêu cầu hội nhập, thực hiện các cam kết quốc tế với ASEAN, APEC, WTO,...

PHẦN III

NHỮNG BẤT CẬP, KHÓ KHĂN TRONG ÁP DỤNG LUẬT VỀ PHÁT TRIỂN CNTT, CÔNG NGHIỆP CNTT

Luật Công nghệ thông tin, Nghị định 71/2007/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn đã hình thành và tạo hành lang pháp lý phát triển ngành công nghiệp CNTT Việt Nam. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, kết quả phát triển ngành công nghiệp CNTT Việt Nam còn chưa đạt như kỳ vọng do một số tồn tại bất cập trong hệ thống pháp luật về công nghiệp CNTT hiện nay, trong đó một số bất cập chính là:

III.1. Về Phạm vi điều chỉnh, đối tượng quản lý

Công tác quản lý và thúc đẩy hoạt động công nghiệp CNTT thời gian qua đã bộc lộ một số vướng mắc do việc thiếu đồng bộ trong khái niệm, phân loại các loại hình công nghiệp CNTT, đặc biệt là sự xuất hiện của công nghệ số chưa được định nghĩa trong hệ thống văn bản QPPL nên khó khăn trong việc áp dụng chế tài và cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển. Cụ thể là:

(1) Phân loại các loại hình công nghiệp CNTT đã bộc lộ một số vướng mắc, thiếu đồng bộ trong hệ thống các văn bản QPPL

- Thiếu đồng bộ giữa cách phân loại các loại hình hoạt động công nghiệp CNTT trong hệ thống pháp luật chuyên ngành với các quy định mã ngành Kinh tế Việt Nam, dẫn đến thống kê không đầy đủ, chưa phản ánh đúng sự phát triển của ngành. Ngành công nghiệp CNTT chưa được coi là một ngành kinh tế trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam theo Quyết định 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quyết định Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam. Do vậy, các hoạt động công nghiệp CNTT được phân chia rải rác vào 3 ngành gồm: Công nghiệp chế biến, chế tạo; bán buôn và bán lẻ; thông tin và truyền thông. Cách phân loại trong Hệ thống ngành Kinh tế vừa thừa, vừa thiếu so với phân loại trong pháp luật về công nghiệp CNTT.

- Quy định hoạt động công nghiệp CNTT trong Luật CNTT chưa thống nhất cách hiểu với quốc tế. Chẳng hạn, trong Bảng phân loại các ngành dịch vụ trong WTO thì hoạt động công nghiệp CNTT được hiểu là "Dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan" (có các mã là CPC 841-845, CPC 849) bao gồm: Mã 841 về Dịch vụ tư vấn liên quan tới lắp đặt phần cứng máy tính, mã 842 về Dịch vụ thực hiện phần mềm; mã 843 về Dịch vụ xử lý dữ liệu; mã 844 về Dịch vụ cơ sở dữ liệu; mã 845 về Dịch vụ duy tu và bảo dưỡng máy móc và thiết bị văn phòng, bao gồm cả máy tính; mã 849 về Các dịch vụ máy tính khác. Cách phân loại này khác biệt nhiều so với phân loại các loại hình công nghiệp CNTT trong pháp

luật về công nghiệp CNTT của Việt Nam nên dẫn đến cách hiểu và áp dụng chính sách khác nhau.

(2) Hoạt động công nghiệp phần mềm gặp một số vướng mắc trong áp dụng pháp luật do khái niệm và phạm vi các hoạt động công nghiệp phần mềm chưa phù hợp, chưa theo kịp xu thế phát triển

- Có sự chồng lấn, khó phân định rạch ròi giữa sản xuất, cung cấp dịch vụ và gia công phần mềm. Theo quy định về sản xuất phần mềm, dịch vụ phần mềm và gia công phần mềm tại Luật CNTT và Nghị định 71/2007/NĐ-CP hướng dẫn Luật[4]: hoạt động sản xuất phần mềm bao gồm cả cài đặt, hướng dẫn sử dụng, bảo trì giống như hoạt động dịch vụ phần mềm; doanh nghiệp chỉ thực hiện một hoặc vài công đoạn trong quy trình sản xuất phần mềm vừa có thể coi là gia công phần mềm nhưng vẫn có thể coi là sản xuất phần mềm. Việc không phân định được các hoạt động này ảnh hưởng đến việc áp dụng chế tài và thực thi chính sách ưu đãi trong hoạt động công nghiệp phần mềm. Luật CNTT cũng chưa có quy định để cơ quan quản lý chuyên ngành thực hiện xác nhận các hoạt động công nghiệp phần mềm để hỗ trợ cho doanh nghiệp.

- Khái niệm hoạt động công nghiệp phần mềm chưa theo kịp xu thế phát triển mới. Công đoạn sáng tạo, đưa ra ý tưởng là bước xác định bài toán cần giải trước khi thiết kế phần mềm chưa được đề cập trong định nghĩa hoạt động công nghiệp phần mềm mà đây lại là bước rất quan trọng trong xu thế phát triển mới của công nghệ số. Bước sáng tạo, đưa ra ý tưởng cũng là một yếu tố quan trọng để xác định sản phẩm phần mềm là Make in Viet Nam - sáng tạo, thiết kế, thử nghiệm, sản xuất tại Việt Nam - hay không.

- Quy định về sản phẩm, dịch vụ phần mềm trong Luật và văn bản hướng dẫn chưa bao quát hết các sản phẩm, dịch vụ phần mềm trong thực tiễn nên việc xác định đối tượng để áp dụng chế tài, chính sách ưu đãi gặp khó khăn. Chẳng hạn: Khoản 21 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn Luật Thuế GTGT: "Phần mềm máy tính bao gồm sản phẩm

---

[4] Khoản 2 Điều 47 Luật CNTT: "**Công nghiệp phần mềm** là **công nghiệp sản xuất** các sản phẩm phần mềm, bao gồm phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng, phần mềm điều khiển, tự động hóa và các sản phẩm tương tự khác; **cung cấp các giải pháp cài đặt, bảo trì, hướng dẫn sử dụng**"

Khoản 1 Điều 9 Nghị định 71/2007/NĐ-CP: "Hoạt động công nghiệp phần mềm là hoạt động thiết kế, sản xuất và cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm, bao gồm sản xuất phần mềm đóng gói; sản xuất phần mềm theo đơn đặt hàng; sản xuất phần mềm nhúng; hoạt động gia công phần mềm và hoạt động cung cấp, thực hiện các dịch vụ phần mềm".

Khoản 9 Điều 3 Nghị định 71/2007/NĐ-CP: "**Gia công phần mềm** là hoạt động trong đó bên nhận gia công thực hiện việc **sản xuất, cung cấp** sản phẩm, dịch vụ phần mềm hoặc thực hiện một số công đoạn để hoàn thành sản phẩm, dịch vụ phần mềm theo yêu cầu của bên thuê gia công.

Khoản 10 Điều 3 Nghị định 71/2007/NĐ-CP:**Dịch vụ phần mềm** là hoạt động trực tiếp hỗ trợ, phục vụ việc sản xuất, **cài đặt, khai thác, sử dụng, nâng cấp, bảo hành, bảo trì phần mềm** và các hoạt động tương tự khác liên quan đến phần mềm".

phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật" thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Khoản 1, khoản 10 Điều 3 Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/5/2007 giải thích thuật ngữ "sản phẩm phần mềm; dịch vụ phần mềm"; khoản 2, khoản 3 Điều 9 Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/5/2007 liệt kê các loại sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm, trong đó có đề cập "các phần mềm khác; các dịch vụ phần mềm khác". Trong thực tế hoạt động, doanh nghiệp thực hiện mua/thuê bản quyền phần mềm của nước ngoài về để bán, cho thuê lại ... Tuy nhiên, theo cách quy định tại Điều 3 và Điều 9 Nghị định số 71/2007/NĐ-CP như trên, thì chưa có cơ sở rõ ràng để doanh nghiệp xác định các sản phẩm, dịch vụ phần mềm mua/thuê như đã nêu thuộc nhóm sản phẩm, dịch vụ phần mềm không áp dụng thuế GTGT. Do đó, để cơ sở cho các doanh nghiệp xác định đối tượng chịu thuế GTGT và đối tượng không chịu thuế GTGT, cần hoàn chỉnh phân loại sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm.

(3) Công nghệ số xuất hiện là bước phát triển tiếp theo của CNTT, đặt ra những yêu cầu quản lý mới, nhưng chưa được quy định, định nghĩa trong hệ thống văn bản QPPL nên khó khăn trong việc áp dụng chế tài và cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển

- Công nghệ số, công nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp công nghệ số chưa được quy định trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, do vậy, có những cách hiểu khác nhau, dẫn đến áp dụng pháp luật khác nhau, có thể dẫn đến thất thoát, lãng phí hoặc cản trở sự phát triển của công nghệ số. Vì vậy, cần làm rõ về khái niệm, nội hàm, phạm vi và loại hình của công nghiệp công nghệ số để Chính phủ quy định những cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển ngành phù hợp. Từ đó, tạo thuận lợi cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, các doanh nghiệp trong và ngoài nước trong hoạt động lĩnh vực công nghiệp công nghệ số.

- Công nghệ số đặt ra yêu cầu phải có những chế tài quản lý mới. Chẳng hạn, việc định giá phần mềm trong xu thế công nghệ số mới cần phải thay đổi phù hợp hơn. Công nghiệp công nghệ số tập trung vào các công nghệ của cách mạng công nghiệp 4.0 như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật, Chuỗi khối,... theo hướng ngày càng tự động hóa nhiều hơn, thông minh hơn, người dùng ngày càng ít phải tương tác với phần mềm hơn. Tuy vậy, những hướng dẫn về đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng vốn NSNN hiện tại đang theo hướng tính toán giá trị phần mềm tỷ lệ thuận với số tương tác của người dùng với phần mềm. Vì vậy phần mềm thông minh, có trải nghiệm người dùng tốt sẽ bị tính giá trị thấp và ngược lại, phần mềm có nhiều thao tác của người dùng sẽ được tính giá trị cao, như vậy sẽ khó khuyến khích được sự phát triển của công nghiệp công nghệ số. Luật CNTT chưa có chế tài cho vấn đề này.

III.2. Về Thúc đẩy phát triển sản phẩm mới, dịch vụ mới

Hành lang pháp luật về công nghiệp CNTT hiện tại đang thiếu các quy định pháp lý cho việc phát triển các công nghệ số mới như trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, internet kết nối vạn vật... Do vậy, việc các doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới gặp nhiều khó khăn do chưa được đặt tên, phân loại, chưa có chế tài để áp dụng, chưa có chính sách để hỗ trợ. Doanh nghiệp không thể đưa ra thị trường các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới nếu thiếu các quy định pháp lý. Ngay cả việc thử nghiệm các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới cũng có thể gặp nhiều khó khăn.

Để giải bài toán này, Việt Nam có thể tham khảo kinh nghiệm Hàn Quốc. Trong Đạo luật đặc biệt về thúc đẩy ICT, Hàn Quốc đưa ra các quy định trong đó cho phép triển khai theo hình thức cấp phép tạm thời, miễn trừ tạm thời để thí điểm triển khai các sản phẩm, dịch vụ mới trong trường hợp pháp luật liên quan khác có quy định cấm hoặc có quy định không rõ ràng, không hợp lý để triển khai. Đây có thể coi là biện pháp quản lý linh hoạt, phù hợp nhất đối với công nghệ số mới giúp cho các cơ quan quản lý không bị động, bảo đảm được nguyên tắc quản trị rủi ro phù hợp là cái gì rõ thì ban hành chính sách cụ thể, cái gì chưa rõ thì cho phép thử nghiệm, vừa làm, vừa đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh, không cầu toàn, cũng không nóng vội, linh hoạt và sáng tạo.

III.3. Về Biện pháp bảo đảm phát triển CNTT, công nghiệp CNTT

(1) Luật CNTT đưa ra các biện pháp bảo đảm phát triển CNTT như chính sách về nghiên cứu phát triển, phát triển nguồn nhân lực, khu CNTT tập trung, đầu tư cho CNTT, phát triển thị trường... Qua thực tiễn triển khai, Bộ Thông tin và Truyền thông nhận thấy, các biện pháp trong Luật CNTT khá chung chung, chưa cụ thể, nhiều nội dung không còn phù hợp với thực tế phát triển. Cụ thể như:

- Chính sách ưu đãi, đầu tư (tại Điều 48 của Luật CNTT) chưa cụ thể ở mức nào của chính sách đầu tư, chưa thể hiện định hướng trọng tâm ưu tiên phát triển.

- Chính sách phát triển nhân lực CNTT (từ Điều 42 đến Điều 46 Luật CNTT) khá chung chung, quy định về trách nhiệm giữa các bộ, ngành trong đào tạo và cấp chứng chỉ chưa rõ ràng (Luật công nghệ thông tin quy định thẩm quyền cấp chứng chỉ CNTT là Bộ Thông tin và Truyền thông. Luật Giáo dục quy định: Giám đốc trung tâm giáo dục thường xuyên cấp chứng chỉ giáo dục thường xuyên và Luật Giáo dục nghề nghiệp quy định: Cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp cấp bằng, chứng chỉ đào tạo cho người học. Chứng chỉ CNTT cũng thuộc một trong hai hình thức đào tạo trên, tuy nhiên lại có sự khác nhau về thẩm quyền cấp chứng chỉ) gây khó khăn cho công tác quản lý, triển khai.

Luật CNTT thiếu các chính sách để thu hút nhân lực chất lượng cao, chính sách gắn việc đào tạo lý thuyết với thực tiễn.

- Quy định về hỗ trợ phát triển thị trường chưa rõ ràng, chưa cụ thể: Luật CNTT (Khoản 2 Điều 49) quy định cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quy định và tổ chức thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá, tiếp thị hình ảnh công nghiệp công nghệ thông tin... tuy nhiên không kèm theo các quy định về trách nhiệm, nguồn lực cụ thể để triển khai.

- Nhiều sản phẩm, dịch vụ CNTT sản xuất trong nước có thể thay thế sản phẩm nhập ngoại với giá thành rẻ hơn, bảo đảm an toàn thông tin, tuy nhiên, qua khảo sát, nhiều cơ quan nhà nước vẫn mua các sản phẩm của nước ngoài trong khi Việt Nam đã sản xuất được. Nghị định số 73/2019/NĐ-CP quy định phải ưu tiên đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ CNTT trong nước tuy nhiên các quy định về xác định sản xuất trong nước để ưu tiên đầu tư mua sắm còn chưa thống nhất, gây khó khăn cho việc áp dụng. Nhiều doanh nghiệp cung cấp xuyên biên giới có doanh thu rất lớn tại Việt Nam nhưng chưa chịu sự quản lý chặt chẽ của các quy định hiện hành, trong khi đó, các doanh nghiệp công nghệ trong nước không những bị thu thuế ở mức cao, mà phải chịu sự quản lý nội dung nghiêm ngặt, vì vậy vô hình chung các chính sách quản lý đang áp dụng bị coi là "bảo hộ ngược" cho doanh nghiệp nước ngoài.

- Hệ thống pháp luật Việt Nam và Luật Công nghệ thông tin chưa có quy định liên quan đến các công nghệ số mới của cuộc CMCN 4.0 và các sản phẩm, dịch vụ mới hình thành dựa trên sự phát triển, hội tụ của công nghệ số với các ngành/lĩnh vực. Trong bối cảnh hiện nay, đẩy mạnh thực hiện chiến lược Make in Viet Nam, hệ thống pháp luật hiện hành còn thiếu các chính sách để thúc đẩy phát triển. Bên cạnh đó thiếu quy định về khuyến khích đầu tư sản xuất các sản phẩm thân thiện môi trường và an toàn đối với sức khỏe con người; quy định về trách nhiệm xã hội của các nhà sản xuất sản phẩm phần cứng điện tử: thu hồi, xử lý các hàng hóa thải bỏ.

- Khung pháp luật hiện hành chưa có quy định về doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp công nghệ số đầu đàn làm căn cứ để ban hành và triển khai các chính sách phát triển doanh nghiệp công nghệ số như chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước đã đề ra.

(2) Trong xu thế phát triển mới, chính sách vĩ mô về phát triển các ngành công nghiệp cũng sẽ có những cách tiếp cận khác so với trước đây. Chính sách công nghiệp ngày nay phải phù hợp với hội nhập toàn cầu, tuân theo quy luật vận động của cơ chế thị trường; tạo động lực để doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; tập trung phát triển kỹ năng về công nghệ số cho nguồn nhân lực; bảo đảm sự liên kết giữa cơ quan quản lý và doanh nghiệp; xây dựng thương hiệu ngành, thương hiệu quốc gia; tạo các liên kết, chuỗi, cụm công nghiệp...

Các điểm mới này chưa được thể hiện trong pháp luật về công nghiệp CNTT, cần được bổ sung, làm rõ trong một Luật chuyên ngành về công nghiệp công nghệ số.

III.4. Về Kết cấu hạ tầng cho phát triển CNTT, công nghiệp CNTT

(1) Trong hệ thống pháp luật công nghiệp CNTT hiện nay, kết cấu hạ tầng công nghiệp CNTT cụ thể là Khu CNTT tập trung. Khu CNTT tập trung tại Việt Nam đã và đang khẳng định vai trò quan trọng, trở thành hạ tầng quan trọng cho phát triển công nghiệp CNTT. Luật CNTT đã quy định chung về khuyến khích đầu tư, xây dựng khu CNTT tập trung (Điều 54), tuy nhiên, thực tiễn phát triển thời gian qua cho thấy việc thiếu những quy định liên quan đến mô hình phát triển mới của khu CNTT tập trung như mô hình chuỗi công viên phần mềm hay mô hình liên kết, hợp tác trên môi trường số, không cùng một ranh giới địa lý; thiếu quy trình thực hiện dự án đầu tư khu CNTT tập trung; chính sách về giao đất, thuê đất; tiền sử dụng đất, tiền thuê đất chưa rõ ràng... trong Luật CNTT và văn bản dưới Luật đang làm hạn chế sự phát triển của các khu.

(2) Luật Công nghệ thông tin quy định khá chung chung về tài nguyên thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia (Khoản 4 Điều 6), chính sách phát triển cơ sở hạ tầng (Điều 54 đến 59 Luật CNTT). Có thể thấy, trong hệ thống pháp luật về công nghiệp CNTT, chưa có đầy đủ các kết cấu hạ tầng để phát triển ngành công nghiệp công nghệ số, cụ thể là thiếu 02 kết cấu hạ tầng quan trọng là trung tâm dữ liệu và máy tính hiệu năng cao. Trong bối cảnh Việt Nam thực hiện chương trình quốc gia chuyển đổi số (xây dựng chính phủ số, kinh tế số, xã hội số), bước vào giai đoạn số hoá tổ chức, là số hoá theo chiều ngang, là đưa toàn bộ hoạt động của tổ chức lên môi trường số, là thay đổi cách vận hành của tổ chức. Do vậy, sẽ tạo ra nhu cầu lớn về việc lưu trữ thông tin, dữ liệu số và các trung tâm dữ liệu sẽ trở thành một cơ sở hạ tầng quan trọng để thực hiện nhiệm vụ này. Tuy nhiên, Luật CNTT chưa có quy định nhằm pháp lý hoá trung tâm dữ liệu và chính sách thúc đẩy đầu tư xây dựng cũng như quản lý hoạt động của các trung tâm dữ liệu.

Bên cạnh đó, theo kinh nghiệm nhiều quốc gia, khu vực trên thế giới như EU, Trung Quốc, Hoa Kỳ, để phát triển các ngành công nghệ cao như CNTT, công nghệ số, các quốc gia đều đầu tư xây dựng và vận hành các siêu máy tính để giải quyết những bài toán lớn của quốc gia, của khu vực, góp phần tăng năng lực công nghệ của đất nước. Trong khi đó, Việt Nam hoàn toàn chưa có những quy định, chính sách để phát triển loại hạ tầng kỹ thuật quan trọng này.

PHẦN IV
KẾT LUẬN

Bộ Thông tin và Truyền thông thấy rằng cần phải nghiên cứu để sửa đổi, thay thế, hoàn thiện khung pháp lý về phát triển CNTT, công nghiệp CNTT, hướng tới hình thành khung pháp lý về công nghiệp công nghệ số để:

- Xác định rõ phạm vi và đối tượng quản lý của công nghiệp công nghệ số nhằm tạo những động lực phát triển mới trên cơ sở kế thừa ngành công nghiệp CNTT đã có.

- Tạo cơ chế để đưa công nghệ mới, sản phẩm mới nhanh chóng được ứng dụng phục vụ chuyển đổi số, kinh tế số, tận dụng tối đa các lợi ích, giảm thiểu rủi ro công nghệ mới.

- Tăng cường các biện pháp mới, đột phá để bảo đảm cho sự phát triển của ngành công nghiệp công nghệ số.

- Hình thành hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại tạo điều kiện thuận lợi nhất cho phát triển ngành công nghiệp công nghệ số Việt Nam.

Bộ Thông tin và Truyền thông trân trọng báo cáo./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phạm Đức Long

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, Ngoại giao, Nội vụ;
- Bộ TTTT: Bộ trưởng (để b/c); TTr Phạm Đức Long;
- Lưu: VT, CNTT.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 119 /BC-BTTTT

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

1.1. Chủ trương, định hướng của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước

Sau khi Luật CNTT được ban hành, Đảng và Nhà nước đã tiếp tục có nhiều chủ trương, định hướng phát triển công nghiệp CNTT. Một số điển hình:

(1) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII

+ Kinh tế số đạt khoảng 20% GDP.

+ Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của CMCN 4.0, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

+ Đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo.

+ Chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số.

+ Ưu tiên nguồn lực phát triển hạ tầng nông thôn miền núi, vùng dân tộc thiểu số; đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo.

+ Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc CMCN 4.0, tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nhanh và bền vững.

+ Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc CMCN 4.0 vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

(2) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030

Chiến lược đặt ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp:

- Phát triển mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

là động lực chính của tăng trưởng kinh tế... Đẩy nhanh chuyển đổi số đối với một số ngành, lĩnh vực đã có điều kiện, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa, ứng dụng và phát triển công nghệ mới, ưu tiên công nghệ số.

- Quan tâm đầu tư đúng mức nghiên cứu khoa học cơ bản; tập trung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ lõi, công nghệ số.

- Nâng cao tiềm lực và trình độ khoa học, công nghệ trong nước để có thể triển khai các hướng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới, tập trung phát triển công nghệ ưu tiên có khả năng ứng dụng cao, nhất là công nghệ số.

- Đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế (công dân toàn cầu).

- Phát triển một số doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin, doanh nghiệp số chủ lực thực hiện tốt vai trò dẫn dắt về hạ tầng công nghệ số, làm nền tảng cho nền kinh tế số, xã hội số.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số.

- Đẩy nhanh xây dựng xã hội số, tập trung vào chuyển đổi kỹ năng, mở các khóa học đại trà trực tuyến, đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số.

(3) Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0

Chủ trương "Tập trung phát triển các ngành ưu tiên có mức độ sẵn sàng cao như: Công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông; an toàn, an ninh mạng; công nghiệp chế tạo thông minh; tài chính - ngân hàng; thương mại điện tử; nông nghiệp số; du lịch số; công nghiệp văn hoá số; y tế; giáo dục và đào tạo"; "Ưu tiên nguồn lực cho triển khai một số chương trình nghiên cứu trọng điểm quốc gia về các công nghệ ưu tiên, trọng tâm là: Công nghệ thông tin và truyền thông, cơ điện tử, công nghệ mới trong lĩnh vực năng lượng, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, điện tử y sinh".

(4) Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị (Khóa XII) về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Quan điểm phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp điện tử là con đường chủ đạo; phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo là trung tâm; phát triển công nghiệp chế tạo thông minh là bước đột phá; chú trọng phát triển công nghiệp xanh".

Chủ trương giai đoạn đến năm 2030, tập trung ưu tiên phát triển một số

ngành công nghiệp như: Công nghệ thông tin và viễn thông, công nghiệp điện tử ở trình độ tiên tiến của thế giới, đáp ứng được yêu cầu của cuộc CMCN 4.0 nhằm tạo ra nền tảng công nghệ số cho các ngành công nghiệp khác…

(5) Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (Khóa XI) về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế

Chủ trương coi "Công nghệ thông tin là một công cụ hữu hiệu tạo lập phương thức phát triển mới và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; là một trong những động lực quan trọng phát triển kinh tế tri thức, xã hội thông tin, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong quá trình hội nhập quốc tế; góp phần đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, bảo đảm phát triển nhanh, bền vững". Về công nghiệp công nghệ thông tin, Nghị quyết 36 đặt mục tiêu đến 2020: "Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin thành ngành kinh tế - kỹ thuật tăng trưởng nhanh và bền vững, có vai trò dẫn dắt, tạo nền tảng phát triển kinh tế tri thức. Xây dựng các công viên phần mềm, khu công nghệ thông tin tập trung, hiện đại. Thu hút mạnh đầu tư của các tập đoàn công nghệ thông tin đa quốc gia có uy tín để tham gia chuỗi giá trị gia tăng. Hình thành một số tập đoàn công nghệ thông tin có khả năng cạnh tranh trong khu vực và trên thế giới, đồng thời phát triển mạnh doanh nghiệp công nghệ thông tin vừa và nhỏ".

(6) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16 tháng 1 năm 2012) về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020

Về lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin, Nghị quyết 13 của Đảng chỉ rõ: "Coi thúc đẩy phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong lộ trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong từng ngành, từng lĩnh vực. Phát triển mạnh công nghiệp công nghệ thông tin, thúc đẩy ngành công nghiệp phần mềm phát triển nhanh, bền vững" và chủ trương "xây dựng khu công nghệ thông tin trọng điểm quốc gia".

Như vậy, theo định hướng tại các văn bản của Đảng, công nghệ số được khẳng định là động lực để phát triển kinh tế xã hội đất nước trong giai đoạn tới, đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển. Để cụ thể hóa chủ trương của Đảng, việc xây dựng hành lang pháp lý về công nghệ số là phù hợp và cần thiết.

(7) Luật Công nghệ thông tin năm 2006 bao gồm 6 Chương, 79 Điều quy định toàn diện các lĩnh vực của CNTT gồm 3 chương chính: 1) Ứng dụng CNTT (trong cơ quan nhà nước, trong thương mại và trong một số lĩnh vực); 2) Phát triển CNTT (nghiên cứu - phát triển, phát triển nguồn nhân lực, phát triển công nghiệp CNTT, phát triển dịch vụ CNTT); 3) Biện pháp bảo đảm ứng dụng và

phát triển CNTT (cơ sở hạ tầng thông tin, đầu tư cho CNTT, hợp tác quốc tế về CNTT, bảo đảm an toàn và bí mật thông tin,...) và các nội dung chung như quy định chung, giải quyết tranh chấp về công nghệ thông tin,...

Sau 15 năm thi hành, một số nội dung của Luật CNTT đã được nâng cấp, bổ sung, cập nhật thành một số luật chuyên ngành như Luật An toàn thông tin mạng, Luật an ninh mạng và các nghị định quy định chi tiết về phát triển CNTT, về ứng dụng CNTT trong các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội.

Thực hiện Nghị quyết 50/NQ-CP ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII, Bộ Thông tin và Truyền thông đang chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành nghiên cứu xây dựng 3 dự án Luật gồm: Luật Chính phủ số, Luật Giao dịch điện tử sửa đổi và Luật Công nghiệp công nghệ số. Sau khi các dự thảo trên được Quốc hội thông qua, hành lang pháp lý về CNTT sẽ được hoàn thiện một cách đồng bộ, tổng thể. Luật CNTT năm 2006 sẽ được thay thế hoàn toàn.

(8) Hành lang pháp lý về phát triển CNTT

Quy định về Phát triển CNTT được nêu tại Chương III của Luật CNTT gồm 04 thành phần chính là: nghiên cứu - phát triển, phát triển nguồn nhân lực, phát triển công nghiệp CNTT, phát triển dịch vụ CNTT, cụ thể tại các Điều từ 38 đến 53 của Luật CNTT. Ngoài ra, nội dung về phát triển CNTT còn được đề cập tại Chương IV của Luật CNTT về Biện pháp bảo đảm ứng dụng và phát triển CNTT. Các cấu phần của ngành công nghiệp CNTT được quy định tại Luật CNTT bao gồm các loại hình: Công nghiệp phần cứng, điện tử; công nghiệp phần mềm; công nghiệp nội dung số; khu CNTT tập trung. Để làm rõ hơn một bước nữa các khái niệm trong lĩnh vực công nghiệp CNTT, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/5/2007 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều về công nghiệp CNTT của Luật công nghệ thông tin. Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 154/2013/NĐ-CP ngày 08/11/2013 quy định về khu CNTT tập trung và Quyết định số 2407/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển khu CNTT tập trung đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 để tạo hành lang pháp lý phát triển

khu CNTT tập trung.

Hiện nay, thế giới đã bước sang thập niên thứ hai của thế kỷ XXI với những thay đổi cơ bản về khoa học, công nghệ, mức độ cạnh tranh trên trường quốc tế. Xuất hiện hàng loạt xu hướng công nghệ mới có tính đột phá, những mô hình sản xuất, kinh doanh tiên tiến trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, nền kinh tế số. Xu thế phát triển mới đang làm thay đổi ngành công nghiệp CNTT, biến đổi sang công nghệ số, dần hình thành ngành công nghiệp công nghệ số. Do vậy, việc nghiên cứu sửa đổi, thay thế, hoàn thiện khung pháp lý về phát triển công nghiệp CNTT, hướng tới công nghiệp công nghệ số là cần thiết.

1.2. Thực tiễn tại Việt Nam và các vấn đề bất cập tổng quan

Trong bối cảnh dịch Covid-19, nhiều lĩnh vực của nền kinh tế đang suy giảm, lĩnh vực công nghiệp CNTT tiếp tục giữ vững được sự tăng trưởng dù chưa đạt được mức tăng trưởng như các năm trước. Tổng doanh thu công nghiệp CNTT năm 2020 đạt 123,5 tỷ USD, gấp 20 lần so với năm 2009 (6,2 tỷ USD) và gấp hơn 2 lần năm 2015. Tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2015-2020 đạt bình quân 15,2%/năm, cao hơn 2 lần tốc độ tăng trưởng GDP, trở thành một trong những ngành kinh tế có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất, quy mô lớn nhất của cả nước. Năm 2020, Việt Nam đã hình thành đội ngũ lao động công nghệ số với hơn 1 triệu người. Các doanh nghiệp công nghiệp CNTT đã nộp ngân sách nhà nước gần 60 nghìn tỷ đồng. Các mặt hàng công nghiệp CNTT đặc biệt là điện thoại và máy tính vẫn đứng vững trong danh sách top 10 nhóm hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam năm 2020, đưa ngành công nghiệp phần cứng, điện tử của Việt Nam xuất siêu hơn 15 tỷ USD.

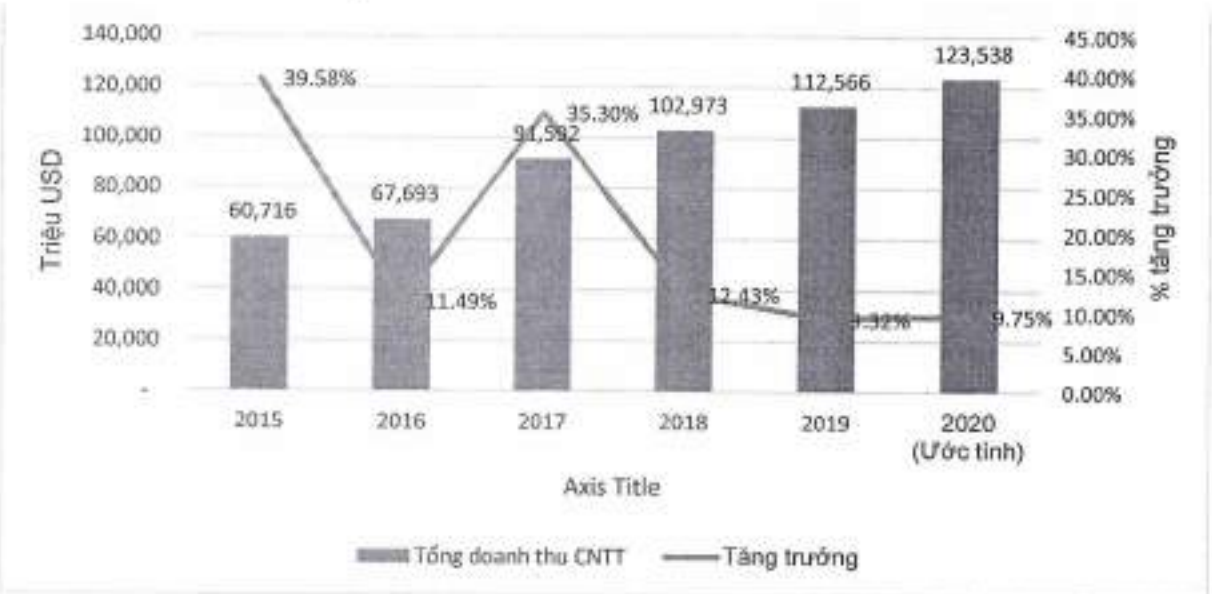

Về đóng góp cho GDP, nếu trong các giai đoạn trước năm 2015, ngành công nghiệp CNTT thường được đánh giá là "quy mô ngành công nghiệp còn nhỏ, giá trị gia tăng chưa cao". Tuy vậy, từ năm 2015 trở lại đây, ngành công nghiệp CNTT đã có một vị thế hoàn toàn khác. Đến nay, công nghiệp CNTT đã

trở thành lĩnh vực có quy mô lớn của nền kinh tế cả về doanh thu, xuất khẩu, chiếm tỉ trọng cao trong đóng góp ngân sách nhà nước cũng như đóng góp cho GDP.

Một số số liệu phát triển ngành công nghiệp CNTT giai đoạn 2016-2020

	Đơn vị tính	2016	2017	2018	2019	2020 (Ước tính)
Số lượng doanh nghiệp						
Doanh nghiệp phần cứng, điện tử	Doanh nghiệp	3.404	4.001	4.745	5.365	5.926
Doanh nghiệp phần mềm	Doanh nghiệp	7.433	8.883	11.919	12.423	13.340
Doanh nghiệp nội dung số	Doanh nghiệp	2.700	3.202	3.561	3.982	4.596
Doanh nghiệp dịch vụ CNTT	Doanh nghiệp	10.965	12.338	19.059	20.366	20.670
Tổng số doanh nghiệp	Doanh nghiệp	24.502	28.424	39.284	42.136	44.532
Lao động lĩnh vực Công nghiệp CNTT						
Tổng số lao động	Người	780.926	922.521	973.692	1.005.206	1.030.000
Công nghiệp phần cứng, điện tử	Người	568.288	678.917	717.955	760.097	761.338
Công nghiệp phần mềm	Người	97.387	112.004	127.366	143.149	130.213
Công nghiệp nội dung số	Người	46.646	55.908	51.952	42.479	57.138
Công nghiệp dịch vụ CNTT (trừ buôn bán, phân phối)	Người	68.605	75.692	76.419	59.481	81.310

Về doanh nghiệp công nghiệp CNTT, doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam

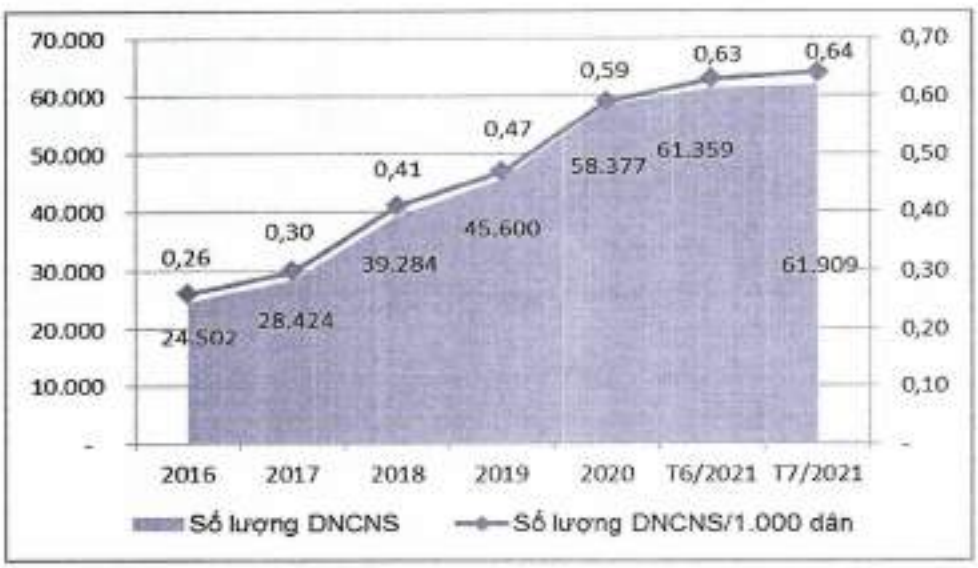

Bên cạnh các kết quả đạt được, ngành công nghiệp CNTT Việt Nam chưa đạt được kỳ vọng. Ví dụ như công nghiệp phần cứng điện tử Việt Nam chủ yếu là FDI, các doanh nghiệp phần cứng, điện tử Việt Nam có quy mô nhỏ, năng lực tham gia sản xuất các sản phẩm điện tử và khả năng tham gia vào chuỗi giá trị của các tập đoàn đa quốc gia còn hạn chế. Công nghiệp phần mềm Việt Nam với doanh thu chủ yếu tập trung vào gia công, làm dịch vụ cho nước ngoài, chưa có nhiều doanh nghiệp sáng tạo, thiết kế, phát triển sản phẩm phần mềm Việt. Công nghiệp nội dung số được kỳ vọng có nhiều tiềm năng về giá trị gia tăng và năng suất lao động cao. Tuy vậy, quy mô của ngành này còn khá khiêm tốn, chỉ chiếm 0,8% tổng doanh thu ngành.

Để trở thành trụ cột của nền kinh tế đất nước, cần tập trung vào các nội dung trọng điểm là tạo ra chính sách hỗ trợ theo định hướng của Đảng và Nhà nước để phát triển ngành công nghiệp số như chính sách kiến tạo cơ hội, chính sách hỗ trợ vốn, thuế, chính sách duy trì và tạo nguồn cho phát triển bền vững lâu dài. Một số tồn tại, bất cập cần được rà soát, khắc phục trong quá trình hoàn thiện hành lang pháp lý về công nghiệp công nghệ số gồm:

- Quy định các hoạt động công nghiệp CNTT, công nghiệp công nghệ số thiếu sự đồng bộ, thống nhất trong pháp luật hiện hành, chưa cập nhật với tình hình thực tiễn.

- Biện pháp bảo đảm phát triển công nghiệp CNTT, công nghệ số: Các chính sách thiếu trọng tâm, trọng điểm, thiếu những biện pháp để hình thành nguồn lực, tài nguyên hỗ trợ mới cho ngành công nghiệp CNTT, công nghiệp công nghệ số. Thiếu khung pháp lý để hình thành và phát triển hơn nữa các cơ sở hạ tầng hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp CNTT, công nghiệp công nghệ số.

- Thúc đẩy phát triển sản phẩm mới, dịch vụ mới: Thiếu các quy định pháp lý nhằm tạo điều kiện cho sự hình thành và thương mại hoá sản phẩm, dịch vụ mới.

Chi tiết các vấn đề bất cập được trình bày ở mục II của Báo cáo này.

Trong thời gian tới, ngành công nghiệp công nghệ số tiếp tục phát triển mạnh. IDC[1] dự báo thị trường ngành công nghiệp CNTT toàn cầu năm 2021 đạt trên 5.100 tỷ USD, trong đó các công nghệ mới (như AI, robot, AR/VR, blockchain,...) đạt trên 1.000 tỷ USD; toàn ngành công nghiệp CNTT sẽ tiếp tục tăng trưởng gấp hơn 2 lần GDP; các công nghệ mới sẽ chiếm thị phần lớn hơn trên thị trường, từ 19,6% vào năm 2021 lên 30,5% vào năm 2023. Trong bối cảnh này, với các nội dung nêu trên, việc xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ

[1] https://www.idc.com/promo/global-CNTT-spending/forecast

số là cần thiết. Luật sẽ là hành lang pháp lý để ngành công nghiệp công nghệ số tiếp tục phát triển mạnh hơn, bền vững hơn, đóng góp nhiều hơn vào sự phát triển của đất nước.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

2.1. Mục tiêu tổng thể

- Thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về phát triển công nghiệp công nghệ số.

- Xây dựng và bảo vệ được không gian tăng trưởng và phát triển kinh tế số (bền vững và tự chủ) dựa trên các hoạt động nghiên cứu, sáng tạo, sản xuất, cung cấp, ứng dụng các sản phẩm, dịch vụ của ngành công nghiệp công nghệ số Việt Nam.

- Thống nhất các nội dung quy định về công nghiệp công nghệ số trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, tránh việc quy định chồng chéo, mâu thuẫn, khắc phục những khó khăn, vướng mắc, bất cập phát sinh trong quá trình thi hành pháp luật về phát triển công nghệ thông tin, bảo đảm tính công khai, minh bạch trong việc thực hiện chính sách công trong hoạt động lĩnh vực công nghiệp công nghệ số, thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ số.

- Phát triển ngành công nghiệp công nghệ số trên cơ sở: (1) Kết hợp tự cường và hợp tác quốc tế: Phát triển ngành công nghiệp công nghệ số Việt Nam theo tinh thần Make in Viet Nam - làm chủ công nghệ, sáng tạo công nghệ, giải quyết bài toán Việt Nam và hướng đến thị trường toàn cầu, đưa Việt Nam thành quốc gia phát triển bằng công nghệ số. Tăng cường hợp tác, trao đổi công nghệ, thu hút đầu tư FDI có chọn lọc, tham gia sâu vào chuỗi giá trị sản xuất công nghiệp thế giới; (2) Kết hợp Nhà nước mạnh và thị trường mạnh: doanh nghiệp phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số trong nước và tham gia thị trường quốc tế; Nhà nước đóng vai trò dẫn dắt và kiến tạo chính sách để phát triển công nghiệp công nghệ số; (3) Phát triển ngành công nghiệp công nghệ số với doanh nghiệp là trung tâm, chất lượng và thương hiệu là nền tảng, nhân lực tài năng là then chốt; (4) Công nghệ số mới, công nghệ mở và đổi mới sáng tạo là đột phá để nhanh chóng tạo ra những sản phẩm, dịch vụ công nghệ số phục vụ mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Bảo đảm sự phù hợp với thực tiễn phát triển, không bỏ sót đối tượng (mới). Xác định rõ phạm vi quản lý nhà nước chuyên ngành trong các hoạt động công nghiệp công nghệ số để bảo đảm không có khoảng trống, không chồng chéo với các ngành công nghiệp khác khi công nghệ số đã và đang được ứng dụng trong tất cả các lĩnh vực.

- Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, thương mại hoá các sản phẩm, dịch vụ

mới là kết quả của sự sáng tạo, đổi mới khi ứng dụng công nghệ số, dịch vụ số vào các lĩnh vực mang lại hiệu quả, lợi ích và tối ưu hóa... cho người dùng. Thúc đẩy sự phát triển các hoạt động đổi mới sáng tạo theo kịp sự phát triển của các công nghệ số mới, để nhanh chóng đưa các sản phẩm, dịch vụ mới vào cuộc sống. Hạn chế giảm thiểu các rủi ro, tác động tiêu cực khi triển khai sản phẩm, dịch vụ mới.

- Hình thành được hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực, tài nguyên cần thiết để hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp công nghệ số.

- Phát triển ngành công nghiệp công nghệ số đạt được các mục tiêu cụ thể như:

+ Tốc độ tăng trưởng doanh thu hàng năm của công nghiệp công nghệ số gấp 2 lần tốc độ tăng trưởng GDP của cả nước.

+ Tỷ lệ đóng góp của lĩnh vực công nghiệp công nghệ số vào GDP Việt Nam đạt từ 6-6,5%.

+ Phát triển 100.000 doanh nghiệp công nghệ số; đạt tỷ lệ 1 doanh nghiệp công nghệ số/1.000 dân.

+ Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Make in Viet Nam đáp ứng trên 70% nhu cầu trong nước.

+ Tỷ lệ sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Make in Viet Nam có ứng dụng công nghệ mở hoặc công nghệ mới (AI, IoT, Bigdata, Blockchain….) đạt 70%.

+ 100% sản phẩm công nghệ số Make in Viet Nam phải được thiết lập tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phù hợp thông qua việc doanh nghiệp tự công bố chất lượng sản phẩm hoặc phải được kiểm soát chất lượng nhằm đảm bảo chất lượng và an toàn thông tin trước khi đưa vào sử dụng trên thị trường.

+ Top 5 nước trên thế giới về dịch vụ phần mềm, sản xuất và phát hành game di động.

+ Phát triển 10 địa phương đạt doanh thu công nghiệp công nghệ số trên 1 tỷ USD.

+ Có 10 doanh nghiệp công nghệ số đóng vai trò dẫn dắt, có năng lực cạnh tranh quốc tế, doanh thu trên 1 tỷ USD.

+ Có 1.500.000 nhân lực hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số.

+ Thu hút đầu tư từ nước ngoài vào công nghiệp công nghệ số đạt 10 tỷ USD.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Hoạt động công nghiệp công nghệ số, sản phẩm, dịch vụ công nghệ số

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay, trên thị trường xuất hiện nhiều loại hình công nghiệp CNTT mới. Một số khái niệm đang tồn tại (công nghiệp phần cứng, công nghiệp phần mềm, công nghiệp nội dung số,...) nhưng chưa theo kịp xu thế phát triển mới (Ví dụ như khái niệm hoạt động công nghiệp phần mềm, công đoạn sáng tạo, đưa ra ý tưởng là bước xác định bài toán cần giải trước khi thiết kế phần mềm chưa được đề cập trong định nghĩa này, trong khi đây lại là bước rất quan trọng trong xu thế phát triển mới của công nghệ số). Tuy nhiên, công tác quản lý và thúc đẩy hoạt động công nghiệp CNTT thời gian qua còn chưa hiệu quả và đã bộc lộ những bất cập, điển hình:

- Nhà nước khó áp dụng chế tài và cơ chế chính sách thúc đẩy đối với các hoạt động công nghiệp CNTT, công nghệ số mới (Ví dụ các hoạt động đem lại giá trị gia tăng cao như sáng tạo, thiết kế,...; các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới). Cách phân loại thiếu đồng bộ dẫn đến thống kê không đầy đủ, chưa phản ánh đúng sự phát triển của ngành, thiếu thông tin phục vụ công tác quản lý Nhà nước. Không nhận diện được các tác động tiêu cực và không mong muốn của các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới (ví dụ AI) đối với kinh tế - xã hội.

- Doanh nghiệp khó khăn trong việc triển khai các hoạt động nghiên cứu, sáng tạo, thương mại hóa các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới, giảm sút phạm vi và hiệu quả kinh doanh, giảm lợi ích kinh tế, có thể phát sinh những rủi ro cho việc đầu tư của doanh nghiệp.

- Người dân đối mặt với các nguy cơ mất an toàn, không được bảo vệ về quyền và lợi ích. Ví dụ: sản phẩm AI có thể ra quyết định/kết quả sai, ảnh hưởng tới quyền cơ bản của con người, an ninh, trật tự xã hội.

Nguyên nhân của vấn đề bất cập

(1) Thiếu định nghĩa về công nghệ số, công nghiệp công nghệ số

Công nghệ số xuất hiện là bước phát triển tiếp theo của CNTT, đặt ra những yêu cầu quản lý mới, nhưng chưa được quy định, định nghĩa trong hệ thống văn bản QPPL nên khó khăn trong việc áp dụng chế tài và cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển. Một số khái niệm đang tồn tại (công nghiệp phần cứng, công nghiệp phần mềm, công nghiệp nội dung số,...) nhưng chưa theo kịp xu thế phát triển mới.

(2) Chưa có sự đồng bộ trong việc phân loại hoạt động công nghệ số

Thiếu đồng bộ giữa cách phân loại các loại hình hoạt động công nghiệp CNTT trong hệ thống pháp luật chuyên ngành với các quy định mã ngành Kinh

tế Việt Nam, dẫn đến thống kê không đầy đủ, chưa phản ánh đúng sự phát triển của ngành. Ngành công nghiệp CNTT chưa được coi là một ngành kinh tế trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam theo Quyết định 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quyết định Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam. Do vậy, các hoạt động công nghiệp CNTT được phân chia rải rác vào 3 ngành gồm: Công nghiệp chế biến, chế tạo; bán buôn và bán lẻ; thông tin và truyền thông. Cách phân loại trong Hệ thống ngành Kinh tế vừa thừa, vừa thiếu so với phân loại trong pháp luật về công nghiệp CNTT.

Quy định hoạt động công nghiệp CNTT trong Luật CNTT chưa thống nhất cách hiểu với quốc tế. Chẳng hạn, trong Bảng phân loại các ngành dịch vụ trong WTO thì hoạt động công nghiệp CNTT được hiểu là "Dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan" (có các mã là CPC 841-845, CPC 849) bao gồm: Mã 841 về Dịch vụ tư vấn liên quan tới lắp đặt phần cứng máy tính, mã 842 về Dịch vụ thực hiện phần mềm; mã 843 về Dịch vụ xử lý dữ liệu; mã 844 về Dịch vụ cơ sở dữ liệu; mã 845 về Dịch vụ duy tu và bảo dưỡng máy móc và thiết bị văn phòng, bao gồm cả máy tính; mã 849 về Các dịch vụ máy tính khác. Cách phân loại này khác biệt nhiều so với phân loại các loại hình công nghiệp CNTT trong pháp luật về công nghiệp CNTT của Việt Nam nên dẫn đến cách hiểu và áp dụng chính sách khác nhau.

(3) Thiếu quy định đối với sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới

Hệ thống pháp luật về công nghiệp CNTT đang thiếu các quy định cho việc phát triển các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới. Những vướng mắc pháp lý chưa giải quyết được, chưa có không gian pháp lý cho các sản phẩm mới, dịch vụ mới.

(4) Thiếu cơ chế phát triển sản phẩm trí tuệ nhân tạo (AI)

Pháp luật hiện hành thiếu các công cụ/chính sách quản lý nhà nước để giảm thiểu tác động tiêu cực do AI mang lại.

1.2 Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Bảo đảm sự phù hợp với thực tiễn phát triển, không có khoảng trống, không chồng chéo với các ngành công nghiệp khác khi công nghệ số đã và đang được ứng dụng trong tất cả các lĩnh vực.

- Thúc đẩy, tạo cơ chế bảo vệ cho hoạt động nghiên cứu, phát triển, thương mại hoá các sản phẩm, dịch vụ mới được tạo ra khi ứng dụng công nghệ số, dịch vụ số vào các lĩnh vực; giảm thiểu các rủi ro khi triển khai sản phẩm, dịch vụ mới vào các lĩnh vực của đời sống.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Phương án 1: Giữ nguyên hiện trạng (không có luật chuyên ngành cho công nghiệp công nghệ số).

b) Phương án 2: Quy định cụ thể về các hoạt động công nghiệp công nghệ số trên cơ sở kế thừa công nghiệp CNTT với sự bổ sung thêm của các công nghệ số mới, gồm có:

(1) Định nghĩa về công nghệ số, công nghiệp công nghệ số

- Công nghệ số: là công nghệ thông tin thế hệ mới, là sự phát triển tiếp theo của công nghệ thông tin, là công nghệ thông tin có sự bổ sung, tích hợp thêm các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối (blockchain), in 3D, internet kết nối vạn vật (IoT), kết nối mạng băng rộng (5G, sau 5G), dữ liệu lớn (Bigdata), điện toán đám mây (Cloud Computing), thực tại ảo (VR), thực tại tăng cường (AR), thực tại trộn (MR) và các công nghệ đột phá khác.

- Công nghiệp công nghệ số là sự mở rộng của công nghiệp công nghệ thông tin, là ngành kinh tế sáng tạo, thiết kế, phát triển, chế tạo, sản xuất và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số.

(2) Phân loại hoạt động công nghiệp công nghệ số

Quy định phân loại hoạt động công nghiệp công nghệ số bao gồm sáng tạo, thiết kế, sản xuất, kinh doanh, buôn bán, phân phối các sản phẩm, dịch vụ phần cứng, phần mềm, nội dung số, sản phẩm sản xuất trong nước và sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới.

(3) Thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ mới hình thành từ ứng dụng công nghệ số

Quy định khái niệm sản phẩm mới, dịch vụ mới; trách nhiệm quản lý nhà nước của các bộ, ngành, địa phương đối với các sản phẩm, dịch vụ mới; quy trình phối hợp xử lý khi có đề xuất về nghiên cứu phát triển, triển khai sản phẩm, dịch vụ mới; các biện pháp hỗ trợ, chính sách ưu đãi,... phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới.

(4) Quản lý sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới, sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu

Quy định về việc phân loại; trách nhiệm của các cơ quan quản lý liên quan; hướng dẫn, thiết lập các quy tắc quản lý hoạt động kinh doanh; yêu cầu đối với sản phẩm AI, sản phẩm công nghệ số trọng yếu; quy định về quản lý (cung cấp, sử dụng; tiêu chí xác định; danh mục; việc mua bán, xuất khẩu, chuyển giao,...).

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Phương án 1: Giữ nguyên hiện trạng

(1) Tác động kinh tế - xã hội:

Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: Không có

- Đối với người dân: Giữ được sự ổn định cho các cá nhân tham gia hoạt động công nghiệp CNTT truyền thống.

- Đối với doanh nghiệp: Giữ được sự ổn định cho các cá nhân tham gia hoạt động công nghiệp CNTT truyền thống.

Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: Nhà nước khó áp dụng chế tài và cơ chế chính sách thúc đẩy đối với các hoạt động công nghiệp CNTT, công nghệ số mới; thiếu thông tin phục vụ công tác quản lý Nhà nước; không nhận diện được các tác động tiêu cực và không mong muốn của các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới đối với kinh tế - xã hội.

- Đối với người dân: Quyền cơ bản không được bảo vệ (rủi ro, mất an toàn trong ứng dụng và phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, đặc biệt là các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới). Người dùng chịu thiệt thòi vì không có cơ hội để sử dụng các sản phẩm, dịch vụ mới với giá thành rẻ phục vụ hoạt động hàng ngày.

- Đối với doanh nghiệp: Doanh nghiệp, tổ chức không có động lực triển khai các hoạt động nghiên cứu, sáng tạo, sản xuất và phân phối các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số. Làm giảm sút phạm vi và hiệu quả kinh doanh, giảm lợi ích kinh tế của doanh nghiệp.

(2) Tác động TTHC: Phương án này không phát sinh TTHC.

(3) Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

(4) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

(5) Tác động về quyền cơ bản của công dân: Phương án này không có ảnh hưởng đến quyền cơ bản của công dân.

(6) Tác động đối với sự tương thích với điều ước quốc tế: Không có.

b) Phương án 2: Đưa ra quy định cụ thể về các hoạt động công nghiệp công nghệ số trên cơ sở kế thừa công nghiệp CNTT với sự bổ sung thêm của các công nghệ số mới

(1) Tác động kinh tế - xã hội:

Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: Các quy định về định nghĩa, phân loại hoạt động, sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trên cơ sở kế thừa, hoàn thiện và bổ sung các quy định mới sẽ góp phần mở rộng phạm vi hoạt động và hiệu quả kinh doanh của

ngành, tăng lợi ích kinh tế, tăng thu ngân sách cho nhà nước, góp phần vào nâng cao hoạt động bảo đảm an sinh xã hội. Nhà nước tăng khả năng quản lý, kiểm soát những rủi ro, mặt trái của sự phát triển công nghệ số.

- Đối với người dân: Quyền lợi của người tiêu dùng được nâng cao, bảo vệ. Người dân có cơ hội được sử dụng sản phẩm, dịch vụ mới với giá rẻ hơn.

- Đối với doanh nghiệp: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong hoạt động công nghiệp công nghệ số (Ví dụ: nhanh chóng triển khai được các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới; giúp các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam làm chủ công nghệ, tạo sự bền vững trong phát triển ngành). Bảo vệ doanh nghiệp khỏi những rủi ro trong việc đầu tư nghiên cứu phát triển và triển khai các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới, đột phá. Tăng cơ hội phát triển của doanh nghiệp.

Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: Nhà nước phải đưa ra các văn bản hướng dẫn mới cho quy định mới.

- Đối với người dân: Không có

- Đối với doanh nghiệp: Phát sinh chi phí của doanh nghiệp trong thực hiện các quy định mới.

(2) Tác động TTHC: Không có.

(3) Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

(4) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Tác động tích cực: Thay thế quy định pháp luật công nghiệp CNTT không còn phù hợp; hoàn thiện khung pháp lý cho các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới; sản phẩm trí tuệ nhân tạo; sản phẩm công nghệ số trọng yếu.

Tác động tiêu cực: Cần phải rà soát, điều chỉnh lại hệ thống pháp luật (Luật, nghị định, thông tư) liên quan, phát sinh việc cho các cơ quan quản lý nhà nước.

(5) Tác động về quyền cơ bản của công dân: Phương án này không có ảnh hưởng đến quyền cơ bản của công dân.

(6) Tác động đối với sự tương thích với điều ước quốc tế: Không có.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)

Giải pháp 2 là phù hợp, bởi việc xác định rõ các hoạt động công nghiệp công nghệ số là cần thiết, là gốc để Chính phủ quy định những cơ chế chính sách

thúc đẩy phát triển ngành. Theo đó, cần phải xây dựng quy định đối với hoạt động công nghiệp công nghệ số một cách đồng bộ, hoàn chỉnh trên cơ sở phát triển và kế thừa công nghiệp CNTT trong Luật CNTT thì mới bảo đảm hiệu lực quản lý và thúc đẩy phát triển phù hợp với thực tế.

2. Chính sách 2: Bảo đảm phát triển công nghiệp công nghệ số

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay, Luật CNTT đưa ra các biện pháp bảo đảm phát triển CNTT như chính sách về nghiên cứu phát triển, phát triển nguồn nhân lực, khu CNTT tập trung, cơ sở hạ tầng thông tin, đầu tư cho CNTT, phát triển thị trường... Tuy nhiên, trong thực tế triển khai, các biện pháp bảo đảm phát triển CNTT trên vẫn chưa đạt hiệu quả mong muốn, bộc lộ những bất cập, điển hình.

- Đối với Nhà nước: Không thúc đẩy được sự phát triển của công nghiệp CNTT, công nghiệp công nghệ số. Ví dụ như không hỗ trợ hiệu quả sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sản xuất trong nước; không phát triển được nhiều nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ nhu cầu phát triển ngành; không tạo được các hạ tầng vật chất, kỹ thuật, tài nguyên cần thiết (như khu CNTT tập trung, trung tâm dữ liệu, trung tâm tính toán hiệu năng cao, dữ liệu số) cho phát triển ngành công nghiệp công nghệ số; không quản lý được các hoạt động kinh doanh xuyên biên giới.

- Đối với doanh nghiệp: Chưa chiếm lĩnh được thị trường trong nước; chưa hình thành được các doanh nghiệp có thương hiệu lớn trong các bảng xếp hạng uy tín thế giới, chưa hình thành nhiều doanh nghiệp có năng lực sáng tạo, nghiên cứu, phát triển, làm chủ các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới; chưa phát triển được những sản phẩm có thể cạnh tranh được với các doanh nghiệp công nghệ số hàng đầu thế giới.

- Đối với người dân: Không có nhiều cơ hội để sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới, đột phá với giá thành rẻ vào phục vụ hoạt động hàng ngày.

Nguyên nhân của vấn đề bất cập

Qua thực tiễn triển khai, Bộ TTTT nhận thấy, các biện pháp bảo đảm trong Luật CNTT khá chung chung, chưa cụ thể, bất cập và cần bổ sung thêm một số biện pháp bảo đảm mới để thúc đẩy ngành công nghiệp công nghệ số. Cụ thể:

(1) Chưa có quy định rõ ràng về thị trường cho công nghiệp công nghệ số

Quy định về hỗ trợ phát triển thị trường cho công nghiệp CNTT trong pháp luật hiện hành chưa rõ ràng, chưa cụ thể: Luật Công nghệ thông tin (Khoản 2 Điều 49) quy định cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quy định và tổ chức thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá, tiếp thị hình ảnh công nghiệp công nghệ thông tin… tuy nhiên không kèm theo các quy định về

trách nhiệm, nguồn lực cụ thể để triển khai. Chưa có các giải pháp hiệu quả để thúc đẩy sản phẩm công nghiệp công nghệ thông tin Việt Nam.

(2) Chưa có chính sách cụ thể về phát triển nguồn nhân lực công nghệ số

Chính sách phát triển nhân lực CNTT (từ Điều 42 đến Điều 46 Luật CNTT) còn chung chung, chưa cụ thể; quy định về trách nhiệm giữa các bộ, ngành trong đào tạo và cấp chứng chỉ chưa rõ ràng,... khó khăn trong triển khai thực tế; thiếu các chính sách để thu hút nhân lực chất lượng cao, chính sách gắn việc đào tạo lý thuyết với thực tiễn.

(3) Chưa có cơ chế thúc đẩy phát triển dữ liệu số

Dữ liệu số là tư liệu sản xuất của các doanh nghiệp công nghệ số và sẽ trở thành một ngành công nghiệp tiềm năng (công nghiệp dữ liệu). Tuy nhiên, chính sách phát triển cơ sở hạ tầng (từ Điều 54 đến Điều 59 Luật CNTT) chưa có quy định về dữ liệu số.

(4) Chưa có quy định quản lý hoạt động thâm nhập thị trường nước ngoài

Trong Luật CNTT và văn bản hướng dẫn chưa có các quy định để quản lý các hoạt động kinh doanh sản phẩm công nghệ số xuyên biên giới; chưa có các quy định, tiêu chuẩn tham gia các Thỏa thuận hoặc Hiệp định kinh doanh Kỹ thuật số tạo thuận lợi cho các hoạt động thương mại sản phẩm công nghệ số xuyên biên giới....

(5) Chưa có quy định liên quan đến mô hình phát triển mới của khu CNTT tập trung

Luật CNTT đã quy định chung về khuyến khích đầu tư, xây dựng khu CNTT tập trung (Điều 54), tuy nhiên, thực tiễn phát triển thời gian qua cho thấy việc thiếu những quy định liên quan đến mô hình phát triển mới của khu CNTT tập trung như mô hình chuỗi công viên phần mềm, thiếu quy trình thực hiện dự án đầu tư khu CNTT tập trung; chính sách về giao đất, thuê đất; tiền sử dụng đất, tiền thuê đất chưa rõ ràng... trong Luật CNTT và văn bản dưới Luật đang làm hạn chế sự phát triển của các khu CNTT tập trung.

(6) Chưa có cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư với trung tâm dữ liệu cho công nghiệp công nghệ số, trung tâm tính toán hiệu năng cao

Trung tâm dữ liệu và trung tâm tính toán hiệu năng cao là các cấu phần quan trọng để phát triển ngành công nghiệp công nghệ số, tuy nhiên chưa có cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư.

(7) Tư duy quản lý chưa đổi mới

Hiện nay, quy mô của ngành lớn và tốc độ phát triển nhanh đặt ra yêu cầu về tăng cường các hoạt động thực thi, hỗ trợ phát triển. Đồng thời, xu thế phát triển của các công nghệ số đặt ra các thách thức về quản lý và các loại hình công

nghiệp mới, các mô hình kinh doanh hình thành từ các sản phẩm công nghệ số mới. Công nghệ phát triển nhanh, vòng đời sản phẩm ngắn đòi hỏi một tư duy và mô hình quản lý mới.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Hỗ trợ việc triển khai hiệu quả các biện pháp bảo đảm phát triển công nghiệp công nghệ số.

- Hình thành được hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại cần thiết để phát triển ngành công nghiệp công nghệ số.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Phương án 1: Giữ nguyên hiện trạng. Như quy định hỗ trợ phát triển thị trường cho công nghiệp CNTT về cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quy định và tổ chức thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá, tiếp thị hình ảnh công nghiệp công nghệ thông tin... tuy nhiên không kèm theo các biên pháp để triển khai; quy định về trách nhiệm giữa các bộ, ngành trong đào tạo và cấp chứng chỉ chưa rõ ràng,... khó khăn trong triển khai thực tế; thiếu các chính sách để thu hút nhân lực chất lượng cao, chính sách gắn việc đào tạo lý thuyết với thực tiễn; không có quy định về dữ liệu số; không có quy định quản lý hoạt động kinh doanh sản phẩm công nghệ số xuyên biên giới, các quy định, tiêu chuẩn tham gia các Thỏa thuận hoặc Hiệp định kinh doanh Kỹ thuật số tạo thuận lợi cho các hoạt động thương mại sản phẩm công nghệ số xuyên biên giới; không có quy định liên quan đến mô hình phát triển mới của khu CNTT tập trung mà chỉ có quy định chung về khuyến khích đầu tư, xây dựng khu CNTT tập trung; không có cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư đối với trung tâm dữ liệu, trung tâm tính toán hiệu năng cao.

b) Phương án 2: Hoàn thiện hành lang pháp lý nhằm tạo các điều kiện cho phát triển ngành công nghiệp công nghệ số, phù hợp với thực tiễn tại Việt Nam và xu thế phát triển của công nghệ số, gồm một số biện pháp chính sau:

(1) Thị trường cho công nghiệp công nghệ số

Quy định cơ chế chính sách cho phép dùng thị trường trong nước để nuôi dưỡng, phát triển ngành công nghiệp công nghệ số theo định hướng Make in Viet Nam (thể hiện được hàm lượng sáng tạo, thiết kế, sản xuất tại Việt Nam trong sản phẩm, dịch vụ công nghệ số); phát triển Thương hiệu ngành công nghiệp công nghệ số Việt Nam; hệ sinh thái thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

(2) Phát triển nguồn nhân lực công nghệ số

Quy định về phát triển nguồn nhân lực công nghệ số cho ngành công nghiệp công nghệ số (khung kỹ năng công nghệ số quốc gia, đào tạo thực tế tại doanh nghiệp trong các chương trình đào tạo về công nghệ số, thu hút nhân lực

công nghệ số xuất sắc trong và ngoài nước; cấp chứng chỉ, công nhận tương đương về chương trình, chuẩn kỹ năng công nghệ số;...)

(3) Phát triển dữ liệu số

Quy định cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển, phân loại, đánh giá, quản lý, giao dịch, sử dụng, tái sử dụng hợp pháp dữ liệu số.

(4) Thâm nhập thị trường nước ngoài

Quy định về kinh doanh sản phẩm công nghệ số xuyên biên giới; quy định phạm vi, tiêu chuẩn tham gia các Thỏa thuận hoặc Hiệp định kinh doanh Kỹ thuật số tạo thuận lợi cho các hoạt động thương mại sản phẩm công nghệ số xuyên biên giới; nền tảng ghi nhận hoạt động xuất nhập khẩu sản phẩm công nghệ số...

(5) Khu công nghệ thông tin tập trung

Quy định về mô hình, tiêu chí khu công nghệ thông tin tập trung, quy hoạch phát triển khu công nghệ thông tin tập trung trên cả nước, quy trình đầu tư thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung, chính sách ưu đãi đối với khu công nghệ thông tin tập trung, quản lý đất đai và quy hoạch xây dựng, tổ chức quản lý vận hành khu công nghệ thông tin tập trung.

(6) Phát triển trung tâm dữ liệu, trung tâm tính toán hiệu năng cao

Quy định về đầu tư, phát triển trung tâm dữ liệu, biện pháp đảm bảo phát triển trung tâm dữ liệu, hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn trung tâm dữ liệu, trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp sở hữu trung tâm dữ liệu, điều kiện cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu.

Quy định về đầu tư phát triển các trung tâm tính toán hiệu năng cao, quy định về kết nối, chia sẻ năng lực của các trung tâm tính toán hiệu năng cao.

(7) Kiện toàn và nâng cấp cơ quan quản lý chuyên ngành về công nghiệp công nghệ số

Những bất cập, thách thức phát sinh do thực tiễn phát triển ngành công nghiệp công nghệ số đặt ra những yêu cầu tăng cường hoạt động thực thi pháp luật, sẽ được giải quyết với việc chuyển từ mô hình cấp Vụ sang mô hình cấp Cục nhằm tăng cường các nhiệm vụ thực thi chính sách, pháp luật về công nghiệp công nghệ số. Việc tổ chức lại Vụ Công nghệ thông tin (đơn vị tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ thông tin) thành Cục Công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông là giải pháp thiết thực để kiện toàn, nâng cấp và hình thành Cơ quan quản lý chuyên ngành về công nghiệp công nghệ số. Cục Công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông là cơ quan thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện

nhiệm vụ quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số theo sự phân công, phân cấp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Phương án 1: Giữ nguyên hiện trạng

(1) Tác động kinh tế - xã hội:

Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: Không có.

- Đối với người dân: Giữ được sự ổn định cho các cá nhân tham gia hoạt động công nghiệp CNTT truyền thống

- Đối với doanh nghiệp: Giữ được sự ổn định cho các cá nhân tham gia hoạt động công nghiệp CNTT truyền thống.

Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: Nhà nước khó áp dụng cơ chế chính sách thúc đẩy đối với các hoạt động công nghiệp CNTT, công nghệ số, do vậy không thúc đẩy hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, giảm lợi ích kinh tế. Không có cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển hạ tầng như trung tâm dữ liệu, trung tâm tính toán hiệu năng cao.

- Đối với doanh nghiệp: Thiếu động lực nghiên cứu, sáng tạo, phát triển các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, giảm sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

- Đối với người dân: Thiếu cơ hội được sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số với giá thành rẻ là kết quả của sự phát triển mạnh mẽ của ngành công nghiệp công nghệ số.

(2) Tác động TTHC: Phương án này không phát sinh TTHC.

(3) Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

(4) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

(5) Tác động về quyền cơ bản của công dân: Phương án này không có ảnh hưởng đến quyền cơ bản của công dân.

(6) Tác động đối với sự tương thích với điều ước quốc tế: Không có.

b) Phương án 2: Hoàn thiện hành lang pháp lý nhằm tạo các điều kiện cho phát triển ngành công nghiệp công nghệ số, phù hợp với thực tiễn tại Việt Nam và xu thế phát triển của công nghệ số.

(1) Tác động kinh tế - xã hội:

Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: Các biện pháp bảo đảm phát triển công nghiệp công nghệ số sẽ thúc đẩy phát triển và sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số. Tăng sự phát triển của ngành công nghiệp công nghệ số, từ đó tăng lợi ích kinh tế, tăng thu ngân sách nhà nước, góp phần vào nâng cao hoạt động bảo đảm an sinh xã hội. Có cơ sở để quản lý và thúc đẩy phát triển cộng đồng doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam. Tạo điều kiện, hành lang pháp lý để thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực công nghệ số. Có cơ chế để quản lý phù hợp với các hoạt động kinh doanh sản phẩm công nghệ số xuyên biên giới và tham gia các thỏa thuận quốc tế liên quan để đẩy mạnh hoạt động thương mại các sản phẩm công nghệ số Việt Nam ra thị trường nước ngoài. Quy định về khu CNTT tập trung giúp thúc đẩy phát triển ngành đóng góp lớn vào nền kinh tế quốc dân. Thúc đẩy phát triển trung tâm dữ liệu trở thành một trong các kết cấu hạ tầng quan trọng cho lưu trữ, xử lý dữ liệu số phục vụ phát triển công nghiệp công nghệ số và chuyển đổi số quốc gia, tạo thuận lợi để Việt Nam cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu cho thị trường trong nước và các nước trong khu vực. Tăng cường các hoạt động thực thi, hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp công nghệ số. Thúc đẩy cơ sở để đầu tư phát triển mạng lưới trung tâm tính toán hiệu năng cao để Việt Nam đẩy mạnh nghiên cứu phát triển công nghệ số, công nghệ lõi

- Đối với doanh nghiệp: Tăng khả năng tạo ra nhiều sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới, đột phá do được hỗ trợ về tài nguyên, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hỗ trợ các hoạt động thương mại, bảo đảm cạnh tranh,... Có thể có được nguồn nhân lực công nghệ cao dồi dào hơn do có quy định về phát triển nguồn nhân lực công nghệ số tạo điều kiện, hành lang pháp lý để thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực.

- Đối với người dân: Được sử dụng nhiều sản phẩm, công nghệ số mới phục vụ hoạt động với giá thành rẻ hơn.

Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: Việc điều chỉnh quy định, chính sách đòi hỏi nguồn lực đầu tư của Nhà nước để thúc đẩy phát triển.

- Đối với doanh nghiệp: Không có.

- Đối với người dân: Không có.

(2) Tác động TTHC: Phát sinh thủ tục hành chính đối với hoạt động đầu tư, phát triển khu CNTT tập trung, trung tâm dữ liệu, trung tâm tính toán hiệu năng cao.

(3) Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

(4) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Tác động tích cực: Thay thế quy định pháp luật công nghiệp CNTT không còn phù hợp; hoàn thiện khung pháp lý cho dữ liệu số, trung tâm tính toán hiệu năng cao.

Tác động tiêu cực: Cần phải rà soát, điều chỉnh lại hệ thống pháp luật (Luật, nghị định, thông tư) liên quan, phát sinh việc cho các cơ quan quản lý nhà nước.

(5) Tác động về quyền cơ bản của công dân: Phương án này không có ảnh hưởng đến quyền cơ bản của công dân.

(6) Tác động đối với sự tương thích với điều ước quốc tế: Không có.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)

Trên cơ sở phân tích, đánh giá đã trình bày, giải pháp 2 là phù hợp để giải quyết vấn đề bất cập hiện nay. Giải pháp này sẽ khắc phục được tồn tại hạn chế của các chính sách hiện hành; Làm cơ sở để áp dụng chính sách ưu đãi đúng trọng tâm, đúng đối tượng; Tăng cường vai trò của cơ quan quản lý chuyên ngành trong thực thi chính sách ưu đãi, hỗ trợ ngành công nghiệp công nghệ số; Hình thành được đầy đủ các biện pháp, nguồn lực, hạ tầng để hỗ trợ ngành công nghiệp công nghệ số phát triển, đóng góp hơn nữa vào kinh tế xã hội, đặc biệt là chuyển đổi số (xây dựng chính phủ số, kinh tế số, xã hội số).

III. Ý KIẾN THAM VẤN

Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổ chức lấy ý kiến đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số qua 02 hình thức: Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức liên quan, đối tượng chịu sự tác động của chính sách và Đăng tải nội dung dự thảo báo cáo đánh giá tác động của chính sách lên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng Thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân về việc cho ý kiến đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số. Đến nay, Bộ Thông tin và Truyền thông đã nhận được ý kiến góp ý của 73 cơ quan, tổ chức trung ương và địa phương, trong đó 42 cơ quan, tổ chức hoàn toàn nhất trí đối với hồ sơ đề nghị, 31 cơ quan, tổ chức có ý kiến góp ý cho hồ sơ đề nghị.

Trên cơ sở tổng hợp các ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổng hợp và giải trình tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức trung ương và các cơ quan có liên quan, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Luật.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

- Cơ quan giám sát: Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội; Hội đồng dân tộc; Ủy ban của Quốc hội; đại biểu Quốc hội.

- Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách: Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, các Bộ, ngành có liên quan.

Trên đây là nội dung Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, Ngoại giao, Nội vụ;
- Bộ TTTT: Bộ trưởng (để b/c), TTr Phạm Đức Long;
- Lưu: VT, CNTT.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Phạm Đức Long

Phụ lục

Kinh nghiệm quốc tế về phát triển công nghiệp CNTT, công nghệ số

Công nghệ thông tin là một trong những nền tảng, động lực chủ chốt của CMCN 4.0, đóng vai trò cốt lõi trong việc chuyển đổi các hoạt động quản lý nhà nước, kinh tế - xã hội sang những mô hình, phương thức hoạt động mới mang tính đột phá, cách mạng. Giai đoạn 2021 - 2030 là thời kỳ thế giới tiếp tục chịu sự chi phối của chuyển đổi số. Dựa trên nền tảng của nhiều công nghệ mới mà cốt lõi là công nghệ số (trí tuệ nhân tạo, học máy, dữ liệu lớn, chuỗi khối, điện toán đám mây, internet vạn vật,...), chuyển đổi số đang tạo ra không gian phát triển mới - chính phủ số, kinh tế số, xã hội số cho mọi quốc gia. Công nghệ số và các doanh nghiệp công nghệ số đã được xác định là cốt lõi của mọi mô hình tăng trưởng nhanh và bền vững ở nhiều quốc gia. Đại dịch Covid 19 đầu thập kỷ cũng khẳng định vai trò và tiềm năng to lớn của công nghệ số, doanh nghiệp công nghệ số trong giải quyết các thách thức lớn, các vấn đề lớn của thời đại ở quy mô toàn cầu. Gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc trong nghiên cứu, phát triển và làm chủ công nghệ số gần đây còn cho thấy công nghệ số đóng vai trò then chốt trong quyết định vị thế, sức mạnh của các quốc gia, dân tộc trên trường quốc tế trong mọi lĩnh vực kinh tế, xã hội, chính trị và an ninh - quốc phòng.

Theo IDC[2], thị trường ngành công nghiệp CNTT toàn cầu năm 2021 đạt trên 5100 tỷ USD, trong đó các công nghệ mới (như AI, robot, AR/VR, blockchain,…) đạt trên 1000 tỷ USD; toàn ngành công nghiệp CNTT sẽ tiếp tục tăng trưởng gấp hơn 2 lần GDP; các công nghệ mới sẽ chiếm thị phần lớn hơn trên thị trường, từ 19,6% vào năm 2021 lên 30,5% vào năm 2023.

Một số xu hướng công nghệ số mới của CMCN 4.0 và ảnh hưởng tới Việt Nam:

- Internet vạn vật (IoT): Statista dự báo tới năm 2025, thị trường IoT thế giới sẽ đạt 754 tỷ đô la Mỹ với khoảng 25 tỷ thiết bị IoT kết nối Internet toàn cầu thông qua mạng không dây tầm ngắn[3]. Tại Việt Nam, ứng dụng IoT cũng đang được Chính phủ Việt Nam và các doanh nghiệp quan tâm để xây dựng cơ sở hạ tầng thành phố thông minh.

- Trí tuệ nhân tạo (AI): Viện nghiên cứu toàn cầu McKinsey dự báo doanh thu của thị trường trí tuệ nhân tạo toàn cầu là 300 tỷ đô la Mỹ vào năm 2025. Phần lớn công nghệ trí tuệ nhân tạo đã được phát triển ở các nước khác không tương thích để sử dụng được tại Việt Nam do sự khác biệt về chính sách và cách

[2] https://www.idc.com/promo/global-CNTT-spending/forecast

[3] https://www.statista.com/statistics/976045/iot-revenue-forecast-worldwide/

thức kinh doanh. Do vậy, nhu cầu đối với các phần mềm được nội địa hóa là rất cao.

- Chuỗi khối (Blockchain): Thị trường blockchain toàn cầu dự kiến sẽ đạt mức 21 tỷ đô la Mỹ vào năm 2025, chủ yếu tại khu vực Bắc Mỹ, Châu Âu và Châu Á - Thái Bình Dương. Có những tín hiệu quan tâm đáng kể vào blockchain tại Việt Nam, với một số các dự án thử nghiệm công nghệ blockchain đang được triển khai. Tạp chí Forbes cho rằng Việt Nam sẽ sớm trở thành trung tâm sáng kiến phát triển blockchain của Đông Nam Á.

- Thực tế ảo (VR) và Thực tế tăng cường (AR): VR và AR được dự đoán sẽ phát triển mạnh mẽ trên toàn cầu, đặc biệt là ở lĩnh vực y tế, đào tạo, trò chơi công nghệ số và du lịch. Dự báo thị trường AR/VR toàn cầu sẽ đạt 198 tỷ đô la Mỹ vào năm 2025, trong đó khu vực Châu Á - Thái Bình Dương sẽ là đầu tàu tăng trưởng. Các tập đoàn công nghệ hàng đầu Việt Nam như FPT, Viettel và VNG đã cho ra mắt mô hình du lịch và giải trí sử dụng công nghệ VR.

- Điện toán đám mây: Trong khoảng từ năm 2020-2025, doanh thu từ các dịch vụ điện toán đám mây trên toàn cầu được dự báo sẽ tăng từ 171 tỷ đô la Mỹ lên 356 tỷ đô la Mỹ[4]. Xét về triển khai ứng dụng điện toán đám mây, Việt Nam tương đối chậm so với các quốc gia khác nhưng tốc độ ứng dụng điện toán đám mây trong nước tăng nhanh hơn các nước khác trong khối ASEAN. Theo nghiên cứu của Trường Chính sách công Lý Quang Diệu thì ở Việt Nam, doanh thu đến từ các dịch vụ công nghệ đám mây đã tăng 64,4% trong khoảng từ năm 2010 đến 2016.

Dưới đây là kinh nghiệm một số quốc gia trong phát triển công nghiệp CNTT, công nghiệp công nghệ số:

(1) Hàn Quốc

Hàn Quốc là một trong những quốc gia dẫn đầu trong ngành công nghiệp phần cứng. Các ngành công nghiệp phần mềm và dịch vụ đang phát triển nhanh chóng, đặc biệt các phần mềm và dịch vụ kết hợp có giá trị cao. Việc triển khai các hệ sinh thái được xây dựng bởi các doanh nghiệp cung cấp CNTT lớn, được tạo điều kiện bởi một môi trường chính sách phù hợp là yếu tố quan trọng giúp Hàn Quốc đạt được những thành tựu trong phát triển công nghiệp CNTT.

Chính sách phát triển công nghiệp CNTT

Từ năm 2019, mỗi năm, Chính phủ Hàn Quốc dành một khoản ngân sách 1,6 nghìn tỷ won (tương đương 1,41 tỷ USD) để đầu tư phát triển công nghiệp CNTT, đặc biệt là các ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm dựa trên Dữ liệu -

[4] https://www.marketsandmarkets.com/Market-Reports/cloud-applications-market-77759796.html

Mạng - Trí tuệ nhân tạo với các sản phẩm công nghệ mới nổi như điện thoại 5G, thiết bị IoT, thực tại ảo, thực tại tăng cường, sản phẩm dựa trên trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn, màn hình độ phân giải siêu cao,...

Việc hỗ trợ được thực hiện thông qua việc hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt là hỗ trợ hình thành các doanh nghiệp khởi nghiệp về các nội dung:

- Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các dự án nghiên cứu phát triển trên cơ sở lựa chọn từ những đề xuất tốt nhất từ doanh nghiệp, nhà nước hỗ trợ tối đa 66% cho các nghiên cứu của SME, 33% cho doanh nghiệp lớn.

- Hỗ trợ hình thành startup bằng việc xây dựng và vận hành 18 khu đổi mới sáng tạo. Các khu này cung cấp văn phòng làm việc và hạ tầng CNTT với chi phí ưu đãi, thực hiện các hoạt động matching các startup, mời các đối tác đến để tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư, xây dựng các chương trình khác nhau thông qua thảo luận với doanh nghiệp để xác định nội dung và hình thức hỗ trợ. Phối hợp với các đối tác trong nước và nước ngoài, lựa chọn hỗ trợ các deep tech startup như AI, blockchain, thông qua các hoạt động hỗ trợ về thuế, tư vấn, luật pháp, kinh nghiệm kinh doanh ở nước ngoài, đồng thời kết nối với các nhà đầu tư mạo hiểm, tổ chức các trình diễn giới thiệu sản phẩm ra thế giới.

- Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng CMCN 4.0 thông qua việc phối hợp các trường đại học, doanh nghiệp, Hội Phần mềm Hàn Quốc tổ chức hàng loạt khóa đào tạo ngắn hạn về các công nghệ mới nổi.

- Giao cho các doanh nghiệp lớn như SK, Samsung thực hiện vai trò dẫn dắt: Chính phủ Hàn Quốc yêu cầu các các doanh nghiệp lớn lựa chọn trong số những công nghệ mà chính phủ ưu tiên phát triển, xây dựng các vườn ươm hoặc khu công nghệ cao để tạo điều kiện cho các SME/startup có đề án nghiên cứu được vào hoạt động.

Pháp luật hỗ trợ phát triển công nghiệp CNTT

Hàn Quốc đã ban hành Đạo luật đặc biệt thúc đẩy sự hội tụ CNTT lần đầu năm 2013, bản sửa đổi mới nhất có hiệu lực từ tháng 01/2019[5]. Trong đó có các quy định để phát triển công nghiệp CNTT như: Tạo điều kiện cho triển khai các sản phẩm, dịch vụ mới; Phát triển nhân lực (đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nhân lực); R&D; Quản lý chất lượng; Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, khởi nghiệp; Thành lập bộ máy hỗ trợ phát triển CNTT; Hỗ trợ thị trường, thương mại hóa sản phẩm, công nghệ.

---

[5]Special Act on Promotion and Vitalization of Convergence of Information and Communications Technology, https://www.law.go.kr/LSW/lsInfoP.do?lsiSeq=167389&viewCls=engLsInfoR&urlMode=engLsInfoR&lsId=011902&chrClsCd=010202#0000

Đối với chính sách tạo điều kiện cho triển khai các sản phẩm, dịch vụ mới (chính sách sandbox):

Hàn Quốc đưa ra các quy định để quản lý, thúc đẩy các sản phẩm, dịch vụ mới thông qua chính sách cho phép triển khai theo hình thức cấp phép tạm thời, miễn trừ tạm thời để thí điểm triển khai các sản phẩm, dịch vụ mới trong trường hợp pháp luật liên quan khác có quy định cấm hoặc có quy định không rõ ràng, không hợp lý để triển khai. Thêm vào đó, để cơ chế này hoạt động đúng với mục đích đề ra, Chính phủ Hàn Quốc đã chỉ định một cơ quan đầu mối để xử lý các yêu cầu từ doanh nghiệp, giới hạn thời gian xử lý của cơ quan nhà nước (tối đa 60 ngày) để từ đó cho phép doanh nghiệp nhanh chóng thử nghiệm, triển khai vào thực tế. Trong thời gian doanh nghiệp thử nghiệm, các Bộ, cơ quan liên quan sẽ xem xét sửa các quy định để sản phẩm được triển khai vào thực tế. Trường hợp các quy định liên quan không kịp sửa đổi thì doanh nghiệp được phép gia hạn thử nghiệm.

Kết quả: Sau 01 năm triển khai, Bộ Khoa học và CNTT-TT Hàn Quốc đã phê chuẩn 102/120 đơn đăng ký trong năm 2019 với 16 công nghệ, dịch vụ mới đã thương mại hóa thành công bao gồm các dịch vụ nhắn tin di động, dùng chung bếp, đi chung taxi[6]. Một số trường hợp khác như: (1) Huinno, một công ty khởi nghiệp của Hàn Quốc, đã phát triển một thiết bị điện tâm đồ kiểu đồng hồ đeo tay vào năm 2015 nhưng không thể tung ra thị trường do không chắc liệu nó có được phép sử dụng theo luật y tế liên quan hay không. Huinno đã được phép miễn trừ tạm thời cho máy thử nghiệm, theo đó Huinno đã được phép đưa thiết bị vào sử dụng thử nghiệm trên 2.000 bệnh nhân trong thời gian hai năm. (2) NewKoAdwind, một công ty khởi nghiệp của Hàn Quốc, đã nộp đơn xin miễn thử nghiệm tạm thời cho dịch vụ đề xuất của mình, theo đó một hộp giao hàng "kỹ thuật số" sẽ được lắp cho xe đạp giao hàng hiển thị quảng cáo trong khi xe đang vận chuyển. Dịch vụ này không được phép theo luật hiện hành vì luật hiện hành nghiêm cấm thiết lập quảng cáo sử dụng điện hoặc phát xạ ánh sáng trên các phương tiện giao thông nhưng cũng đã được triển khai với điều kiện phải tuân thủ các giới hạn nhất định để đảm bảo an toàn trong quá trình giao thông.

---

[6] https://english.msit.go.kr/eng/bbs/view.do?sCode=eng&mId=7&mPid=2&pageIndex=&bbsSeqNo=44&nttSeqNo=137&searchOpt=&searchTxt= Năm 2019, sau 01 năm triển khai, MSIT đã phê chuẩn 102 trong số 120 đơn đăng ký. Kết quả là 16 công nghệ, dịch vụ mới đã thương mại hóa thành công bao gồm các dịch vụ nhắn tin di động, dùng chung bếp, đi chung taxi. Dịch vụ nhắn tin di động cho các cơ quan hành chính và công cộng (15 cơ quan đã gửi 22 triệu hóa đơn gồm 69 loại bằng tin nhắn di động, trước đó được gửi qua đường bưu điện, tiết kiệm 6,57 tỷ won); Giấy phép lái xe di động được kỳ vọng sẽ ngăn ngừa tội phạm và giảm chi phí cấp lại vì công dân sẽ không bị mất bằng lái xe, và dịch vụ này sẽ được mở rộng sang dịch vụ xác minh danh tính. Dịch vụ bếp chung, cửa hàng đầu tiên ở Sajik-dong, đã tiết kiệm được 0,99 tỷ won chi phí khởi nghiệp để mở 35 cửa hàng.

Như vậy, với chính sách sandbox, nhiều sản phẩm và dịch vụ mới đã được triển khai vào thực tế góp phần phát triển kinh tế, tiết kiệm chi phí cho người dân, doanh nghiệp. Đây có thể coi là biện pháp quản lý linh hoạt, phù hợp nhất đối với công nghệ số mới giúp cho các cơ quan quản lý không bị động, bảo đảm được nguyên tắc quản trị rủi ro phù hợp là cái gì rõ thì ban hành chính sách cụ thể, cái gì chưa rõ thì cho phép thử nghiệm, vừa làm, vừa đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh, không cầu toàn, cũng không nóng vội, linh hoạt và sáng tạo.

(2) Vương quốc Anh (UK)

UK ban hành Chiến lược số Vương quốc Anh (UK Digital Strategy)[7]. UK coi công nghệ số là một trong những lĩnh vực quan trọng nhất của đất nước. Tư tưởng và tham vọng của Chiến lược là tạo ra một nền kinh tế kỹ thuật số hàng đầu thế giới cho tất cả mọi người; bảo đảm Vương quốc Anh là nơi tốt nhất để bắt đầu và phát triển một doanh nghiệp kỹ thuật số, thử nghiệm một công nghệ mới hoặc thực hiện các nghiên cứu tiên tiến; các lĩnh vực kỹ thuật số của Vương quốc Anh duy trì vị thế dẫn đầu thế giới.

07 trụ cột trong Chiến lược số của UK gồm:

- Kỹ năng số (Mục đích: Kỹ năng kỹ thuật số mạnh mẽ hơn ở mọi cấp độ, cho tất cả mọi người, từ việc đưa mọi người lên mạng lần đầu tiên, đến việc thu hút và đào tạo những tài năng lập trình hàng đầu trên thế giới).

- Môi trường phát triển doanh nghiệp công nghệ số (Mục đích: Làm cho UK trở thành nơi tốt nhất để bắt đầu và phát triển một doanh nghiệp kỹ thuật số).

- Chuyển đổi mọi doanh nghiệp thành doanh nghiệp công nghệ số (Mục đích: Tăng khả năng cạnh tranh toàn cầu của UK).

- Dữ liệu (Mục đích: Mở ra sức mạnh của dữ liệu trong nền kinh tế UK và cải thiện niềm tin của công chúng vào việc sử dụng dữ liệu).

- Hạ tầng số (Mục đích: Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật số đẳng cấp thế giới cho Vương quốc Anh, phạm vi phủ sóng rộng khắp, không ai bị bỏ rơi, có đủ công suất cho hiện tại và tương lai).

- An ninh mạng (Mục đích: Làm cho UK trở thành nơi an toàn nhất trên thế giới để sống và làm việc trực tuyến. Đem lại cho mọi người sự tự tin để trở thành một phần của thế giới kỹ thuật số, cũng như mang lại cho UK lợi thế cạnh tranh).

---

[7] https://www.gov.uk/government/publications/uk-digital-strategy/uk-digital-strategy

- Chính phủ số (Mục đích: Duy trì chính phủ UK như một nhà lãnh đạo thế giới trong việc phục vụ công dân của mình trực tuyến).

Các luật/đạo luật/quy định được định hướng, ban hành trong trong Chiến lược:

- Kỹ năng số: Đưa quy định về Quyền được hưởng kỹ năng số vào luật; phát triển Hiến chương/Điều lệ tài năng công nghệ (Tech Talent Charter) để đưa ra các biện pháp chính khuyến khích các tổ chức suy nghĩ khác biệt để hỗ trợ lực lượng lao động công nghệ.

- Môi trường phát triển doanh nghiệp công nghệ số: ban hành chính sách ưu đãi thuế thu nhập đối với lợi nhuận thu được từ các phát minh được cấp bằng sáng chế; giảm thuế cho nhà đầu tư mua cổ phần mới trong các công ty nhỏ, các công ty có rủi ro cao và đang phát triển...; tư tưởng chung là môi trường pháp lý thân thiện với sự đổi mới; tạo một chế độ sở hữu trí tuệ năng động và linh hoạt, theo kịp với sự thay đổi công nghệ.

- Dữ liệu: Tạo ra các khuôn khổ pháp lý bắt kịp với các công nghệ dữ liệu mới, hỗ trợ việc sử dụng dữ liệu một cách sáng tạo của doanh nghiệp và cung cấp sự bảo vệ quyền riêng tư của mọi người; biện pháp trừng phạt những vi phạm về bảo vệ dữ liệu.

- Hạ tầng số: Khuyến khích đầu tư vào cơ sở hạ tầng số; thúc đẩy cạnh tranh; quy định để giúp các nhà khai thác xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng số nhanh hơn và rẻ hơn; cải thiện quy định của thị trường tiêu dùng.

Thành công của UK[8,9]:

- Ngành công nghệ số tăng trưởng nhanh hơn sáu lần so với bất kỳ lĩnh vực nào khác ở UK vào năm 2019, là điểm sáng trong nền kinh tế UK.

- Tăng trưởng lĩnh vực công nghệ của UK đánh bại cả Mỹ và Trung Quốc vào năm 2019.

- Số lượng kỳ lân công nghệ được tạo ra ở UK chỉ đứng sau Mỹ và Trung Quốc. 08 công ty trị giá hàng tỷ USD được thành lập ở Anh vào năm 2019 - nâng tổng số có trụ sở tại Vương quốc Anh lên 77, gấp đôi tổng số ở Đức (34) và gần gấp bốn lần Israel (20).

(3) Châu Âu (EU)

---

[8] https://technation.io/news/2019-a-record-year-for-uk-tech/

[9] https://www.fenews.co.uk/fevoices/54790-digital-tech-industry-growing-six-times-faster-than-any-other-sector-how-do-we-bridge-the-digital-skills-gap

EU ban hành "Chiến lược số - Digital Strategy"[10], bao gồm các chính sách phát triển và một số đạo luật, quy định đi kèm. Mục đích của Chiến lược: Công nghệ số đang thay đổi cuộc sống của con người và Chiến lược số của EU nhằm làm cho sự chuyển đổi này mang lại hiệu quả cho người dân và doanh nghiệp, đồng thời giúp đạt được mục tiêu về một châu Âu trung hòa với khí hậu vào năm 2050. EU quyết tâm thực hiện "Thập kỷ kỹ thuật số", củng cố chủ quyền kỹ thuật số của mình và đặt ra các tiêu chuẩn, thay vì tuân theo các tiêu chuẩn của những người khác - tập trung vào dữ liệu, công nghệ và cơ sở hạ tầng.

Các trụ cột của Chiến lược:

- Trí tuệ nhân tạo (Mục đích: Đem lại cho mọi người sự tự tin để tiếp nhận công nghệ AI đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp phát triển AI).

- Dữ liệu (Mục đích: Đưa EU trở thành nhà lãnh đạo trong một xã hội dựa trên dữ liệu. Việc tạo ra một thị trường duy nhất cho dữ liệu sẽ cho phép dữ liệu lưu thông tự do trong EU và giữa các lĩnh vực vì lợi ích của các doanh nghiệp, nhà nghiên cứu và cơ quan hành chính nhà nước).

- Kỹ năng số (Mục đích: Giải quyết khoảng cách về kỹ năng kỹ thuật số và thúc đẩy các dự án và chiến lược để nâng cao trình độ kỹ năng kỹ thuật số ở châu Âu).

- Máy tính hiệu năng cao (Mục đích: phục hồi của châu Âu, là cốt lõi của những tiến bộ và đổi mới lớn, đồng thời là nguồn lực chiến lược cho tương lai của EU).

- Dịch vụ số, thị trường số (Mục đích: Tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng cho các doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp công nghệ có nền tảng trực tuyến lớn với các doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp).

- Kết nối (Mục đích: Mang lại Internet đáng tin cậy và các kết nối cho tất cả mọi người trên khắp EU).

- An ninh mạng.

Các luật/đạo luật/quy định được định hướng, ban hành trong trong Chiến lược:

- Trí tuệ nhân tạo: Dự kiến ban hành Luật về AI phù hợp với rủi ro nhưng không hạn chế sự đổi mới; yêu cầu các hệ thống AI có rủi ro cao phải minh bạch, có thể truy vết và dưới sự kiểm soát của con người…

- Dữ liệu: Quy định quản trị dữ liệu như quyền riêng tư, bảo vệ dữ liệu; các quy tắc truy cập và sử dụng dữ liệu công bằng, rõ ràng; cung cấp cho người

[10] https://ec.europa.eu/info/strategy/priorities-2019-2024/europe-fit-digital-age_en

dùng các quyền, công cụ và kỹ năng để kiểm soát hoàn toàn dữ liệu của mình, hỗ trợ việc thiết lập và phát triển các không gian dữ liệu chung của châu Âu trong các lĩnh vực chiến lược, liên quan đến cả bên tham gia tư nhân và công cộng: y tế, môi trường, năng lượng, nông nghiệp, di động, tài chính, sản xuất,…

- Dịch vụ số, thị trường số: Ban hành Đạo luật về thị trường số, Đạo luật về dịch vụ số nhằm tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng cho các doanh nghiệp.

- An ninh mạng: Ban hành Luật An ninh mạng.

(4) Trung Quốc

Kinh nghiệm phát triển công nghiệp CNTT của Trung Quốc

- Triển khai một số chính sách ưu đãi như: Ưu đãi thuế TNDN cho doanh nghiệp công nghệ cao và mới (high and new technology enterprises (HNTEs) bao gồm: Electronic information; High technology service industry; Innovation for high and new technology in traditional industries). Miễn thuế nhập khẩu vật liệu phục vụ sản xuất. Trợ cấp lãi suất cho các khoản vay từ các ngân hàng thương mại.

- Chứng nhận sản phẩm, hàng hóa: Trung Quốc áp dụng hệ thống chứng nhận CCC (China Compulsory Certificate), một loại chứng nhận bắt buộc đối với nhiều loại sản phẩm hàng hóa nhập khẩu hoặc lưu hành ở thị trường Trung Quốc, được bắt đầu triển khai áp dụng từ tháng 5 năm 2002 và có hiệu lực rộng rãi từ tháng 8 năm 2003. Hệ thống chứng nhận CCC được quản lý bởi một cơ quan nhà nước là CNCA (Certification and Accreditation Administration of China), thuộc Ủy ban nhà nước về giám sát, thanh tra và bảo đảm chất lượng (AQSIQ - Administration of Quality Supervision, Inspection, and Quarantine).

- Chính phủ tham gia góp vốn đầu tư vào các dự án sản xuất (ví dụ: sản xuất chip) như một trong số các nhà đầu tư.

Kinh nghiệm phát triển IoT

- Ở quy mô quốc gia, IoT được chính thức đề cập đến trong một văn kiện quan trọng của Trung Quốc là Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội 5 năm lần thứ 12 và 13 giai đoạn 2011 - 2015, và 2015-2020. IoT được xác định là những trọng tâm được đầu tư với kỳ vọng có được những sự phát triển nhảy vọt.

- Quốc vụ viện đã ban hành "Hướng dẫn về theo dõi và đặt hàng thúc đẩy sự phát triển của IoT".

- Trung Quốc thành lập Ủy ban Chuyên gia tư vấn về phát triển IoT và ban hành 10 kế hoạch hành động, bao gồm: xây dựng lộ trình cho phát triển và ứng dụng IoT, phát triển tiêu chuẩn, nghiên cứu và phát triển công nghệ (R&D), thúc đẩy ứng dụng qua các dự án ươm tạo, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, nghiên cứu về an toàn thông tin, tăng cường sự hỗ trợ của chính quyền trong

phát triển IoT, xây dựng các văn bản luật và pháp quy có liên quan và phát triển nguồn nhân lực.

- Giai đoạn 2015-2020: Các lĩnh vực trọng tâm được ưu tiên đầu tư, ứng dụng IoT bao gồm: hiện đại hóa ngành nông nghiệp, hệ thống công nghiệp hiện đại và được tối ưu hóa, nền kinh tế số (cyber economy), mạng lưới hạ tầng hiện đại, nền đô thị mới.

Kinh nghiệm phát triển khu CNTT tập trung

Tại Trung Quốc, cơ bản các ưu đãi cho doanh nghiệp trong khu CNTT tập trung tương tự như khu công nghệ cao, cụ thể gồm các ưu đãi về miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp; cho phép thành lập doanh nghiệp cổ phần trong các khu phát triển; giảm các loại thuế nhập khẩu, thuế đối với sản phẩm nhập khẩu và sản phẩm dùng cho chế biến hoặc lắp ráp để xuất khẩu; giảm thuế xuất khẩu cho các sản phẩm xuất khẩu; giảm thuế nhập khẩu cho các thiết bị, máy móc trong nước chưa sản xuất được; cho phép các doanh nghiệp trong khu được khấu hao nhanh các thiết bị, máy móc để khuyến khích đổi mới công nghệ; tạo điều kiện cho các cán bộ kỹ thuật và cán bộ quản lý trong khu phát triển công nghệ cao được ra nước ngoài nhiều lần trong năm…

Kinh nghiệm về thu hút đầu tư nước ngoài

Sau khi trở thành quốc gia thu hút lớn về FDI, năm 1995, Trung Quốc chia FDI thành 4 loại: Khuyến khích, cho phép, hạn chế và cấm. Theo đó loại khuyến khích dành cho các dự án chuyển giao công nghệ, nâng năng lực công nghệ doanh nghiệp nội địa,... Các dự án này được hưởng nhiều ưu đãi:

- Chính sách giảm thuế cho các công ty đa quốc gia: Miễn thuế TNDN trong hai năm đầu tiên sau khi có được lợi nhuận đầu tiên và giảm 50% cho 3 năm tiếp theo, con số này có thể lên tới 6 năm đối với các doanh nghiệp CNC.

- Thiết bị và công nghệ nhập khẩu phục vụ cho R&D của các Lab được miễn thuế nhập khẩu.

- Thu nhập từ chuyển giao công nghệ từ các Lab trong nước của FDI được hạch toán riêng và không bị tính thuế TNDN.

- Nếu doanh nghiệp FDI chi tiêu tối thiểu 10% cho R&D của năm trước được xem xét khấu trừ 50% tổng chi phí phát triển công nghệ trong thuế TNDN của năm hiện tại.

- Các FDI có Trung tâm R&D tại Trung Quốc được phép nhập khẩu và bán một lượng nhỏ các sản phẩm công nghệ cao để thử nghiệm tại thị trường địa phương, nếu chúng được sản xuất từ việc R&D của công ty mẹ.

Kinh nghiệm về nghiên cứu khoa học và tăng cường bảo hộ sở hữu trí tuệ nội địa

Trung Quốc đứng đầu thế giới về đăng ký và thực hiện bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ do người Trung Quốc tạo ra. Theo phân tích của Trường Chính sách công Lý Quang Diệu, Chính quyền Trung quốc trong giai đoạn trước thực hiện chính sách "Tech copycat": sao chép công nghệ, ăn cắp mẫu hàng hóa công nghệ nước ngoài để nhanh chóng tiếp cận những công nghệ mới nhất, tích lũy được cả tri thức và tư bản để trở thành một cường quốc hàng đầu về công nghệ[11], hiện nay khi đã có nhiều sở hữu trí tuệ thì Trung Quốc chuyển sang thực hiện những chính sách bảo hộ mạnh mẽ hàng hóa công nghệ nội địa, đặc biệt là công nghệ cao như siêu máy tính, máy bay không người lái[12]. Trung Quốc cũng có chính sách thâu tóm các doanh nghiệp sở hữu nhiều sáng chế về CNTT của Mỹ, điển hình là Lenovo Trung Quốc mua lại mảng máy xách tay Thinkpad của IBM năm 2005, máy chủ trên nền Intel của IBM năm 2014, điện thoại di động của Motorola, từ đó khai thác được thế mạnh về công nghệ cũng như thị trường công nghệ của những doanh nghiệp này.

(5) Khung công cụ chính sách phát triển công nghiệp của OECD

OECD đưa ra các công cụ chính sách để phát triển công nghiệp. Các công cụ này có nhiều điểm tương đồng với chính sách phát triển công nghiệp CNTT của Việt Nam. Vì vậy, có thể nghiên cứu để bổ sung thêm kinh nghiệm quốc tế, vận dụng vào thực tiễn Việt Nam trong xây dựng chính sách phát triển công nghiệp CNTT, công nghiệp công nghệ số.

Nhóm chính sách Domain	**Những chính sách hàng ngang Horizontal Policies**	**Những chính sách chọn lọc Selective Policies**
Thị trường sản phẩm Product markets	Cạnh tranh, chống độc quyền (Competition and anti-trust) Thuế gián tiếp (Indirect tax) Quy định về thị trường sản phẩm (Product market regulation) Chính sách tỷ giá hối đoái (Exchange rate policy)	National Champions Quốc hữu hóa/ tư nhân hóa (Nation alisation/pri vatisation) Trợ cấp đầu ra, viện trợ của nhà nước (Output subsidies/state aids) Thúc đẩy xuất khẩu (Export promotion) Quy định về giá (Price regulation (e.g. pharma)) Đầu tư công (Public procurement) Chính sách thương mại (Trade policy) Phế liệu, rác thải (Car scrappage)

[11] Shira Ovide (2017)/ Who's the Tech Copycat Now? Chinese companies are setting global trends in technology products and business models. Bloomberg. https://www.bloomberg.com/news/articles/2017-06-26/former-tech-copycat-china-turns-tables-on-innovation

[12] Liu Zhen (2018). China boosts intellectual property protection – for its own tech at least. South China Morning Post http://www.scmp.com/news/china/diplomacy-defence/article/2132135/drones-dredgers-stop-chinas-top-tech-falling-foreign

Nhóm chính sách Domain	Những chính sách hàng ngang Horizontal Policies	Những chính sách chọn lọc Selective Policies
Lao động và kỹ năng Labour and skills	Chính sách về kỹ năng và giáo dục (Skills and education policies) Trợ cấp đào tạo (Training subsidies) Trợ cấp tiền lương (Wage subsidies) Thuế thu nhập và việc làm (Income and employment tax) Dịch vụ tư vấn quản lý (Management advisory servies) Quy định về thị trường lao động (Labour market regulation)	Chính sách đào tạo kỹ năng mục tiêu (Targeted skills policies) Chính sách học nghề (Apprenticeship policies) Dịch vụ tư vấn theo ngành cụ thể (Sector-specificadvisory services)
Thị trường vốn Capital markets	Bảo đảm khoản vay (Loan guarantees) Thuế doanh nghiệp/vốn (Corporate tax/capital) Phụ cấp (Allowances) Ổn định vĩ mô/tài chính (Macro/financial stability) Quy định về thị trường tài chính (Financial market regulation)	Quỹ đầu tư chiến lược (Strategic Investment Fund) Các khoản cho vay khẩn cấp (Emergency Loans) Ngân hàng đầu tư nhà nước (State Investment Bank) Xúc tiến đầu tư trong nước (Inward investment promotion)
Đất đai Land	Quy định về kế hoạch, quy hoạch (Planing regulation) Quy hoạch sử dụng đất (Land use planning)	Khu doanh nghiệp (Enterprise zones) Chính sách cụm (Place-based clusters policy) Cơ sở hạ tầng (Infrastructure)
Công nghệ Technology	Tín dụng thuế nghiên cứu khoa học (R&D tax credit) Ngân sách dành cho khoa học (Science Budget) Chế độ IPR (IPR regime)	Công nghệ xanh (Green technology) Dẫn dắt thị trường (Lead Markets) Đầu tư công để đổi mới (Public procurement for innovation) Bằng sáng chế (Patent Box) Tài trợ công nghệ cốt lõi (Selective technology funding) Trung tâm chuyên gia (Centres of expertise)
Hệ thống/Tổ chức System/Institutions	Chính sách khởi nghiệp (Entrepreneurship policy) Quy hoạch, kế hoạch (Scenario planning) Phân phối thông tin (Distribution of information) Khả năng cạnh tranh tổng thể (Overall com peti ti veness) Chiến lược (Strategy)	Lập kế hoạch chỉ định (Indicative planning) Các sáng kiến về tầm nhìn (Foresight initiatives) Xác định các ngành chiến lược (Identifying strategic sectors) Chiến lược cạnh tranh theo ngành (Sectoral competiiveness strategy) Chính sách cụm (Clusters policy)

Luật Đặc biệt để thúc đẩy và nuôi dưỡng sự hội tụ của Công nghệ thông tin và Truyền thông của Hàn Quốc

Sự phát triển kinh tế của Hàn Quốc chủ yếu dựa vào ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông (công nghiệp CNTT-TT)[13]. Ngành công nghiệp CNTT-TT của quốc gia này đứng thứ hạng cao về hạ tầng và ưu thế cạnh tranh. Một trong các yếu tố chính dẫn đến thành công này là các chính sách hội tụ của CNTT-TT[14] được thể hiện bởi Luật Đặc biệt về Thúc đẩy và Tạo sức sống cho sự hội tụ của công nghệ thông tin và truyền thông (Special Act on Promotion and Vitalization of Convergence of Information and Communications Technology[15]).

Để góp phần xây dựng chính sách để phát triển ngành công nghiệp CNTT-TT của Việt Nam, Vụ CNTT đã nghiên cứu và xây dựng báo cáo về Luật Đặc biệt về Thúc đẩy và Tạo sức sống cho sự hội tụ của công nghệ thông tin và truyền thông (sau đây gọi là Luật hội tụ CNTT-TT). Báo cáo gồm ba phần: phần một trình bày khái quát chung nội dung của Luật. Quy định xử lý kịp thời hồ sơ xin cấp phép cho công nghệ mới, dịch vụ mới (chính sách sandbox) được trình bày ở phần hai. Phần ba đề xuất các nội dung có thể áp dụng cho việc xây dựng chính sách CNTT-TT của Việt Nam.

1. Khái quát chung nội dung của Luật

Luật hội tụ CNTT-TT được Chính phủ Hàn Quốc ban hành lần đầu năm 2013, sau ba lần sửa đổi, bản mới nhất được ban hành năm 2018 (hiệu lực từ tháng 01/2019). Mục đích của Luật hội tụ CNTT-TT là nâng cao sự cạnh tranh quốc tế của CNTT-TT bằng cách quy định một hệ thống để thúc đẩy các chính sách cho sự hội tụ của CNTT-TT, hợp lý hóa các hạn chế, bồi dưỡng nguồn nhân lực, phát triển các doanh nghiệp mạo hiểm, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển, v.v.

Luật hội tụ CNTT-TT đưa ra sáu nhóm chính sách để thúc đẩy phát triển CNTT-TT và sự hội tụ gồm (1) xác lập phạm vi và nội dung quản lý; (2) xây dựng hệ thống để định hướng thúc đẩy sự phát triển của CNTT-TT và kích hoạt sự hội tụ; (3) thúc đẩy CNTT-TT; (4) hỗ trợ cho sự hội tụ; (5) các điều khoản bổ sung; và (6) xử phạt các hành vi sai trái.

---

[13] ICT đóng góp 8% vào GDP. IMT Working paper WP/19/19

[14] https://www.researchgate.net/publication/289466408_The_Assessment_of_Information_and_Communication_Technology_ICT_Policy_in_South_Korea

[15] https://www.law.go.kr/eng/engMain.do?menuId=0

1.1 Xác định phạm vi và nội dung quản lý

Phạm vi, nội dung quản lý được thể hiện qua nội hàm của các khái niệm. Các nguyên tắc chung để tạo môi trường thúc đẩy sự phát triển và sự hội của CNTT-TT cũng được thể hiện trong phần này. Các thuật ngữ "sự hội tụ của CNTT-TT", "nội dung số", "người làm nội dung số",... được định nghĩa để xác định phạm vi, nội dung quản lý. Đặc biệt, có một điểm khác là quy định nguyên tắc "**cho phép-trước-quy định-sau**" (permit-first-regulate-later). Theo đó, bất cứ ai cũng được kinh doanh bằng cách sử dụng công nghệ mới hoặc dịch vụ mới do sự hội tụ của CNTT-TT. Nếu tính mạng hoặc sự an toàn của người dân bị đe dọa thì nhà nước hoặc chính quyền địa phương có quyền ngăn cản họ.

1.2 Xây dựng hệ thống để định hướng thúc đẩy sự phát triển của CNTT-TT và kích hoạt sự hội tụ

Định hướng thúc đẩy CNTT-TT phát triển và sự hội tụ được luật hóa thông qua quy định xây dựng, ban hành Kế hoạch tổng thể (master plan) và Kế hoạch hành động (action plan). Bộ trưởng Bộ Khoa học và CNTT-TT (MSIT) sẽ xây dựng và thực hiện kế hoạch tổng thể 3 năm, có thể ngắn hơn và chỉnh sửa tùy theo thực tế. Luật cũng quy định cụ thể các nội dung mà Kế hoạch tổng thể phải có. Kế hoạch Tổng thể phải được Ủy ban Chiến lược CNTT-TT thảo luận, cho ý kiến. MSIT sẽ đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch và giám sát sự thúc đẩy. Các đánh giá này sẽ là căn cứ để xây dựng kế hoạch tiếp theo. Ngoài ra, MSIT được quyền yêu cầu các cơ quan địa phương cung cấp kế hoạch, dữ liệu... để xây dựng kế hoạch.

Để hiện thực hóa Kế hoạch tổng thể, hằng năm, người đứng đầu các Cơ quan quản lý của địa phương xây dựng, thực hiện Kế hoạch Hành động (action plan) và gửi kết hoạch, kết quả đánh giá thực hiện kế hoạch năm trước cho UB Chiến lược. Kế hoạch Hành động hằng năm phải thể hiện được kết quả thảo luận của UB Chiến lược.

Để thảo luận và thông qua các nghị quyết về chính sách thúc đẩy CNTT-TT và sự hội tụ, Chính phủ thành lập Ủy ban chiến lược về Công nghệ thông tin và Truyền thông. UB chiến lược có 25 thành viên với Thủ tướng là Chủ tịch, MSIT là Thư ký thường trực. Thành viên được Thủ tướng bổ nhiệm gồm một số Lãnh đạo địa phương và các ứng viên khác đủ tiêu chuẩn. Một số tiêu chuẩn để lựa chọn ứng viên như phải là phó giáo sư trở lên và có tối thiểu 15 năm làm việc trong lĩnh vực CNTT-TT; hoặc người đã phục vụ hoặc đang phục vụ với chức danh lãnh đạo hoặc chuyên gia trong lĩnh vực CNTT-TT ít nhất 15 năm; thẩm phán, công tố viên, luật sư có ít nhất 15 năm kinh nghiệm...

Luật cũng quy định, để xây dựng và thực hiện các Kế hoạch, Bộ trưởng và Lãnh đạo địa phương có thể thực hiện điều tra thực tế về hiện trạng, thống kê,

điều kiện thực tế...liên quan đến các vấn đề như sự hội tụ của công nghệ và dịch vụ, nguồn nhân lực, nghiên cứu và phát triển và các vấn đề khác phục vụ xây dựng Kế hoạch.

1.3 Thúc đẩy CNTT-TT

Gồm có 03 mũi là (1) xây dựng nền tảng để thúc đẩy CNTT-TT; (2) thúc đẩy công nghệ và dịch vụ mới của CNTT-TT; và (3) thúc đẩy nội dung số và phần mềm.

(1) Xây dựng nền tảng để thúc đẩy CNTT-TT

Chính phủ Hàn Quốc xây dựng nền tảng thúc đẩy CNTT-TT thông qua chính sách về nguồn nhân lực. Các chính sách về nguồn nhân lực gồm bồi dưỡng chuyên gia trong nước; chương trình thực tập được tính tín chỉ vào học tập; khảo sát tìm kiếm nhân sự kỹ thuật công nghiệp; tìm kiếm, bồi dưỡng tài năng từ nguồn nhân lực ngoài nước; và tăng cường mạng CNTT-TT.

(2) Thúc đẩy công nghệ và dịch vụ mới cho CNTT-TT

Để nuôi dưỡng công nghệ và dịch vụ mới của CNTT-TT, MSIT, hằng năm, sẽ chỉ định và hỗ trợ công nghệ và dịch vụ (bao gồm cả nội dung số) triển vọng. Đồng thời, Luật cũng đưa ra các chính sách để hỗ trợ công nghệ, dịch vụ mới và sự hội tụ bằng cách chuẩn hóa công nghệ và dịch vụ; chứng nhận chất lượng dịch vụ; hỗ trợ nghiên cứu và phát triển trong doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ thương mại hóa sản phẩm và dịch vụ hội tụ của CNTT-TT tiềm năng; khu vực công mua sắm các sản phẩm dịch vụ CNTT-TT hội tụ.

(3) Thúc đẩy nội dung số và phần mềm

Chính phủ tạo môi trường để tạo thuận lợi cho sự sáng tạo, sản xuất, phân phối, và sử dụng nội dung số; đồng thời nỗ lực để tăng tính cạnh tranh của ngành. Để thực hiện điều này, Chính phủ sẽ thực hiện các dự án: hỗ trợ sản xuất và phân phối nội dung số; các dự án hợp tác khu vực về nội dung số; hỗ trợ xây dựng hạ tầng cho nội dung số; hỗ trợ nuôi dưỡng nguồn nhân lực nội dung số; dự án nghiên cứu chính sách để thúc đẩy và nuôi dưỡng nội dung số.

Chính phủ thiết lập trật tự công bằng trong việc phân phối nội dung số, xây dựng và thực hiện các biện pháp chính sách liên quan bằng cách thực hiện khảo sát thực tế các kênh, ban hành mẫu hợp đồng liên quan đến giao dịch nội dung số (sau khi thống nhất với Ủy ban Công bằng thương mại).

Ngành phần mềm được thúc đẩy thông qua: mua sắm công; thành lập Viện nghiên cứu và chính sách phần mềm; và thúc đẩy sử dụng phần mềm bản quyền. Luật quy định về việc lập dự án mua phần mềm của khu vực công. Nếu cơ quan chính phủ, địa phương hay tổ chức công đặt hàng dự án phần mềm, thì

sẽ phải tính toán thời gian hoàn thành dự án, nếu dự án kéo dài trên một năm thì phải thực hiện phân bổ ngân sách cho từng năm bao gồm cả chi phí bảo trì. Luật cũng quy định trong trường hợp cơ quan chính phủ, địa phương và tổ chức công, khi mua thiết bị CNTT-TT thì áp dụng điều khoản một bên thầu là nhà nước của Luật Hợp đồng (Act on Contracts to which the State is a Party).

Thêm vào đó, MSIT thành lập Viện nghiên cứu và chính sách phần mềm với các nhiệm vụ chính (1) nghiên cứu các chính sách về phần mềm; (2) phân tích, cung cấp và chia sẻ thống kê và thông tin về ngành công nghiệp phần mềm; (3) tìm kiếm và lập kế hoạch cho các dự án phần mềm mới.

MSIT thúc đẩy sử dụng phần mềm bản quyền thông qua việc thu thập và phân tích thông tin về phần mềm thương mại; kiểm tra chất lượng và hỗ trợ kỹ thuật để thúc đẩy sử dụng phần mềm bản quyền; so sánh và đánh giá chất lượng của phần mềm bản quyền.

1.4 Hỗ trợ cho sự hội tụ của công nghệ thông tin và truyền thông

Được thực hiện qua hai nhánh là (1) hỗ trợ cho các doanh nghiệp mạo hiểm và nuôi dưỡng mua bán công nghệ và (2) nuôi dưỡng sự hội tụ của CNTT-TT.

(1) Hỗ trợ cho các doanh nghiệp mạo hiểm và nuôi dưỡng mua bán công nghệ

Chính phủ hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp mạo hiểm thông qua hỗ trợ thành lập doanh nghiệp trong nước hoặc ở nước ngoài; cung cấp không gian làm việc, phòng họp; cung cấp thông tin về tài chính, nhân lực, thị trường…; hỗ trợ về pháp luật; quảng bá ra nước ngoài sản phẩm công nghệ do doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển; cung cấp dịch vụ dịch thuật và pháp lý để các doanh nghiệp thâm nhập thị trường nước ngoài dễ hơn…

MSIT có thể tổ chức Cơ quan tư vấn toàn cầu với mục tiêu hợp tác quốc tế về CNTT-TT và sự hội tụ của chúng.

MSIT sẽ nỗ lực nâng cao năng suất và giá trị của CNTT-TT bằng cách ghép CNTT-TT với các ngành, dịch vụ khác. Để thúc đẩy sự hội tụ của CNTT-TT, MSIT có thể thành lập một tổ chức để thực các dự án như dự án nghiên cứu và phát triển về sự hội tụ của CNTT-TT; hỗ trợ giới thiệu và môi giới chuyển giao công nghệ; đánh giá các công nghệ cho sự hội tụ của CNTT-TT, và phát triển và phổ biến các phương pháp đánh giá; thu thập, phân tích và cung cấp thông tin về các cuộc điều tra nghiên cứu liên quan đến chuyển giao và thương mại hóa công nghệ hội tụ; hỗ trợ nghiên cứu và phát triển thương mại hóa các công nghệ hội tụ; … Khi các dự án hoàn thành, MSIT có thể thu phí bản quyền từ những người có ý định sử dụng, chuyển nhượng, cho thuê hoặc xuất khẩu kết quả của các dự án này.

MSIT đánh giá các công nghệ mới, thu thập, phân tích và cung cấp thông tin liên quan, hỗ trợ phát triển thương mại hóa và thực hiện các nhiệm vụ khác để tạo môi trường cho mua bán công nghệ mới.

(2) Nuôi dưỡng sự hội tụ của CNTT-TT

Để nâng cao sự hiểu biết của người dân về sự hội tụ của CNTT-TT và lan tỏa văn hóa của sự hội tụ, MSIT sẽ thực hiện các dự án (1) Tìm kiếm các tổ chức và doanh nghiệp điển hình đã đóng góp vào sự hội tụ của CNTT-TT để trao giải thưởng; (2) giáo dục và tổ chức hội thảo.

Để thúc đẩy sự phát triển của các công nghệ mới, MSIT sẽ xử lý kịp thời các hồ sơ xin cấp phép cho các công nghệ mới và cấp giấy phép tạm thời (thời hạn tối đa là hai năm).

1.5 Các điều khoản bổ sung

MSIT có thể sử dụng quỹ (Quỹ phát triển truyền thông quảng bá) để thúc đẩy và nuôi dưỡng sự hội tụ của CNTT-TT.

Quy định cấm cán bộ, công chức nhà nước tiết lộ các thông tin mật biết được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

1.6 Xử phạt các hành vi sai trái

Những hành vi sai trái sẽ bị phạt tù lao động không quá ba năm hoặc phạt tiền không quá 30 triệu won (tương đương 587 triệu đồng); phạt hành chính.

2. Quy định về xử lý kịp thời hồ sơ xin cấp phép của các sản phẩm mới, dịch vụ mới (sandbox policy)

2.1 Nội dung và quy trình xử lý

Để thúc đẩy sự phát triển của các công nghệ mới, MSIT sẽ xử lý kịp thời các hồ sơ xin cấp phép cho các công nghệ mới và dịch vụ mới, cấp giấy phép tạm thời (thời hạn tối đa là hai năm).

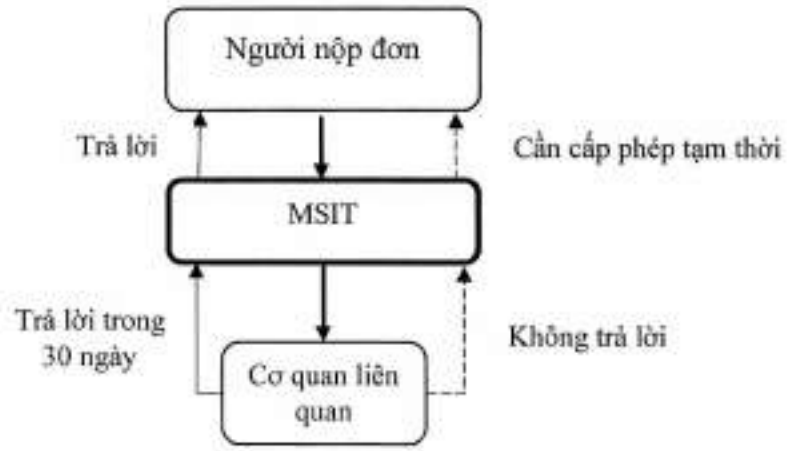

Hình 1. Quy trình xác nhận cần MIST cho phép hay không
Nguồn: Vẽ lại theo quy định của Luật

Cá nhân khi muốn tham gia kinh doanh công nghệ mới hoặc dịch vụ mới thì nộp đơn cho MSIT để xác nhận rằng việc kinh doanh này có yêu cầu sự cho phép, phê duyệt, đăng ký, xác thực, xác minh hay không.

Khi MSIT nhận được đơn này sẽ thông báo với cơ quan liên quan. Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, Thủ trưởng các cơ quan liên quan trả lời MSIT chỉ rõ công nghệ mới hay dịch vụ mới có thuộc thẩm quyền xử lý hay không, hoặc có được phép hay không. Nếu thông báo không được gửi trong thời hạn 30 ngày, nghĩa là không nằm trong thẩm quyền của cơ quan hoặc sự cho phép của cơ quan này là không cần thiết.

Nếu MSIT nhận được câu trả lời của cơ quan liên quan thì sẽ thông báo cho người nộp đơn biết nội dung, nếu không nhận được Bộ sẽ tiến hành cho phép tạm thời (cấp Giấy phép tạm thời).

Người nộp đơn có thể tự do tung ra thị trường các công nghệ và dịch vụ mới nếu không nhận được thông báo yêu cầu phải có sự cho phép từ MSIT hoặc của người đứng đầu các cơ quan liên quan.

Trường hợp người đứng đầu các cơ quan có liên quan cho rằng việc ứng dụng công nghệ và dịch vụ mới cần phải xin phép, người đó phải nêu rõ các điều kiện, thủ tục, v.v. cần thiết để xin phép. Khi người nộp đơn xin phép theo nội dung yêu cầu đã nêu, cơ quan liên quan có trách nhiệm xử lý kịp thời theo quy chế, quy định có liên quan.

Giấy phép tạm thời: Một người có ý định thương mại hóa các công nghệ hoặc dịch vụ mới có thể xin phép tạm thời MSIT trong một trong các trường hợp

sau: (1) các quy chế hoặc quy định quản lý việc cho phép không quy định các tiêu chuẩn, tiêu chí, yêu cầu áp dụng cho các công nghệ hoặc dịch vụ mới này; (2) có sự không rõ ràng hoặc không hợp lý khi áp dụng các tiêu chuẩn, tiêu chí, yêu cầu được quy định trong các quy chế hoặc quy định quản lý việc cho phép.

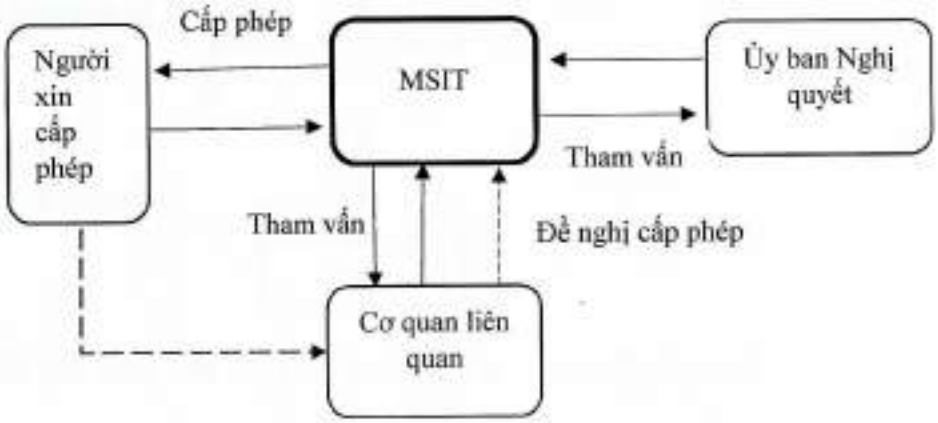

Hình 2. Quy trình cấp phép tạm thời
Nguồn: Vẽ lại theo quy định của Luật

Trường hợp người đứng đầu các cơ quan liên quan không cấp phép đối với các công nghệ mới hoặc dịch vụ mới do các lý do nêu trong hai trường hợp trên, họ sẽ yêu cầu sự cho phép tạm thời của MSIT.

Trường hợp nộp đơn cho cơ quan liên quan hoặc đơn được chuyển đến MSIT, MSIT sẽ tham khảo ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan liên quan; đệ trình vấn đề lên Ủy ban Nghị quyết cùng với kết quả của các cuộc tham vấn; và sẽ cấp phép tạm thời cho các công nghệ hoặc dịch vụ mới. Trong những trường hợp này, MSIT có thể đưa ra các điều kiện cần thiết để đảm bảo tính ổn định của các công nghệ hoặc dịch vụ mới và để bảo vệ người sử dụng.

MSIT có thể tiến hành kiểm tra và thanh tra đối với cho phép tạm thời; hoặc có thể chỉ định một cơ quan hoặc tổ chức với các chuyên gia và công nghệ thích hợp làm cơ quan kiểm tra và thanh tra.

Thời hạn hiệu lực của sự cho phép tạm thời sẽ được quy định bởi Nghị định của Tổng thống nhưng không quá hai năm. Nếu các quy chế hoặc quy định làm cho phải cho phép tạm thời không được sửa đổi trước khi hết thời hạn hiệu lực, MSIT có thể gia hạn thời hạn hiệu lực một lần. Trong những trường hợp như vậy, người xin gia hạn phải nộp đơn cho MSIT hai tháng trước khi hết hiệu lực.

Người đứng đầu các cơ quan liên quan sẽ cố gắng sửa đổi các quy chế hoặc quy định quản lý việc cấp phép đối với các công nghệ hoặc dịch vụ mới trước khi giấy phép tạm thời hết hiệu lực.

Khi các quy chế hoặc quy định quản lý việc cho phép đối với các công nghệ hoặc dịch vụ mới có liên quan được sửa đổi, người đã được cấp phép tạm thời sẽ ngay lập tức được coi là phù hợp với các quy chế hoặc quy định đã được sửa đổi.

Người được cho phép tạm thời phải bồi thường mọi tổn thất về tài sản và cá nhân mà người sử dụng các công nghệ hoặc dịch vụ đó phải gánh chịu: không áp dụng khi người được cho phép tạm thời chứng minh rằng tổn thất đó do cố ý gây ra.

Người được cho phép tạm thời sẽ mua bảo hiểm trách nhiệm để chịu trách nhiệm bồi thường. Nếu người đó không thể mua bảo hiểm trách nhiệm thì người đó sẽ phải chuẩn bị phương án bồi thường phù hợp với tiêu chuẩn, phương thức, thủ tục bồi thường,... do Nghị định của Tổng thống quy định.

Người được cho phép tạm thời phải thông báo cho người sử dụng công nghệ hoặc dịch vụ mới về sự cho phép tạm thời và thời hạn hiệu lực của nó.

Thủ trưởng các cơ quan có liên quan đến việc cho phép tạm thời có trách nhiệm cử công chức tham gia vào các thủ tục kiểm tra việc cho phép tạm thời; và có thể gửi MSIT ý kiến của mình về cho phép tạm thời.

Các vấn đề về tiêu chuẩn, thủ tục, phương pháp, v.v. để kiểm tra sự cho phép tạm thời đối với các công nghệ và dịch vụ mới sẽ do Nghị định của Tổng thống quy định.

2.2 Kết quả 01 năm triển khai sandbox policy[16]

Sau 01 năm triển khai (từ 17/01/2019), MSIT đã phê chuẩn 102 trong số 120 đơn đăng ký trong năm 2019 và thêm mới 40 trường hợp vào sandbox. Kết quả là 16 công nghệ mới, dịch vụ mới đã thương mại hóa thành công bao gồm các dịch vụ nhắn tin di động, dùng chung bếp, đi chung taxi.

Một số kết quả xử lý:

- Các trường hợp được phép tham gia thị trường ngay lập tức thông qua việc áp dụng linh hoạt các luật và các khuyến nghị chính sách liên quan của các Bộ liên quan như: dịch vụ VR treadmill, dịch vụ bản kê doanh thu số (Unless, Kakaopay), Cân kỹ thuật số để cân xe tải chở hàng (Samin Data System).

- Giải quyết các nhiệm vụ quá hạn lâu dài do có sự xung đột giữa các bên liên quan và các quy định như: Đồng hồ theo dõi nhịp tim do Huinno phát triển

[16]https://english.msit.go.kr/eng/bbs/view.do?sCode=eng&mId=7&mPid=2&pageIndex=&bbsSeqNo=44&nttSeqNo=137&searchOpt=&searchTxt=

không thể tham gia thị trường trong 04 năm nhưng đã được đưa vào sandbox; Dịch vụ đi chung taxi từng bị cân nhắc tạm dừng, nhưng đã gia nhập thị trường với tư cách là trường hợp đầu tiên đi chung xe được đưa vào sandbox.

- Các dự án đa dạng CNTT-TT đang được đưa ra thị trường giúp cuộc sống của người dân thuận tiện hơn và góp phần tạo ra giá trị xã hội, tiết kiệm ngân sách như: Dịch vụ nhắn tin di động cho các cơ quan hành chính và công cộng (15 cơ quan đã gửi 22 triệu hóa đơn gồm 69 loại bằng tin nhắn di động, trước đó được gửi qua đường bưu điện, tiết kiệm 6,57 tỷ won); Giấy phép lái xe di động được kỳ vọng sẽ ngăn ngừa tội phạm và giảm chi phí cấp lại vì công dân sẽ không bị mất bằng lái xe, và dịch vụ này sẽ được mở rộng sang dịch vụ xác minh danh tính.

- Các mô hình kinh tế chia sẻ như bếp ăn chung, dịch vụ taxi lớn cho cộng đồng theo yêu cầu, ... được đưa vào sandbox, tạo ra những kết quả rõ ràng (Dịch vụ bếp chung, cửa hàng đầu tiên ở Sajik-dong, đã tiết kiệm được 0,99 tỷ won chi phí khởi nghiệp để mở 35 cửa hàng)

Bộ trưởng MSIT Choi Kiyoung cho biết, "nhìn lại kết quả hoạt động của chương trình trong năm đầu tiên triển khai, chúng tôi có thể nói rằng chúng tôi đã đạt được nhiều thành tựu ngoài mong đợi" và định hướng "MSIT sẽ tập trung hơn nữa vào việc nâng cao chất lượng của chương trình và tăng cường sự đa dạng và đổi mới của các công nghệ và dịch vụ ICT mới nổi để những công nghệ như 5G và AI sẽ tạo ra những thay đổi lớn trong cuộc sống của mọi người".
Thêm vào đó "MSIT xem xét sửa đổi Luật Hội tụ CNTT-TT để kéo dài thời hạn triển khai sandbox từ tối đa 4 năm như hiện tại (2 năm + 2 năm gia hạn) cho đến thời điểm hoàn thành việc sửa các quy định liên quan để giảm bớt sự mâu thuẫn giữa các chương trình sandbox của các Bộ khác nhau và để các công ty đã được cấp phép tạm thời thương mại hóa ổn định.

Trí tuệ nhân tạo (TTNT)

1. Tình hình phát triển TTNT:

(i) Quy mô thị trường:[17]

- Doanh thu TTNT toàn cầu năm 2020: 156,5 tỷ USD tăng 12,3% so với năm 2019, Trung Quốc đứng thứ 2: 43,4 tỷ USD chiếm 27,7% doanh thu toàn cầu.

- Số lượng công ty TTNT toàn cầu: Mỹ chiếm 38,3 %, Trung Quốc chiếm 24,66%.

(ii) Về nghiên cứu: Số lượng bằng phát minh sáng chế tăng nhanh trong những năm gần đây. Hình 1 là số lượng bằng phát minh sáng chế được đăng ký tại Mỹ theo các công nghệ TTNT và lĩnh vực ứng dụng (WIPO Technology Trends 2019). Số liệu cho thấy số lượng phát minh liên quan tới các công nghệ TTNT như học máy, thị giác máy tính, xử lý ngôn ngữ tự nhiên, dự đoán trong mọi lĩnh vực đều đạt con số lớn.

	Machine learning	Computer vision	Natural language processing	Speech processing	Control methods	Planning and scheduling	Robotics	Knowledge representation and reasoning	Predictive analytics	Distributed AI
Telecommunications	[illegible]	[illegible]	7,553	12,549	3,496	2,601	2,478	1,292	1,533	516
Transportation	13,741	[illegible]	2,330	3,997	14,030	3,614	5,080	761	866	533
Personal devices, computing and HCI	11,565	[illegible]	7,620	6,678	1,625	1,663	1,416	1,838	1,069	223
Life and medical sciences	[illegible]	[illegible]	3,818	2,504	1,494	1,617	1,988	1,698	1,694	428
Security	8,813	17,236	3,033	3,075	1,162	1,401	793	795	594	243
ocument management and publishing	6,841	11,530	9,526	3,291	163	517	221	880	431	83
Business	9,709	7,968	5,850	2,422	271	1,381	350	1,820	2,585	189
Industry and manufacturing	9,569	5,573	3,031	798	1,262	2,404	1,073	1,213	1,086	382
Physical sciences and engineering	8,330	5,367	1,284	1,183	1,540	721	679	444	720	171
Networks	5,296	3,659	2,350	1,498	343	789	380	630	570	183
Arts and humanities	2,489	4,852	2,669	2,615	237	273	371	203	277	44
Education	3,914	3,767	1,642	1,951	284	365	372	532	247	56
Cartography	3,276	3,334	1,610	759	697	697	257	365	425	98
Energy management	3,788	1,056	397	309	734	944	336	187	299	335
Entertainment	1,822	2,690	737	1,087	309	199	528	189	133	41
Computing in government	2,583	2,587	938	444	149	380	135	243	213	71
Banking and finance	2,368	2,047	1,055	493	87	435	99	394	449	81
Agriculture	1,430	1,196	291	126	778	282	415	82	138	46
Military	1,309	1,343	370	289	443	241	255	110	111	73
Law, social and behavioral sciences	780	404	550	121	25	153	37	123	65	23

(iii) Về ứng dụng: TTNT được ứng dụng trong hầu hết các lĩnh vực kinh tế - xã hội

- Tài chính ngân hàng: chatbot, phát hiện gian lận, rửa tiền, hỗ trợ quyết định tín dụng dựa trên phân tích dữ liệu lớn…

[17] https://www.globaltimes.cn/page/202104/1221530.shtml

- Thương mại điện tử: các sàn sendo, tiki, lazada... ứng dụng chatbot, TTNT trong hỗ trợ khách hàng lựa chọn sản phẩm. Trong thanh toán điện tử, nhiều ứng dụng sinh trắc học đã được triển khai để tăng cường bảo mật khách hàng.

- Giao thông vận tải và logistics: tăng chất lượng dịch vụ giao thông vận tải như trạm thu phí không dừng, các trung tâm giám sát điều hành giao thông đường bộ, các hệ thống logistics thông minh (gần đây là một loạt các startup công nghệ logistics ứng dụng TTNT như Abivin, Smartlog ...), các hệ thống taxi công nghệ ứng dụng TTNT như Be, Grab, ...

- Y tế: chăm sóc sức khỏe, khám bệnh từ xa...

- Viễn thông: TTNT giúp cải thiện hiệu suất mạng, nhờ vào khả năng phát hiện và dự đoán bất thường về mức độ suy giảm dịch vụ cũng như bằng cách tối ưu hóa dịch vụ khách hàng.

- Công nghiệp và sản xuất: các robot thông minh giúp chủ động tối ưu hóa nhân sự, hàng tồn kho, tiêu thụ năng lượng và nguồn cung cấp nguyên liệu

- An ninh công cộng: hệ thống giám sát để đảm bảo an ninh công cộng như Skynet của Trung Quốc.

- Ứng dụng quân sự: vũ khí thông minh, thiết bị không người lái, hệ thống giám sát, cảnh báo bằng ra đa, camera thông minh phục vụ an ninh, quốc phòng.

- Ứng dụng được thương mại hóa: Các sản phẩm máy bay không người lái, xe tự hành, camera an ninh tích hợp TTNT ...

2. Các vấn đề liên quan đến TTNT:

Tích cực: tăng năng suất, tăng nhu cầu công việc liên quan TTNT, tác động KT-XH ...

Thách thức:

(i)Về mặt công nghệ: Thuật toán TTNT dựa vào xác suất, độ chính xác TTNT phụ thuộc vào số lượng và chất lượng dữ liệu.

(ii) Các mối đe dọa TTNT đối với quyền cơ bản: Kết quả mà sản phẩm TTNT tạo ra phụ thuộc vào cách sản phẩm TTNT được thiết kế và dữ liệu được sử dụng. Nếu không được thực hiện đúng cách, TTNT có thể dẫn đến các quyết định bị ảnh hưởng bởi dữ liệu về dân tộc, giới tính, tuổi khi tuyển dụng hoặc sa thải, cho vay hoặc thậm chí trong quá trình tố tụng hình sự. TTNT có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu.

(iii) Vấn đề về sử dụng TTNT (không sử dụng hoặc lạm dụng TTNT):

- Người dân, doanh nghiệp có thể không tin tưởng vào TTNT (do cơ sở hạ tầng kém, dữ liệu phân mảnh, đầu tư thấp...)

- Lạm dụng TTNT: đầu tư vào TTNT không hữu ích, không được kiểm chứng hoặc áp dụng TTNT vào các nhiệm vụ mà nó không phù hợp, chẳng hạn như sử dụng TTNT để giải thích các vấn đề xã hội phức tạp.

(iv) Tác động đến việc làm: tăng tỷ lệ thất nghiệp.

3. Kinh nghiệm quốc tế về quản lý TTNT

3.1. UK[18]

UK đưa ra **hướng dẫn** sử dụng TTNT trong khu vực công. Theo hướng dẫn của UK, với các dự án TTNT cần cân nhắc nhiều yếu tố liên quan đến đạo đức, an toàn của TTNT, pháp lý và hành chính, bao gồm:

+ Chất lượng dữ liệu (sự thành công của dự án TTNT được xác định phụ thuộc vào chất lượng dữ liệu);

+ Công bằng (mô hình đào tạo và thử nghiệm, hệ thống TTNT được triển khai có trách nhiệm và không thiên vị);

+ Trách nhiệm (xem xét ai chịu trách nhiệm cho từng yếu tố của đầu ra mô hình, cách thức người thiết kế và người thực hiện hệ thống TTNT);

+ Riêng tư (tuân thủ chính sách dữ liệu phù hợp, như quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân);

+ Khả năng giải thích và minh bạch (những người liên quan có thể biết làm thế nào mô hình TTNT đạt được quyết định của nó);

+ Chi phí (xem xét ứng dụng TTNT sẽ mất bao nhiêu chi phí xây dựng, vận hành và bảo trì, cơ sở hạ tầng TTNT, đào tạo và huấn liện nhân viên và liệu việc ứng dụng AI có thể mang lại các lợi ích tốt vượt trội hơn và tiết kiệm hơn không).

3.2. OECD[19]

Tổ chức OECD đã phát triển các **nguyên tắc TTNT** đầu tiên của liên chính phủ (được nhiều quốc gia áp dụng vào năm 2019). Các nguyên tắc của OECD thúc đẩy sáng tạo, đáng tin cậy và minh bạch có trách nhiệm bởi TTNT tôn trọng quyền con người, pháp quyền, sự đa dạng, và các giá trị dân chủ, đồng thời thúc đẩy tăng trưởng toàn diện, phát triển bền vững và hạnh phúc.

3.3. WEF[20]

Tháng 6/2020, WEF hợp tác với Deloitte và Văn phòng TTNT của UK đã **phát triển các hướng dẫn cho khu vực công trong mua sắm các giải pháp TTNT**, giúp các chính phủ xây dựng các phương thức mua sắm hàng đầu, có thể thiết lập các **tiêu chuẩn mới** cho việc **mua sắm và sử dụng TTNT hiệu quả và có đạo đức**, đồng thời đẩy nhanh việc áp dụng TTNT trong khu vực công. Việc phát triển một cách tiếp cận mới để tiếp thu các công nghệ mới nổi như TTNT sẽ không chỉ đẩy nhanh việc áp dụng TTNT trong quản trị mà còn thúc đẩy sự phát triển của các **tiêu chuẩn đạo đức trong phát triển và triển khai TTNT**. Các phương pháp tiếp cận mua sắm đổi mới có tiềm năng thúc đẩy sự đổi mới, tạo ra

---

[18] https://assets.publishing.service.gov.uk/government/uploads/system/uploads/attachment_data/file/964787/A_guide_to_using_AI_in_the_public_sector__Mobile_version_.pdf

[19] https://www.oecd.org/going-digital/ai/principles/

[20] https://www2.deloitte.com/global/en/pages/about-deloitte/articles/guidelines-for-ai-procurement-in-government.html

thị trường cạnh tranh cho các hệ thống TTNT và duy trì niềm tin của công chúng vào việc áp dụng TTNT của khu vực công.

3.4. Liên minh Châu Âu[21]

Ngày 21/4/2021, Liên minh Châu Âu mới đây đã công bố bản đề xuất dài 108 trang về các quy định nghiêm ngặt để kiểm soát việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trước khi công nghệ này trở thành xu hướng phổ biến. Liên minh Châu Âu coi đây là những quy định mang tính bắt buộc nhằm phát triển các chuẩn mực toàn cầu để bảo đảm TTNT có thể tin cậy được.

Đây là chính sách lần đầu tiên xuất hiện để hướng dẫn các công ty và chính phủ cách sử dụng TTNT. Dự thảo bộ luật đặt ra các giới hạn xung quanh việc sử dụng TTNT trong một loạt các hoạt động, từ ô tô tự lái đến các quyết định tuyển dụng nhân sự, cho vay ngân hàng, tuyển sinh và chấm điểm các kỳ thi. Bộ luật cũng bao gồm việc sử dụng TTNT trong hệ thống hành pháp và toà án – những lĩnh vực được coi là "rủi ro cao" bởi chúng có thể đe dọa đến sự an toàn hoặc các quyền cơ bản của mọi người.

Một số ứng dụng sẽ bị cấm hoàn toàn, bao gồm nhận diện khuôn mặt trực tiếp tại nơi công cộng, mặc dù có một số trường hợp ngoại lệ vì an ninh quốc gia và các mục đích khác.

Các quy định có ảnh hưởng sâu rộng tới các công ty công nghệ lớn – những công ty đã đổ nguồn lực vào việc phát triển trí tuệ nhân tạo – bao gồm Amazon, Google, Facebook và Microsoft, nhưng đồng thời cũng là vấn đề của những công ty khác có sử dụng phần mềm này để phát triển y học, thực hiện chính sách bảo hiểm và đánh giá mức độ tín dụng. Một số chính phủ đã sử dụng những phiên bản khác nhau của công nghệ này trong tư pháp hình sự và cung cấp các dịch vụ công

Các công ty vi phạm những quy định mới này khả năng sẽ đối mặt với khoản tiền phạt lên tới 6% doanh thu toàn cầu.

Các quy định của Liên minh châu Âu sẽ yêu cầu các công ty cung cấp TTNT trong những lĩnh vực có rủi ro cao phải cung cấp cho các nhà quản lý những bằng chứng về sự an toàn của nó, bao gồm các đánh giá rủi ro và tài liệu giải thích cách công nghệ đó đang đưa ra quyết định. Những công ty này cũng phải đảm bảo sự giám sát của con người đối với cách mà các hệ thống của họ được tạo ra và sử dụng.

Những công ty công nghệ lớn nhất giờ đang phải đối mặt với sự đánh giá rộng rãi hơn từ các chính phủ trên thế giới, mỗi chính phủ có các chính sách và sự thúc đẩy riêng để điều chỉnh quyền lực của lĩnh vực công nghệ số.

3.5. Về các tiêu chuẩn về TTNT:

[21] https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX%3A52021PC0206

- Một số tiêu chuẩn cho sản phẩm TTNT đang được nghiên cứu, xây dựng bởi IEC và ISO như: chất lượng dữ liệu cho học máy và phân tích; tiêu chuẩn vòng đời áp dụng cho hệ thống TTNT, đánh giá độ tin cậy của hệ thống TTNT[22].

- MLCommons, một nhóm kỹ thuật mở đã công bố MLPerf Inference (version v1.1), bộ tiêu chuẩn hiệu suất suy luận máy học của tổ chức.[23] MLPerf Inference là một điểm chuẩn hệ thống đầy đủ, kiểm tra các mô hình học máy, phần mềm và phần cứng.

4. Đề xuất quản lý nhà nước đối với TTNT

Công nghệ TTNT tiếp tục phát triển nhanh chóng, khoảng cách giữa luật pháp và công nghệ ngày càng lớn trong khi mức độ phức tạp và ứng dụng rộng rãi của TTNT tiếp tục tăng lên. Ngoài việc ứng dụng TTNT trong khu vực công, chính phủ có vai trò quan trọng trong việc định hình cách công nghệ TTNT tác động đến cuộc sống của người dân thông qua các quy định, chính sách và ứng dụng thực tiễn. Vì vậy, để thúc đẩy nhanh ứng dụng TTNT đi vào cuộc sống, cần có quy định quản lý hiệu quả, cụ thể:

(i) Khái niệm sản phẩm trí tuệ nhân tạo

(ii) TTNT được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực, cần phân loại hệ thống/sản phẩm TTNT rủi ro cao theo từng lĩnh vực để có các quy định kiểm soát các vấn đề rủi ro, đảm bảo độ tin cậy.

(iii) Quy định về quản lý, đánh giá, thử nghiệm:

Các hệ thống TTNT hứa hẹn sẽ mang lại nhiều lợi ích, tuy nhiên, các vấn đề về niềm tin, đạo đức và xã hội cần phải được cân nhắc xuất phát từ lĩnh vực ứng dụng, yêu cầu kinh doanh, các quy định pháp luật, người tiêu dùng, người dùng cuối… Hệ thống trí tuệ nhân tạo cần đảm bảo độ tin cậy, công bằng và minh bạch. Do đó, sản phẩm, dịch vụ TTNT cần được **đánh giá theo các tiêu chí** (chất lượng dữ liệu, thiết kế, thành phần hệ thống TTNT, mô hình hệ thống…) để có thể giảm thiểu các lỗ hổng của hệ thống TTNT và cải thiện mức độ đáng tin cậy của hệ thống TTNT.

(iv) Yêu cầu đối với sản phẩm trí tuệ nhân tạo (công nghệ, kỹ thuật, tính năng; tác động về kinh tế xã hội; cách thức đánh giá; môi trường thử nghiệm; bộ dữ liệu mẫu;…)

(v) Cung cấp, sử dụng sản phẩm trí tuệ nhân tạo:

Để thúc đẩy, phát triển và tạo niềm tin sử dụng sản phẩm TTNT trong nhà nước và xã hội cần ban hành khung hướng dẫn cung cấp, sử dụng sản phẩm TTNT. Khung hướng dẫn sẽ đưa ra những quy tắc cơ bản cần giải quyết khi mua sắm và triển khai các giải pháp và dịch vụ TTNT. Các quy tắc này sẽ giúp đơn vị sử dụng phát triển các yêu cầu cho hệ thống TTNT và quản lý quy trình mua

[22] https://www.iso.org/committee/6794475/x/catalogue/p/0/u/1/w/0/d/0

[23] https://mlcommons.org/en/news/mlperf-inference-v11/

sắm, doanh nghiệp cung cấp các giải pháp TTNT hiểu rõ hơn những yêu cầu dự án TTNT để điều chỉnh các đề xuất phù hợp với các tiêu chí mua sắm. Các tiêu chí đánh giá rủi ro hệ thống TTNT như: Dữ liệu (chất lượng dữ liệu – data quality, độ nhạy cảm của dữ liệu - data sensitivity, đồng thuận dữ liệu - data consent); Lĩnh vực ứng dụng; Tác động kinh tế xã hội, phạm vi tác động; Tác động hệ thống TTNT lên các quy trình, người lao động (tác động lên các chức năng chính, mất việc làm…)…

BẢNG TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý HỒ SƠ LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ
(Tổng hợp từ các bộ: Tư pháp, Nội Vụ, Ngoại giao, Tài chính)

Văn bản lấy ý kiến của Bộ TTTT: Văn bản số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021.
Tổng hợp ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ (Bộ Nội vụ thống nhất với toàn bộ dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Luật) và giải trình tiếp thu cụ thể như sau:

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
Góp ý cho Tờ trình Chính phủ			
I. Sự cần thiết			
1.	Bộ Ngoại giao	Tại mục II, điểm 1, kiến nghị thay cụm từ "Kiến tạo được không gian tăng trưởng…" bằng cụm từ "Xây dựng và bảo vệ được không gian tăng trưởng…"	Tiếp thu.
2.	Bộ Ngoại giao	Tại mục I, điểm 2. Cơ sở thực tiễn, đề nghị cân nhắc: bổ sung đánh giá ngành công nghiệp công nghệ số của các quốc gia dẫn đầu trong lĩnh vực như Hoa Kỳ và một số nước trong khu vực ASEAN để có thêm lập luận, cơ sở nghiên cứu xây dựng Luật; bổ sung thêm bất cập về chuỗi cung ứng công nghiệp công nghệ số còn thiếu hoàn chỉnh, đặc biệt trong khâu nghiên cứu/phát triển phần cứng công nghệ số (bán dẫn, vi mạch,…), sản phẩm công nghệ số chưa thâm nhập sâu chuỗi cung ứng công nghệ số toàn cầu.	Giải trình và tiếp thu. Về kinh nghiệm một số nước trên thế giới: Bộ TTTT đã đánh giá và đưa vào Báo cáo đánh giá tác động. Bộ TTTT sẽ tiếp tục nghiên cứu, bổ sung thêm kinh nghiệm quốc tế để có thêm cơ sở lập luận cho xây dựng Luật. Về bổ sung bất cập: Tiếp thu bổ sung câu chữ và nội dung phù hợp.
	Bộ Tài chính	Liên quan đến nội dung về thuế giá trị gia tăng (GTGT) được nêu tại gạch đầu dòng thứ 3, tiết 2 điểm a khoản 2 mục I phần I – Về sự cần thiết	Tiếp thu. Bổ sung vào Tờ trình, mục sự cần thiết xây dựng Luật và nội dung liên quan đến sản phẩm, dịch vụ phần

		ban hành văn bản của dự thảo tờ trình Chính phủ (trang 4-5) thì tại Luật thuế GTGT và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn hiện hành đã quy định sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Để đảm bảo cơ sở pháp lý khi xác định nghĩa vụ thuế đối với sản phẩm và dịch vụ phần mềm, đề nghị Bộ TTTT sửa đổi, bổ sung Luật Công nghiệp, công nghệ thông tin và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật theo hướng quy định rõ các loại hình sản phẩm, dịch vụ phần mềm.	mềm vào Đề cương Luật
II. Mục đích, quan điểm			
III. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng			
	Bộ Tài chính	- Tại điểm 3.3 phần IV- Dự thảo tờ trình Chính phủ (trang 13) gạch đầu dòng thứ 4 có nêu: "Về chính sách phát triển sản phẩm, dịch vụ Make in Viet Nam: quy định một số chính sách ưu tiên, ưu đãi như ưu tiên trong mua sắm của cơ quan nhà nước; Chính phủ hỗ trợ, đặt hàng nghiên cứu phát triển, làm chủ các sản phẩm, công nghệ lõi, then chốt, lưỡng dụng; chứng nhận về chất lượng, hỗ trợ tạo điều kiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, kết nối thị trường tiềm năng trong và ngoài nước, giảm thuế,...". Đối với nội dung này, về thuế liên quan đến hàng hóa mua bán, trao đổi nội địa, thuế GTGT là thuế gián thu thu theo hàng hóa, dịch vụ và theo pháp luật thuế GTGT hiện hành, không có quy định miễn, giảm thuế. Do vậy, đề nghị thực hiện theo	Tiếp thu. Dự thảo chính sách loại bỏ chính sách ưu đãi cụ thể về thuế (để thực hiện theo pháp luật về thuế)

		quy định hiện hành của pháp luật về thuế GTGT.	
	Bộ Tài chính	- Về các nội dung ưu đãi thuế tại dự thảo tờ trình Chính phủ và các tài liệu liên quan gửi kèm hồ sơ xin ý kiến: Bộ Tài chính đã có ý kiến tham gia về vấn đề này, trước đây đã nêu rõ pháp luật thuế hiện hành áp dụng thống nhất đối với tất cả các thành phần kinh tế, không phân biệt loại hình doanh nghiệp (đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài). Các ưu đãi thuế đã được quy định tại các Luật thuế theo lĩnh vực, địa bàn ưu đãi đầu tư, trong đó quy định ưu đãi đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, công nghệ cao nói chung và đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ, công nghệ thông tin nói riêng ở mức cao nhất trong khung ưu đãi của pháp luật thuế. Vì vậy, để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật, đề nghị Bộ TTTT không đưa nội dung về thuế tại Luật công nghiệp, công nghệ số như ý kiến của Bộ Tài chính đã nêu tại công văn số 8363/BTC-THTK ngày 28/7/2021.	Tiếp thu. Không đưa nội dung về thuế tại Luật công nghiệp công nghệ số. Luật dự kiến sẽ tập trung vào việc xác định rõ: - Đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi (như sản xuất sản phẩm phần mềm, sản xuất sản phẩm nội dung số, sản phẩm phần cứng, sản phẩm công nghệ số trọng điểm quốc gia, đào tạo nhân lực công nghệ số,…). - Tiêu chí xác định đáp ứng điều kiện được hưởng ưu đãi. - Thẩm quyền, trách nhiệm trong việc xác định đáp điều kiện được hưởng ưu đãi.
	Bộ Tài chính	Về đề xuất xác định ngành công nghiệp công nghệ số là một ngành kinh tế trong hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (được nêu tại trang 10-11 của dự thảo tờ trình): Đề nghị Bộ TTTT lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê). Tuy nhiên, cần phân định cụ thể: (i) các hoạt động nghiên cứu, sản xuất ngành công nghiệp số; (ii) các hoạt động ứng dụng công nghệ số trong đó hoạt động ứng dụng công nghệ số diễn ra ở mọi ngành, nghề, lĩnh vực kinh tế xã hội.	Tiếp thu và giải trình. Hoạt động nghiên cứu, sản xuất, ứng dụng công nghiệp số đã được đưa vào Điều quy định về Hoạt động công nghiệp công nghệ số và Điều quy định về nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ số phục vụ phát triển công nghiệp công nghệ số.

IV. Chính sách 1: Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng quản lý trong các hoạt động công nghiệp công nghệ số			
V. Chính sách 2: Thúc đẩy phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới			
VI. Chính sách 3: Biện pháp bảo đảm phát triển công nghiệp công nghệ số			
	Bộ Tài chính	Theo khoản 4, điều 9 Luật NSNN năm 2015 quy định: "Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do cấp đó bảo đảm; việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách từng cấp; việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách phải bảo đảm trong phạm vi ngân sách theo phân cấp". Tuy nhiên, tại gạch đầu dòng thứ nhất phần V (trang 15) của dự thảo tờ trình của Bộ TTTT đánh giá nội dung này còn rất chung chung: "Sau khi Luật công nghiệp công nghệ số được ban hành, Nhà nước cần đầu tư một khoản kinh phí cho việc tổ chức thực hiện cụ thể là: (i) Cân đối, bố trí nguồn ngân sách để triển khai các chương trình đầu tư, phát triển công nghiệp, công nghệ số, xây dựng hạ tầng cho phát triển công nghiệp, công nghệ số; (ii) tuyên truyền, phổ biến đào tạo nội dung của Luật (chi phí in ấn, hợp đồng với phương tiện thông tin đại chúng,...); (iii) Chi phí triển khai thi hành Luật khi có hiệu lực thi hành và chi phí phục vụ việc theo dõi; sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình thực thi Luật theo thời gian định kỳ hoặc đột xuất; (iv) Để tổ chức triển khai Luật công nghiệp, công nghệ số sau khi được ban hành, cần thiết bố trí các nguồn lực để xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành". Vì vậy, đề nghị	Tiếp thu, giải trình Trong quá trình xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số, Bộ TT&TT sẽ nghiên cứu, làm rõ các nội dung dự kiến triển khai từ ngân sách nhà nước, nội dung do các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, Quỹ ngoài ngân sách thực hiện. Bộ TT&TT sẽ phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan trong quá trình xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số thời gian tới để đánh giá tác động đối với các nội dung có sự thay đổi có tác động tới NSNN và dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành văn bản sau khi được thông qua.

		Bộ TTTT trong quá trình xây dựng Luật Công nghiệp, công nghệ số xác định rõ những nội dung triển khai từ ngân sách nhà nước, nội dung do các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, Quỹ ngoài ngân sách thực hiện; tiếp tục hoàn thiện nội dung đánh giá tác động đối với các nội dung có sự thay đổi trong đó có tác động tới NSNN và dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành văn bản sau khi được thông qua, gửi lại các Bộ, ngành địa phương có liên quan có ý kiến cụ thể.	
	Bộ Tài chính	Tại công văn số 8363/BTC-THTK ngày 28/7/2021 của Bộ Tài chính tham gia ý kiến về báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp, công nghệ số theo đề nghị của Bộ TTTT tại công văn số 2234/BTTTT-THH ngày 24/6/2021, Bộ Tài chính đã có ý kiến về báo cáo đánh giá tác động của Bộ TTTT về chính sách vốn, ưu đãi cho công nghiệp, công nghệ số, trong đó đề nghị bỏ đề xuất: Xác định rõ mức chi cụ thể cho công nghiệp, công nghệ thông tin (CNTT), công nghệ số trong tổng chi ngân sách nhà nước do việc quản lý kinh phí thường xuyên ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn; trong đó đối với việc thực hiện chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho CNTT nói chung và công nghiệp CNTT, công nghệ số nói riêng được thực hiện ở nhiều ngành/lĩnh vực (sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp giáo dục và đào tạo,...). Tại dự thảo	Tiếp thu. Điều chỉnh lại dự thảo chính sách theo hướng: Xây dựng **quy định nguyên tắc** chi, nhiệm vụ, loại chi trong ngân sách nhà nước cho công nghiệp công nghệ số.

		kèm theo công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ TTTT (tờ trình, đề cương xây dựng Luật, Báo cáo đánh giá tác động): Bộ TTTT tiếp tục đề xuất chính sách về vốn đầu tư, ưu đãi cho công nghiệp, công nghệ số, trong đó bao gồm: Bảo đảm chi công nghiệp số trong tổng số chi ngân sách nhà nước hàng năm. Đồng thời, Bộ TTTT không báo cáo cơ sở tiếp tục đề xuất chính sách nêu trên. Do vậy, đề nghị Bộ TTTT tiếp tục nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính tại công văn số 8363/BTC-THTK ngày 28/7/2021. Theo đó đề nghị bỏ đề xuất: "Bảo đảm chi cho công nghiệp công nghệ số trong tổng chi ngân sách nhà nước hàng năm".	
	Bộ Tài chính	Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 36 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Bộ Tài chính có trách nhiệm gửi báo cáo đánh giá về nguồn tài chính đối với đề nghị xây dựng Luật. Tuy nhiên, Bộ TTTT không có đánh giá cụ thể về nguồn tài chính đối với các giải pháp tại dự thảo báo cáo đánh giá tác động chính sách của đề nghị xây dựng Luật (trang 20-24) cụ thể: đối với Chính sách 3 (Biện pháp bảo đảm phát triển công nghiệp, công nghệ số), Chính sách 4 (Kết cấu hạ tầng công nghiệp công nghệ số), Bộ TTTT đều lựa chọn giải pháp 2 và có nêu cần bố trí ngân sách để hỗ trợ doanh nghiệp (gián tiếp bằng ưu đãi thuế), triển khai một số hoạt động như đầu tư, đặt hàng phát triển một số công nghệ, sản phẩm công nghệ số trọng yếu, xây dựng thương hiệu	Tiếp thu, giải trình Bộ TT&TT sẽ tiếp tục nghiên cứu và bổ sung đánh giá nguồn tài chính cần thiết (trong giai đoạn tiếp theo xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số) để thực hiện các chính sách để các bộ, ngành liên quan đánh giá hiệu quả và tác động của các giải pháp đề ra.

		ngành (trang 23); Nhà nước phải đầu tư kinh phí để xây dựng, quản lý, vận hành một số trung tâm dữ liệu quy mô quốc gia, trung tâm tính toán hiệu năng cao, khu công nghệ thông tin tập trung (trang 25),... Do đó, có phát sinh kinh phí ngân sách nhà nước cho các hoạt động này. Vì vậy, đề nghị Bộ TTTT bổ sung đánh giá cụ thể về nguồn tài chính để Bộ Tài chính có cơ sở tham gia ý kiến theo quy định tại Khoản 1, Điều 36 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.	
	Bộ Tài chính	Về chính sách vốn, ưu đãi cho công nghiệp công nghệ số: Mục chi riêng trong mục lục NSNN: a. Về quy định hiện hành về mục lục ngân sách (MLNS): Theo quy định tại Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính quy định Hệ thống Mục lục ngân sách nhà nước: - Về danh mục mã loại khoản: Các khoản chi ngân sách nhà nước (NSNN) trực tiếp cho lĩnh vực Công nghệ thông tin (CNTT) được chi tiết theo Khoản 314 "Công nghệ thông tin" (thuộc lĩnh vực "Các hoạt động kinh tế" – Loại 280). Trường hợp đơn vị sử dụng ngân sách được giao dự toán theo các lĩnh vực khác để mua các sản phẩm CNTT, đào tạo, tập huấn, hội thảo về CNTT nhằm phục vụ hoạt động của mình theo nhiệm vụ được giao thì phản ánh vào các tiểu mục tương ứng. Các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện chi theo dự toán đã được giao theo quy định của Luật NSNN. - Về danh mục mã mục, tiểu mục: Các khoản chi	Tiếp thu. Bộ TT&TT nghiên cứu, làm rõ về nội hàm, phạm vi và loại hình của công nghệ số để có cơ sở bổ sung, sửa đổi MLNS đối với các khoản chi từ nguồn NSNN cho công nghệ số và sửa đổi tại các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

		liên quan đến CNTT được chi tiết tại các tiểu mục như sau: + Tiểu mục 6912 "Các thiết bị công nghệ thông tin"; + Tiểu mục 6956 "Mua sắm các thiết bị công nghệ thông tin"; + Tiểu mục 7053 "Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin"; + Tiểu mục 7054 "Xây dựng phần mềm công nghệ thông tin"; + Tiểu mục 9356 "Các chi phí mua thiết bị, phần mềm, lắp đặt, hiệu chỉnh, đào tạo, chuyển giao, vận chuyển, bảo hành, thuế, phí liên quan công nghệ thông tin. Về nội dung liên quan đến mục chi riêng trong mục lục NSNN để quản lý chính sách vốn, đầu tư, ưu đãi cho công nghiệp công nghệ số. - Loại trong MLNS dùng để phân loại lĩnh vực chi theo quy định tại Điều 36 và Điều 38 của Luật NSNN. - Khoản là phân loại chi tiết của Loại, dùng để phân loại các khoản chi NSNN theo ngành kinh tế quốc dân được cấp có thẩm quyền phê duyệt. - Mục, Tiểu mục dùng để phân loại các khoản thu, chi NSNN căn cứ nội dung kinh tế theo các chính sách, chế độ thu, chi NSNN. Hiện nay công nghiệp, công nghệ số chưa được quy định trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Vì vậy cần làm rõ về nội hàm, phạm vi và loại hình của công nghiệp, công nghệ số để từ đó xây dựng cơ chế chính sách phù hợp.	

		Để có cơ sở bổ sung, sửa đổi MLNS đối với các khoản chi từ nguồn NSNN cho công nghiệp, công nghệ số cần bổ sung, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật liên quan. Việc bổ sung, sửa đổi MLNS sẽ được thực hiện để phù hợp với quy định mới tại các văn bản quy phạm pháp luật.	
VII. Chính sách 4: Kết cấu hạ tầng công nghiệp công nghệ số			
VIII. Các ý kiến khác (không thuộc các nội dung trên)			
Góp ý cho Đề cương Luật Công nghiệp công nghệ số			
Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG			
3.	Bộ Ngoại giao	Đề nghị bổ sung thêm điều khoản về "Thanh tra các hoạt động công nghiệp công nghệ số" và "Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động công nghiệp công nghệ số". Trong điều khoản về "giải thích từ ngữ", nên bổ sung thêm một số từ ngữ được sử dụng trong văn bản như sản phẩm trí tuệ nhân tạo, khung kỹ năng công nghệ số quốc gia, chứng chỉ công nghệ số, doanh nghiệp kỳ lân, trung tâm tính toán hiệu năng cao, máy tính hiệu năng cao,…	Tiếp thu. Bổ sung nội dung vào Chương Tổ chức thực hiện
Chương II PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI, DỊCH VỤ MỚI			
Chương III BẢO ĐẢM PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ			
Mục 1 THỊ TRƯỜNG CHO CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ			
Mục 2 PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CÔNG NGHỆ SỐ			
Mục 3 VỐN, ĐẦU TƯ, ƯU ĐÃI CHO CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ			
Điều. Ngân sách nhà nước cho công nghiệp công nghệ số			
Điều**. Quy định về chính sách ưu đãi công nghiệp công nghệ số**			
Điều. Huy động vốn đầu tư cho doanh nghiệp công nghệ số			
Điều. Quỹ phát triển công nghệ số của doanh nghiệp			
4.	Bộ Tài chính	Tại dự thảo Đề cương chi tiết Luật Công nghiệp, công nghệ số - trang 6 có nêu về Quỹ Phát triển	Giải trình và tiếp thu. Điều này không quy định về việc thành lập thêm các

		công nghệ số của doanh nghiệp, tuy nhiên, theo dự thảo về "Chiến lược quốc gia về phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đến năm 2030", Bộ TTTT đề xuất thành lập "Quỹ Phát triển công nghệ số Việt Nam". Đến nay, tại dự thảo đề xuất xây dựng Luật Công nghiệp, công nghệ số, Bộ TTTT tiếp tục đề xuất về Quỹ Đầu tư cho công nghệ số. Việc thành lập nhiều Quỹ sẽ tác động đến tình hình tài chính của doanh nghiệp và tác động đến số thu của NSNN. Trên thực tế, phát triển khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đã được trích lập Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ theo quy định tại Nghị định số 95/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Do đó, trong bối cảnh nguồn lực kinh tế có hạn, đề nghị Bộ TTTT nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách theo hướng nâng cao hiệu quả sử dụng của các nguồn lực hiện có (Quỹ Phát triển khoa học và công nghiệp) và không đề xuất việc thành lập thêm các Quỹ.	Quỹ mới. Điều này quy định một số nguyên tắc quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để khơi thông dòng vốn đầu tư cho công nghệ số, quy định việc trích lập, quản lý Quỹ theo hướng quản trị rủi ro, nhằm đơn giản hóa thủ tục quản lý, sử dụng và thay đổi cách đánh giá hiệu quả của quỹ. Từ đó, khuyến khích các doanh nghiệp tăng trích lập Quỹ, tập trung cho đầu tư nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ số, tạo ra các sản phẩm Make in Viet Nam có sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.
Mục 4 HÌNH THÀNH, QUẢN LÝ, THÚC ĐẨY DỮ LIỆU SỐ			
Điều . Thúc đẩy dữ liệu số (không bao gồm dữ liệu cá nhân và dữ liệu số của cơ quan nhà nước)			
Mục 5 PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ ĐẦU ĐÀN, DOANH NGHIỆP PHÁT TRIỂN/SỞ HỮU SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ SỐ TRỌNG YẾU, DOANH NGHIỆP KỲ LÂN			
5.	Bộ Tư pháp (nhắc lại góp ý lần 1)	Về phát triển doanh nghiệp công nghệ số đầu đàn, đề nghị giải trình, làm rõ về giải pháp thực hiện trong mối tương quan với vấn đề thống lĩnh thị trường, độc quyền theo pháp luật về cạnh tranh và vấn đề đáp ứng các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.	Mục tiêu của Luật nhằm quy định một số chính sách để hình thành các doanh nghiệp công nghệ số lớn, đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp công nghệ số trên thế giới, tránh phụ thuộc về công nghệ, bảo vệ được chủ quyền số quốc gia,… Việc xây dựng các cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số có tiềm năng phát triển là hoạt

			động phổ biến tại các nước. Để hình thành các doanh nghiệp chủ lực, dẫn dắt rất cần có chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp trong từng giai đoạn phát triển và có đầu tư có trọng điểm, chọn lọc các doanh nghiệp tiềm năng để hỗ trợ phát triển và đảm bảo không vi phạm cam kết quốc tế và pháp luật về độc quyền và cạnh tranh. Ví dụ như: (i) Singapore[1], chính phủ dành một khoản ngân sách để tài trợ cho các đơn vị hỗ trợ khởi nghiệp, chẳng hạn như SPRING (thuộc Bộ Thương mại Singapore) tài trợ 70% kinh phí hoạt động cho các vườn ươm. Quỹ Nghiên cứu quốc gia Singapore (NRF) đầu tư đối ứng 10 triệu đôla Singapore (SGD) theo tỷ lệ 1:1 cho doanh nghiệp. Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp thông qua Kế hoạch ươm tạo công nghệ (Technology Incubation Scheme (TIS) trong đó chính phủ đầu tư nửa triệu SGD vào quỹ đầu tư khởi nghiệp theo tỷ lệ đối ứng 6:1, đồng thời chia 7 loại trợ cấp cho mỗi loại hình doanh nghiệp khởi nghiệp của Sing từ mới khởi nghiệp tới giai đoạn mở rộng phát triển. (ii) Indonesia[2]: Năm 2021, chính phủ chọn 15 công ty khởi nghiệp tham gia chương trình tăng tốc có tên "Startup Studio Indonesia", thành lập quỹ NextICorn (viết tắt của Next Indonesia Unicorns Foundation) thúc đẩy hệ sinh thái kỹ thuật số với mục tiêu hình thành 20 kỳ lân công nghệ đến năm 2025.

[1] https://singaporelegaladvice.com/law-articles/start-up-grants-singapore-entrepreneurs/; https://www.startupdecisions.com.sg/singapore/incentives/startup-funding-sources/#:~:text=Startup%20SG%20Equity&text=For%20startups%20that%20are%20improving,cap%20of%20S%242%20million.

[2] https://www.techinasia.com/startup-studio-indonesia-unveils-15-startups-part-latest-cohort https://nextunicorn.ventures/indonesian-government-launches-nexticorn-foundation-to-breed-more-unicorns/ https://www.deskera.com/blog/govt-grants-indonesia-business/

			Bộ TTTT bổ sung vào Đề cương Điều về Hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp công nghệ số và Điều về Phát triển doanh nghiệp công nghệ số chủ lực quốc gia (Quy định cơ chế triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đối với mỗi giai đoạn phát triển: từ việc triển khai thử nghiệm ý tưởng đến thương mại hóa (Proof of concept (POC) và Proof of value (POV)), gọi vốn đầu tư, tuyển dụng nhân lực, phát triển doanh nghiệp, nghiên cứu, mở rộng thị trường ra nước ngoài và huy động vốn,… đảm bảo không vi phạm cam kết quốc tế và pháp luật về độc quyền và cạnh tranh). Bộ TTTT sẽ tiếp tục quy định chi tiết nội dung này trong quá trình xây dựng Luật. Hiện tại trong dự thảo Đề cương Luật đã có một số nguyên tắc để chống vi phạm luật cạnh tranh, chống độc quyền.
Mục 6 MỘT SỐ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM KHÁC			
6.	Bộ Ngoại giao	Tại mục 6, điều về "Hợp tác quốc tế và thâm nhập thị trường nước ngoài", nên cân nhắc lồng ghép nội dung "tăng cường hợp tác quốc tế, góp phần mở rộng và làm sâu sắc hơn hợp tác, học tập kinh nghiệm về chuyển giao khoa học công nghệ, kinh tế số, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo với các nước đối tác lớn, quan trọng có trình độ khoa học tiên tiến, đang đi đầu về công nghệ số, kinh tế số, đổi mới sáng tạo trong cách mạng công nghiệp 4.0".	Điều này đã có quy định chung về việc tham gia các tổ chức quốc tế, hợp tác quốc tế. Nội dung *"…góp phần mở rộng và làm sâu sắc hơn hợp tác, học tập kinh nghiệm về chuyển giao khoa học công nghệ, kinh tế số, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo với các nước đối tác lớn, quan trọng có trình độ khoa học tiên tiến, đang đi đầu về công nghệ số, kinh tế số, đổi mới sáng tạo trong cách mạng công nghiệp 4.0"* thể hiện ý nghĩa, vai trò của hoạt động hợp tác quốc tế, không phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật nên Bộ TTTT đề xuất không đưa vào Luật.
Chương IV KẾT CẤU HẠ TẦNG CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ			
Góp ý cho Báo cáo đánh giá tác động chính sách			
I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN			

	Bộ Tư pháp	Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động (trang 31) có nội dung: Ngoài các chính sách trên, còn có một số chính sách cụ thể để triển khai sau khi Luật được thông qua sẽ giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hoặc Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ (ví dụ như điều kiện kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu). Tuy nhiên, để thể hiện toàn diện, đầy đủ các chính sách, giải pháp xây dựng Luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, thể hiện rõ các nội dung dự kiến giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hoặc Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ.	Tiếp thu. Bộ TTTT thể hiện rõ các nội dung dự kiến giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ,… ở phần kiến nghị giải pháp lựa chọn ở cuối các nhóm chính sách trong Báo cáo đánh giá tác động.
	Bộ Tư pháp	Về Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật, đề nghị đánh giá cụ thể, khách quan, toàn diện, đầy đủ tác động của chính sách trên cơ sở các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP), lưu ý: (i) thống nhất nội dung giải pháp chính sách tại Báo cáo đánh giá tác động với Tờ trình[1]; (ii) đánh giá đầy đủ mặt tích cực, tiêu cực trên mỗi phương diện (kinh tế, xã hội…); (iii) so sánh chi phí, lợi ích của các giải pháp. [1] Ví dụ, chính sách 1 chưa bảo đảm sự thống nhất về giải pháp của chính sách giữa Báo cáo đánh giá tác động chính sách và Tờ trình.	Tiếp thu. Bổ sung đánh giá mặt tích cực, tiêu cực trên mỗi phương diện và so sánh lợi ích của các giải pháp.
II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH			
Chính sách 1: Hoàn thiện các quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng quản lý trong các hoạt động công nghiệp công			

nghệ số			
	Bộ Tư pháp	Nội dung giải pháp của chính sách đã quy định làm rõ khái niệm "Công nghệ số là công nghệ thông tin - tập hợp các phương pháp khoa học, công nghệ và công cụ kỹ thuật số hiện đại …". Như vậy, khái niệm công nghệ số và công nghệ thông tin không khác nhau. Đề nghị giải trình rõ việc phải thay thế khái niệm này, cũng như thay đổi tên của dự án Luật so với trước đây.	Tiếp thu. Bộ TTTT đã bổ sung thêm mục III.1 trong Tờ trình Chính phủ về định nghĩa nội hàm công nghệ số để xác định rõ khái niệm, phạm vi, đối tượng của hoạt động công nghiệp công nghệ số. Cụ thể: Công nghệ số là công nghệ thông tin có sự bổ sung, tích hợp thêm các công nghệ mới bao gồm nhưng không giới hạn như trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối (blockchain), in 3D, internet kết nối vạn vật (IoT), kết nối mạng băng rộng (5G, sau 5G), dữ liệu lớn (Bigdata), điện toán đám mây (Cloud Computing), thực tại ảo (VR), thực tại tăng cường (AR), thực tại trộn (MR).
	Bộ Tư pháp	Mục tiêu của chính sách đặt ra là "Bảo đảm sự phù hợp với thực tiễn phát triển, không có khoảng trống, không chồng chéo với các ngành công nghiệp khác"; đồng thời, chính sách cũng đặt ra giải pháp "Quản lý Nhà nước về ngành công nghiệp công nghệ số (chính sách phát triển ngành; nội dung quản lý nhà nước; quản lý thông tin về công nghiệp công nghệ số; nghiên cứu, phát triển công nghiệp công nghệ số; hành vi bị nghiêm cấm;…)". Tuy nhiên, với khái niệm công nghệ số như giải pháp của chính sách, có thể thấy có sự trùng lặp trong phạm vi điều chỉnh của dự án Luật với các Luật hiện hành như Luật Viễn thông[1], Luật công nghệ cao[2]. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý cho phù hợp.	Bộ TTTT giải trình, làm rõ như sau: Các công nghệ số mới trong đó có 5G, AI, Bigdata,… đang được ứng dụng trong tất cả các ngành, lĩnh vực, do vậy sẽ có nhiều luật chuyên ngành quy định về các công nghệ này. Trong quá trình xây dựng, Bộ TTTT sẽ thống nhất định nghĩa, xác định phạm vi trong các luật để tránh chồng chéo trên nguyên tắc thống nhất khái niệm, còn quản lý là theo chuyên ngành. Ví dụ Luật công nghiệp công nghệ số sẽ quy định về hoạt động sản xuất thiết bị 5G, còn việc cung cấp dịch vụ 5G sẽ quy định trong Luật Viễn thông.
		[1] Ví dụ: vấn đề phát triển mạng băng rộng (4G,	

		5G, sau 5G). [2] Ví dụ: vấn đề về phát triển trí tuệ nhân tạo.	
Chính sách 2: Thúc đẩy phát triển sản phẩm mới, dịch vụ mới			
7.	Bộ Ngoại giao	Chính sách 2 đang đề xuất theo hướng cho phép các tổ chức, cá nhân thủ nghiệm sản phẩm mới trong trường hợp pháp luật hiện hành có quy định cấm hoặc không rõ ràng, không hợp lý đối với việc triển khai các sản phẩm dựa trên kinh nghiệm của Hàn Quốc. Đây là vấn đề tương đối mới tại thị trường Việt Nam, việc quy định mở như vậy sẽ tạo điều kiện hỗ trợ các doanh nghiệp nhanh chóng đưa các sản phẩm mới ra thử nghiệm trên thị trường. Tuy nhiên đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo có đánh giá kỹ về tính khả thi của chính sách này vì nước áp dụng quy định này đều là các nước phát triển trong lĩnh vực công nghệ.	Tiếp thu Sau 01 năm triển khai (từ 17/01/2019), MSIT của Hàn Quốc đã phê chuẩn 102 trong số 120 đơn đăng ký trong năm 2019 và thêm mới 40 trường hợp vào sandbox. Kết quả là 16 công nghệ mới, dịch vụ mới đã thương mại hóa thành công bao gồm các dịch vụ nhắn tin di động, dùng chung bếp, đi chung taxi. Một số kết quả đã đạt được: - Các trường hợp được phép tham gia thị trường ngay lập tức thông qua việc áp dụng linh hoạt các luật và các khuyến nghị chính sách liên quan của các Bộ liên quan như: dịch vụ VR treadmill, dịch vụ bản kê doanh thu số (Unless, Kakaopay), Cân kỹ thuật số để cân xe tải chở hàng (Samin Data System). - Giải quyết các nhiệm vụ quá hạn lâu dài do có sự xung đột giữa các bên liên quan và các quy định như: Đồng hồ theo dõi nhịp tim do Huinno phát triển không thể tham gia thị trường trong 04 năm nhưng đã được đưa vào sandbox; Dịch vụ di chung taxi từng bị cân nhắc tạm dừng, nhưng đã gia nhập thị trường với tư cách là trường hợp đầu tiên đi chung xe được đưa vào sandbox. - Các dự án CNTT-TT đa dạng đang được đưa ra thị trường giúp cuộc sống của người dân thuận tiện hơn và góp phần tạo ra giá trị xã hội, tiết kiệm ngân sách như: Dịch vụ nhắn tin di động cho các cơ quan hành chính và công cộng (15 cơ quan đã gửi 22 triệu hóa đơn gồm 69 loại bằng tin nhắn di động, trước đó được

			gửi qua đường bưu điện, tiết kiệm 6,57 tỷ won); Giấy phép lái xe di động được kỳ vọng sẽ ngăn ngừa tội phạm và giảm chi phí cấp lại vì công dân sẽ không bị mất bằng lái xe, và dịch vụ này sẽ được mở rộng sang dịch vụ xác minh danh tính. - Các mô hình kinh tế chia sẻ như bếp ăn chung, dịch vụ taxi lớn cho cộng đồng theo yêu cầu, ... được đưa vào sandbox, tạo ra những kết quả rõ ràng (Dịch vụ bếp chung, cửa hàng đầu tiên ở Sajik-dong, đã tiết kiệm được 0,99 tỷ won chi phí khởi nghiệp để mở 35 cửa hàng). Như vậy, có thể thấy được sự hiệu quả của chính sách. Tuy nhiên, khi áp dụng vào Việt Nam sẽ phải nghiên cứu có điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh của Việt nam.
8.	Bộ Ngoại giao	Đề nghị tham khảo thêm Chiến lược về đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo ngành Công nghiệp Công nghệ thông tin (ICT) từ năm 2009 đến nay và một số Chiến lược chuyển đổi số của Châu Âu đến năm 2030 như: "Thập kỷ kỹ thuật số của Châu Âu", "Định hình tương lai công nghệ số của Châu Âu"; "Phát triển thương mại điện tử, các hình thức trực tuyến là trọng tâm".	Tiếp thu Bộ TTTT nghiên cứu, bổ sung nội dung liên quan đến "Thập kỷ kỹ thuật số của Châu Âu", "Định hình tương lai công nghệ số của Châu Âu",… vào phần kinh nghiệm quốc tế, chọn lọc các giải pháp phù hợp với thực tiễn của Việt Nam để đưa vào chính sách.
	Bộ Tư pháp	Mục tiêu của chính sách đặt ra bao gồm việc "*Giảm thiểu các rủi ro, tác động tiêu cực khi triển khai, phát triển sản phẩm, dịch vụ mới vào các lĩnh vực của đời sống*". Tuy nhiên, nội dung giải pháp của chính sách tập trung vào vấn đề "tiền kiểm" mà chưa có các giải pháp "hậu kiểm", chưa có giải pháp xử lý rủi ro, hậu quả	Tiếp thu. Bổ sung quy định liên quan đến trách nhiệm của Bộ TTTT trong thực hiện hậu kiểm, thanh kiểm tra vào Điều về Trách nhiệm quản lý về công nghiệp công nghệ số.

		pháp lý (nếu có). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu bổ sung cho phù hợp.	
	Bộ Tư pháp	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát toàn diện các giải pháp thúc đẩy sản phẩm, dịch vụ mới bảo đảm thống nhất với pháp luật hiện hành, ví dụ: Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Luật Công nghệ cao đã có một số quy định liên quan đến việc thử nghiệm sản phẩm mới. Đồng thời, nghiên cứu, rà soát, cân nhắc bổ sung giải pháp liên quan đến vấn đề bảo hộ bản quyền đối với sản phẩm công nghệ số.	Tiếp thu. Bổ sung quy định liên quan đến bảo hộ bản quyền đối với sản phẩm công nghệ số.
Chính sách 3: Biện pháp bảo đảm phát triển công nghiệp công nghệ số			
	Bộ Tư pháp	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các nội dung của giải pháp đề ra, bảo đảm thống nhất, tránh trùng lặp với các quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên, ví dụ: Luật Đầu tư, Luật Công nghệ cao, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa… đã quy định một số chính sách ưu đãi liên quan đến phát triển các sản phẩm công nghệ.	Tiếp thu. Bộ TTTT tiếp thu ý kiến và rà soát để bảo đảm thống nhất, không mâu thuẫn với các chính sách hiện hành, không vi phạm cam kết quốc tế.
	Bộ Tư pháp	Cân nhắc không quy định các giải pháp như chính sách ưu tiên trong mua sắm của cơ quan nhà nước, do nội dung này có thể dẫn đến việc vi phạm cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.	Dù Việt Nam đã là thành viên của WTO nhưng chưa gia nhập hiệp định Hiệp định mua sắm chính phủ - GPA - của WTO, do đó các nội dung về GPA trong WTO, Việt Nam chưa phải thực hiện. Đối với một số cam kết quốc tế khác: Về đối xử quốc gia, các nước đang phát triển ví dụ như Việt Nam sẽ được ưu tiên đối với hàng hóa sản xuất trong nước trong giai đoạn chuyển đổi, khi hết giai đoạn chuyển đổi, thì sẽ thực hiện không phân biệt đối xử. Ví dụ, trong Hiệp định CPTPP, đối với Việt Nam, Hiệp định có hiệu lực từ ngày 14 tháng 01 năm 2019. Việt Nam

			chỉ cam kết mở cửa các gói mua sắm một số loại hàng hóa, dịch vụ nhất định và cam kết mở cửa đấu thầu của 38 đơn vị sự nghiệp. Biện pháp ưu đãi hàng sản xuất trong nước sẽ được loại bỏ từ năm thứ 26 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực đối với Việt Nam. Do đó, việc ưu tiên hàng sản xuất trong nước trong khuôn khổ cho phép sẽ không vi phạm cam kết quốc tế, sẽ là biện pháp hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong nước phát triển, nhất là trong giai đoạn hội nhập quốc tế, cạnh tranh toàn cầu hiện nay.
	Bộ Tư pháp	Đề nghị giải trình, làm rõ thêm việc đưa ra giải pháp về phát triển doanh nghiệp công nghệ số đầu đàn trong mối tương quan với vấn đề thống lĩnh thị trường, độc quyền theo pháp luật về cạnh tranh và vấn đề đáp ứng các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.	Bộ TTTT đã loại bỏ nội dung về doanh nghiệp đầu đàn khỏi dự thảo Đề cương Luật.
Chính sách 4: Kết cấu hạ tầng công nghiệp công nghệ số			
	Bộ Tư pháp	Đề nghị rà soát nội dung giải pháp với các cơ chế, chính sách liên quan hệ sinh thái đổi mới sáng tạo hiện có để tận dụng hiệu quả, thống nhất, đồng bộ, tránh trùng lặp, ví dụ như hoạt động của Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, các khu công nghệ cao…	Bộ TTTT bổ sung giải trình, làm rõ như sau: Kết cấu hạ tầng về phát triển công nghiệp công nghệ số bao gồm khu CNTT tập trung, trung tâm dữ liệu, trung tâm tính toán hiệu năng cao. Các nội dung này chưa được quy định trong hệ thống pháp luật khác nên không có sự chồng chéo, mâu thuẫn.
Các ý kiến khác (không thuộc các nội dung trên)			
Góp ý cho Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật			
Các ý kiến khác không thuộc nhóm nào trong các nhóm trên			
9.	Bộ Ngoại giao	Đề nghị nghiên cứu kỹ các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên, đặc biệt là đối với những nội dung liên quan đến dịch vụ xuyên biên giới, tham khảo, tiếp thu các ý kiến	Bộ TTTT tiếp thu ý kiến này và tiếp tục nghiên cứu trong quá trình xây dựng các nội dung của Luật liên quan đến vấn đề này.

		của tổ chức, doanh nghiệp quốc tế trong quá trình xây dựng Luật, bảo đảm phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam.	
10.	Bộ Tư pháp	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện đúng trình tự, thủ tục, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Luật theo quy định tại Chương III Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020), Chương II Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ). Trong đó, lưu ý tổ chức lấy ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao và các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan, nhất là đối tượng chịu sự tác động của văn bản; trên cơ sở đó, giải trình, tiếp thu đầy đủ ý kiến, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Luật, gửi Bộ Tư pháp thẩm định trước khi trình Chính phủ.	Tiếp thu. Bộ TTTT đã lấy ý kiến của các bộ Tài chính, Nội vụ, Ngoại giao và các bộ, ngành, địa phương và các đối tượng chịu tác động của Luật. Ý kiến của 4 bộ (Tư pháp, Tài chính, Nội vụ, Ngoại giao) và ý kiến các đối tượng chịu tác động đã được Bộ TTTT tiếp thu giải trình đầy đủ trong báo cáo kèm theo Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật.

BẢNG TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý NGHIÊN CỨU LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ
(Tổng hợp từ bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, hiệp hội)

1. Văn bản lấy ý kiến của Bộ TTTT: Văn bản số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 gửi các cơ quan, đơn vị. Văn bản số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 gửi đăng Cổng TTĐT Chính phủ.
2. Các đơn vị gửi xin ý kiến: 119
- Các Bộ: 10
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: 63
- Hội, hiệp hội, tổ chức, doanh nghiệp: 17
- Các đơn vị thuộc Bộ TTTT: 19

3. Các đơn vị đã có ý kiến:
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ: 7/10
- UBND các tỉnh, thành phố: 48/63
- Hội, hiệp hội, tổ chức, doanh nghiệp: 5/17
- Các đơn vị thuộc Bộ TTTT: 13/19

4. Số lượng các cơ quan, đơn vị nhất trí hoàn toàn: 42[1]
5. Không có ý kiến nào góp ý trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ và Cổng Thông tin điện tử của Bộ TTTT

Chi tiết các góp ý

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
Phần 1. Góp ý chung (ví dụ như về sự cần thiết, đề nghị làm rõ,…)			
1.	Viettel	Nhất trí với sự cần thiết của việc xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số. Tuy nhiên, cần xây dựng khung luật chung nhất, có tầm nhìn bao quát,	Tiếp thu. Nội dung Quan điểm xây dựng Luật đã nêu rõ "Tạo khung pháp lý toàn diện để phát triển công nghiệp

[1] UBTW Mặt trận TQ, Bộ Nội Vụ, Bộ LĐTBXH, Tuyên Quang, Ninh Thuận, Cần Thơ, Sơn La, Hà Tĩnh, Yên Bái, Bắc Giang, Điện Biên, Ninh Bình, Hưng Yên, Bắc Kạn, Bến Tre, Nghệ An, Nam Định, Hà Giang, Long An, Gia Lai, Hòa Bình, Vĩnh Phúc, Đồng Nai, Hà Nam, Lâm Đồng, Bình Định, Quảng Bình, Cà Mau, Cao Bằng, Bình Thuận, Trà Vinh, Tiền Giang, Thái Nguyên, Thừa Thiên Huế, Kiên Giang, Đắk Nông, Bà Rịa - Vũng Tàu, Khánh Hòa, Cục TTCS, Cục TTĐN, Cục Báo chí, Cục TSVTĐ.

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
		thích ứng với sự thay đổi và phát triển nhanh chóng của lĩnh vực công nghệ thông tin nói chung công nghệ số nói riêng trên thế giới và trong khu vực	công nghệ số, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho sự ra đời và phát triển các sản phẩm, công nghệ, mô hình mới có tính sáng tạo, đột phá; tạo điều kiện bảo đảm công nghiệp công nghệ số phát triển nhanh đi đôi với phát triển bền vững; bảo đảm phù hợp với nhu cầu thực tiễn và xu thế phát triển công nghiệp công nghệ số".
Phần 2. Góp ý cụ thể			
Góp ý cho Tờ trình Chính phủ			
I. Sự cần thiết			
2.	Bộ KH&CN	Đề nghị xem xét, bổ sung những cơ sở pháp lý và thực tiễn về kinh nghiệm thế giới, trong đó cần phân tích các nước đã xây dựng và quản lý đối tượng này như thế nào. Trước xu thế phát triển của ngành công nghiệp số thì các nước đó xây dựng một Luật riêng hay bằng hình thức văn bản khác. Vì vậy, về vấn đề này, đề nghị ban soạn thảo cần bổ sung thông tin và phân tích cụ thể để tăng tính thuyết phục, cho thấy việc điều chỉnh này là phù hợp và hòa nhập với xu thể phát triển chung của thế giới. Trên cơ sở ý kiến ở trên, đề nghị nghiên cứu, xây dựng theo hướng xem xét bổ sung sửa đổi Luật công nghệ thông tin đang có để hài hòa với xu hướng phát triển của công nghệ và có sự thống nhất trong các văn bản luật, góp phần thuận lợi trong việc theo dõi, thực thi pháp luật.	Nội dung nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế được trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động. Bộ TTTT sẽ tiếp tục nghiên cứu, bổ sung kinh nghiệm quốc tế để tăng thêm cơ sở lý luận và thực tiễn cho đề xuất Luật. Nội hàm của Luật sẽ có những đối tượng quản lý mới và hình thức quản lý mới,… nên phương án sửa đổi bổ sung Luật CNTT hiện có sẽ không đáp ứng được thực tiễn phát triển. Bộ TTTT đề xuất xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số để thay thế các nội dung về phát triển công nghệ thông tin trong Luật CNTT.
3.	ĐHQG Hà Nội	Hồ sơ đang đề xuất xây dựng Luật căn cứ vào các điểm còn chưa hoàn thiện của Luật Công nghệ	Nội hàm của Luật sẽ có những đối tượng quản lý mới và hình thức quản lý mới,… nên phương án sửa đổi

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
		Thông tin - là lý do ra Luật mới, tuy nhiên, nếu chỉ đơn thuần là bổ sung, làm rõ khái niệm, quy định thì việc bổ sung, mở rộng phạm vi cho các Luật có sẵn sẽ phù hợp hơn là tạo ra một Luật mới	bổ sung Luật CNTT hiện có sẽ không đáp ứng được thực tiễn phát triển. Bộ TTTT đề xuất xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số để thay thế các nội dung về phát triển công nghệ thông tin trong Luật CNTT.
4.	Cục ATTT	Tại tiết (3) điểm a mục 2 Phần I Tờ trình đề nghị xây dựng Luật nêu *"Công nghệ số là bước phát triển tiếp theo của CNTT"*, tuy nhiên nội dung chưa thể hiện rõ sự phát triển này như thế nào. Đề nghị làm rõ hơn sự phát triển, sự khác biệt giữa *"công nghệ số"* và *"công nghệ thông tin"*. Trên cơ sở đó xác định được cụ thể đối tượng hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số để xây dựng chính sách phù hợp	Tiếp thu. Bộ TTTT đã bổ sung thêm mục III.1 trong Tờ trình Chính phủ về định nghĩa nội hàm công nghệ số để xác định rõ khái niệm, phạm vi, đối tượng của hoạt động công nghiệp công nghệ số.
5.	VCCI	Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động, nhiều quy định chính sách còn thiếu các chế định cụ thể để áp dụng trực tiếp, thiết kế chính sách nhưng không bố trí và dự kiến nguồn lực thực hiện phù hợp dẫn đến tình trạng chính sách không khả thi, không được thực hiện trên thực tế… Do vậy, đề nghị cơ quan nghiên cứu bổ sung một số nội dung sau để hoàn thiện Dự thảo Báo cáo và Tờ trình: - Rà soát toàn diện về khung khổ pháp lý các chính sách cho ngành công nghệ thông tin, không chỉ các chính sách nằm trong Luật Công nghệ thông tin mà nằm trong các văn bản khác như Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Luật Công nghệ cao…, và các Dự thảo đang được soạn thảo như Dự thảo về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng…; từ đó chỉ ra	Bộ TTTT tiếp thu và giải trình như sau: - Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật về công nghiệp CNTT đã đánh giá đầy đủ các khía cạnh pháp lý bao gồm pháp luật chuyên ngành về công nghiệp CNTT cũng như các pháp lý liên quan khác như thuế, đầu tư, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ… trong đó đã xác định được các vấn đề bất cập liên quan đến hệ thống pháp luật về công nghiệp CNTT và các điểm không đồng bộ với các hệ thống pháp luật khác (ví dụ như vấn đề áp dụng thuế đối với phần mềm và dịch vụ phần mềm). - Trong quá trình đánh giá tổng kết pháp luật công nghiệp CNTT, Bộ TTTT đã tiếp thu, tổng hợp các vướng mắc của doanh nghiệp trong thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh. - Để đảm bảo hệ thống pháp luật về công nghiệp

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
		các khó khăn vướng mắc và đề xuất nhóm giải pháp tổng thể gắn với quá trình xây dựng luật; - Những điều tra, đánh giá nhu cầu của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp tư nhân trong nước, về ưu đãi, hỗ trợ cũng như các nhu cầu khác như đất đai, nhân lực, tiếp cận vốn, tài chính… - Khung khổ cam kết của Việt Nam trong các hiệp định thương mại để đánh giá không gian ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển cho ngành công nghệ thông tin.	công nghệ số phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia, trong quá trình xây dựng Luật, Bộ TTTT sẽ tiếp tục tham khảo, lấy ý kiến của tổ chức, doanh nghiệp quốc tế.
6.	VCCI	Ngành công nghệ thông tin gồm 03 phân ngành nhỏ. Tương ứng với đó, mỗi phân ngành công nghiệp lại có những khó khăn, bất cập khác nhau, và do đó cần các chính sách ưu đãi, hỗ trợ, tháo gỡ khác nhau. Chẳng hạn, đối với phân ngành công nghiệp phần cứng, khó khăn lớn nhất nằm ở năng lực của các doanh nghiệp trong nước trong việc tham gia sản xuất các sản phẩm điện tử và khả năng tham gia vào chuỗi giá trị của các tập đoàn đa quốc gia. Với ngành công nghiệp phần mềm và công nghiệp công nghệ số, điểm yếu lại nằm ở cơ sở kết cấu hạ tầng, cơ sở dữ liệu và quy định pháp lý cho ngành. Trong khi đó, ngành công nghiệp nội dung lại gặp vấn đề với các biện pháp quản lý có nhiều ảnh hưởng hạn chế đến sự phát triển của ngành, xuất hiện tình trạng "bảo hộ ngược" với các doanh nghiệp nội địa. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung các đánh giá cụ thể về khó khăn, bất cập mà từng phân ngành đang gặp phải, từ đó đưa ra	Bộ TTTT tiếp thu và bổ sung các phân tích về tồn tại hạn chế liên quan đến từng lĩnh vực của ngành công nghiệp CNTT trong Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật.

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
		các chính sách ưu đãi, hỗ trợ phù hợp cho từng phân ngành công nghệ thông tin.	
7.	Viettel	Khái niệm công nghệ số chưa rõ, đề xuất xác định rõ công nghệ số và phạm vi của khái niệm này. Hiện đã quy định về các công nghệ khác nhau tại Luật Công nghệ cao 2008 cùng các nghị định, quyết định hướng dẫn, đồng thời đã có danh mục 99 công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển (theo Quyết định 38/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng ngày 30/12/2020) và 4 nhóm công nghệ ưu tiên nghiên cứu, phát triển và ứng dụng để chủ động tham gia CMCN 4.0 (theo Quyết định 2117/QĐ-TTg của Thủ tướng ngày 16/12/2020), tại đó nhóm công nghệ số gồm 12 đơn nhóm. Bên cạnh đó, công nghệ in 3D tiên tiến, Robot tự hành được phân vào nhóm công nghệ vật lý, không phải nhóm công nghệ số.	Tiếp thu. Bộ TTTT đã bổ sung thêm mục III.1 trong Tờ trình Chính phủ về định nghĩa nội hàm công nghệ số để xác định rõ khái niệm, phạm vi, đối tượng của hoạt động công nghiệp công nghệ số.
II. Mục đích, quan điểm			
8.	Vụ BC	Đề nghị xem xét, bổ sung quan điểm "quản lý, thúc đẩy và kiến tạo thị trường công nghiệp công nghệ số"	Nội hàm của quan điểm xây dựng Luật đã bao hàm các nội dung về quản lý thúc đẩy ("tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho sự ra đời và phát triển các sản phẩm, công nghệ, mô hình mới có tính sáng tạo, đột phá") và các biện pháp thúc đẩy trong đó bao gồm biện pháp tạo thị trường ("tạo khung pháp lý toàn diện để phát triển công nghiệp công nghệ số").
III. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng			
9.	Đồng Tháp	Tại trang 10 của dự thảo Tờ trình, đề nghị điều chỉnh phạm vi áp dụng thành "Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân	Bộ TTTT giải trình như sau: Tương tự như Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp,… quy định hiện nay, đối tượng áp dụng không cần thiết

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
		nước ngoài tham gia hoạt động công nghiệp công nghệ số tại Việt Nam."	phải ghi rõ tổ chức cá nhân Việt Nam và tổ chức cá nhân nước ngoài do Luật này quy định tại Việt Nam, bất cứ đối tượng nào, không phân biệt tổ chức, cá nhân Việt Nam hay nước ngoài, có hoạt động tại Việt Nam cũng đều phải tuân theo pháp luật của Việt Nam.
10.	Đồng Tháp	Tại trang 10, 11 của dự thảo Tờ trình, Đề nghị sửa cụm từ "Hoạt động công nghiệp công nghệ số mới" bằng cụm từ khác phù hợp hơn vì hiện nay chỉ mới có khái niệm về "hoạt động công nghiệp công nghệ thông tin", chưa có khái niệm về "Hoạt động công nghiệp công nghệ số".	Bộ TTTT giải trình như sau: Luật điều chỉnh về công nghiệp công nghệ số nên quy định về các hoạt động công nghiệp công nghệ số là phù hợp trên cơ sở kế thừa, phát triển các hoạt động công nghiệp CNTT trước đây.
11.	Cục THH	Mục đích và quan điểm xây dựng Luật đã nói lên tinh thần chung của Luật là để cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về phát triển công nghiệp công nghệ số, khắc phục những vấn đề bất cập tồn tại do thiếu các quy định tại các văn bản hiện hành và quan trọng hơn nữa là để thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ số. Tuy nhiên, tại nội dung phạm vi điều chỉnh của văn bản lại chưa toát lên được tinh thần này, chủ yếu đề cập đến khía cạnh phục vụ công tác quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số. Đề nghị xem xét nhất quán tinh thần chung của Luật là quản lý để thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ số	Bộ TTTT tiếp thu và điều chỉnh lại phạm vi điều chỉnh như sau: “Luật này quy định về hoạt động công nghiệp công nghệ số và bảo đảm phát triển công nghiệp công nghệ số tại Việt Nam”.
12.	Cục THH	Nếu xác định công nghệ số là CNTT và bao gồm thêm các công nghệ mới của CMCN 4.0 thì mới chỉ đề cập đến khía cạnh kỹ thuật thuần túy để cho thấy sự khác biệt giữa công nghệ số với CNTT truyền	Tiếp thu. Bộ TTTT đã bổ sung thêm mục III.1 trong Tờ trình Chính phủ về định nghĩa nội hàm công nghệ số để xác định rõ khái niệm, phạm vi, đối tượng của hoạt

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
		thống trước đây. Cần làm rõ thêm vai trò, ý nghĩa, tác động của công nghệ số để cho thấy rõ sự khác biệt giữa công nghệ số với công nghệ thông tin truyền thống trước đây.	động công nghiệp công nghệ số.
IV. Chính sách 1: Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng quản lý trong các hoạt động công nghiệp công nghệ số			
13.	Bộ VHTT&DL	Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015: "1. Chính sách là định hướng, giải pháp của nhà nước để giải quyết vấn đề của thực tiễn nhằm đạt được mục tiêu nhất định". Do vậy, cần nghiên cứu thể hiện rõ nội dung chính sách này vì **"hoàn thiện các quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng quản lý" chưa phải là chính sách** theo quy định nêu trên.	Bộ TTTT tiếp thu và chỉnh sửa tên chính sách 1 thành: "Quy định hoạt động công nghiệp công nghệ số, sản phẩm, dịch vụ công nghệ số"
14.	Viettel	- Đề xuất bổ sung khái niệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, và có phạm vi điều chỉnh cụ thể vì đây là then chốt xác định phạm vi doanh nghiệp công nghệ số và công nghiệp công nghệ số. Sản phẩm, dịch vụ được phát triển từ công nghệ số có điểm khác so với sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số, tuy nhiên ranh giới này không rõ với từng lĩnh vực khác nhau. - Đề xuất định nghĩa khái niệm và phạm vi của sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới (sẽ được thúc đẩy phát triển trong chính sách 2) theo hướng các sản phẩm, dịch vụ mới chưa xuất hiện trên lãnh thổ	Bộ TTTT tiếp thu và bổ sung trong dự thảo Đề cương (Điều 3).

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
		Việt Nam nhưng đã có trên thế giới.	
15.	Viettel	Đề xuất bổ sung quy định về quản lý cạnh tranh, chống độc quyền.	Nội dung về quản lý cạnh tranh, độc quyền đã được quy định tại hệ thống pháp luật về cạnh tranh.
V. Chính sách 2: Thúc đẩy phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới			
16.	Bộ VHTT&DL	Đề nghị cần làm rõ các bất cập liên quan đến "Sản phẩm công nghệ số", "dịch vụ công nghệ số", "Sản phẩm mới, dịch vụ mới" để xác định được mục tiêu và các giải pháp khắc phục cho các bất cập này.	Bộ TTTT tiếp thu và bổ sung thêm những bất cập liên quan đến sản phẩm, dịch vụ công nghệ số (liên quan đến việc chưa có quy định pháp lý để điều chỉnh, mục I.2.a, I.2.b). Về sản phẩm công nghệ số mới, Bộ TTTT đã làm rõ thêm trong Báo cáo đánh giá tác động (Mục II.2)
17.	Viettel	Đề xuất không yêu cầu cấp phép, cho phép thử nghiệm… với các hoạt động mà pháp luật không quy định cấm, trừ các hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh có điều kiện hoặc nhạy cảm như y tế, sức khỏe, giáo dục, an ninh tiền tệ, trật tự xã hội… Tránh áp dụng như một quy chuẩn chung cho việc phát triển mọi sản phẩm, dịch vụ mới.	Bộ TTTT giải trình như sau: Mục tiêu của chính sách này là tạo khung pháp lý để thúc đẩy, tạo cơ chế bảo vệ cho hoạt động nghiên cứu, phát triển, thương mại hoá các sản phẩm, dịch vụ mới. Không phải là tạo ra hàng rào kỹ thuật (quy chuẩn) để yêu cầu doanh nghiệp bắt buộc phải tuân thủ khi triển khai mọi sản phẩm, dịch vụ mới. Dự thảo Đề cương quy định các nội dung như: - Quy định cơ quan để điều phối, tổ chức xử lý các đề xuất về nghiên cứu phát triển, triển khai sản phẩm, dịch vụ mới. - Quy định phạm vi, trách nhiệm, thẩm quyền quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ trong việc xác định các biện pháp quản lý và xử lý các đề xuất về nghiên cứu phát triển, triển khai sản phẩm mới, dịch vụ mới thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước chuyên ngành. - Quy định phương thức, nguyên tắc xử lý bảo đảm cho các đề xuất về nghiên cứu phát triển, sản phẩm, dịch vụ mới được triển khai nhanh chóng, kịp thời

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
			(cấp phép/cho phép thử nghiệm/thí điểm hoặc các trường hợp ngoại lệ…) khi tổ chức, cá nhân đề xuất về nghiên cứu phát triển, triển khai sản phẩm, dịch vụ mới.
18.	Cục THH	Đề nghị làm rõ hơn trong nội dung của chính sách đối với việc *"Chỉ định một cơ quan điều phối, tổ chức xử lý các đề xuất về nghiên cứu phát triển, triển khai sản phẩm, dịch vụ mới"*	Bộ TTTT giải trình, làm rõ như sau: Sản phẩm, dịch vụ công nghệ mới có thể được áp dụng ở nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau. Do vậy, cần có 01 đầu mối để điều phối, tổ chức xử lý (sự phối hợp của các bộ, ngành, địa phương,…) tất cả các vấn đề liên quan đến đề xuất, triển khai sản phẩm mới, dịch vụ mới. Nội dung này sẽ được lấy ý kiến và làm rõ trong Luật sau khi lập đề nghị được Chính phủ thông qua.
VI. Chính sách 3: Biện pháp bảo đảm phát triển công nghiệp công nghệ số			
19.	Viettel	Đề xuất bổ sung quy định thành lập và cơ chế hoạt động, cơ chế chi Quỹ đầu tư mạo hiểm của doanh nghiệp.	Bộ TTTT sẽ nghiên cứu, bổ sung trong quá trình xây dựng Luật nếu phù hợp.
20.	Viettel	Đề xuất có quy định cụ thể các chính sách nhằm thu hút nhân lực công nghệ số xuất sắc trong nước và nước ngoài trong nội dung Luật Công nghiệp công nghệ số.	Bộ TTTT đã quy định một số nội dung trong Đề cương (Điều. Thu hút nhân lực công nghệ số xuất sắc trong nước và nước ngoài). Nội dung này sẽ tiếp tục được làm rõ trong quá trình xây dựng Luật.
21.	Viettel	Đề nghị có đánh giá đến việc bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp công nghệ số.	Liên quan đến vấn đề bảo đảm quyền SHTT, Bộ TTTT đang quy định trong mục 6 Chương III của Đề cương. Trong quá trình xây dựng Luật, Bộ TTTT sẽ rà soát, đánh giá để đề xuất các quy định chi tiết điều chỉnh nội dung này.
22.	Viettel	Về các biện phải bảo đảm khác, đề xuất bổ sung chính sách hỗ trợ, tạo môi trường phát triển cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ vì 95% doanh nghiệp tại	Tiếp thu. Trong nội dung về phát triển doanh nghiệp công nghệ số, Bộ TTTT đã đưa các nội dung về quy định

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
		Việt Nam hiện nay vẫn là doanh nghiệp vừa và nhỏ.	các loại hình doanh nghiệp công nghệ số để phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp, trong đó bao gồm cả doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp chủ lực.
23.	Viettel	Về doanh nghiệp công nghệ số đầu đàn, đề xuất xây dựng cơ chế hỗ trợ nhằm giảm thiểu tác động của độc quyền và cạnh tranh không lành mạnh.	Bộ TTTT đã loại bỏ khỏi dự thảo Đề cương Luật nội dung về doanh nghiệp công nghệ số đầu đàn
24.	Viettel	Về Quy định cơ chế quản lý sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu, đề xuất bổ sung việc xác định các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số liên quan mật thiết đến an ninh phi truyền thống (đại dịch, thiên tai, biến đổi khí hậu, năng lượng…).	Bộ TTTT tiếp thu, bổ sung vào dự thảo Đề cương điều quy định về Cơ chế quản lý sản phẩm công nghệ số trọng yếu.
25.	Viettel	Về Quy định hình thành, quản lý, thúc đẩy dữ liệu số: đề xuất đưa thành một nhóm chính sách riêng vì đây là nội dung cốt lõi, đầu vào và cả đầu ra của ngành công nghiệp công nghệ số	Đề cương Luật đã có một mục riêng về Hình thành, quản lý, thúc đẩy dữ liệu số, đồng thời Bộ TTTT bổ sung một số nội dung để rõ nội hàm của mục này, bao gồm các quy định như: 1. Quy định khái niệm và phân loại dữ liệu. 2. Quy định về việc thu thập, sử dụng dữ liệu trong công nghiệp công nghệ số nhằm bảo đảm quyền riêng tư. 3. Quy định bảo đảm an toàn dữ liệu. 4. Quản lý dòng dữ liệu xuyên biên giới. 5. Quy định về chia sẻ dữ liệu. 6. Quy định trách nhiệm của cơ quan quản lý có liên quan trong việc cấp và sử dụng dữ liệu số. 7. Chính sách phát triển doanh nghiệp, thị trường dịch vụ dữ liệu.
26.	Vụ KHTC	Về đề xuất bổ sung ngành “công nghiệp công nghệ số” là một ngành kinh tế trong Hệ thống kinh tế Việt Nam và quy định mức chi cho công nghệ số	Bộ TTTT đã bổ sung tổng kết nội dung chi NSNN cho CNTT giai đoạn 2011-2015 và 2016-2020… vào Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật (Mục II.5).

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
		trong tổng chi NSNN, xây dựng mục chi riêng trong mục lục NSNN, đề nghị xem xét, bổ sung thêm hiện trạng chi NSNN cho lĩnh vực CNTT trong thời gian qua, các khó khăn, vướng mắc do việc thiếu ngân sách gây ra; đồng thời làm rõ nguyên nhân Bộ TC không đồng thuận đối với đề xuất này trong giai đoạn từ 2010 đến nay để làm căn cứ cho cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định	
27.	NEAC	Đề nghị bổ sung thêm chính sách hỗ trợ, triển khai, áp dụng các sản phẩm công nghệ số vào các dịch vụ thiết yếu như kê khai thuế, hải quan, bảo hiểm, các giao dịch điện tử và trong dịch vụ công quốc gia. Cụ thể: các giải pháp phát triển, mở rộng thị trường chữ ký số cá nhân trong việc kê khai thuế TNCN, quản lý thông tin bảo hiểm xã hội, thực hiện các giao dịch điện tử có giá trị cao Đồng thời, bổ sung các chính sách hỗ trợ cho DN cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghệ số như chính sách về miễn giảm thuế DN, thuế TNCN và các chính sách hỗ trợ vay ưu đãi cho DN này	Bộ TTTT tiếp thu và giải trình như sau: - Nội dung về hỗ trợ ứng dụng công nghệ số đã được Bộ TTTT bổ sung vào điều quy định về Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ số phục vụ phát triển công nghiệp công nghệ số. - Về chính sách thuế, Bộ Tài chính có ý kiến loại bỏ chính sách ưu đãi về thuế trong Luật Công nghiệp công nghệ số. Do vậy, Bộ TTTT đã tiếp thu và không đưa nội dung này vào Luật.
VII. Chính sách 4: Kết cấu hạ tầng công nghiệp công nghệ số			
28.	Viettel	Về quy định khu Công nghệ thông tin tập trung, đề xuất có quy định liên thông không chồng chéo với khu Công nghệ cao vì đây cũng là hạ tầng phát triển công nghiệp số. Đồng thời, đề xuất phân tích và sử dụng các bài học phát triển các khu Công nghệ thông tin tập trung từ phía tư nhân (nằm ngoài 6 khu Công nghệ thông tin trong báo cáo) để xây dựng luật tạo cơ chế ưu đãi phù hợp.	Khu CNTT tập trung được xây dựng với mô hình, tiêu chí và cách thức đầu tư, quản lý có nhiều điểm khác với Khu CNC. Trong đó ưu tiên, khuyến khích đầu tư và quản lý vận hành bởi tư nhân, đây là điểm khác biệt lớn so với Khu CNC. Qua hơn 10 năm thực hiện công tác quản lý nhà nước về khu CNTT, Bộ TTTT đã nhận thấy một số quy định hiện nay không còn phù hợp với thực tiễn và

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
			trên cơ sở kinh nghiệm của một số nước, sự phát triển của các mô hình khu công nghệ mới, Bộ TTTT sẽ xây dựng các quy định về Khu CNTT tập trung trong Luật CN CNS này.
29.	Cục THH	Đề nghị làm rõ cơ quan/doanh nghiệp/đơn vị chủ quản của Trung tâm tính toán hiệu năng cao cụ thể là ai để thấy rõ trách nhiệm đầu tư, quản lý, vận hành các Trung tâm này	Bộ TTTT làm rõ như sau: Dự kiến mô hình đầu tư phát triển các trung tâm này là PPP nên cơ quan chủ quản sẽ là mô hình hợp tác giữa nhà nước – doanh nghiệp.
VIII. Các ý kiến khác (không thuộc các nội dung trên)			
30.	Bộ KH&CN	Bộ TT&TT cũng cần xem xét về chức năng quản lý với các Bộ, ngành liên quan để có sự thống nhất quản lý tập trung một đầu mối và tránh chồng chéo trong công tác quản lý.	Bộ TTTT tiếp thu, làm rõ chức năng quản lý nhà nước của Bộ về công nghiệp công nghệ số để có sự thống nhất, tránh chồng chéo trong công tác quản lý.
31.	Bộ KH&CN	Bộ KH&CN cũng đã ban hành Luật công nghệ cao, Luật chuyển giao công nghệ, trong đó có những quy định cụ thể và chi tiết về việc phát triển công nghiệp công nghệ cao. Vì vậy, đề nghị ban soạn thảo rà soát, cập nhật để có những chính sách đồng bộ, thống nhất.	Bộ TTTT tiếp thu, rà soát, cập nhật để có những chính sách đồng bộ, thống nhất với Luật Công nghệ cao và Luật Chuyển giao công nghệ.
Góp ý cho Đề cương Luật Công nghiệp công nghệ số			
Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG			
32.	Bộ KH&CN	Đề nghị xem xét lại sự phù hợp, chính xác của phần giải nghĩa "Công nghệ số là công nghệ thông tin" ở khoản 1 Điều giải thích từ ngữ. Ngoài ra, đề nghị Bộ TT&TT tiếp tục nghiên cứu làm rõ khái niệm, nội hàm của công nghệ số để làm cơ sở cho việc đề xuất các quy định của dự thảo Luật.	Tiếp thu. Bộ TTTT đã bổ sung thêm mục III.1 trong Tờ trình Chính phủ về định nghĩa nội hàm công nghệ số để xác định rõ khái niệm, phạm vi, đối tượng của hoạt động công nghiệp công nghệ số. Cụ thể: Công nghệ số: là công nghệ thông tin có sự bổ sung, tích hợp thêm các công nghệ mới bao gồm nhưng không giới hạn như trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối (blockchain), in

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
			3D, internet kết nối vạn vật (IoT), kết nối mạng băng rộng (5G, sau 5G), dữ liệu lớn (Bigdata), điện toán đám mây (Cloud Computing), thực tại ảo (VR), thực tại tăng cường (AR), thực tại trộn (MR)
33.	Bộ KH&CN	Đề nghị xem xét bổ sung một Điều về nghiên cứu phát triển, ứng dụng và đổi mới công nghệ số, trong Điều này tập trung quy định các cơ chế, chính sách để thúc đẩy, hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới công nghệ số (hiện dự thảo mới chỉ có điều về nghiên cứu phát triển công nghiệp công nghệ số).	Tiếp thu. Bộ TTTT bổ sung nội dung này vào Điều về ưu đãi, khuyến khích phát triển, sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới.
34.	Phú Yên	Đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm những vấn đề trong quản lý và phát triển công nghệ số.	Bộ TTTT giải trình như sau: Đề cương luật đã có nội dung về quản lý và phát triển công nghệ số như: Chương II về hoạt động công nghiệp công nghệ số; Chương III về bảo đảm phát triển công nghiệp công nghệ số,…
35.	Thái Bình	Trong Chương I, Điều. Nguyên tắc chung trong hoạt động công nghiệp công nghệ số đề nghị cơ quan soạn thảo chuyển lên trên, sau Điều. Hoạt động công nghiệp công nghệ số; Điều. Chiến lược, Chương trình, Kế hoạch phát triển công nghiệp công nghệ số nên chuyển lên trên sau Điều Nguyên tắc chung trong hoạt động công nghiệp công nghệ số cho liền mạch các quy định chung.	Tiếp thu. Bộ TTTT đã rà soát, bố cục lại các Chương, Điều cho logic.
36.	Cục THH	Đề nghị xem xét tách nội dung "Chính sách phát triển ngành công nghiệp công nghệ số quốc gia" thành một Chương riêng	Bộ TTTT giải trình như sau: Điều Chính sách phát triển ngành công nghiệp công nghệ số có nội hàm là các quy định chung mang tính nguyên tắc về chính sách phát triển. Toàn bộ Đề cương Luật, trọng tâm là chương II và chương III

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
			đều thể hiện là các chính sách để phát triển ngành công nghiệp công nghệ số. Do vậy, Bộ TTTT đề xuất không tách Chương đối với nội dung này.
Điều . Phạm vi điều chỉnh			
37.	Viettel	Đề nghị xây dựng phạm vi điều chỉnh rõ ràng hơn, hạn chế việc chồng chéo giữa các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành trước đó. Cần thiết phải tách bạch quản lý đối với các giải pháp ứng dụng (là cốt lõi của công nghệ, mang tính vô hình), còn các thiết bị, phương tiện phục vụ vận hành giải pháp sẽ được điều chỉnh một cách phù hợp theo hướng tiếp tục quản lý như các văn bản pháp quy hiện hành. Có thể xem xét điều chỉnh các thiết bị này như đối với các giải pháp nếu nó đã được tích hợp giải pháp gắn liền.	Bộ TTTT giải trình như sau: Các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số khó tách bạch để quản lý riêng thiết bị và giải pháp ứng dụng. Do vậy, phạm vi điều chỉnh của Luật sẽ bao gồm các thiết bị và giải pháp.
38.	Viettel	Đề cương hiện đang quy định chủ yếu xoay quanh các doanh nghiệp (đối tượng hoạt động chuyên nghiệp) nên chưa bao quát đến các cá nhân tự phát triển, nghiên cứu công nghệ số. Trên thực tế, rất nhiều công nghệ được phát triển bởi một hoặc một nhóm cá nhân trong quá trình họ nghiên cứu, làm việc. Các cá nhân tham gia phát triển, sáng tạo công nghệ số cần nhận được nguồn lực (từ nhà nước, nguồn vốn xã hội hóa) hỗ trợ kịp	Bộ TTTT giải trình như sau: Phạm vi điều chỉnh đã quy định rõ đối tượng bao gồm cá nhân (Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, **cá nhân** tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động công nghiệp công nghệ số tại Việt Nam). Nội hàm các nội dung của Luật cũng không phân biệt đối tượng áp dụng là doanh nghiệp hay cá nhân (ví dụ như mục về quản lý nhà nước về sản phẩm mới, dịch vụ mới; nghiên cứu phát triển;…)
39.	Vụ KHTC	Lĩnh vực công nghệ số là một lĩnh vực có tốc độ phát triển nhanh, công nghệ thay đổi, cập nhật liên tục trong khi quy trình xây dựng, ban hành Luật mất rất nhiều thời gian. Vì vậy, đề nghị nghiên cứu, rà soát để đảm bảo việc đề xuất chính sách có khả	Luật công nghiệp công nghệ số tiếp cận theo hướng quy định biện pháp quản lý và thúc đẩy lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trên nguyên tắc có khả năng đáp ứng, thích nghi với sự phát triển của công nghệ trong tương lai, ví dụ như quy định về quản lý

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
		năng đáp ứng, thích nghi một cách tương đối với sự phát triển của công nghệ trong thời gian tới trên cơ sở kinh nghiệm quản lý của Luật CNTT	phát triển đối với sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới.
40.	VCCI	Ngành công nghệ thông tin gồm ba phân ngành nhỏ: công nghiệp phần cứng, công nghiệp phần mềm, công nghiệp nội dung số. Tuy nhiên, Dự thảo chưa làm rõ các quy định sẽ đối tượng điều chỉnh của Luật sẽ bao gồm cả ba phân ngành (tức bao trùm tất cả ngành công nghệ thông tin) hay chỉ một số phân ngành cụ thể. Việc xem xét phạm vi điều chỉnh cần lưu ý ở một số điểm sau đây: - Về mặt nội dung, Dự thảo dự kiến sẽ thay thế cho nội dung về ưu đãi, hỗ trợ phát triển công nghệ thông tin trong Luật Công nghệ thông tin 2006, tức là thay thế toàn bộ nội dung ưu đãi, hỗ trợ cho cả ba phân ngành công nghệ thông tin; - Về mặt thực tiễn, như trình bày tại Dự thảo Tờ trình, ngành công nghiệp phần cứng hiện cũng đang đóng một vai trò quan trọng trong nền kinh tế, với tăng trưởng trung bình hàng năm đạt khoảng 15,7%, doanh thu xuất khẩu đạt trên 95,8 tỷ USD (năm 2020). Trong khi đó, nhiều chính sách trong Dự thảo lại thiên về việc hỗ trợ cho ngành công nghiệp phần mềm và ngành công nghệ số như chính sách số 2 về sandbox, chính sách số 3 về các biện pháp đảm bảo đầu tư (vốn, nhân sự,…), chính sách số 4 về hạ tầng kỹ thuật (trung tâm tính toán hiệu năng cao, trung tâm dữ liệu). Việc các chính sách chủ yếu tập trung vào ngành công nghiệp phần	Bộ TTTT tiếp thu: - Bổ sung quy định về phân loại ngành công nghiệp công nghệ số trên cơ sở kế thừa, mở rộng ngành công nghiệp CNTT theo các quy định tại Luật CNTT. - Về phát triển công nghiệp phần cứng, Bộ TTTT đã đưa các quy định liên quan đến Make in Viet Nam để tập trung sáng tạo, thiết kế, sản xuất sản phẩm Việt Nam, chẳng hạn như thiết bị 5G.

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
		mềm và công nghệ số như vậy dường như chưa thực sự hợp lý. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ phạm vi, đối tượng điều chỉnh của Dự Luật này	
Điều . Đối tượng áp dụng			
41.	VNNIC	Đối tượng áp dụng cần ghi rõ cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và có bao gồm tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp tham gia hoặc có liên quan tại Việt Nam không	Bộ TTTT giải trình như sau: Tương tự như Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp,… quy định hiện nay, đối tượng áp dụng không cần thiết phải ghi rõ tổ chức cá nhân Việt Nam và tổ chức cá nhân nước ngoài do Luật này quy định tại Việt Nam, bất cứ đối tượng nào, không phân biệt tổ chức, cá nhân Việt Nam hay nước ngoài, có hoạt động tại Việt Nam cũng đều phải tuân theo pháp luật của Việt Nam.
Điều . Giải thích từ ngữ			
42.	Lạng Sơn	Đối với Đề cương chi tiết Luật Công nghiệp công nghệ số: tại Điều. Giải thích từ ngữ (trang 1) xem xét điều chỉnh, bổ sung và xác định rõ "Doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số" và "Doanh nghiệp phát triển công nghệ số".	Tiếp thu. Bộ TTTT làm rõ khái niệm doanh nghiệp công nghệ số và các loại hình doanh nghiệp công nghệ số. Doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này.
43.	Viettel	1. Tại khoản 1, Đề nghị mở rộng hơn khái niệm về Công nghệ số và bổ sung các công nghệ "mới" khác để thuận lợi cho việc xác định hơn là công nghệ "đột phá" khác. 2. Đề nghị làm rõ tiêu chí xác định một doanh nghiệp hoạt động công nghệ số là doanh nghiệp thực hiện một trong các hoạt động sáng tạo, thiết	Tiếp thu. Bộ TTTT đã bổ sung, chỉnh sửa khái niệm công nghệ số như trong dự thảo Đề cương. Về tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ số, Bộ TTTT đã bổ sung chi tiết vào dự thảo Đề cương.

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
		kế, phát triển, chế tạo, sản xuất, cung ứng sản phẩm dịch vụ công nghệ số. Cùng với đó, cần có quy định rõ khái niệm doanh nghiệp công nghệ số cụ thể về phạm vi, phân biệt được giữa doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ số với các doanh nghiệp khác có ứng dụng công nghệ vào hoạt động sản xuất	
44.	VNPT	Đề xuất bổ sung giải thích thuật ngữ "trí tuệ nhân tạo, tài sản số, make in Viet Nam" làm cơ sở để các doanh nghiệp triển khai thực hiện	Tiếp thu. Bộ TTTT đã bổ sung khái niệm Trí tuệ nhân tạo. Việt hóa từ "Make in Vietnam" và giải thích rõ "sản phẩm công nghệ số sản xuất trong nước". Đối với "tài sản số", đây là vấn đề mới và phức tạp, nên Bộ TTTT sẽ tiếp tục nghiên cứu trong quá trình xây dựng Luật (tạm thời loại khỏi Đề cương nội dung này)
45.	VNNIC	Xem xét bổ sung thêm "công nghệ điện toán đám mây"	Tiếp thu. Bộ TTTT đã bổ sung thêm công nghệ điện toán đám mây vào định nghĩa về công nghệ số
46.	Vụ KHTC	Cân nhắc, làm rõ, cụ thể các định nghĩa về sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, tránh đưa ra các khái niệm chung chung, khó xác định dẫn đến công tác thực thi gặp nhiều vướng mắc sau nay đặc biệt khái niệm tài sản số, dịch vụ số mới…	Tiếp thu. Bộ TTTT đã chỉnh sửa làm rõ các khái niệm về sản phẩm số, dịch vụ số. Đối với "tài sản số", đây là vấn đề mới và phức tạp, nên Bộ TTTT sẽ tiếp tục nghiên cứu trong quá trình xây dựng Luật (tạm thời loại khỏi Đề cương nội dung này)
47.	Vụ KHCN	Về định nghĩa sản phẩm công nghệ số: đây là nội dung mang tính hạt nhân của Luật nên cần đưa ra định nghĩa (nội hàm) ngay trong Đề cương Luật,	Tiếp thu. Bộ TTTT đã chỉnh sửa làm rõ các khái niệm về sản phẩm số, dịch vụ số, sản phẩm công nghệ số cốt lõi,

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
		trong đó phải có nội dung quy định sản phẩm công nghệ số bao gồm sản phẩm công nghệ số cốt lõi, sản phẩm công nghệ số trọng yếu, sản phẩm công nghệ số trọng điểm, sản phẩm công nghệ số xuyên biên giới	sản phẩm công nghệ số trọng điểm, xuyên biên giới
Điều . Hoạt động công nghiệp công nghệ số			
48.	Lai Châu	Tại Chương I "Điều . Hoạt động công nghiệp số" (trang 2): đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung nội dung "e) Hoạt động kinh doanh công nghệ số".	Tiếp thu. Bộ TTTT đã bổ sung, làm rõ hoạt động công nghiệp công nghệ số, trong đó có hoạt động sản xuất, phân phối sản phẩm công nghệ số
49.	Viettel	Đề nghị xem xét thống nhất với nội dung quy định Giải thích từ ngữ "Công nghiệp công nghệ số". Khái niệm Công nghiệp công nghệ số là ngành kinh tế sáng tạo, thiết kế, phát triển, chế tạo, sản xuất và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số.	Tiếp thu. Bộ TTTT đã thống nhất dùng cụm từ "công nghiệp công nghệ số" trong Đề cương Luật
50.	Viện CNPM	Xem xét bổ sung: - Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động công nghiệp công nghệ số - Nội dung nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ số phục vụ phát triển công nghiệp công nghệ số	Tiếp thu. Bộ TTTT đã bổ sung nội dung về nghiên cứu, phát triển công nghệ số và trách nhiệm tổ chức, cá nhân
51.	An Giang	Đề nghị bổ sung trong Điều . Hoạt động công nghiệp công nghệ số nội dung "e) Hoạt động nghiên cứu, sở hữu trí tuệ trong công nghiệp công nghệ số";	Tiếp thu. Bộ TTTT đã tiếp thu nội dung về quy định sở hữu trí tuệ và phần quy định chung trong Đề cương Luật
Điều . Chính sách phát triển Ngành công nghiệp công nghệ số Quốc gia			
52.	Viettel	- Đề nghị có quy định thống nhất với hệ thống ngành nghề kinh doanh theo Quyết định	Tiếp thu. Bộ TTTT đã đồng bộ phân loại công nghiệp công

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
		27/2018/QĐ-TTg để doanh nghiệp lựa chọn ngành nghề kinh doanh phù hợp, đáp ứng điều kiện ưu đãi đối với hoạt động công nghiệp công nghệ số. - Đề nghị bổ sung các quy định về chính sách phát triển ngành Công nghiệp công nghệ số quốc gia như sau: "Ngành Công nghiệp Công nghệ số là một ngành kinh tế trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam. Nhà nước khuyến khích, ưu tiên phát triển. Nhà nước có những chính sách về mặt tài chính, nguồn lực hỗ trợ, thúc đẩy sự phát triển của ngành. Nhà nước tạo những điều kiện về cơ sở hạ tầng, nền tảng để thúc đẩy sự phát triển. Chính phủ đưa ra các cơ chế chính sách nhằm thúc đẩy việc ứng dụng ngành Công nghệ số trong các lĩnh vực của đời sống xã hội."	nghệ số với quy định trong Hệ thống phân ngành kinh tế và theo quy định phân ngành kinh tế của Liên hợp quốc.
53.	VNPT	Đề xuất chuyển nội dung các quy định tại Điều này thành một nội dung trong "Điều. Quản lý nhà nước về hoạt động công nghiệp công nghệ số" để phù hợp với kết cấu của dự thảo	Bảo lưu. Chính sách về phát triển ngành thể hiện và cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về ưu tiên, thúc đẩy, ưu đãi phát triển công nghiệp công nghệ số, khác với các hoạt động quản lý nhà nước về phát triển ngành.
54.	Vụ KHTC	Cần phân tách rõ vai trò trách nhiệm trong công tác thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ số giữa cơ quan QLNN và DN, tránh chồng chéo, có không gian phù hợp để DN và xã hội là động lực chính để thúc đẩy đồng thời đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng NSNN	Tiếp thu. Nhà nước giữ vai trò thúc đẩy, dẫn dắt còn thực thi và hoạt động phát triển công nghiệp công nghệ là của tổ chức, doanh nghiệp
Điều . Nội dung quản lý nhà nước về hoạt động công nghiệp công nghệ số			

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
55.	Thanh tra Bộ	Điều. Nội dung quản lý nhà nước về hoạt động công nghiệp công nghệ số Đề nghị xem xét sửa đổi, bổ sung khoản 7 thành *"Giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm hành chính, giải quyết khiếu nại, tố cáo"*	Tiếp thu. Bộ TTTT đã chỉnh sửa nội dung này trong Đề cương.
56.	VNPT	Đề xuất bổ sung nội dung quản lý an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động công nghiệp công nghệ số vì đây là nội dung quan trọng mà nhà nước cần quản lý	Tiếp thu. Bộ TTTT đã bổ sung, chỉnh sửa trong dự thảo Đề cương
57.	Đà Nẵng	Tại chương I, về nội dung quản lý nhà nước về hoạt động CNp CNS: Đề nghị bổ sung nội dung về xây dựng, cập nhật Hệ thống ngành kinh tế theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng CP và các quy định liên quan thống kê chỉ tiêu CNp CNS nhằm bảo đảm xác định đầy đủ phạm vi, quy mô các lĩnh vực phát triển CNp CNS làm cơ sở thống kê, tính toán, xác định tốc độ tăng trưởng của ngành và đóng góp trong GDP.	Bộ TTTT giải trình như sau: Bộ TTTT vẫn chủ động phối hợp với Bộ KHĐT để sửa đổi bổ sung các chỉ tiêu liên quan đến ngành công nghiệp CNTT trong Hệ thống ngành kinh tế. Ngoài ra, việc quy định sửa đổi, bổ sung một văn bản cụ thể (Quyết định của Thủ tướng) trong văn bản Luật là không phù hợp. Do vậy, Bộ TTTT đề xuất không quy định nội dung này trong Luật
Điều . Trách nhiệm quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số			
58.	Thanh tra Bộ	Điều. Trách nhiệm quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số Đề nghị xem xét, bổ sung *"Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan thực hiện quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số"*	Tiếp thu. Bộ TTTT đã bổ sung, chỉnh sửa trong dự thảo Đề cương
Điều . Nguyên tắc chung trong hoạt động công nghiệp công nghệ số			
59.	VNNIC	Xem xét bỏ điều "Nguyên tắc chung" do bản thân Luật là các nguyên tắc chung để áp dụng đồng nhất,	Bộ TTTT giải trình như sau: Luật không chỉ có các quy định về nguyên tắc chung.

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
		nội dung này nên cụ thể hóa ở các điều, khoản và trách nhiệm của cơ quan quản lý hay các đối tượng tham gia cũng như các hành vi bị nghiêm cấm	Điều về nguyên tắc chung gồm các quy định mức nguyên tắc chung nhất để triển khai quản lý và thúc đẩy công nghiệp công nghệ số
Điều . Quản lý thông tin về công nghiệp công nghệ số			
Điều . Nghiên cứu - phát triển công nghiệp công nghệ số			
60.	VNPT	Căn cứ nội dung tại Điều này, các quy định về khuyến khích đầu tư nghiên cứu phát triển công nghiệp công nghệ số, hoạt động đầu tư nghiên cứu phát triển công nghiệp công nghệ số cần thúc đẩy nên được chuyển thành một nội dung của Chương III về bảo đảm phát triển công nghiệp công nghệ số để phù hợp với kết cấu của dự thảo. Các nội dung hạn chế, cấm đầu tư nghiên cứu phát triển công nghiệp công nghệ số nên chuyển thành nội dung của Điều về các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động công nghiệp công nghệ số	Tiếp thu. Bộ TTTT đã đưa nội dung về Nghiên cứu - Phát triển sang Chương III
	ĐHQG Hà Nội	Sự trùng lặp giữa Điều về "Nghiên cứu - phát triển công nghiệp công nghệ số" và Điều về "Chiến lược, Chương trình, Kế hoạch phát triển công nghiệp công nghệ số"	Bộ TTTT giải trình như sau: Nội hàm của 02 Điều này là khác nhau. Nghiên cứu phát triển là các chính sách, quy định thúc đẩy hoạt động nghiên cứu phát triển. Nội dung Chiến lược, Chương trình, Kế hoạch phát triển công nghiệp CNS là các chính sách, quy định về xây dựng và triển khai Chiến lược, Chương trình, Kế hoạch phát triển công nghiệp CNS.
Điều . Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động công nghiệp công nghệ số			
Điều . Chiến lược, Chương trình, Kế hoạch phát triển công nghiệp công nghệ số			
61.	VNNIC	Xem xét gộp nội dung "Điều. Chiến lược, Chương trình, Kế hoạch phát triển công nghiệp công nghệ số" (Chương I) vào nội dung "Điều. Nội dung quản	Bộ TTTT giải trình như sau: Điều "Chiến lược, Chương trình, Kế hoạch phát triển công nghiệp công nghệ số" sẽ có các quy định rõ

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
		lý nhà nước về hoạt động công nghiệp công nghệ số" (Chương I) sẽ phù hợp hơn, đồng thời giao trách nhiệm cho bộ chuyên ngành xây dựng phù hợp với từng thời điểm thay vì cụ thể hóa trong Luật	ràng về trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong xây dựng và tổ chức thực hiện, bố trí nguồn lực, kinh phí cho các Chiến lược, Chương trình, kế hoạch phát triển công nghiệp công nghệ số. Do vậy, không nên gộp chung vào Điều có nội dung quy định chung chung như Điều về "Nội dung quản lý nhà nước về hoạt động công nghiệp công nghệ số".
Điều . Hội, hiệp hội về công nghệ số			
Nội dung khác			
	ĐHQG Hà Nội	Bổ sung Điều về "Áp dụng Luật công nghệ công nghệ số"	Bộ TTTT giải trình như sau: Trong Tờ trình Chính phủ, Bộ TTTT đã làm rõ phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Luật và phương hướng hoàn thiện, thay thế các quy định hiện có trong Luật CNTT bởi các luật chuyên ngành.
	ĐHQG Hà Nội	Bổ sung Điều về "Quyền của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động công nghiệp công nghệ số"	Bộ TTTT giải trình như sau: Các quy định, chính sách trong luật nhằm hỗ trợ thúc đẩy (Promotion) hoạt động công nghiệp công nghệ số, đã thể hiện quyền của các tổ chức, doanh nghiệp trong việc hưởng các chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước đối với hoạt động công nghiệp công nghệ số.
	ĐHQG Hà Nội	Bổ sung Điều về "Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động công nghiệp công nghệ số"	Tiếp thu. Bổ sung vào Chương Tổ chức thực hiện
	ĐHQG Hà Nội	Bổ sung Điều về "Đào tạo nhân lực công nghiệp công nghệ số"	Bộ TTTT giải trình như sau: Dự thảo Luật đã có một mục riêng phát triển nhân lực, trong đó có nội dung đào tạo nhân lực
Chương II PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI, DỊCH VỤ MỚI			
62.	Thái Bình	Trong Chương II. Phát triển sản phẩm mới và dịch	Tiếp thu.

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
		vụ mới. mục 2 đề nghị cơ quan soạn thảo sửa tên tiêu đề là sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới, bổ sung các sản phẩm mới khác cho đủ theo định nghĩa: "Công nghệ số" là công nghệ thông tin - tập hợp các phương pháp khoa học, công nghệ và công cụ kỹ thuật số hiện đại (trong đó có công nghệ trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối (blockchain), in 3D, internet kết nối vạn vật (IoT), kết nối mạng băng rộng (5G, sau 5G), dữ liệu lớn (Bigdata), thực tại ảo (VR), thực tại tăng cường (AR), thực tại trộn (MR) và các công nghệ đột phá khác) để sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số"	Bộ TTTT đã đưa nội dung về phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới vào Chương về Hoạt động công nghiệp công nghệ số
63.	Lạng Sơn	Chương II: PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI VÀ DỊCH VỤ MỚI (trang 4), xem xét điều chỉnh như sau: "Chương II: PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ SỐ VÀ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SỐ".	Tiếp thu. Bộ TTTT đã đưa nội dung về phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới vào Chương về Hoạt động công nghiệp công nghệ số
64.	Viettel	Đề nghị có quy định tiêu chí đánh giá sản phẩm, dịch vụ nào được coi là sản phẩm, dịch vụ mới. Phạm vi của định nghĩa "mới" thuộc lãnh thổ Việt Nam	Tiếp thu và bổ sung định nghĩa vào dự thảo Đề cương
65.	VCCI	Dự thảo đề xuất một cơ chế tương tự cơ chế sandbox với sản phẩm, dịch vụ mới nhằm cho phép triển khai sản phẩm, dịch vụ mới theo hình thức cấp phép tạm thời, miễn trừ tạm thời để thí điểm triển khai các sản phẩm, dịch vụ mới. VCCI hoàn toàn hoan nghênh chính sách này. Dù vậy, trong thực tế, không chỉ với các sản phẩm, dịch vụ mới như trí	Bộ TTTT tiếp thu giải trình như sau: Liên quan đến nội dung về cơ chế chính sách cho các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới, trong dự thảo Đề cương, Bộ TTTT đã đưa ra các quy định về bảo đảm thúc đẩy và quản lý, trong đó đã tiếp thu ý kiến của VCCI về cơ chế phối hợp liên bộ, ngành nhằm giải quyết các vấn đề vướng mắc mà doanh nghiệp

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
		tuệ nhân tạo, tài sản số), doanh nghiệp còn gặp phải một số tình huống sau: - Nhiều sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin thực hiện chuyển đổi số trong các lĩnh vực truyền thống cũng gặp không ít khó khăn trong việc thực hiện các thủ tục hành chính liên quan để triển khai hoạt động kinh doanh trong thực tế. Tuy nhiên, doanh nghiệp lại không tìm được sự trợ giúp, giải đáp phù hợp và thích đáng từ phía cơ quan nhà nước, và xuất hiện tình trạng không cơ quan nhà nước nào nhận trách nhiệm xử lý vấn đề đó; - Một số sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin mới, chưa có quy định pháp luật cụ thể, điều chỉnh đích danh, tuy nhiên vẫn có thể áp dụng các quy định pháp luật liên quan để áp dụng mà không tạo ra rủi ro lớn đến khách hàng và thị trường. Với trường hợp này, các doanh nghiệp sở hữu sản phẩm, dịch vụ này cũng có mong mỏi được công nhận tính hợp pháp của mô hình kinh doanh từ phía cơ quan nhà nước nhằm yên tâm kinh doanh, thuận lợi hơn trong quá trình gọi vốn và có cơ sở trong quá trình làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước khác. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc, nghiên cứu một cơ chế phối hợp liên bộ, ngành nhằm giải quyết toàn diện các vấn đề trên, chứ không chỉ áp dụng cho các sản phẩm, dịch vụ mới như trí tuệ nhân tạo hay tài sản số	gặp trong triển khai các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới. Dự kiến Luật sẽ quy định các nguyên tắc, biện pháp quản lý chung và giao Chính phủ quy định chi tiết.
Mục 1 QUẢN LÝ SẢN PHẨM MỚI, DỊCH VỤ MỚI			

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
66.	Viettel	Đề nghị xác định rõ quy mô, phạm vi áp dụng đối với từng loại sản phẩm dịch vụ mới chia theo từng mức độ để thuận tiện cho việc quản lý và phát triển của lĩnh vực công nghiệp công nghệ số.	Bộ TTTT giải trình như sau: Công nghệ số đã phát triển và ngày càng hội tụ/đan xen vào từng hoạt động của mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội. Hoạt động nghiên cứu phát triển, sáng tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới vào các ngành, lĩnh vực không có giới hạn, do vậy, việc phân rõ từng loại sản phẩm, dịch vụ mới là cứng nhắc và không phù hợp. Dự thảo Đề cương luật đưa ra các quy định khung làm cơ sở pháp lý để Chính phủ và các bộ, ngành quản lý, thúc đẩy hình thành và triển khai các sản phẩm, dịch vụ mới. Mỗi loại sản phẩm, dịch vụ sẽ được quy định cụ thể về quy mô, phạm vi áp dụng khi được thử nghiệm.
67.	ĐHQG Hà Nội	Bổ sung Khuyến khích nghiên cứu - phát triển/ Đầu tư phát triển sản phẩm mới và dịch vụ mới	Bộ TTTT tiếp thu, bổ sung thêm điều về Nghiên cứu phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số. Trong đó có các quy định về khuyến khích nghiên cứu phát triển công nghiệp công nghệ số; các hoạt động đầu tư nghiên cứu phát triển công nghiệp công nghệ số cần thúc đẩy, hạn chế, cấm…
Điều . Các nguyên tắc chung trong quản lý sản phẩm dịch vụ mới			
68.	VNPT	Việc quy định riêng nguyên tắc và trách nhiệm quản lý nhà nước cho hoạt động phát triển sản phẩm, dịch vụ mới chưa đảm bảo tính xuyên suốt, thống nhất trong việc quản lý nhà nước về hoạt động công nghiệp công nghệ số, do các sản phẩm mới, dịch vụ mới cũng là một phần của hoạt động công nghiệp, công nghệ số, do vậy cũng phải tuân thủ các nguyên tắc chung trong hoạt động công nghiệp công nghệ số và chịu sự quản lý của nhà	Bộ TTTT giải trình như sau: Việc quy định riêng nguyên tắc và trách nhiệm quản lý nhà nước cho hoạt động phát triển sản phẩm, dịch vụ mới là quy định đặc thù cho sản phẩm mới, dịch vụ mới, không loại trừ việc các sản phẩm, dịch vụ mới phải tuân thủ các nguyên tắc chung trong hoạt động công nghiệp công nghệ số.

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
		nước về hoạt động này	
Điều. Trách nhiệm quản lý nhà nước về sản phẩm mới và dịch vụ mới			
Điều. Quy trình xử lý các đề xuất về nghiên cứu phát triển, triển khai sản phẩm mới, dịch vụ mới			
69.	VNPT	Đề xuất điều chỉnh tiêu đề thành Quy định xử lý các đề xuất về nghiên cứu phát triển, triển khai sản phẩm, dịch vụ mới vì Quy trình mang tính chất quy định về trình tự thực hiện, trong khi nội dung Điều này quy định các phương thức, nguyên tắc trong việc nghiên cứu phát triển, triển khai sản phẩm dịch vụ mới.	Tiếp thu. Bộ TTTT đưa quy định về sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới vào một Điều về Quản lý nhà nước về sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới
Mục 2 SẢN PHẨM TRÍ TUỆ NHÂN TẠO			
70.	Viettel	- Hiện đề cương mới chỉ nhắc đến Tài sản số tại phần định nghĩa và tại chế định "sản phẩm trí tuệ nhân tạo". Tài sản số là một vấn đề rất quan trọng cần phải xây dựng một chế định riêng trong Luật nhằm giải quyết các vấn đề sau: (i) Cách thức công nhận một sản phẩm công nghệ là một tài sản phù hợp với quy định của pháp luật dân sự; (ii) Điều kiện để các tài sản số được tham gia vào các giao dịch dân sự; (iii) Bảo vệ sở hữu trí tuệ tài sản số; (iv) Quản lý các giao dịch liên quan tới tài sản số do loại tài sản này rất đặc thù, rất dễ bị lợi dụng để thực hiện hành vi rửa tiền (tiền ảo...), lừa đảo, chiếm đoạt tài sản. - Việc sắp xếp điều khoản quản lý hoạt động liên quan tới tài sản số nằm trong chế định Sản phẩm trí tuệ nhân tạo là chưa hợp lý, sẽ dẫn đến hiểu lầm	Tiếp thu và giải trình. Đối với "tài sản số", đây là vấn đề mới và phức tạp, nên Bộ TTTT sẽ tiếp tục nghiên cứu trong quá trình xây dựng Luật (tạm thời loại khỏi Đề cương nội dung này)

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
		Tài sản số chỉ đơn thuần là sản phẩm trí tuệ nhân tạo.	
71.	VNPT	Chương II quy định các nội dung mang tính chất tổng quát về phát triển sản phẩm, dịch vụ mới. Tuy nhiên, mục 2 Chương này lại quy định về một sản phẩm công nghệ số cụ thể là sản phẩm trí tuệ nhân tạo. Để các quy định về công nghiệp công nghệ số mới mang tính ổn định lâu dài, có thể áp dụng cho các công nghệ của tương lai, đề xuất xem xét điều chỉnh quy định mang tính chất tổng quát hơn	Bộ TTTT tiếp thu và giải trình như trên.
Điều . Các nguyên tắc xây dựng, phát triển, vận hành sản phẩm trí tuệ nhân tạo			
Điều. Điều kiện bảo đảm cho cung cấp sản phẩm trí tuệ nhân tạo			
Điều. Quản lý hoạt động liên quan đến tài sản số			
72.	ĐHQG Hà Nội	Sửa "Điều về "Quản lý hoạt động liên quan đến tài sản số" thành Điều về "Quản lý sản phẩm trí tuệ nhân tạo và hoạt động liên quan đến tài sản số"	Đối với "tài sản số", đây là vấn đề mới và phức tạp, nên Bộ TTTT sẽ tiếp tục nghiên cứu trong quá trình xây dựng Luật (tạm thời loại khỏi Đề cương nội dung này)
73.	VCCI	Tài sản số được sinh ra cùng với sự phát triển của công nghệ số như các tài khoản trực tuyến, tài khoản email, tài khoản mạng xã hội… Tài sản số, dù cũng là tài sản theo pháp luật dân sự, lại có một số đặc điểm khác biệt so với các loại tài sản truyền thống. Tuy nhiên, hiện nay hệ thống pháp luật vẫn chưa có quy định về các nguyên tắc cơ bản làm nền tảng cho các giao dịch, chuyển quyền, nghĩa vụ của các loại tài sản này. Do vậy, để thúc đẩy các ngành công nghệ số, tạo lập khung khổ cho ngành, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung chính sách quy định về những nguyên tắc cơ bản áp dụng với tài sản số	Đối với "tài sản số", đây là vấn đề mới và phức tạp, nên Bộ TTTT sẽ tiếp tục nghiên cứu trong quá trình xây dựng Luật (tạm thời loại khỏi Đề cương nội dung này)

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
		(quyền, nghĩa vụ của các bên, trong đó có công ty công nghệ; nguyên tắc bảo vệ; nguyên tắc giám định số; nguyên tắc ủy thác…)	
Chương III BẢO ĐẢM PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ			
Mục 1 THỊ TRƯỜNG CHO CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ			
Điều . Đầu tư, thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trong các cơ quan nhà nước			
Điều . Quy định "Make in Viet Nam" đối với sản phẩm công nghệ số			
74.	VNNIC	Xem xét bổ sung thêm quy định về "Chuyển giao công nghệ số", có thể tách riêng khỏi nội dung quy định tại "Điều. Quy định "Make in Việt nam" đối với sản phẩm công nghệ số	Bộ TTTT giải trình như sau: Nội dung chuyển giao công nghệ số đã được quy định tại "Điều. Hợp tác quốc tế và thâm nhập thị trường nước ngoài"
75.	Vụ KHCN	Đối với sản phẩm công nghệ số: thúc đẩy các DN trong nước nâng cao khả năng hấp thụ chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua đầu tư nước ngoài và nghiên cứu tạo ra công nghệ, giải pháp mới trong nước, làm chủ công nghệ, thiết kế, sáng tạo, sản xuất sản phẩm, dịch vụ công nghệ số bảo đảm chất lượng cho thị trường trong nước, hướng xuất khẩu thật nhiều ra quốc tế	Bộ TTTT giải trình như sau: Nội dung này đã được thể hiện trong Điều quy định về "Make in Viet Nam" đối với sản phẩm công nghệ số.
Điều . Thương hiệu ngành, thương hiệu sản phẩm công nghệ số			
Mục 2 PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CÔNG NGHỆ SỐ			
76.	ĐHQG Hà Nội	Đề xuất điều chỉnh Điều về "Khung kỹ năng công nghệ số quốc gia" thành Điều về "Khung năng lực công nghệ số quốc gia"	Bộ TTTT giải trình như sau: Khái niệm năng lực gồm nhiều yếu tố: kiến thức, kỹ năng, thái độ. Theo đó Khung năng lực là bảng mô tả 03 năng lực chính gồm: nhóm năng lực chung, năng lực chuyên môn, năng lực quản lý. Khung kỹ năng công nghệ số được học tập theo kinh nghiệm quốc tế như Singapor có Digital skills framework, Ấn độ có Future skills cũng như một số

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
			nước như Châu Âu, Nhật Bản gồm 02 thành phần chính là kiến thức và kỹ năng. Dự thảo đã đề xuất xây dựng Khung kỹ năng công nghệ số đây là khung tiêu chuẩn kỹ năng cơ bản nhằm: - Giúp đánh giá chất lượng nguồn nhân lực công nghệ số - Được cập nhật thường xuyên những kỹ năng công nghệ số mới theo từng thời kỳ. - Hội nhập quốc tế đảm bảo nhân lực đáp ứng kỹ năng công nghệ số có thể làm việc tại nước ngoài và lao động nước ngoài có thể làm việc tại VN. - Công nhận tương đương các chương trình đào tạo, chứng chỉ trong nước và quốc tế.
	ĐHQG Hà Nội	Bổ sung Điều về "Các cơ sở đào tạo công nghệ số"	Bộ TTTT giải trình như sau: Dự thảo Đề cương đã có một Mục riêng về phát triển nhân lực công nghệ số trong đó có các quy định liên quan đến các cơ sở đào tạo công nghệ số
Điều. Khung kỹ năng công nghệ số quốc gia			
Điều. Đào tạo thực tế tại doanh nghiệp trong các Chương trình đào tạo về công nghệ số của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng			
77.	Viettel	Đề nghị bổ sung các quy định về điều kiện để Doanh nghiệp Công nghệ số được thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nguồn lực công nghệ số bao gồm việc cấp chứng chỉ.	Tiếp thu. Bổ sung vào Điều quy định về Đào tạo thực tế tại doanh nghiệp trong các Chương trình đào tạo về công nghệ số của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng
Điều . Thu hút nhân lực công nghệ số xuất sắc trong nước và nước ngoài			
Mục 3 VỐN, ĐẦU TƯ, ƯU ĐÃI CHO CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ			
78.	Viettel	- Do các sản phẩm công nghệ số có tính chất luôn đổi mới, không thể dự báo một cách toàn diện; mỗi nhu cầu về từng loại sản phẩm công nghệ số cần có	Bộ TTTT giải trình như sau: Dự thảo Đề cương đã có mục Thị trường cho công nghiệp công nghệ số. Các nội dung trong mục này

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
		cơ chế đặc thù (được may đo sẵn) để khuyến khích đầu tư, nghiên cứu phát triển. Vì vậy, cần xác định các ngành, lĩnh vực công nghệ số trọng điểm là trụ cột cho công cuộc phát triển công nghệ số quốc gia để đưa ra chính sách ưu đãi riêng với từng loại hình sản phẩm ngay trong văn bản Luật; giao cho Chính phủ căn cứ tình hình thực tế để xây dựng cơ chế đối với các loại/nhóm sản phẩm số tiềm năng trong từng thời kỳ đầu tư trong lĩnh vực Công nghiệp Công nghệ số. - Dự thảo hiện chỉ đề cập đến chính sách ưu đãi về vốn, thuế, phí, lệ phí…là giai đoạn đầu vào, chưa đề cập đến các ưu đãi đầu ra, như ưu tiên tiêu thụ sản phẩm mới trong nước, chính sách hỗ trợ đầu ra như trợ giá, thuế, phí hoặc tỷ lệ bắt buộc tiêu thụ hàng hóa trong nước. Đề nghị bổ sung các ưu đãi đầu ra, như ưu tiên tiêu thụ sản phẩm mới trong nước, chính sách hỗ trợ đầu ra như trợ giá, thuế, phí hoặc tỷ lệ bắt buộc tiêu thụ hàng hóa trong nước.	nhằm hỗ trợ đầu ra cho doanh nghiệp, thể hiện qua chính sách như ưu tiên đầu tư, thuê, mua sắm sản phẩm dịch vụ công nghệ số trong cơ quan nhà nước, xây dựng thương hiệu.
79.	Viettel	Dự thảo đề cập đến vốn ngân sách, quỹ phát triển công nghệ số của doanh nghiệp, tuy nhiên các khái niệm về nguồn vốn hiện hành của doanh nghiệp chưa đề cập đến khái niệm này, chủ yếu là quỹ khoa học và nguồn vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp Đề xuất quy định về các loại vốn thống nhất với quy định về nguồn vốn của các văn bản pháp luật hiện hành.	Bộ TTTT tiếp thu và giải trình như sau: Dự thảo đề cương Luật đề xuất các quy định khung để thúc đẩy việc sử dụng các quỹ hiện có cho doanh nghiệp công nghệ số, đảm bảo sự thống nhất với các quy định pháp luật có liên quan.

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
80.	Đà Nẵng	Tại chương III, mục 3, về quy định về chính sách ưu đãi CNp CNS (trang 7): Đề nghị bổ sung các giải pháp về chính sách ưu đãi thuế thuộc thẩm quyền của Quốc hội theo tinh thần Mục II của Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ về Chính sách ưu đãi thuế thúc đẩy việc phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) tại Việt Nam, cụ thể như sau: a) Bổ sung thêm đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi như dịch vụ phần mềm, dịch vụ khắc phục sự cố an toàn thông tin, bảo vệ an toàn thông tin. b) bổ sung quy định "Giảm 50% số thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của các cá nhân nhân lực công nghệ cao làm việc trong lĩnh vực CNTT, là đội ngũ những người có trình độ và kỹ năng đáp ứng yêu cầu của hoạt động nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực CNTT; dịch vụ công nghệ cao trong lĩnh vực CNTT, quản lý hoạt động công nghệ cao trong lĩnh vực CNTT; vận hành các thiết bị, dây chuyền sản xuất sản phẩm công nghệ cao trong lĩnh vực CNTT; quản lý an toàn hệ thống thông tin".	Bộ TTTT tiếp thu và giải trình như sau: Về bổ sung đối tượng ưu đãi: Bộ TTTT tiếp thu và sẽ rà soát, bổ sung đối tượng ưu đãi trong quá trình xây dựng Luật. Về bổ sung quy định ưu đãi thuế: Dự thảo đã loại bỏ chính sách ưu đãi cụ thể về thuế (để thực hiện theo pháp luật về thuế) theo ý kiến của Bộ Tài chính.
Điều. Ngân sách nhà nước cho công nghiệp công nghệ số			
81.	Đà Nẵng	Tại chương III, Mục 3, đối với nội dung về ngân sách nhà nước đầu tư cho CNp CNS: đề nghị làm rõ về quy định định mức chi ngân sách nhà nước chiếm tỷ lệ bao nhiêu % trong tổng chi ngân sách hằng năm để thuận lợi cho địa phương trong việc	Bộ TTTT đã chỉnh sửa lại Dự thảo Đề cương theo hướng loại bỏ quy định về mức chi (theo ý kiến của Bộ Tài chính).

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
		cân đối, bố trí kinh phí.	
Điều. Quy định về chính sách ưu đãi công nghiệp công nghệ số			
82.	VNPT	Bên cạnh việc quy định chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số, đề xuất đơn vị soạn thảo bổ sung làm rõ các quy định về ưu đãi đối với nhân sự của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số	Dự thảo Đề cương Luật đã có Điều quy định về "Thu hút nhân lực công nghệ số xuất sắc trong nước và nước ngoài" trong đó có chính sách ưu đãi cho nhân lực công nghệ số làm việc trong các doanh nghiệp công nghệ số.
Điều . Huy động vốn đầu tư cho doanh nghiệp công nghệ số			
Điều . Quỹ phát triển công nghệ số của doanh nghiệp			
Mục 4 HÌNH THÀNH, QUẢN LÝ, THÚC ĐẨY DỮ LIỆU SỐ			
83.	Bộ VHTT&DL	Mục 4. Hình thành, quản lý, thúc đẩy dữ liệu số: Đề nghị bổ sung cơ chế bảo đảm an toàn dữ liệu và trách nhiệm của cơ quan quản lý có liên quan trong việc cấp và sử dụng dữ liệu số.	Tiếp thu và đã bổ sung vào mục về Dữ liệu số cho công nghiệp công nghệ số trong Đề cương
84.	Viettel	Lĩnh vực công nghệ số tạo ra các sản phẩm cho phép thu thập, xử lý, sử dụng một khối lượng lớn dữ liệu cá nhân nhằm mục đích quản lý của nhà nước hoặc mục đích thương mại do đó việc thu thập, sử dụng và bảo vệ dữ liệu cá nhân như nào để đảm bảo tôn trọng quyền riêng tư cá nhân mà vẫn đạt được mục tiêu kinh tế, quản lý là vấn đề pháp luật công nghệ số cần chú trọng đến. Do vậy, để đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn về bảo vệ dữ liệu, đề cương dự thảo Luật cần bổ sung chính sách rõ ràng về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong công nghiệp công nghệ số, phù hợp với quy định các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia.	Bộ TTTT tiếp thu giải trình như sau: - Đối với các vấn đề về bảo vệ dữ liệu cá nhân nói chung, Chính phủ đang xây dựng Nghị định để điều chỉnh. - Trong phạm vi công nghiệp công nghệ số, Luật này sẽ quy định về thu thập, sử dụng dữ liệu trong công nghiệp công nghệ số nhằm bảo đảm quyền riêng tư, cũng như nghiêm cấm các hành vi cấm sử dụng thông tin khách hàng và dữ liệu quan trọng sai mục đích; chuyển dữ liệu ra nước ngoài bất hợp pháp, ảnh hưởng đến an ninh quốc gia và lợi ích của người dân.
85.	ĐHQG Hà	Nên ghép nội dung Hình thành, quản lý, thúc đẩy	Bộ TTTT giải trình như sau:

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
	Nội	dữ liệu số vào Chương III. Mục 3 về chính sách ưu đãi, đầu tư	Mục 3 Chương III quy định về các chính sách ưu đãi, đầu tư,... cho ngành công nghiệp công nghệ số nên việc đưa các quy định về dữ liệu số vào đây là không phù hợp.
Điều . Thúc đẩy dữ liệu số (không bao gồm dữ liệu cá nhân và dữ liệu số của cơ quan nhà nước)			
Mục 5 PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ ĐẦU ĐÀN, DOANH NGHIỆP PHÁT TRIỂN/SỞ HỮU SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ SỐ TRỌNG YẾU, DOANH NGHIỆP KỲ LÂN			
86.	VNPT	- Đề xuất làm rõ sự khác nhau giữa doanh nghiệp số đầu đàn, doanh nghiệp trọng yếu và doanh nghiệp kỳ lân để từ đó đưa ra được các chính sách quản lý, ưu đãi phù hợp cho mỗi loại hình doanh nghiệp. - Điều chỉnh tên gọi "doanh nghiệp đầu đàn, doanh nghiệp kỳ lân" để phù hợp với văn phong của văn bản quy phạm pháp luật.	Tiếp thu. Bộ TTTT đã bỏ nội dung quy định về doanh nghiệp đầu đàn, kỳ lân trong dự thảo Đề cương.
87.	VNNIC	Xem xét, bổ sung thêm quy định về "Thúc đẩy, khuyến khích phát triển các doanh nghiệp công nghệ số đầu đàn, trọng yếu, kỳ lân". Hiện dự thảo mới đưa ra quy định tiêu chí phân loại, chưa đề cập đến các quy định nhằm hỗ trợ, thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp này.	Bộ TTTT đã bỏ nội dung quy định về doanh nghiệp đầu đàn, kỳ lân trong dự thảo Đề cương.
88.	VCCI	Chính sách dành cho các doanh nghiệp lớn, có tiềm lực tốt nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp này phát triển và nắm giữ các công nghệ trọng yếu. Hiện, Dự thảo đã đề xuất chính sách này ở nhóm chính sách số 3. VCCI đồng tình với đề xuất có các chính sách như vậy. Tuy nhiên, Dự thảo chưa làm rõ các chính sách cụ thể với nhóm doanh nghiệp này (quyền lợi và nghĩa	Bộ TTTT đã bỏ nội dung quy định về doanh nghiệp đầu đàn, kỳ lân trong dự thảo Đề cương.

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
		vụ, trách nhiệm tương ứng). Việc này có thể tạo ra những quan ngại về việc chính sách tạo ra những ưu đãi quá lớn cho nhóm này nhưng không có ràng buộc cụ thể, dẫn đến việc các doanh nghiệp tận dụng các lợi thế ưu đãi để chèn ép các doanh nghiệp khác, gây mất cân bằng hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ thông tin. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ hơn nội dung chính sách dành cho nhóm doanh nghiệp này Chính sách dành cho các doanh nghiệp cỡ lớn vừa (middle-standing enterprises). Việc dành các ưu đãi cho các doanh nghiệp đầu đàn, như trình bày ở trên, có thể tạo ra tình trạng các doanh nghiệp này tận dụng lợi thế để ngăn cản các doanh nghiệp tiềm năng khác có thể lớn lên để cạnh tranh với mình. Tình trạng này có thể dẫn đến khả năng độc quyền nhóm của nhóm các doanh nghiệp đầu đàn, từ đó kìm hãm khả năng cạnh tranh của cả ngành công nghiệp. Do vậy, một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ cũng nên được dành cho các doanh nghiệp cỡ lớn vừa nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp này tiếp tục lớn lên và thách thức vị trí của nhóm đầu đàn. Một chính sách như vậy có thể tạo động lực thúc đẩy cạnh tranh trong ngành, từ đó thúc đẩy sự phát triển liên tục của ngành công nghệ thông tin. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc bổ sung các chính sách dành cho nhóm doanh nghiệp này	
Điều . Tiêu chí phân loại doanh nghiệp công nghệ số			

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
Điều . Hệ sinh thái thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số			
89.	VCCI	Đối với các doanh nghiệp công nghệ số, đặc biệt là các doanh nghiệp khởi nghiệp (startups) và các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hệ sinh thái hỗ trợ là điều cần thiết cho quá trình phát triển của doanh nghiệp, chẳng như các quỹ đầu tư, công ty tư vấn, viện nghiên cứu… Tuy nhiên, Dự thảo chưa có các chính sách ưu đãi, hỗ trợ phù hợp để hỗ trợ nhóm này tham gia tích cực hơn vào quá trình trên. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung các chính sách dành cho hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số	Bộ TTTT tiếp thu và giải trình như sau: Điều quy định về Hệ sinh thái thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số trong Luật dự kiến sẽ quy định các biện pháp để thúc đẩy hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số, trong đó có cả doanh nghiệp startup và SME.
Điều . Cơ chế quản lý sản phẩm công nghệ số trọng yếu			
Mục 6 MỘT SỐ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM KHÁC			
90.	Viettel, Viện CNPM	Đề cương dự thảo Luật hiện đã quy định chính sách về vốn, đầu tư, ưu đãi cho công nghiệp công nghệ số như một trong những biện pháp để bảo đảm phát triển lĩnh vực này tuy nhiên các chính sách này mới chỉ đề cập đến các doanh nghiệp Việt Nam về việc đầu tư ra nước ngoài, hợp tác quốc tế trong khi Việt Nam có năng lực và tiềm năng thu hút vốn đầu tư nước ngoài từ các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư. Do vậy, đề nghị dự thảo Luật quy định rõ ràng các điều kiện về đầu tư và chính sách quản lý liên quan trong lĩnh vực này.	Tiếp thu. Bộ TTTT điều chỉnh, bổ sung quy định về nâng cao khả năng hấp thụ chuyển giao công nghệ thông qua thu hút đầu tư nước ngoài tại Điều về Make in Viet Nam trong dự thảo Đề cương.
91.	Mobifone	Xem xét bổ sung làm rõ các quy định liên quan đến quyền lợi khách hàng: đảm bảo chất lượng sản phẩm/dịch vụ, bảo vệ thông tin cá nhân, các vấn đề liên quan đến tài sản công nghệ số (crypto	Bộ TTTT giải trình như sau: - Dự thảo Đề cương Luật đã có quy định về quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số tại Điều vê Quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ công nghệ

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
		currency,..)	số. - Đối với các vấn đề về bảo vệ dữ liệu cá nhân nói chung, Chính phủ đang xây dựng Nghị định để điều chỉnh. Trong phạm vi công nghiệp công nghệ số, Luật này sẽ quy định về thu thập, sử dụng dữ liệu trong công nghiệp công nghệ số nhằm bảo đảm quyền riêng tư, cũng như nghiêm cấm các hành vi cấm sử dụng thông tin khách hàng và dữ liệu quan trọng sai mục đích; chuyển dữ liệu ra nước ngoài bất hợp pháp, ảnh hưởng đến an ninh quốc gia và lợi ích của người dân. - Về tài sản số, đây là vấn đề mới và phức tạp, nên Bộ TTTT sẽ tiếp tục nghiên cứu trong quá trình xây dựng Luật (tạm thời loại khỏi Đề cương nội dung này)
Điều. Quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số			
92.	Vụ KHCN	Xem xét, tham khảo thêm các Luật VT, TSVTĐ, GDĐT, như bổ sung thêm quy định quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số bằng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số bắt buộc phải quản lý chất lượng…	Tiếp thu. Bộ TTTT đã bổ sung các quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn và quản lý chất lượng tại Đề cương.
93.	Bộ VHTT&DL	Đề nghị bổ sung khung tiêu chuẩn về kiểm thử phần mềm	Bộ TTTT giải trình như sau: Dự thảo Đề cương đưa ra quy định khung, làm căn cứ để các bộ, ngành ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cần thiết, trong đó có lĩnh vực phần mềm. Tiêu chuẩn về kiểm thử phần mềm là tiêu chuẩn chi tiết, cụ thể về một khâu trong hoạt động sản xuất phần mềm, không cần thiết đưa cụ thể vào văn bản

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
			cấp Luật
Điều. Bảo đảm hoạt động cung cấp dịch vụ công nghệ số			
Điều. Hợp tác quốc tế và thâm nhập thị trường nước ngoài			
Chương IV KẾT CẤU HẠ TẦNG CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ			
Mục 1 KHU CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẬP TRUNG			
94.	Viettel	Căn cứ Nghị định 99/2003/NĐ-CP, Khu công nghệ cao được định nghĩa là "khu kinh tế - kĩ thuật đa chức năng, có ranh giới xác định, do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, nhằm nghiên cứu - phát triển và ứng dụng công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, đào tạo nhân lực công nghệ cao và sản xuất, kinh doanh sản phẩm công nghệ cao". Quy định này đang được hiểu rất rộng và bao gồm cả các đặc tính của Khu công nghệ thông tin tập trung như Đề cương dự kiến ghi nhận. Do vậy dự thảo cần phân tách phạm vi, nội hàm của hai loại hình hạ tầng này do liên quan tới các chế độ ưu đãi, quyền, nghĩa vụ của các đối tượng nằm trong hai khu vực đặc thù này.	Bộ TTTT tiếp thu, giải trình như sau: Khu CNTT tập trung được xây dựng với mô hình, tiêu chí và cách thức đầu tư, quản lý có nhiều điểm khác với Khu CNC. Trong đó ưu tiên, khuyến khích đầu tư và quản lý vận hành bởi tư nhân, đây là điểm khác biệt lớn so với Khu CNC. Qua hơn 10 năm thực hiện công tác quản lý nhà nước về khu CNTT, Bộ TTTT đã nhận thấy một số quy định hiện nay không còn phù hợp với thực tiễn và trên cơ sở kinh nghiệm của một số nước, sự phát triển của các mô hình khu công nghệ mới, Bộ TTTT sẽ xây dựng các quy định về Khu CNTT tập trung trong Luật CN CNS này.
95.	An Giang	Đề nghị hiệu chỉnh Mục 1. KHU CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẬP TRUNG thành "KHU CÔNG NGHỆ SỐ TẬP TRUNG".	Bộ TTTT tiếp thu, giải trình như sau: Về tên gọi thì nội hàm Khu CNTT tập trung và Khu CNS tập trung không có sự khác biệt. Tuy nhiên, Bộ TTTT sẽ nghiên cứu, đánh giá việc đổi tên gọi sẽ tác động đến các Khu CNTT tập trung đang hoạt động và lợi ích mang lại nếu đổi tên để xem xét, quyết định
Điều. Mô hình, tiêu chí khu công nghệ thông tin tập trung			
Điều. Quy hoạch phát triển khu công nghệ thông tin tập trung trên cả nước			
Điều. Quy trình đầu tư thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung			

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
Điều. Chính sách ưu đãi đối với khu công nghệ thông tin tập trung			
Điều. Quản lý đất đai và quy hoạch xây dựng			
Mục 2 TRUNG TÂM DỮ LIỆU CHO CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ			
Điều . Đầu tư, phát triển trung tâm dữ liệu			
Điều . Biện pháp đảm bảo phát triển trung tâm dữ liệu			
Điều . Tiêu chuẩn, quy chuẩn trung tâm dữ liệu			
96.	Vụ KHCN	Hiện nay nhu cầu và thị trường về trung tâm dữ liệu đang tăng mạnh cũng như có xu hướng theo chuẩn quốc tế rất cao, do đó để phát triển được nền kinh tế công nghiệp công nghệ số thì cần tăng cường cũng như đặt ra tiêu chuẩn cao	Bộ TTTT giải trình như sau: Dự thảo Đề cương đã có nội dung liên quan đến việc đầu tư trung tâm dữ liệu phải đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, quy chuẩn quốc gia liên quan nhằm hướng tới các Trung tâm dữ liệu xanh, sạch. Sau này, các quy định sẽ được cụ thể hóa.
97.	Bộ VHTT&DL, Mobifone	Mục 2. Điều "Tiêu chuẩn, quy chuẩn trung tâm dữ liệu": Đề nghị bổ sung các tiêu chuẩn về an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu.	Tiếp thu. Lồng ghép, bổ sung quy định về an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu vào Điều về Tiêu chuẩn, quy chuẩn trung tâm dữ liệu.
Điều . Trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp sở hữu trung tâm dữ liệu			
Điều . Điều kiện cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu			
Mục 3 MÁY TÍNH HIỆU NĂNG CAO			
Điều. Đầu tư phát triển các trung tâm tính toán hiệu năng cao			
Điều. Quy định về kết nối, chia sẻ năng lực của các trung tâm tính toán hiệu năng cao			
Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH			
Điều ... Hiệu lực thi hành			
Điều ... Quy định chuyển tiếp (nếu có)			
Các ý kiến khác (không thuộc các nội dung trên)			
98.	Viettel	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu xây dựng tách bạch trách nhiệm của hai cơ quan chủ quản là	Bộ TTTT giải trình như sau: Lĩnh vực công nghiệp công nghệ số là sự phát triển

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
		Bộ Thông tin và Truyền thông với Bộ Khoa học và Công nghệ do căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của hai cơ quan này sẽ rất dễ xảy ra tình trạng chồng chéo quản lý trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số.	tiếp theo của công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông - đây là lĩnh vực Chính phủ đã giao cho Bộ TTTT "chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan thực hiện quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ thông tin"[2]. Trong khi đó, Bộ KHCN quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, trong đó có việc thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu phát triển các công nghệ mới, trong đó có công nghệ số. Do vậy, không có sự chồng chéo trong quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số.
99.	VNPT	Hoạt động công nghiệp công nghệ số gồm các hoạt động: công nghiệp phần cứng, công nghiệp phần mềm, công nghiệp nội dung thông tin số, công nghiệp công nghệ số mới, dịch vụ công nghệ số. Trong đó, các hoạt động công nghiệp phần cứng, phần mềm, công nghiệp nội dung thông tin số, dịch vụ công nghệ số cơ bản kế thừa, hoàn chỉnh thêm từ các hoạt động công nghiệp CNTT trong Luật CNTT và các văn bản hướng dẫn. Nội dung chương II của dự thảo đề cương Luật chủ yếu tập trung quy định một phần của hoạt động công nghiệp công nghệ số mới. Để có cái nhìn tổng thể và tạo hành lang pháp lý rõ ràng cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số, VNPT đề xuất xây dựng	Tiếp thu. Bộ TTTT đã tiếp thu, bổ sung các nội dung về công nghiệp phần cứng, phần mềm, nội dung số, dịch vụ vào Chương II trên cơ sở kế thừa có bổ sung các quy định về công nghiệp CNTT tại Luật CNTT và Nghị định 71

[2] Nghị định số 71/2007/NĐ-CP

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
		bổ sung các nội dung quy định chi tiết về từng hoạt động công nghiệp công nghệ số như Tờ trình đã đề cập.	
100.	Mobifone	Đề nghị bổ sung các quy định liên quan đến bản quyền	Tiếp thu. Bộ TTTT bổ sung thêm Điều về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong công nghiệp công nghệ số.
101.	Cục ATTT	Hiện nay các cuộc tấn công mạng đã trở nên phổ biến, tinh vi và không thể dự đoán trước. Do vậy, đề nghị xem xét lồng ghép các nội dung đảm bảo an toàn phát triển công nghiệp công nghệ số trong dự thảo Luật, gồm một số nội dung: - Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng công nghiệp công nghệ số của các tổ chức, cá nhân - Bảo đảm hoạt động công nghiệp công nghệ số không ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế, xã hội khác - Cung cấp hạ tầng kỹ thuật của doanh nghiệp công nghiệp công nghệ số để thực hiện nhiệm vụ kiểm soát và bảo đảm an toàn, an ninh mạng trong tình huống khẩn cấp - Ngăn chặn khẩn cấp và ngừng cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp công nghiệp công nghệ số đối với tình huống đặc biệt để bảo vệ an ninh quốc gia…	Bộ TTTT tiếp thu và giải trình như sau: Dự thảo Đề cương luật đã có một số nội dung liên quan đến bảo đảm an ninh, an toàn; huy động nguồn lực ngành công nghiệp công nghệ số trong tình huống đặc biệt (Chương I). Trong quá trình xây dựng Luật, Bộ TTTT sẽ tiếp tục nghiên cứu, bổ sung các quy định về bảo đảm an toàn thông tin trong các hoạt động công nghiệp công nghệ số.
Góp ý cho Báo cáo đánh giá tác động chính sách			
I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN			
102.	Thái Bình	Tại Mục I, nội dung 1.1. Chủ trương, định hướng của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, đề nghị đơn vị soạn thảo sắp xếp các Nghị quyết của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương	Bộ TTTT tiếp thu và giải trình như sau: Trong báo cáo đánh giá tác động, các nghị quyết, văn bản của Đảng và Nhà nước được sắp xếp theo mức độ quan trọng và mức độ liên quan đến lĩnh vực công

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
		Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc theo thời gian; bổ sung đánh giá các nội dung có liên quan của Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.	nghiệp công nghệ số. Nội dung liên quan đến công nghiệp công nghệ số trong Nghị quyết số 50/NQ-CP chủ yếu tập trung vào phát triển ngành công nghiệp ưu tiên là công nghiệp CNTT, điện tử - viễn thông, đã được đánh giá chi tiết về kết quả thực hiện tại mục 1.3 của Báo cáo đánh giá tác động.
103.	ĐHQG Hà Nội	Nên tập trung vào các nội dung trọng điểm là tạo ra chính sách hỗ trợ theo định hướng của Đảng và Nhà nước để phát triển ngành công nghiệp số như chính sách kiến tạo cơ hội, chính sách hỗ trợ vốn, thuế, chính sách duy trì và tạo nguồn cho phát triển bền vững lâu dài	Tiếp thu. Bổ sung vào mục 1.3 của Báo cáo đánh giá tác động.
104.	ĐHQG Hà Nội	Khái niệm Sandbox nên được giải thích thêm về ý đồ/ý nghĩa của mô hình và tên gọi. Áp dụng mô hình ưu đãi Sandbox của Hàn Quốc cần xem xét những giới hạn của mô hình này để có các điều chỉnh phù hợp với thể chế của Việt Nam	Bộ TTTT tiếp thu và giải trình như sau: Về ý nghĩa của mô hình: Bộ TTTT bổ sung nội dung vào mục II.2 của Báo cáo đánh giá tác động. Về giới hạn của mô hình: Không phải tất cả các trường hợp đề xuất thử nghiệm, thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ mới đều được chấp nhận. Chính phủ căn cứ vào các quy định liên quan (ví dụ an ninh, quốc phòng, an toàn xã hội,…) để xem xét cho phép thử nghiệm. Bộ TTTT sẽ tiếp tục nghiên cứu, trao đổi với Bộ Khoa học và công nghệ thông tin truyền thông Hàn Quốc (đơn vị xây dựng mô hình này) trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Luật.
1. Bối cảnh xây dựng chính sách			
2. Mục tiêu xây dựng chính sách			

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH			
Chính sách 1: Hoàn thiện các quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng quản lý trong các hoạt động công nghiệp công nghệ số			
105.	ĐHQG Hà Nội	Nội dung quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng quản lý trong các hoạt động công nghiệp công nghệ số, do đó, cần đặt nó trong bối cảnh các Luật liên quan, xem xét để không bị chồng chéo với các luật đã có. Trong đó, tại Nội dung 1.3, nên tập trung vào việc đưa ra phương án cụ thể để xây dựng, thực hiện, triển khai các nội dung mong muốn của chính sách. Một số nội dung của mục 1.3 bị lẫn vào 1.2, đồng thời, nên mô tả cụ thể về Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số	Bộ TTTT tiếp thu và chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện lại nội dung về đánh giá bất cập tổng quan theo hướng để đề xuất các nhóm chính sách cụ thể trong Luật.
Chính sách 2: Thúc đẩy phát triển sản phẩm mới, dịch vụ mới			
106.	Viettel	Bộ TTTT hiện đang đề xuất áp dụng phương án quy định trách nhiệm quản lý nhà nước, đồng thời quy định một số điều kiện, nguyên tắc quản lý đối với sản phẩm mới. Do vậy, đề nghị bổ sung phân tích đánh giá được tác động với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số khi thực hiện các thủ tục hành chính trong trường hợp các quy định đặt ra một số điều kiện đặc thù hoặc các giấy phép chuyên ngành.	Tiếp thu. Bộ TTTT bổ sung chi tiết về tác động kinh tế, xã hội, hệ thống pháp luật, thủ tục hành chính và về giới đối với nhóm chính sách này.
107.	ĐHQG Hà Nội	Cần tập trung vào các ưu đãi để khích lệ các thực thể kinh tế có nhu cầu tìm kiếm và sử dụng sản phẩm mới, khích lệ phát triển sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu thị trường, với các sản phẩm sử dụng nguồn vốn nhà nước, nên tập trung vào việc hỗ trợ định giá, chuyển giao sản phẩm, chính sách	Tiếp thu. Bộ TTTT bổ sung nội dung này vào Điều về quản lý nhà nước về sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới.

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
		thuế, hạch toán tài chính	
Chính sách 3: Biện pháp bảo đảm phát triển công nghiệp công nghệ số			
108.	ĐHQG Hà Nội	Quy định về phát triển nguồn nhân lực công nghệ số (khung kỹ năng công nghệ số, đào tạo thực tế tại doanh nghiệp trong các chương trình đào tạo về công nghệ số, thu hút nhân tài, nhân lực công nghệ số xuất sắc): nội dung phát triển nguồn nhân lực, cơ chế đào tạo và công nhận tương đương kết quả thực tập vào tín chỉ đào tạo của các trường, nên để các trường tự cân nhắc và công nhận tùy theo yêu cầu về đào tạo và yêu cầu chất lượng. Để phát triển nguồn nhân lực công nghệ số, nên liên kết với Bộ Giáo dục và Đào tạo tập trung vào việc đào tạo Toán, Vật lý, Công nghệ thông tin thật tốt ở cấp cơ sở	Bộ TTTT giải trình như sau: Đề xuất tạo hành lang pháp lý để các cơ sở đào tạo CNTT chủ động công nhận thời gian thực tập tại doanh nghiệp tương đương với kết quả thực tập và tín chỉ đào tạo
109.	ĐHQG Hà Nội	Xây dựng khung năng lực: nên có một chứng chỉ có chất lượng thực được các công ty phần mềm, công nghệ số nói chung chấp nhận và đưa vào làm một trong các phương pháp tuyển dụng nhân lực	Bộ TTTT giải trình như sau: Dự thảo đã đề xuất xây dựng Khung kỹ năng công nghệ số đây là khung tiêu chuẩn kỹ năng cơ bản nhằm: - Giúp đánh giá chất lượng nguồn nhân lực công nghệ số - Được cập nhật thường xuyên những kỹ năng công nghệ số mới theo từng thời kỳ. - Hội nhập quốc tế đảm bảo nhân lực đáp ứng kỹ năng công nghệ số có thể làm việc tại nước ngoài và lao động nước ngoài có thể làm việc tại VN. - Công nhận tương đương các chương trình đào tạo, chứng chỉ trong nước và quốc tế. Như vậy, chương trình đào tạo, chứng chỉ về công

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
			nghệ số được công nhận đáp ứng khung kỹ năng công nghệ số sẽ đảm bảo chất lượng cho nguồn nhân lực công nghệ số.
Chính sách 4: Kết cấu hạ tầng công nghiệp công nghệ số			
110.	Bộ VHTT&DL	Đề nghị rà soát lại giải pháp 3 vì có sự trùng lặp giải pháp 2, theo đó, giải pháp 2 không quy định nội dung về hệ thống máy tính hiệu năng cao nhưng trong giải pháp 3 lại loại trừ nội dung này.	Tiếp thu. Thay thế cụm từ "Máy tính hiệu năng cao" thành "Trung tâm tính toán hiệu năng cao". Đồng thời thay thế tên mục trong Đề cương Luật để thống nhất.
111.	ĐHQG Hà Nội	Nên chú trọng việc phát triển hạ tầng Internet, 4G, 5G và thiết bị đầu cuối phủ rộng cả nước, đảm bảo mọi người dùng đều có thể kết nối Internet, đưa sản phẩm số phù hợp tới mọi người dân trên đất nước	Nội dung về phát triển hạ tầng internet, 4G, 5G thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Viễn thông (dự kiến sửa đổi bằng Luật hạ tầng số)
Các ý kiến khác (không thuộc các nội dung trên)			
112.	ĐHQG Hà Nội	Báo cáo đánh giá tác động nên tập trung vào vấn đề "nếu thực hiện chính sách đó thì hiệu quả hay tác động sẽ như thế nào?". Các thông tin cần được đưa ra có tính định lượng để đảm bảo sự tường minh. Bên cạnh đó, mạng xã hội, các nền tảng video trực tuyến, các nền tảng thương mại điện tử, các dịch vụ dùng chung trong nước và xuyên quốc gia cũng là các sản phẩm quan trọng của công nghệ số, cần có chính sách để thúc đẩy phát triển và quản lý các dạng dịch vụ này	Tiếp thu. Bộ TTTT đã bổ sung đánh giá chi tiết về tác động tích cực và tiêu cực liên quan đến kinh tế, xã hội, hệ thống pháp luật, thủ tục hành chính và giới bảo đảm đầy đủ theo quy định của pháp luật.
Góp ý cho Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật			
Phần I. Tổng quan hệ thống pháp luật về phát triển CNTT, công nghiệp CNTT			
113.	Thái Bình	Tại nội dung I.2. Một số văn bản QPPL về phát triển CNTT, công nghiệp CNTT và I.3. Một số văn bản chỉ đạo, điều hành quan trọng về phát triển CNTT, công nghiệp CNTT: Đề nghị cơ quan soạn	Bộ TTTT tiếp thu và sắp xếp các văn bản theo đúng trình tự thời gian.

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
		thảo sắp xếp các văn bản QPPL theo trình tự về thời gian cho mỗi loại hình văn bản QPPL; văn bản chỉ đạo, điều hành.	
114.	VNNIC	Xem xét bổ sung phân tích rõ hơn cơ sở lý luận, các nội dung bất cập, hạn chế thi hành pháp luật về CNTT, công nghiệp CNTT, để từ đó thấy rõ sự cần thiết của Luật công nghiệp công nghệ số	Bộ TTTT tiếp thu và làm rõ các cơ sở thực tiễn và cơ sở lý luận của các hạn chế, bất cập trong thi hành pháp luật về công nghiệp CNTT.
115.	VNNIC	Các số liệu báo cáo xem xét đồng bộ cùng một mốc thời gian báo cáo (hiện tại một số số liệu báo cáo đến hết năm 2020, một số đến tháng 7/2021)	Bộ TTTT tiếp thu và thống nhất các mốc thời gian trong báo cáo là năm 2020.
116.	VNNIC	Xem xét thực hiện, bổ sung thêm một số kết quả điều tra, khảo sát ý kiến của các doanh nghiệp tại Việt Nam, đặc biệt là doanh nghiệp CNTT về các vấn đề bất cập trong triển khai thực thi pháp luật về phát triển CNTT, công nghiệp CNTT và các đề xuất của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, đề xuất sửa đổi, chuẩn bị các nội dung sửa đổi bám sát, đồng bộ hơn giữa cơ sở lý luận và thực tiễn	Bộ TTTT giải trình như sau: Hồ sơ lập đề nghị đã được gửi lấy ý kiến các doanh nghiệp, hiệp hội. Trên cơ sở đó, hoàn thiện để phù hợp với thực tiễn.
117.	VNNIC	Luật Công nghiệp công nghệ số xây dựng thay thế nội dung phát triển CNTT trong Luật CNTT số 67/2006/QH11, do đó cần nêu rõ phạm vi sẽ thay thế những Điều, Khoản cụ thể nào trong Luật CNTT để việc áp dụng sau này tránh chồng chéo	Tiếp thu. Trong Tờ trình Chính phủ, Bộ TTTT đã làm rõ phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Luật và phương hướng hoàn thiện, thay thế các quy định hiện có trong Luật CNTT bởi các luật chuyên ngành.
Phần II. Kết quả triển khai pháp luật về phát triển CNTT, công nghiệp CNTT			
118.	Thanh Hóa	Báo cáo đánh giá được một phần nội dung về công nghiệp công nghệ thông tin chưa đánh giá được toàn bộ các nội dung được nêu trong Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006. Do đó, đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, bổ sung	Bộ TTTT giải trình như sau: Bộ đã đánh giá tổng kết 10 năm thi hành Luật CNTT, trên cơ sở đó, từ đó hình thành đề xuất xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số.

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
		các nội dung đánh giá về "Tổng kết thi hành pháp luật về phát triển công nghệ thông tin".	
II.1 Về phát triển ngành công nghiệp CNTT			
II.2 Về phát triển nguồn nhân lực CNTT			
II.3 Về nghiên cứu – phát triển CNTT			
II.4 Về kết cấu hạ tầng cho phát triển CNTT			
II.5 Về đầu tư cho phát triển CNTT			
II.6 Về hợp tác quốc tế để phát triển CNTT			
Phần III. Những bất cập, khó khăn trong áp dụng pháp luật về phát triển CNTT, công nghiệp CNTT			
III.1 Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng quản lý			
III.2 Về thúc đẩy phát triển sản phẩm mới, dịch vụ mới			
III.3 Về biện pháp bảo đảm phát triển CNTT, công nghệ số			
III.4 Về kết cấu hạ tầng cho phát triển CNTT, công nghệ số			
Các ý kiến khác (không thuộc các nội dung trên)			
Các ý kiến khác không thuộc nhóm nào trong các nhóm trên			
119.	Bắc Ninh	Dự thảo được xây dựng cần khắc phục những hạn chế, bất cập trong thi hành Luật Công nghệ thông tin như: Phân loại các loại hình công nghiệp CNTT đã bộc lộ một số vướng mắc, thiếu đồng bộ trong hệ thống các văn bản QPPL; Hoạt động công nghiệp phần mềm gặp một số vướng mắc trong áp dụng pháp luật do khái niệm và phạm vi các hoạt động công nghiệp phần mềm chưa phù hợp, chưa theo kịp xu thế phát triển; Công nghệ số xuất hiện là bước phát triển tiếp theo của CNTT, đặt ra những yêu cầu quản lý mới, nhưng chưa được quy định, định nghĩa trong hệ thống văn bản QPPL nên khó khăn trong việc áp dụng chế tài và cơ chế, chính	Bộ TTTT tiếp thu ý kiến này và đã đưa vào dự thảo Đề cương một số quy định để khắc phục được các bất cập và sẽ tiếp tục bổ sung, hoàn thiện trong quá trình xây dựng Luật.

TT	Cơ quan	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu
		sách thúc đẩy phát triển.	
120.	Thanh Hóa	Trong phần chú thích tiêu đề của dự thảo Tờ trình và Đề cương thể hiện việc ban hành Luật Công nghiệp công nghệ số nhằm thay thế một số nội dung không còn phù hợp về phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đã được ban hành trong Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006. Tuy nhiên, tại các chương, điều khoản thi hành của Đề cương chi tiết đang dự thảo thể hiện nội dung: "Luật này sẽ thay thế các luật của Quốc hội sẽ hết hiệu lực kể từ ngày luật này có hiệu lực (nếu có)" và một số nội dung chuyển tiếp là chưa phù hợp; bởi vì Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006 bao gồm 02 cấu phần chính là "Ứng dụng công nghệ thông tin" và "Phát triển công nghệ thông tin", do đó việc ban hành Luật Công nghiệp công nghệ số chỉ thay thế một số nội dung trong Luật Công nghệ thông tin chưa mang tính tổng thể để thay thế toàn bộ nội dung trong Luật Công nghệ thông tin. Do đó, đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, điều chỉnh lại các nội dung cho phù hợp.	Tiếp thu. Điều chỉnh lại nội dung chuyển tiếp theo tinh thần thay thế các nội dung về phát triển CNTT trong Luật CNTT
121.	Phú Yên	Đề xuất nghiên cứu mở rộng về các vấn đề liên quan: sở hữu trí tuệ, robot,...	Tiếp thu. Bổ sung quy định liên quan đến Sở hữu trí tuệ. Đề cương Luật đã có Chương quy định về phát triển sản phẩm mới, dịch vụ mới. Các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số liên quan đến robot (nếu có) sẽ được quản lý theo quy định này.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2445 /BKHCN-CNC V/v xin ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số	*Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2021*

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Phúc đáp công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông (TT&TT) về việc xin ý kiến báo cáo lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số; thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ (KH&CN), Bộ KH&CN có ý kiến như sau:

Về cơ bản, Bộ KH&CN thống nhất với sự cần thiết xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số, cơ bản đồng ý với với một số nội dung của dự thảo Tờ trình và Đề cương Luật công nghiệp công nghệ số do Bộ TT&TT soạn thảo. Tuy nhiên, để góp phần hoàn thiện Hồ sơ đề nghị ban soạn thảo nghiên cứu, hoàn thiện trong quá trình xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số, gồm:

1. Tại dự thảo đề cương Luật Công nghệ số:

- Đề nghị xem xét lại sự phù hợp, chính xác của phần giải nghĩa "Công nghệ số là công nghệ thông tin" ở khoản 1 Điều giải thích từ ngữ. Ngoài ra, đề nghị Bộ TT&TT tiếp tục nghiên cứu làm rõ khái niệm, nội hàm của công nghệ số để làm cơ sở cho việc đề xuất các quy định của dự thảo Luật.

- Đề nghị xem xét bổ sung một Điều về nghiên cứu phát triển, ứng dụng và đổi mới công nghệ số, trong Điều này tập trung quy định các cơ chế, chính sách để thúc đẩy, hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới công nghệ số (hiện dự thảo mới chỉ có điều về nghiên cứu phát triển công nghiệp công nghệ số)

2. Tại dự thảo Báo cáo và Tờ trình:

- Đề nghị xem xét, bổ sung những cơ sở pháp lý và thực tiễn về kinh nghiệm thế giới, trong đó cần phân tích các nước đã xây dựng và quản lý đối tượng này như thế nào. Trước xu thế phát triển của ngành công nghiệp số thì các nước đó xây dựng một Luật riêng hay bằng hình thức văn bản khác. Vì vậy, về vấn đề này, đề nghị ban soạn thảo cần bổ sung thông tin và phân tích cụ thể để lăng tinh thuyết phục, cho thấy việc điều chỉnh này là phù hợp và hòa nhập với xu thế phát triển chung của thế giới.

- Trên cơ sở ý kiến ở trên, đề nghị nghiên cứu, xây dựng theo hướng xem xét bổ sung sửa đổi Luật công nghệ thông tin đang có để hài hòa với xu hướng phát triển của công nghệ và có sự thống nhất trong các văn bản luật, góp phần thuận lợi trong việc theo dõi, thực thi pháp luật.

- Bên cạnh đó, Bộ TT&TT cũng cần xem xét về chức năng quản lý với các Bộ, ngành liên quan để có sự thống nhất quản lý tập trung một đầu mối và tránh chồng chéo trong công tác quản lý.

Ngoài ra, Bộ KH&CN cũng đã ban hành Luật công nghệ cao, Luật chuyển giao công nghệ, trong đó có những quy định cụ thể và chi tiết về việc phát triển công nghiệp công nghệ cao. Vì vậy, đề nghị ban soạn thảo rà soát, cập nhật để có những chính sách đồng bộ, thống nhất.

Trên đây là ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ gửi Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, hoàn thiện Hồ sơ.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Vụ PC;
- Lưu: VT, CNC

KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Bùi Thế Duy

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3312/LĐTBXH-PC	*Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 2021*
V/v góp ý đối với Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số	

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Trả lời Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xin ý kiến đối với Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số, sau khi nghiên cứu, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có ý kiến như sau:

Việc xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số nhằm mục đích thể chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển công nghiệp công nghệ số; kiến tạo được không gian tăng trưởng và phát triển kinh tế số dựa trên các hoạt động nghiên cứu, sáng tạo, sản xuất, cung cấp, ứng dụng các sản phẩm, dịch vụ của ngành công nghiệp công nghệ số Việt nam; khắc phục những khó khăn, vướng mắc, bất cập phát sinh trong quá trình thi hành pháp luật về phát triển công nghệ thông tin. Do đó, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhất trí việc xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kính gửi Quý Bộ nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, PC.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP CHẾ

Nguyễn Văn Bình

Người ký: Bộ Ngoại giao
Email: ttll.mfa@mofa.gov.vn
Cơ quan: Bộ Ngoại giao
Thời gian ký: 21.09.2021 13:59:36 +07:00

BỘ NGOẠI GIAO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 9930/BNG-TTTT	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
V/v cho ý kiến đối với Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số	*Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2021*

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Phúc công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Quý Bộ về việc cho ý kiến đối với Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số, Bộ Ngoại giao xin có ý kiến như sau:

1. Bộ Ngoại giao cơ bản nhất trí với Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số do Quý Bộ chuẩn bị. Hồ sơ đề xuất phù hợp với xu hướng đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công nghệ số, coi công nghệ số là chìa khóa hỗ trợ chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tạo động lực mới cho phát triển kinh tế, đảm bảo phát triển bền vững và toàn diện trong thời gian tới.

2. Về dự thảo Tờ trình Chính phủ:

- *Tại mục I, điểm 2. Cơ sở thực tiễn*, đề nghị cân nhắc: bổ sung đánh giá ngành công nghiệp công nghệ số của các quốc gia dẫn đầu trong lĩnh vực như Hoa Kỳ và một số nước trong khu vực ASEAN để có thêm lập luận, cơ sở nghiên cứu xây dựng Luật; bổ sung thêm bất cập về chuỗi cung ứng công nghiệp công nghệ số còn thiếu hoàn chỉnh, đặc biệt trong khâu nghiên cứu / phát triển phần cứng công nghệ số (bán dẫn,vi mạch…), sản phẩm công nghệ số chưa thâm nhập sâu chuỗi cung ứng công nghệ số toàn cầu. Bổ sung thêm luận điểm về việc ban hành Luật sẽ giúp: (i) góp phần cụ thể hóa Nghị quyết số 52-NQ-TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4; (ii) bắt kịp với xu thế phát triển của thế giới, góp phần thực hiện Chiến lược hội nhập quốc tế đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, cụ thể là "xây dựng nền khoa học, hệ thống giáo dục và y tế quốc gia ngày càng tiên tiến, hiện đại, tiến tới thu hẹp khoảng cách phát triển với khu vực và thế giới trong các ngành, lĩnh vực này"; (iii) thu hẹp khoảng cách số (digital divide) giữa ta và nhóm các nước phát triển.

- *Tại mục II, điểm 1*, kiến nghị thay từ cụm từ *"Kiến tạo được không gian tăng trưởng..."* bằng cụm từ *"Xây dựng và bảo vệ được không gian tăng trưởng..."*.

3. Về dự thảo Đề cương chi tiết Luật Công nghiệp công nghệ số:

- Tại Chương I. Những quy định chung, cần bổ sung thêm điều khoản về *"Thanh tra các hoạt động công nghiệp công nghệ số"* và *"Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động công nghiệp công nghệ số"*. Trong điều khoản về *"Giải thích từ ngữ"*, nên bổ sung thêm một số từ ngữ được sử dụng trong văn bản như sản phẩm trí tuệ nhân tạo, khung kỹ năng công nghệ số quốc gia, chứng chỉ công nghệ số, doanh nghiệp kỳ lân, trung tâm tính toán hiệu năng cao, máy tính hiệu năng cao...

- Tại Chương III. Bảo đảm phát triển công nghiệp công nghệ số, mục 2, điều về *"Thu hút nhân lực công nghệ số xuất sắc trong nước và nước ngoài"*, đề nghị bổ sung những chính sách ưu đãi đối với các nhân lực / thành tựu công nghệ số xuất sắc; tại mục 6, điều về *"Hợp tác quốc tế và thâm nhập thị trường nước ngoài"*, nên cân nhắc lồng ghép nội dung *"tăng cường hợp tác quốc tế, góp phần mở rộng và làm sâu sắc hơn hợp tác, học tập kinh nghiệm về chuyển giao khoa học công nghệ, kinh tế số, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo với các nước đối tác lớn, quan trọng có trình độ khoa học tiên tiến, đang đi đầu về công nghệ số, kinh tế số, đổi mới sáng tạo trong cách mạng công nghiệp 4.0"*.

- Tại Chương IV. Kết cấu hạ tầng công nghiệp công nghệ số, mục 1, đề nghị gộp 2 điều *"Chính sách ưu đãi đối với khu công nghệ thông tin tập trung"* và *"Quản lý đất đai và quy hoạch xây dựng"* thành *"Các chính sách quản lý, quy hoạch và xây dựng đối với khu công nghệ thông tin tập trung"*, đồng thời bỏ phần liên quan đến Chính sách đất đai đối với khu CNTT tập trung.

4. Về dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách:

- Chính sách 2 đang đề xuất theo hướng cho phép các tổ chức, cá nhân thử nghiệm sản phẩm mới trong trường hợp pháp luật hiện hành có quy định cấm hoặc không rõ ràng, không hợp lý đối với việc triển khai các sản phẩm dựa trên kinh nghiệm của Hàn Quốc. Đây là một vấn đề tương đối mới tại thị trường Việt Nam, việc quy định mở như vậy sẽ tạo điều kiện hỗ trợ các doanh nghiệp nhanh chóng đưa các sản phẩm mới ra thử nghiệm trên thị trường. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo có đánh giá kỹ về tính khả thi của chính sách này vì nước áp dụng quy định này đều là các nước phát triển trong lĩnh vực công nghệ.

- Đề nghị tham khảo thêm Chiến lược về đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo ngành Công nghiệp Công nghệ thông tin (ICT) từ 2009 đến nay và một số Chiến lược chuyển đổi số của Châu Âu đến 2030 như: *"Thập kỷ kỹ thuật số của Châu Âu"*, *"Định hình tương lai công nghệ số của Châu Âu"*; *"Phát triển thương mại điện tử, các hình thức trực tuyến là trọng tâm"*.

Ngoài ra, đề nghị Quý Bộ nghiên cứu kỹ các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên, đặc biệt là đối với những nội dung liên quan đến các dịch vụ xuyên biên giới cũng như xem xét bổ sung nội dung tham khảo, tiếp thu các ý kiến của tổ chức, doanh nghiệp quốc tế trong quá trình xây dựng Luật, bảo đảm phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam.

Bộ Ngoại giao trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Bộ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- VPB, DBA, ĐNA, CNV, CM, CAU LPQT, TCQT, UBNV, HVNG, THKT;
- Lưu: HC, TTTT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phạm Quang Hiệu

BỘ NỘI VỤ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4411/BNV - PC V/v tham gia ý kiến Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số	*Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2021*

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Trả lời Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc đề nghị tham gia ý kiến Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số, Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

Thống nhất Hồ sơ nêu trên do Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ, đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình Chính phủ theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Nguyễn Duy Thăng (để b/c);
- Lưu: VT, PC.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP CHẾ

Phan Trung Tuấn

Ký bởi: Bộ Tài chính
Cơ quan: 28 Trần Hưng Đạo - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Thời gian ký: 15/10/2021 17:01:47 +07:00

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 11804/BTC-TTTK V/v tham gia ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số (lần 2)	*Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2021*

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Phúc đáp công văn số 3295/BTTTT-THH ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TTTT) về việc xin ý kiến báo cáo lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp, công nghệ số, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Ý kiến chung:

Trên cơ sở đề nghị của Bộ TTTT tại công văn số 2234/BTTTT-THH ngày 24/6/2021, Bộ Tài chính đã có công văn số 6383/BTC-THTK ngày 28/7/2021 tham gia ý kiến lần 1 về Báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp, công nghệ số. Tuy nhiên, qua rà soát hồ sơ xin ý kiến lần 2, nhiều ý kiến của Bộ Tài chính đã tham gia chưa được Bộ TTTT tổng hợp, tiếp thu. Do vậy, đề nghị Bộ TTTT bổ sung báo cáo tổng hợp giải trình tiếp thu hoặc không tiếp thu ý kiến tham gia của các bộ, ngành, trong đó có ý kiến của Bộ Tài chính tại công văn số 8363/BTC-THTK ngày 28/7/2021 (hồ sơ xin ý kiến của Bộ TTTT không có bảng tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị).

2. Ý kiến cụ thể đối với nội dung tại dự thảo tờ trình, dự thảo Đề cương Luật, dự thảo Báo cáo đánh giá tác động, dự thảo báo cáo tổng kết thi hành pháp luật:

2.1. Về sự cần thiết ban hành văn bản:

Liên quan đến nội dung về thuế giá trị gia tăng (GTGT) được nêu tại gạch đầu dòng thứ 3, tiết 2 điểm a khoản 2 mục I phần I - Về sự cần thiết ban hành văn bản của dự thảo tờ trình Chính phủ (trang 4-5) thì tại Luật thuế GTGT và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn hiện hành đã quy định sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Để đảm bảo cơ sở pháp lý khi xác định nghĩa vụ thuế đối với sản phẩm và dịch vụ phần mềm, đề nghị Bộ TTTT sửa đổi, bổ sung Luật Công nghiệp, công nghệ thông tin và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật theo hướng quy định rõ các loại hình sản phẩm, dịch vụ phần mềm.

2.2. Về mục tiêu, nội dung của chính sách, giải pháp thực hiện chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản:

- Tại điểm 3.3 phần IV- Dự thảo tờ trình Chính phủ (trang 13) gạch đầu dòng thứ 4 có nêu: *"Về chính sách phát triển sản phẩm, dịch vụ Make in Viet Nam: quy định một số chính sách ưu tiên, ưu đãi như ưu tiên trong mua sắm của cơ quan nhà nước; Chính phủ hỗ trợ, đặt hàng nghiên cứu phát triển, làm chủ các sản phẩm, công nghệ lõi, then chốt, ứng dụng; chứng nhận về chất lượng, hỗ trợ tạo điều kiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, kết nối thị trường tiềm năng trong và ngoài nước, giảm thuế,...".*

Đối với nội dung này, về thuế liên quan đến hàng hóa mua bán, trao đổi nội địa, thuế GTGT là thuế gián thu thu theo hàng hóa, dịch vụ và theo pháp luật thuế GTGT hiện hành, không có quy định miễn, giảm thuế. Do vậy, đề nghị thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về thuế GTGT.

- Về các nội dung ưu đãi thuế tại dự thảo tờ trình Chính phủ và các tài liệu liên quan gửi kèm hồ sơ xin ý kiến:

Bộ Tài chính đã có ý kiến tham gia về vấn đề này, trước đây đã nêu rõ pháp luật thuế hiện hành áp dụng thống nhất đối với tất cả các thành phần kinh tế, không phân biệt loại hình doanh nghiệp (đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài). Các ưu đãi thuế đã được quy định tại các Luật thuế theo lĩnh vực, địa bàn ưu đãi đầu tư, trong đó quy định ưu đãi đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, công nghệ cao nói chung và đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ, công nghệ thông tin nói riêng ở mức cao nhất trong khung ưu đãi của pháp luật thuế. Vì vậy, để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật, đề nghị Bộ TTTT không đưa nội dung về thuế tại Luật công nghiệp, công nghệ số như ý kiến của Bộ Tài chính đã nêu tại công văn số 8363/BTC-THTK ngày 28/7/2021.

- Về đề xuất xác định ngành công nghiệp công nghệ số là một ngành kinh tế trong hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (được nêu tại trang 10-11 của dự thảo tờ trình): Đề nghị Bộ TTTT lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê). Tuy nhiên, cần phân định cụ thể: *(i) các hoạt động nghiên cứu, sản xuất ngành công nghiệp số; (ii) các hoạt động ứng dụng công nghệ số trong đó hoạt động ứng dụng công nghệ số diễn ra ở mọi ngành, nghề, lĩnh vực kinh tế xã hội.*

2.3. Về dự kiến các nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản sau khi được thông qua được nêu tại phần V (trang 15) dự thảo tờ trình:

- Theo khoản 4, điều 9 Luật NSNN năm 2015 quy định: *"Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do cấp đó bảo đảm; việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách từng cấp; việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách phải bảo đảm trong phạm vi ngân sách theo phân cấp".*

Tuy nhiên, tại gạch đầu dòng thứ nhất phần V (trang 15) của dự thảo tờ trình của Bộ TTTT đánh giá nội dung này còn rất chung chung: *"Sau khi Luật công nghiệp công nghệ số được ban hành, Nhà nước cần đầu tư một khoản kinh phí cho việc tổ chức thực hiện cụ thể là: (i) Cân đối, bố trí nguồn ngân sách để triển khai các chương trình đầu tư, phát triển công nghiệp, công nghệ số, xây dựng hạ tầng cho phát triển công nghiệp, công nghệ số; (ii) tuyên truyền, phổ biến đào tạo nội dung của Luật (chi phí in ấn, hợp đồng với phương tiện thông tin đại chúng,...); (iii) Chi phí triển khai thi hành Luật khi có hiệu lực thi hành và chi phí phục vụ việc theo dõi; sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình thực thi Luật theo thời gian định kỳ hoặc đột xuất; (iv) Để tổ chức triển khai Luật công nghiệp, công nghệ số sau khi được ban hành, cần thiết bố trí các nguồn lực để xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành"*. Vì vậy, đề nghị Bộ TTTT trong quá trình xây dựng Luật Công nghiệp, công nghệ số xác định rõ những nội dung triển khai từ ngân sách nhà nước, nội dung do các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, Quỹ ngoài ngân sách thực hiện; tiếp tục hoàn thiện nội dung đánh giá tác động đối với các nội dung có sự thay đổi trong đó có tác động tới NSNN và dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành văn bản sau khi được thông qua, gửi lại các Bộ, ngành địa phương có liên quan có ý kiến cụ thể.

Mặt khác, tại công văn số 8363/BTC-THTK ngày 28/7/2021 của Bộ Tài chính tham gia ý kiến về báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp, công nghệ số theo đề nghị của Bộ TTTT tại công văn số 2234/BTTTT-THH ngày 24/6/2021, Bộ Tài chính đã có ý kiến về báo cáo đánh giá tác động của Bộ TTTT về chính sách vốn, ưu đãi cho công nghiệp, công nghệ số, trong đó đề nghị bỏ đề xuất: *Xác định rõ mức chi cụ thể cho công nghiệp, công nghệ thông tin (CNTT), công nghệ số trong tổng chi ngân sách nhà nước* do việc quản lý kinh phí thường xuyên ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn; trong đó đối với việc thực hiện chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho CNTT nói chung và công nghiệp CNTT, công nghệ số nói riêng được thực hiện ở nhiều ngành/lĩnh vực (sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp giáo dục và đào tạo,...). Tại dự thảo kèm theo công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ TTTT (tờ trình, đề cương xây dựng Luật, Báo cáo đánh giá tác động): Bộ TTTT tiếp tục đề xuất chính sách về vốn đầu tư, ưu đãi cho công nghiệp, công nghệ số, trong đó bao gồm: Bảo đảm chi công nghiệp số trong tổng số chi ngân sách nhà nước hàng năm. Đồng thời, Bộ TTTT không báo cáo cơ sở tiếp tục đề xuất chính sách nêu trên. Do vậy, đề nghị Bộ TTTT tiếp tục nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính tại công văn số 8363/BTC-THTK ngày 28/7/2021. Theo đó đề nghị bỏ đề xuất: *"Bảo đảm chi cho công nghiệp công nghệ số trong tổng chi ngân sách nhà nước hàng năm"*.

Ngoài ra, căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 36 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Bộ Tài chính có trách nhiệm gửi báo cáo đánh giá về nguồn tài chính đối với đề nghị xây dựng Luật. Tuy nhiên, Bộ TTTT không có đánh giá cụ thể về nguồn tài chính đối với các giải pháp tại dự thảo

báo cáo đánh giá tác động chính sách của đề nghị xây dựng Luật (trang 20-24) cụ thể: đối với Chính sách 3 (Biện pháp bảo đảm phát triển công nghiệp, công nghệ số), Chính sách 4 (Kết cấu hạ tầng công nghiệp công nghệ số), Bộ TTTT đều lựa chọn giải pháp 2 và có nêu cần bố trí ngân sách để hỗ trợ doanh nghiệp (gián tiếp bằng ưu đãi thuế), triển khai một số hoạt động như đầu tư, đặt hàng phát triển một số công nghệ, sản phẩm công nghệ số trọng yếu, xây dựng thương hiệu ngành (trang 23); Nhà nước phải đầu tư kinh phí để xây dựng, quản lý, vận hành một số trung tâm dữ liệu quy mô quốc gia, trung tâm tính toán hiệu năng cao, khu công nghệ thông tin tập trung (trang 25),... Do đó, có phát sinh kinh phí ngân sách nhà nước cho các hoạt động này. Vì vậy, đề nghị Bộ TTTT bổ sung đánh giá cụ thể về nguồn tài chính để Bộ Tài chính có cơ sở tham gia ý kiến theo quy định tại Khoản 1, Điều 36 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

2.4. Về chính sách vốn, ưu đãi cho công nghiệp công nghệ số: Mục chi riêng trong mục lục NSNN:

a. Về quy định hiện hành về mục lục ngân sách (MLNS):

Theo quy định tại Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính quy định Hệ thống Mục lục ngân sách nhà nước:

- Về danh mục mã loại khoản: Các khoản chi ngân sách nhà nước (NSNN) trực tiếp cho lĩnh vực Công nghệ thông tin (CNTT) được chi tiết theo Khoản 314 "Công nghệ thông tin" (thuộc lĩnh vực "Các hoạt động kinh tế" – Loại 280).

Trường hợp đơn vị sử dụng ngân sách được giao dự toán theo các lĩnh vực khác để mua các sản phẩm CNTT, đào tạo, tập huấn, hội thảo về CNTT nhằm phục vụ hoạt động của mình theo nhiệm vụ được giao thì phản ánh vào các tiểu mục tương ứng. Các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện chi theo dự toán đã được giao theo quy định của Luật NSNN.

- Về danh mục mã mục, tiểu mục: Các khoản chi liên quan đến CNTT được chi tiết tại các tiểu mục như sau:

+ Tiểu mục 6912 "Các thiết bị công nghệ thông tin";

+ Tiểu mục 6956 "Mua sắm các thiết bị công nghệ thông tin";

+ Tiểu mục 7053 "Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin";

+ Tiểu mục 7054 "Xây dựng phần mềm công nghệ thông tin";

+ Tiểu mục 9356 "Các chi phí mua thiết bị, phần mềm, lắp đặt, hiệu chỉnh, đào tạo, chuyển giao, vận chuyển, bảo hành, thuế, phí liên quan công nghệ thông tin."

b. Về nội dung liên quan đến mục chi riêng trong mục lục NSNN để quản lý chính sách vốn, đầu tư, ưu đãi cho công nghiệp công nghệ số.

- Loại trong MLNS dùng để phân loại lĩnh vực chi theo quy định tại Điều 36 và Điều 38 của Luật NSNN.

- Khoản là phân loại chi tiết của Loại, dùng để phân loại các khoản chi NSNN theo ngành kinh tế quốc dân được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Mục, Tiểu mục dùng để phân loại các khoản thu, chi NSNN căn cứ nội dung kinh tế theo các chính sách, chế độ thu, chi NSNN.

Hiện nay công nghiệp, công nghệ số chưa được quy định trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Vì vậy cần làm rõ về nội hàm, phạm vi và loại hình của công nghiệp, công nghệ số để từ đó xây dựng cơ chế chính sách phù hợp. Để có cơ sở bổ sung, sửa đổi MLNS đối với các khoản chi từ nguồn NSNN cho công nghiệp, công nghệ số cần bổ sung, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật liên quan. Việc bổ sung, sửa đổi MLNS sẽ được thực hiện để phù hợp với quy định mới tại các văn bản quy phạm pháp luật.

2.5. Về quỹ đầu tư cho công nghệ số:

Tại dự thảo Dề cương chi tiết Luật Công nghiệp, công nghệ số - trang 6 có nêu về Quỹ Phát triển công nghệ số của doanh nghiệp, tuy nhiên, theo dự thảo về "Chiến lược quốc gia về phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đến năm 2030", Bộ TTTT đề xuất thành lập "Quỹ Phát triển công nghệ số Việt Nam". Đến nay, tại dự thảo đề xuất xây dựng Luật Công nghiệp, công nghệ số, Bộ TTTT tiếp tục đề xuất về Quỹ Đầu tư cho công nghệ số. Việc thành lập nhiều Quỹ sẽ tác động đến tình hình tài chính của doanh nghiệp và tác động đến số thu của NSNN.

Trên thực tế, phát triển khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đã được trích lập Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ theo quy định tại Nghị định số 95/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Do đó, trong bối cảnh nguồn lực kinh tế có hạn, đề nghị Bộ TTTT nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách theo hướng nâng cao hiệu quả sử dụng của các nguồn lực hiện có (Quỹ Phát triển khoa học và công nghiệp) và không đề xuất việc thành lập thêm các Quỹ.

Kính chuyển Bộ TTTT tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo)
- LĐ Bộ (để báo cáo);
- Lưu VT, THTK.

KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Đức Chi

Bộ Tư pháp
12-10-2021 15:13:34 +07:00

BỘ TƯ PHÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 3609/BTP-PLDSKT	
V/v góp ý hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số	*Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2021*

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Trả lời Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị có ý kiến về hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số (sau đây gọi là đề nghị xây dựng Luật), trên cơ sở thông tin được cung cấp và chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

I. Về sự cần thiết xây dựng Luật

Luật Công nghệ thông tin năm 2006, Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin, Nghị định số 154/2013/NĐ-CP ngày 08/11/2013 của Chính phủ quy định về khu công nghệ thông tin tập trung đã quy định một số nội dung cơ bản liên quan đến công nghiệp công nghệ thông tin. Tuy nhiên, các văn bản trên đã được ban hành nhiều năm, không còn phù hợp với thực trạng phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, chuyển đổi số hiện nay, cũng như các quy định pháp luật liên quan được ban hành gần đây. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định một trong các định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030 là "*đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo*"; "*Phát triển mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chính của tăng trưởng kinh tế... Đẩy nhanh chuyển đổi số đối với một số ngành, lĩnh vực đã có điều kiện, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa, ứng dụng và phát triển công nghệ mới, ưu tiên công nghệ số*"... Liên quan đến định hướng phát triển công nghệ thông tin, chuyển đổi số, ngày 27/3/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 392/QĐ-TTg phê duyệt "Chương trình mục tiêu phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin (CNTT) đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025", Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 về phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030". Mục A.6 Phụ lục phân công thực hiện nhiệm vụ chủ yếu của Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ) đã giao Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, nghiên cứu xây dựng Luật Công nghiệp

công nghệ số. Vì vậy, việc nghiên cứu xây dựng các quy định pháp luật mới về công nghiệp công nghệ số là đúng nhiệm vụ được giao.

Ngày 09/7/2021, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 2245/BTP-PLDSKT góp ý đối với báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số. Bộ Tư pháp nhận thấy một số vấn đề đã góp ý tại Công văn số 2245/BTP-PLDSKT chưa được Bộ Thông tin và Truyền thông tiếp thu và giải trình, ví dụ: vấn đề tạo thị trường cho công nghiệp công nghệ số, phát triển doanh nghiệp số dẫn dắt... Vì vậy, đề nghị Quý Bộ tiếp tục rà soát, nghiên cứu tiếp thu các ý kiến của Bộ Tư pháp tại Công văn trên.

II. Về nội dung chính sách

1. Chính sách 1. Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng quản lý trong các hoạt động công nghiệp công nghệ số (Mục IV.1 dự thảo Tờ trình, Mục II.1 dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách):

- Nội dung giải pháp của chính sách đã quy định làm rõ khái niệm "*Công nghệ số là công nghệ thông tin - tập hợp các phương pháp khoa học, công nghệ và công cụ kỹ thuật số hiện đại ...*". Như vậy, khái niệm công nghệ số và công nghệ thông tin không khác nhau. Đề nghị giải trình rõ việc phải thay thế khái niệm này, cũng như thay đổi tên của dự án Luật so với trước đây.

- Mục tiêu của chính sách đặt ra là "*Bảo đảm sự phù hợp với thực tiễn phát triển, không có khoảng trống, không chồng chéo với các ngành công nghiệp khác*"; đồng thời, chính sách cũng đặt ra giải pháp "*Quản lý Nhà nước về ngành công nghiệp công nghệ số (chính sách phát triển ngành; nội dung quản lý nhà nước; quản lý thông tin về công nghiệp công nghệ số; nghiên cứu, phát triển công nghiệp công nghệ số; hành vi bị nghiêm cấm;...)*". Tuy nhiên, với khái niệm công nghệ số như giải pháp của chính sách, có thể thấy có sự trùng lặp trong phạm vi điều chỉnh của dự án Luật với các Luật hiện hành như Luật Viễn thông[1], Luật công nghệ cao[2]. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý cho phù hợp.

2. Chính sách 2. Thúc đẩy phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới (Mục IV.2 dự thảo Tờ trình, Mục II.2 dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách):

- Mục tiêu của chính sách đặt ra bao gồm việc "*Giảm thiểu các rủi ro, tác động tiêu cực khi triển khai, phát triển sản phẩm, dịch vụ mới vào các lĩnh vực của đời sống*". Tuy nhiên, nội dung giải pháp của chính sách tập trung vào vấn

[1] Ví dụ: vấn đề phát triển mạng băng rộng (4G, 5G, sau 5G).
[2] Ví dụ: vấn đề về phát triển trí tuệ nhân tạo.

để "tiền kiểm" mà chưa có các giải pháp "hậu kiểm", chưa có giải pháp xử lý rủi ro, hậu quả pháp lý (nếu có). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu bổ sung cho phù hợp.

- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát toàn diện các giải pháp thúc đẩy sản phẩm, dịch vụ mới bảo đảm thống nhất với pháp luật hiện hành, ví dụ: Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Luật Công nghệ cao đã có một số quy định liên quan đến việc thử nghiệm sản phẩm mới. Đồng thời, nghiên cứu, rà soát, cân nhắc bổ sung giải pháp liên quan đến vấn đề bảo hộ bản quyền đối với sản phẩm công nghệ số.

3. Chính sách 3. Biện pháp bảo đảm phát triển công nghiệp công nghệ số (Mục IV.3 dự thảo Tờ trình, Mục II.3 dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách):

- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các nội dung của giải pháp đề ra, bảo đảm thống nhất, tránh trùng lặp với các quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên, ví dụ: Luật Đầu tư, Luật Công nghệ cao, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa... đã quy định một số chính sách ưu đãi liên quan đến phát triển các sản phẩm công nghệ.

- Cân nhắc không quy định các giải pháp như chính sách ưu tiên trong mua sắm của cơ quan nhà nước, do nội dung này có thể dẫn đến việc vi phạm cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Đề nghị giải trình, làm rõ thêm việc đưa ra giải pháp về phát triển doanh nghiệp công nghệ số đầu đàn trong mối tương quan với vấn đề thống lĩnh thị trường, độc quyền theo pháp luật về cạnh tranh và vấn đề đáp ứng các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

4. Chính sách 4. Kết cấu hạ tầng công nghiệp công nghệ số (Mục IV.3 dự thảo Tờ trình, Mục II.3 dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách):

Đề nghị rà soát nội dung giải pháp với các cơ chế, chính sách liên quan hệ sinh thái đổi mới sáng tạo hiện có để tận dụng hiệu quả, thống nhất, đồng bộ, tránh trùng lặp, ví dụ như hoạt động của Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, các khu công nghệ cao...

5. Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động (trang 31) có nội dung: Ngoài các chính sách trên, còn có một số chính sách cụ thể để triển khai sau khi Luật được thông qua sẽ giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hoặc Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ (ví dụ như điều kiện kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu). Tuy nhiên, để thể hiện toàn diện, đầy đủ các chính sách, giải pháp xây

dựng Luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, thể hiện rõ các nội dung dự kiến giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hoặc Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ.

III. Về trình tự, thủ tục, hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật

1. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện đúng trình tự, thủ tục, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Luật theo quy định tại Chương III Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020). Chương II Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ). Trong đó, lưu ý tổ chức lấy ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao và các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan, nhất là đối tượng chịu sự tác động của văn bản; trên cơ sở đó, giải trình, tiếp thu đầy đủ ý kiến, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Luật, gửi Bộ Tư pháp thẩm định trước khi trình Chính phủ.

2. Đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, nghiên cứu, hoàn thiện các nội dung, thành phần hồ sơ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020) và văn bản hướng dẫn, trong đó lưu ý một số vấn đề sau:

- Về Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật, đề nghị đánh giá cụ thể, khách quan, toàn diện, đầy đủ tác động của chính sách trên cơ sở các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP), lưu ý: (i) thống nhất nội dung giải pháp chính sách tại Báo cáo đánh giá tác động với Tờ trình[2]; (ii) đánh giá đầy đủ mặt tích cực, tiêu cực trên mỗi phương diện (kinh tế, xã hội...); (iii) so sánh chi phí, lợi ích của các giải pháp.

- Xây dựng đề cương chi tiết của dự thảo Luật (đề cương dự thảo Luật trong hồ sơ đề nghị xây dựng Luật hiện nay chưa thể hiện chi tiết giải pháp của các chính sách).

- Bổ sung bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và ý kiến của các cơ quan, tổ chức khác; bản chụp ý kiến góp ý.

---

[2] Ví dụ, chính sách 1 chưa bảo đảm sự thống nhất về giải pháp của chính sách giữa Báo cáo đánh giá tác động chính sách và Tờ trình

3. Về thời gian dự kiến trình thông qua văn bản

Mục A.6 Phụ lục phân công thực hiện nhiệm vụ chủ yếu của Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (*Ban hành kèm theo Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ*) đã giao Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, nghiên cứu xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số, thời gian thực hiện từ 2022-2025. Tuy nhiên, hiện nay, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 17/2021/QH15 ngày 27/7/2021 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022 và điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2021 (không có nội dung Luật Công nghiệp Công nghệ số). Vì vậy, đề nghị Quý Bộ nghiên cứu, cân nhắc thời gian dự kiến trình thông qua dự án Luật cho phù hợp.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp về hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số, xin gửi Bộ Thông tin và Truyền thông để tham khảo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ PLDSKT (PLKTTH, Phương).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phan Chí Hiếu

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3286 /BVHTTDL-PC	
V/v góp ý dự thảo hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số	*Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2021*

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhận được Công văn số 3295/BTTTT-CNTT của Bộ Thông tin truyền thông về việc góp ý kiến hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số. Sau khi nghiên cứu, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có một số góp, cụ thể như sau:

1. Góp ý chung

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cơ bản nhất trí với hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số và 4 chính sách được nêu trong báo cáo đánh giá tác động chính sách.

Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số đã thực hiện theo đúng yêu cầu của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn. Tuy nhiên, đối với nội dung xác định vấn đề bất cập trong chính sách 2, 3 và 4 đề nghị cần làm rõ hơn và bổ sung các số liệu cụ thể để chứng minh.

2. Về một số chính sách dự kiến quy định trong Luật

2.1. Chính sách 1: Hoàn thiện các quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng quản lý trong các hoạt động công nghiệp công nghệ số.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015:

"1. Chính sách là định hướng, giải pháp của nhà nước để giải quyết vấn đề của thực tiễn nhằm đạt được mục tiêu nhất định"

Do vậy, cần nghiên cứu thể hiện rõ nội dung chính sách này vì *"Hoàn thiện các quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng quản lý"* chưa phải là chính sách theo quy định nêu trên.

2.2. Chính sách 2: Thúc đẩy phát triển sản phẩm mới, dịch vụ mới.

Đề nghị cần làm rõ các bất cập liên quan đến "Sản phẩm công nghệ số", "dịch vụ công nghệ số", "Sản phẩm mới, dịch vụ mới" để xác định được mục tiêu và các giải pháp khắc phục cho các bất cập này.

2.3. Chính sách 4: Kết cấu hạ tầng công nghiệp công nghệ số.

Đề nghị rà soát lại giải pháp 3 vì có sự trùng lặp giải pháp 2, theo đó, giải pháp 2 không quy định nội dung về hệ thống máy tính hiệu năng cao nhưng trong giải pháp 3 lại loại trừ nội dung này.

3. Về đề cương Luật

3.1. Tại Chương II

- Mục 4. Hình thành, quản lý, thúc đẩy dữ liệu số: Đề nghị bổ sung cơ chế bảo đảm an toàn dữ liệu và trách nhiệm của cơ quan quản lý có liên quan trong việc cấp và sử dụng dữ liệu số.

- Mục 6. Một số biện pháp bảo đảm khác: Đề nghị bổ sung khung tiêu chuẩn về kiểm thử phần mềm.

3.2. Chương IV. Mục 2 "Điều "Tiêu chuẩn, quy chuẩn trung tâm dữ liệu": Đề nghị bổ sung các tiêu chuẩn về an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu.

Trên đây là ý kiến góp ý về hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng *(để báo cáo)*;
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, PC, H.9.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Hoàng Đạo Cương

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
CỔNG TTĐT CHÍNH PHỦ

Số: 749/TTĐT-DLDT

V/v Góp ý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2021

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
ĐẾN Số: ...
01/10/2021
Chuyển: ...
Lưu hồ sơ: ...

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 trong đó có quy định về việc lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức và cá nhân đối với Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ,

Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ đã đăng toàn văn nội dung hồ sơ trên để lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân cả trong và ngoài nước trong 30 ngày theo quy định.

Sau 30 ngày đăng tải, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ không nhận được ý kiến góp ý nào của công dân, tổ chức đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Luật do quý cơ quan chủ trì soạn thảo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- VPCP: Vụ KGVX, PL;
- TGĐ;
- Lưu: VT, DLĐT. PH

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hồng Sâm

UBND TỈNH AN GIANG **SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1019/STTTT-KHTC V/v ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số	An Giang, ngày 13 tháng 9 năm 2021

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Căn cứ Văn bản số 4621/UBND-KGVX ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh An Giang về việc xin ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số.

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang có ý kiến :

- Đề nghị bổ sung trong Điều . Hoạt động công nghiệp công nghệ số nội dung "e) Hoạt động nghiên cứu, sở hữu trí tuệ trong công nghiệp công nghệ số":

- Đề nghị hiệu chỉnh Mục 1. KHU CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẬP TRUNG thành "KHU CÔNG NGHỆ SỐ TẬP TRUNG".

Kính gửi Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như trên;
- STTTT: BGĐ, KHTC, CNTT-BCVT;
- Lưu: VT.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Người ký: Sở Thông tin và Truyền thông
Email:
Cơ quan: Tỉnh An Giang
Chức vụ: Phó Giám đốc

Nguyễn Thanh Hải

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:1334 /STTTT-CNTT
V/v tham gia ý kiến đối với hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số

Bắc Giang, ngày 08 tháng 09 năm 2021

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Căn cứ Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xin ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số;

Thực hiện Công văn số 4388/UBND-KGVX ngày 27/8/2021 về việc tham gia ý kiến đối với hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số;

Sau khi nghiên cứu dự thảo Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số; Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Giang nhất trí với các nội dung của dự thảo.

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Giang kính gửi Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp theo quy định

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Giám đốc Sở;
- PGĐ Nguyễn Gia Phong;
- Phòng CNTT;
- Lưu VT.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Nguyễn Gia Phong

UBND TỈNH BẮC KẠN **SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1388 /STTTT-CNTT V/v góp ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số	*Bắc Kạn, ngày 08 tháng 9 năm 2021*

Kính gửi: Vụ Công nghệ thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông

Thực hiện Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Công văn số 5707/UBND-VXNV ngày 29/8/2021 của UBND tỉnh về việc góp ý Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số do Bộ Thông tin và Truyền thông soạn thảo. Sở Thông tin và Truyền thông Bắc Kạn nhất trí với nội dung dự thảo văn bản.

Sở Thông tin và Truyền thông Bắc Kạn kính gửi Vụ Công nghệ thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:
Gửi bản điện tử
- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- GĐ, PGĐ (ô. Tuyến);
- Phòng CNTT.

Gửi bản giấy
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TỈNH BẮC KẠN

Lô Quang Tuyến

UBND TỈNH BẮC NINH
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số: 773 /STTTT-CNTT

V/v góp ý Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 9 năm 2021

Kính gửi: Vụ Công nghệ thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021, của UBND tỉnh tại Công văn số 2790/UBND-VX ngày 31/8/2021 về việc góp ý Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số,

Sau khi nghiên cứu Công văn số 3295/BTTTT-CNTT và tài liệu kèm theo, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Ninh nhất trí với việc xây dựng Dự thảo Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số đầy đủ và phù hợp để thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ số, lĩnh vực quan trọng đối với nền kinh tế. Đây cũng là một nhu cầu rất lớn từ thực tiễn phát triển. Tuy nhiên, Dự thảo được xây dựng cần khắc phục những hạn chế, bất cập trong thi hành Luật Công nghệ thông tin như: Phân loại các loại hình công nghiệp CNTT đã bộc lộ một số vướng mắc, thiếu đồng bộ trong hệ thống các văn bản QPPL; Hoạt động công nghiệp phần mềm gặp một số vướng mắc trong áp dụng pháp luật do khái niệm và phạm vi các hoạt động công nghiệp phần mềm chưa phù hợp, chưa theo kịp xu thế phát triển; Công nghệ số xuất hiện là bước phát triển tiếp theo của CNTT, đặt ra những yêu cầu quản lý mới, nhưng chưa được quy định, định nghĩa trong hệ thống văn bản QPPL nên khó khăn trong việc áp dụng chế tài và cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển.

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Ninh trân trọng đề nghị Vụ Công nghệ thông tin tổng hợp, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở (b/c);
- Lưu: VT, CNTT, đetien.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TỈNH BẮC NINH

Nguyễn Minh Vũ

Số 11A đường Lý Thái Tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh;
Số điện thoại: 0222.3875558, Email: sttt@bacninh.gov.vn; Website: http://sttt.bacninh.gov.vn/

SAO Y Văn phòng UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
28/09/2021 Trang 55

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 13861 /UBND-VP V/v góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số.	*Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 28 tháng 9 năm 2021*

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhận được Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc góp ý báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số.

Qua nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thống nhất với nội dung các Dự thảo kèm theo Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Văn bản số 3295/BTTTT-CNTT nêu trên.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu kính gửi Bộ Thông tin và Truyền thông biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, STTTT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Tuấn

UBND TỈNH BẾN TRE **SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1780/STTTT-CNTT&BCVT V/v góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số	*Bến Tre, ngày 7 tháng 9 năm 2021*

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Sở Thông tin và Truyền thông Bến Tre có nhận Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xin ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số.

Qua nghiên cứu các văn bản dự thảo và trên cơ sở lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông Bến Tre thống nhất với các nội dung dự thảo và không có ý kiến góp ý gì thêm.

Sở Thông tin và Truyền thông Bến Tre kính chuyển Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp chung./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc (thay b/c);
- TT.CNTT&TT;
- Lưu: VT, CNTT&BCVT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TỈNH BẾN TRE

Huỳnh Trung Tính

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH **SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 992/STTTT-BCVT&CNTT V/v góp ý kiến đối với báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số.	*Bình Định, ngày 10 tháng 09 năm 2021*

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Thực hiện Văn bản số 5387/UBND-VX ngày 30/08/2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc đóng góp ý kiến đối với báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số tại Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông; Qua nghiên cứu nội dung dự thảo Báo cáo nghiên cứu nêu trên, Sở Thông tin và Truyền thông Bình Định thống nhất với nội dung dự thảo

Kính gửi Bộ Thông tin và Truyền thông theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Vụ CNTT – BTTTT (để t/h);
- Giám đốc Sở TTTT (để b/cáo);
- Lưu: VT, BCVT&CNTT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Nguyễn Minh Thảo

UBND TỈNH BÌNH THUẬN
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số: 901 /STTTT-BCVT&CNTT

V/v ý kiến góp ý báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Thuận, ngày 13 tháng 9 năm 2021

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Thực hiện Công văn số 3872/VP-TTTT ngày 01/9/2021 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc chuyển Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Sở Thông tin và Truyền thông Bình Thuận đã phối hợp với các sở, ngành có liên quan nghiên cứu và thống nhất toàn bộ các dự thảo báo cáo lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số để tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển của công nghiệp công nghệ số trong giai đoạn hiện nay.

Sở Thông tin và Truyền thông Bình Thuận kính gửi Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên.
- Văn phòng UBND tỉnh.
- Lưu: VT, BCVT&CNTT.Bil.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TỈNH BÌNH THUẬN

Vũ Văn Tuấn

UBND TỈNH CÀ MAU **SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1353/STTTT-CNTTBCVT V/v góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số	*Cà Mau, ngày 09 tháng 9 năm 2021*

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Thực hiện Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông; Công văn số 3909/VP-KGVX ngày 27/8/2021 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số.

Qua nghiên cứu nội dung hồ sơ của Bộ Thông tin và Truyền thông; Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Cà Mau thống nhất với dự thảo Tờ trình đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số; Đề cương chi tiết Luật Công nghiệp công nghệ số; Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật về phát triển công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ thông tin; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số.

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Cà Mau góp ý như trên để Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Vụ CNTT;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VP.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TỈNH CÀ MAU

Trần Quốc Chính

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ **SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1768/STTTT-CNTT V/v góp ý báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số.	*Cần Thơ, ngày 06 tháng 9 năm 2021*

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông.

Thực hiện Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xin ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số, Công văn số 3187/VPUB-KGVX ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố về việc góp ý về Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số.

Qua nghiên cứu, Sở Thông tin và Truyền thông thống nhất báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số kính gửi Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên.
- UBND TP (để b/c).
- Lưu VT.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Dương Thế Dũng

UBND TỈNH CAO BẰNG **SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1085 /STTTT-TTrPC V/v góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số	*Cao Bằng, ngày 13 tháng 9 năm 2021*

Kính gửi: Bộ Thông tin Truyền thông

Thực hiện Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xin ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số.

Thực hiện Công văn số 1818/VP-VX ngày 31/8/2021 của Văn phòng UBND tỉnh Cao Bằng về việc góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số, trong đó giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, góp ý đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số.

Sau khi nghiên cứu, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị liên quan nhất trí với nội dung hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số.

Kính gửi Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT,TTrPC.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TỈNH CAO BẰNG

Hoàng Ngọc Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 8232 /UBND-KGVX V/v góp ý Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp Công nghệ số	*Đắk Lắk, ngày 30 tháng 8 năm 2021*

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông

UBND tỉnh nhận được Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xin ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp Công nghệ số (*văn bản gửi kèm*) và có ý kiến như sau:

Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan góp ý Hồ sơ lập đề nghị Luật Công nghiệp Công nghệ số theo đề nghị của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 3295/BTTTT-CNTT nêu trên. Văn bản góp ý gửi về Vụ Công nghệ thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh **trước 10/9/2021**.

Nhận được Công văn này, Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng: TH, HCTC (QC 45a);
- Lưu: VT, KGVX.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Hà

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số: 1010 /STTTT-CNTT
V/v góp ý hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày 16 tháng 9 năm 2021

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Thực hiện Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xin ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số.

Sau khi nghiên cứu và tổng hợp các ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị đối với các Dự thảo văn bản liên quan Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đắk Nông thống nhất với các nội dung do Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì xây dựng

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đắk Nông kính đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Ban Giám Sở;
- Lưu: VT, CNTT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Đức Lộc

SAO Y
Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng
Thời gian ký: 06/10/2021 16:32:58 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 6740 /UBND-STTTT	*Đà Nẵng, ngày 06 tháng 10 năm 2021*
V/v góp ý dự thảo Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số	

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

UBND thành phố Đà Nẵng nhận được Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc góp ý dự thảo Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số. Sau khi nghiên cứu, UBND thành phố Đà Nẵng có các ý kiến góp ý như sau:

1. Tại Chương I, về nội dung quản lý nhà nước về hoạt động công nghiệp công nghệ số: Đề nghị bổ sung nội dung về xây dựng, cập nhật Hệ thống ngành kinh tế theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định liên quan thống kê chỉ tiêu công nghiệp công nghệ số nhằm bảo đảm xác định đầy đủ phạm vi, quy mô các lĩnh vực phát triển công nghiệp công nghệ số làm cơ sở để thống kê, tính toán, xác định tốc độ tăng trưởng của ngành và đóng góp trong GDP.

2. Tại Chương III, Mục 3, về quy định về chính sách ưu đãi công nghiệp công nghệ số (trang 7): Đề nghị bổ sung các giải pháp về chính sách ưu đãi thuế thuộc thẩm quyền của Quốc Hội theo tinh thần Mục II của Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ về Chính sách ưu đãi thuế thúc đẩy việc phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) tại Việt Nam, cụ thể như sau:

a) Bổ sung thêm đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi như dịch vụ phần mềm, dịch vụ khắc phục sự cố an toàn thông tin, bảo vệ an toàn thông tin.

b) Bổ sung quy định "Giảm 50% số thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của các cá nhân nhân lực công nghệ cao làm việc trong lĩnh vực CNTT, là đội ngũ những người có trình độ và kỹ năng đáp ứng được yêu cầu của hoạt động nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực CNTT; dịch vụ công nghệ cao trong lĩnh vực CNTT, quản lý hoạt động công nghệ cao trong lĩnh vực CNTT; vận hành các thiết bị, dây chuyền sản xuất sản phẩm công nghệ cao trong lĩnh vực CNTT; quản lý an toàn hệ thống thông tin".

3. Tại Chương III, Mục 3, đối với nội dung về ngân sách nhà nước đầu tư cho công nghiệp công nghệ số: Đề nghị làm rõ về quy định định mức chi ngân sách nhà nước chiếm tỷ lệ bao nhiêu % trong tổng chi ngân sách hằng năm để thuận lợi cho địa phương trong việc cân đối, bố trí kinh phí.

UBND thành phố Đà Nẵng kính gửi Bộ Thông tin và Truyền thông được biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, các PCT UBND TP;
- VP UBND TP;
- Lưu: VT, STTTT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Phước Sơn

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số: 1295/STTTT-CNTT
V/v tham gia ý kiến vào Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Điện Biên, ngày 08 tháng 9 năm 2021

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông.

Căn cứ Văn bản số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông Về việc xin ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số.

Thực hiện Văn bản số 2875/UBND-KTN ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Về việc tham gia ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số.

Sau khi nghiên cứu dự thảo, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Điện Biên nhất trí với nội dung của Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số và không có ý kiến tham gia thêm.

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Điện Biên kính gửi Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, CNTT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN

Phạm Thanh Nam

UBND TỈNH ĐỒNG NAI **SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2659 /STTTT-CNTTVT V/v ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số	*Đồng Nai, ngày 10 tháng 9 năm 2021*

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Công nghệ thông tin)

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đồng Nai nhận được văn bản số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xin ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số.

Sau khi nghiên cứu, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đồng Nai thống nhất với Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số

Kính gửi Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Công nghệ thông tin) để tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNTTVT, Huệ.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TỈNH ĐỒNG NAI

Võ Hoàng Khai

Số 01, đường 30/4, phường Thanh Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
ĐT: (0251) 3810269

U.BND TỈNH ĐỒNG THÁP **SỞ THÔNG TIN** **VÀ TRUYỀN THÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 923 /STTTT-CNTT Về việc góp ý Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số	*Đồng Tháp, ngày 08 tháng 09 năm 2021*

Kính gửi: Vụ Công nghệ thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND Tỉnh Huỳnh Minh Tuấn tại Công văn số 1286/VPUBND-THVX ngày 30 tháng 8 năm 2021 về việc góp ý Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số, qua nghiên cứu các tài liệu trong Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số do Bộ Thông tin và Truyền thông dự thảo, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đồng Tháp có ý kiến như sau:

- Tại trang 10 của dự thảo Tờ trình, đề nghị điều chỉnh phạm vi áp dụng thành "Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động công nghiệp công nghệ số tại Việt Nam."

- Tại trang 10, 11 của dự thảo Tờ trình, Đề nghị sửa cụm từ "Hoạt động công nghiệp công nghệ số mới" bằng cụm từ khác phù hợp hơn vì hiện nay chỉ mới có khái niệm về "hoạt động công nghiệp công nghệ thông tin", chưa có khái niệm về "Hoạt động công nghiệp công nghệ số".

Trên đây là góp ý của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đồng Tháp đối với Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số, kính gửi Vụ Công nghệ thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND Tỉnh (báo cáo);
- GĐ và PGĐ Sở;
- Lưu VT, CNTT.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

Đoàn Thanh Bình

UBND TỈNH GIA LAI **SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 1587/STTTT-CNTT V/v tham gia ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số	*Gia Lai, ngày 08 tháng 9 năm 2021*

Kính gửi: Vụ Công nghệ thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 về việc xin ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số; chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai tại Công văn số 3856/VP-KGVX ngày 31/8/2021 về việc lấy ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số;

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số do Bộ thông tin và Truyền thông soạn thảo (*sau đây gọi tắt là Hồ sơ*), Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai thống nhất với các nội dung của Hồ sơ.

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai kính gửi Vụ Công nghệ thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp./.

Nơi nhận: - Như trên; - UBND tỉnh (báo cáo); - Lưu: VT, P. CNTT.	**KT. GIÁM ĐỐC** **PHÓ GIÁM ĐỐC** SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG **Đặng Quang Khanh**

UBND TỈNH HÀ GIANG **SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 899 /STTTT-CNTT V/v tham gia ý kiến Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số	*Hà Giang, ngày 08 tháng 9 năm 2021*

Kính gửi: Vụ Công nghệ thông tin

Thực hiện Văn bản số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Văn bản số 1775-VP-KGTH ngày 27/8/2021 của Văn phòng UBND tỉnh về việc xin ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số.

Sau khi nghiên cứu nội dung Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số, bao gồm: Tờ trình Chính phủ; Đề cương chi tiết; Báo cáo Tổng kết; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; Sở Thông tin và Truyền thông nhất trí với nội dung của Hồ sơ không có ý kiến tham gia bổ sung.

Sở Thông tin và Truyền thông kính gửi Vụ Công nghệ thông tin tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, CNTT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TỈNH HÀ GIANG

Lã Đình Điền

UBND TỈNH HÀ NAM **SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**
Số: 906/STTTT-BCVTCNTT V/v góp ý báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số	*Hà Nam, ngày 30 tháng 9 năm 2021*

Kính gửi: Vụ Công nghệ thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 2003/VPUB-KGVX ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Văn phòng UBND tỉnh về việc góp ý báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26 tháng 8 năm 2021của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xin ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số;

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số. Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hà Nam nhất trí với nội dung của hồ sơ nêu trên.

Trên đây là ý kiến của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hà Nam, đề nghị Vụ Công nghệ thông tin tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Duy Tuấn

UBND TỈNH HÀ TĨNH **SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 1141 /STTTT-CNTT V/v góp ý dự thảo hồ sơ xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số	*Hà Tĩnh, ngày 07 tháng 9 năm 2021*

Kính gửi: Vụ Công nghệ thông tin

Thực hiện Văn bản số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc lấy ý kiến góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số; sau khi nghiên cứu dự thảo đề cương chi tiết Luật Công nghiệp công nghệ số và hồ sơ kèm theo, Sở Thông tin và Truyền thông đồng ý, không có ý kiến khác.

Kính gửi Vụ Công nghệ thông tin tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, CNTT.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ THÔNG TIN & TRUYỀN THÔNG
TỈNH HÀ TĨNH

Nguyễn Công Thành

UBND TỈNH HÒA BÌNH
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số: 1338/STTTT-CNTT
V/v đóng góp ý kiến vào Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hòa Bình, ngày 09 tháng 09 năm 2021

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Căn cứ Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xin ý kiến về Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nguyễn Văn Chương tại Công văn số 7077/VPUBND-NVK ngày 30/8/2021 của Văn phòng UBND tỉnh Hoà Bình về việc góp ý đối với Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số,

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số do Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng, Sở Thông tin và Truyền thông nhất trí với nội dung của các tài liệu trong Hồ sơ nêu trên và không có ý kiến bổ sung.

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hòa Bình đóng góp ý kiến để Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Lãnh đạo So;
- Lưu: VT, CNTT (Lo.05b).

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TỈNH HÒA BÌNH

Bùi Đức Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 8451 /UBND-CN V/v tham gia ý kiến Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số	*Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 9 năm 2021*

Kính gửi:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Vụ Công nghệ thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông.

Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế nhận được Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xin ý kiến Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số

Sau khi nghiên cứu các nội dung của Hồ sơ gồm: Tờ trình đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số; Đề cương chi tiết Luật Công nghiệp công nghệ số; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số; Báo cáo tổng kết, thi hành pháp luật về phát triển công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ thông tin, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế thống nhất với Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số do Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, xây dựng.

Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế kính gửi Bộ Thông tin và Truyền thông để biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở TT&TT;
- VP: CVP, PCVP - H.V.Cường;
- Lưu: VT,CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

UBND TỈNH HƯNG YÊN **SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 983/STTTT-BCVTCNTT V/v góp ý dự thảo lập Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số	*Hưng Yên, ngày 07 tháng 9 năm 2021*

Kính gửi: Vụ Công nghệ thông tin.

Thực hiện Công văn số 2055/UBND-KGVX ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc góp ý dự thảo Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số, sau khi nghiên cứu nội dung các dự thảo của Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số *(Đề cương Luật; Báo cáo đánh giá tác động; Tổng kết thi hành Luật; ...)* do Vụ Công nghệ thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông dự thảo, Sở Thông tin và Truyền thông Hưng Yên cơ bản nhất trí với báo cáo đánh giá tác động và bố cục đề cương của dự thảo Luật.

Sở Thông tin và Truyền thông Hưng Yên gửi Vụ Công nghệ thông tin tổng hợp, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi.
- UBND tỉnh (để BC);
- Giám đốc, Phó Giám đốc (để biết);
- Lưu: VT, BCVTCNTT.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TỈNH HƯNG YÊN

Đỗ Đình Quang

SAO Y
Sở Thông tin và Truyền thông
Thời gian ký: 06/10/2021 11:08:19 +07:00

UBND TỈNH KHÁNH HÒA **SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2549/STTTT-CNTTBCVT V/v góp ý báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số	*Khánh Hòa, ngày 05 tháng 10 năm 2021*

Kính gửi: Vụ Công nghệ thông tin.
(Bộ Thông tin và Truyền thông)

Thực hiện Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xin ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số và Công văn số 8595/UBND-KGVX ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc góp ý báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Khánh Hòa thống nhất với nội dung dự thảo đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số do Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì soạn thảo.

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Khánh Hòa kính gửi Vụ Công nghệ thông tin tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên (VBĐT);
- UBND tỉnh (VBĐT, để b/c);
- Lưu: VT, CNTTBCVT (K, 02).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TỈNH KHÁNH HÒA

Nguyễn Văn Hiền

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4472/UBND-KGVX V/v góp ý dự thảo hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số.	*Kiên Giang, ngày 16 tháng 9 năm 2021*

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông.

Thực hiện Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xin ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số.

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số đính kèm tại văn bản nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang thống nhất nội dung dự thảo (gồm Tờ trình Chính phủ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số; Đề cương chi tiết Luật Công nghiệp công nghệ số; Báo cáo tổng kết thi hành phát luật; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đề nghị xây dựng Luật); gửi Bộ Thông tin và Truyền thông biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở TTTT;
- LĐVP, P.KGVX;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, ltram.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Lưu Trung

Người ký: Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang
Email: ubnd@kiengiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Kiên Giang
Thời gian ký: 16.09.2021 18:58:33 +07:00

UBND TỈNH LAI CHÂU
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số 1336 /STTTT-BCVTCNTT
V/v tham gia ý kiến vào dự thảo Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lai Châu, ngày 09 tháng 9 năm 2021

Kính gửi: Vụ Công nghệ thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông.

Thực hiện Công văn số 2672/UBND-VX ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc giao nhiệm vụ góp ý dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số.

Căn cứ Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xin ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số.

Sau khi nghiên cứu các dự thảo: ***Tờ trình Chính phủ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số; Đề cương chi tiết Luật Công nghiệp công nghệ số; Báo cáo Tổng kết thi hành pháp luật; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đề nghị xây dựng Luật***: Sở Thông tin và Truyền thông Lai Châu cơ bản nhất trí với nội dung của các Dự thảo. Ngoài ra, có ý kiến tham gia vào dự thảo ***Đề cương chi tiết Luật Công nghiệp công nghệ số"*** như sau:

- Tại **Chương I "Điều . Hoạt động công nghiệp số" (trang 2)**: đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung nội dung *"e) Hoạt động kinh doanh công nghệ số"*

Trên đây là ý kiến góp ý vào dự thảo Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số. Sở Thông tin và Truyền thông Lai Châu gửi Vụ Công nghệ thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Thời gian ký: 09/09/2021 11:25:59

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TỈNH LAI CHÂU

Nguyễn Minh Hiệu

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số: 850/ STTTT-CNTT

V/v góp ý hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 9 năm 2021

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Công nghệ thông tin)

Căn cứ văn bản số 3295/BTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xin ý kiến góp ý hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số;

Thực hiện Văn bản số 6206/UBND-VX1 ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở, ban, ngành, địa phương liên quan nghiên cứu, góp ý dự thảo nêu trên, thừa ủy quyền UBND tỉnh báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định: Qua nghiên cứu nội dung dự thảo, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lâm Đồng thống nhất với dự thảo.

Sở Thông tin và Truyền thông kính gửi Vụ Công nghệ thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh; b/c,
- Giám đốc Sở; b/c;
- Lưu: VT, CNTT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Người ký: Sở Thông tin và truyền thông tỉnh Lâm Đồng
Email: stttt@lamdong.gov.vn
Cơ quan: Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng
Thời gian ký: 10.09.2021 08:01:10 +07:00

Lê Thanh Liêm

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1286 /UBND-KGVX	*Lạng Sơn, ngày 09 tháng 9 năm 2021*

V/v góp ý báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông.

Thực hiện Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xin ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số; sau khi nghiên cứu, UBND tỉnh Lạng Sơn cơ bản nhất trí với bố cục, nội dung các dự thảo và có một số góp ý cụ thể như sau:

- Đối với Đề cương chi tiết Luật Công nghiệp công nghệ số: tại Điều. Giải thích từ ngữ (trang 1) xem xét điều chỉnh, bổ sung và xác định rõ "Doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số" và "Doanh nghiệp phát triển công nghệ số".

- Chương II: PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI VÀ DỊCH VỤ MỚI (trang 4), xem xét điều chỉnh như sau: "Chương II: PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ SỐ VÀ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SỐ"

UBND tỉnh Lạng Sơn trân trọng đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- C, PCVP UBND tỉnh;
- các Phòng: KGVX, TH-NC, TH-CB;
- Lưu: VT, KGVX(NNK).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Xuân Huyên

UBND TỈNH LONG AN **SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1839/STTTT-CNTT V/v góp ý Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số	*Long An, ngày 09 tháng 9 năm 2021*

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Thực hiện Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xin ý kiến góp ý Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số; được sự ủy quyền của UBND tỉnh tại Công văn số 8785/UBND-VHXH ngày 06/09/2021 của UBND tỉnh về việc góp ý Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số.

Sau khi nghiên cứu, Sở Thông tin và Truyền thông Long An thống nhất với nội dung Hồ sơ, kính chuyển Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Công nghệ thông tin) tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- nd_loan@mic.gov.vn;
- Giám đốc, PGĐ Sở TTTT;
- Các đơn vị trực thuộc Sở TTTT;
- Lưu: VT, CNTT TB.

GIÁM ĐỐC

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Nguyễn Bá Luân

Số 38 Thủ Khoa Huân, Phường 1, TP. Tân An, Long An
Điện thoại: (0272) 3523888. Fax: (0272) 3523567. Email: stttt@longan.gov.vn

UBND TỈNH NAM ĐỊNH
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số: 884 /STTTT-CNTT
V/v góp ý dự thảo Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam Định, ngày 08 tháng 9 năm 2021

Kính gửi: Cục Tin học hóa - Bộ Thông tin và Truyền thông.

Thực hiện công văn số 3295/BTTTT-THH ngày 26/8/2021 của Cục Tin học hóa - Bộ Thông tin và Truyền thông, Công văn số 546/UBND-VP5 ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh về việc góp ý kiến bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp về Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số. Sau khi nghiên cứu bản dự thảo đã được Cục Tin học hóa - Bộ Thông tin và Truyền thông dự thảo. Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Nam Định hoàn toàn nhất trí với các nội dung đã nêu trong dự thảo.

Trên đây là ý kiến của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Nam Định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, CNTT (thuongtv).

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TỈNH NAM ĐỊNH

Vũ Trọng Quế

UBND TỈNH NGHỆ AN **SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1255 /TT&TT-CNTT V/v góp ý báo cáo nghiên cứu lập Đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số	*Nghệ An, ngày 08 tháng 9 năm 2021*

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Thực hiện Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc góp ý Báo cáo nghiên cứu lập Đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số.

Sau khi nghiên cứu báo cáo, Sở Thông tin và Truyền thông Nghệ An đồng ý với nội dung báo cáo do Bộ Thông tin và Truyền thông soạn thảo.

Sở Thông tin và Truyền thông Nghệ An Kính gửi Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Lưu VT, CNTT.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phan Nguyên Hào

UBND TỈNH NINH BÌNH **SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1026/STTTT - CNBCVT V/v góp ý Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số	*Ninh Bình, ngày 08 tháng 9 năm 2021*

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Thực hiện Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xin ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số; Công văn số 550/UBND-VP6 ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh góp ý Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số; Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số.

Sau khi nghiên cứu, Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan đều nhất trí hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên.
- UBND tỉnh (để b/c).
- Lãnh đạo Sở.
- Lưu: VT, P.CNBCVT.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TỈNH NINH BÌNH

Đoàn Thanh Hải

UBND TỈNH NINH THUẬN
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số: 2379 /STTTT-CNTT&TT
V/v góp ý Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số

Ninh Thuận, ngày 06 tháng 9 năm 2021

Kính gửi: Vụ Công nghệ thông tin - Bộ thông tin và Truyền thông.

Căn cứ công văn số 3295/BTTTT- CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xin ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số.

Tiếp nhận công văn số 3502/VPUB-KTTH ngày 30/8/2021 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc góp ý Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số, bao gồm các tài liệu:

(1) Tờ trình Chính phủ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số; (2) Đề cương chi tiết Luật Công nghiệp công nghệ số; (3) Báo cáo Tổng kết thi hành pháp luật về phát triển công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ thông tin; (4) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đề nghị xây dựng Luật.

Sau khi cứu các nội dung dự thảo theo đề nghị của Bộ Thông tin và Truyền thông. Sở Thông tin và Truyền thông thống nhất với các nội dung dự thảo nêu trên.

Vậy Sở Thông tin và Truyền thông có văn bản gửi Vụ Công nghệ thông tin - Bộ thông tin và Truyền thông biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, TTCNTT&TT

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TỈNH NINH THUẬN

Đào Xuân Kỳ

UBND TỈNH PHÚ THỌ **SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 772 /STTTT-CNTT V/v góp ý đối với nội dung Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số	*Phú Thọ, ngày 09 tháng 9 năm 2021*

Kính gửi: Vụ Công nghệ thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông.

Thực hiện Văn bản số 2395/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông; Văn bản số 3839/UBND-KGVX ngày 27/8/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc góp ý đối với nội dung Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số.

Sau khi nghiên cứu nội dung Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số, Sở Thông tin và Truyền thông cơ bản nhất trí với các nội dung Hồ sơ và có ý kiến góp ý sau:

- Nội dung hồ sơ đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số phù hợp với khoản 1, khoản 2, Điều 37 của Luật Ban hành văn bản quy phạp pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015 của Quốc hội.

- Đề nghị bổ sung: Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và ý kiến của các cơ quan, tổ chức khác

- Đề nghị nêu rõ các nội dung Đề cương dự thảo luật.

Trên đây là góp ý của Sở Thông tin và Truyền thông. Đề nghị Vụ Công nghệ thông tin tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- GĐ, PGĐ (Ô. Thắng);
- Lưu: VT, P.CNTT (Đ).

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TỈNH PHÚ THỌ

Lê Quang Thắng

UBND TỈNH PHÚ YÊN **SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:1029 /STTTT-CNTT V/v ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số	*Phú Yên, ngày 13 tháng 9 năm 2021*

Kính gửi: Vụ Công nghệ thông tin

Thực hiện Công văn số 4007/UBND-KGVX ngày 30/8/2021 của UBND Tỉnh Phú Yên về việc triển khai các văn bản của Bộ Thông tin và Truyền thông: Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xin ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số: qua tham gia của các sở ngành và nghiên cứu dự thảo, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Phú Yên có một số ý kiến:

1. Thống nhất việc lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số.

2. Về Đề cương chi tiết Luật Công nghiệp Công nghệ số: đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm những vấn đề trong quản lý và phát triển công nghệ số.

3. Đề xuất nghiên cứu mở rộng về các vấn đề liên quan: sở hữu trí tuệ, robot,...

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Phú Yên gửi Vụ Công nghệ thông tin nghiên cứu tổng hợp báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông./.

Nơi nhận:
- Như trên.
- Bộ Thông tin và Truyền thông(b/c).
- UBND tỉnh (b/c);
- GĐ và các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, CNTT(TP).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TỈNH PHÚ YÊN

Lê Tỷ Khánh

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1982 /UBND-NCVX V/v góp ý Báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số	*Quảng Bình, ngày 10 tháng 9 năm 2021*

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông.

UBND tỉnh Quảng Bình đã nhận được Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc góp ý Báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số.

Sau khi nghiên cứu, UBND tỉnh Quảng Bình nhất trí với nội dung 04 bản dự thảo trong Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số của Bộ Thông tin và Truyền thông.

UBND tỉnh Quảng Bình gửi Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở TT&TT;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, NCVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ An Phong

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số: 1197 /STTTT
V/v thống nhất nội dung hồ sơ đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 9 năm 2021

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 4400/UBND-KGVX ngày 30/8/2021 về việc góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số; sau khi triển khai lấy ý kiến các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và nghiên cứu nội dung các Dự thảo về xây dựng Luật Công nghiệp Công nghệ số kèm theo Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông Quảng Ngãi thống nhất nội dung hồ sơ đề xuất.

Kính gửi Quý cơ quan tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên.
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở TT&TT Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, BC-VT&CNTT (03).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TỈNH QUẢNG NGÃI

Đỗ Quang Nghĩa

UBND TỈNH QUẢNG NINH **SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1892/STTTT-CNTT V/v tham gia ý kiến vào báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số	*Quảng Ninh, ngày 16 tháng 9 năm 2021*

Kính gửi: Vụ Công nghệ thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông.

Thực hiện chỉ đạo của Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại văn bản số 5882/UBND-XD6 ngày 27/8/2021 về việc tham gia ý kiến đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số, trong đó giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số.

Ngày 08/9/2021, Sở Thông tin và Truyền thông có văn bản số 1814/STTTT-CNTT xin ý kiến tham gia của các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố. Đến ngày 16/9/2021, Sở Thông tin và Truyền thông đã nhận được ý kiến tham gia của 22 đơn vị (trong đó có 19 ý kiến nhất trí với dự thảo). Sau khi nghiên cứu và tổng hợp ý kiến tham gia của các đơn vị, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Ninh tổng hợp ý kiến tham gia hồ sơ xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số như sau.

1. Luật Công nghệ thông tin được xây dựng, ban hành từ năm 2006, đến nay đã có những bất cập, hạn chế, chưa theo kịp thực tiễn và xu hướng phát triển nhanh, mạnh của khoa học, công nghệ, nhất là cuộc cách mạng 4.0 đang diễn ra ngày nay, vì vậy việc xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số là hết sức cần thiết, cấp bách trong thời điểm hiện nay để đó góp phần hiện thực hoá, thể chế hoá chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về phát triển công nghiệp công nghệ số, tạo môi trường pháp lý để phát triển, thúc đẩy chuyển đổi số trong cả nước, gỡ bỏ rào cản cho sự phát triển công nghiệp công nghệ số, tạo môi trường mới có tính sáng tạo, đột phá và phát triển cho công nghiệp công nghệ số. Do đó, việc xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số là cần thiết.

2. Cơ bản nhất trí với nội dung với nội dung hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số do Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng.

3. Các ý kiến tham gia:

- Để việc xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số đảm bảo chất lượng, hiệu quả, bảo đảm tính hợp lý và khả thi, đề nghị cơ quan xây dựng Luật lấy ý kiến và khảo sát của các đối tượng chịu tác động, ảnh hưởng bởi Luật, trong đó đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh phần mềm, phần cứng và dịch vụ nội dung số.

- Tại dự thảo Đề cương chi tiết Luật Công nghiệp công nghệ số đề nghị xem xét, nghiên cứu bổ sung:

+ Đối tượng áp dụng của Luật: Cần quy cụ thể là các cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam, Tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động công nghiệp công nghệ số tại Việt Nam.

+ Giải thích từ ngữ: Giải thích thêm các từ ngữ như: Sản phẩm trí tuệ nhân tạo; Trung tân tính toán hiệu năng cao; Trung tâm dữ liệu…

+ Phát triển sản phẩm mới, dịch vụ mới: Bổ sung quy định sandbox (thử nghiệm) để hỗ trợ cho các tổ chức, đơn vị phát triển công nghệ mới, mô hình mới đồng thời sẽ giải quyết các rủi ro khi phát triển các sản phẩm mới, dịch vụ mới có sử dụng trí tuệ nhân tạo.

+ Bổ sung thêm nguyên tắc xác định quản lý khẩu hao sản phẩm công nghệ số, dịch vụ công nghệ số.

- Tại Báo cáo đánh giá tác động của chính sách: Phần 4 kinh nghiệm quốc tế về phát triển công nghiệp ICT, trên cơ sở đánh giá tổng hợp kinh nghiệm quốc tế về phát triển công nghiệp ICT, đề nghị bổ sung đánh giá tính khả thi đối với việc học tập, áp dụng những giải pháp của các quốc gia đã thành công tại Việt Nam.

Trên đây là ý kiến tham gia vào hồ sơ xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số. Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Ninh kính gửi Vụ Công nghệ thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, hoàn thiện.

Trân trọng./

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Các PGĐ So;
- Lưu: VT, CNTT.

Số hóa: Nguyễn Tiến Sỹ

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TỈNH QUẢNG NINH

Lê Ngọc Hân

UBND TỈNH SƠN LA
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số:1144 /STTTT-CNTT
V/v tham gia ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Sơn La, ngày 01 tháng 9 năm 2021

Kính gửi: Vụ Công nghệ thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông.

Thực hiện Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xin ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số; Công văn số 2782/UBND-KGVX ngày 01/9/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc tham gia ý kiến về Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số.

Sau khi nghiên cứu, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sơn La nhất trí với các dự thảo (1) Tờ trình đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số, (2) Đề cương chi tiết Luật công nghiệp công nghệ số, (3) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số do Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng. Kính gửi Vụ công nghệ thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- U. BND tỉnh (để báo);
- Ban Giám đốc sở;
- Lưu: VT, CNTT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TỈNH SƠN LA

Phạm Quốc Chinh

UBND TỈNH THÁI BÌNH **SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 758 /STTTT- CNTT V/v đóng góp ý kiến vào dự thảo Báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số	*Thái Bình, ngày 06 tháng 9 năm 2021*

Kính gửi: Vụ Công nghệ thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông

Căn cứ Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xin ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số;

Thực hiện sự chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 3823/UBND-KGVX ngày 27/8/2021 về việc góp ý dự thảo văn bản của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Sau khi nghiên cứu dự thảo: Báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số, Sở Thông tin và Truyền thông Thái Bình cơ bản nhất trí với Báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số và có một số ý kiến đóng góp như sau

1. Đối với dự thảo Đề cương chi tiết Luật Công nghiệp công nghệ số:

- Trong Chương I, Điều. Nguyên tắc chung trong hoạt động công nghiệp công nghệ số đề nghị cơ quan soạn thảo chuyển lên trên, sau Điều. Hoạt động công nghiệp công nghệ số; Điều. Chiến lược, Chương trình, Kế hoạch phát triển công nghiệp công nghệ số nên chuyển lên trên sau Điều. Nguyên tắc chung trong hoạt động công nghiệp công nghệ số cho liền mạch các quy định chung.

- Trong Chương II. Phát triển sản phẩm mới và dịch vụ mới, mục 2 đề nghị cơ quan soạn thảo sửa tên tiêu đề là sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới, bổ sung các sản phẩm mới khác cho đủ theo định nghĩa. "Công nghệ số" là công nghệ thông tin - tập hợp các phương pháp khoa học, công nghệ và công cụ kỹ thuật số hiện đại (trong đó có công nghệ trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối (blockchain), in 3D, internet kết nối vạn vật (IoT), kết nối mạng băng rộng (5G, sau 5G), dữ liệu lớn (Bigdata), thực tại ảo (VR), thực tại tăng cường (AR), thực tại trộn (MR) và các công nghệ đột phá khác) để sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số".

2. Đối với dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số:

- Tại Mục I, nội dung 1.1. Chủ trương, định hướng của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, đề nghị đơn vị soạn thảo sắp xếp các Nghị quyết của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc theo thời gian; bổ sung đánh giá các nội dung có liên quan của Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW

ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

3. Đối với dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật về phát triển công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ thông tin

- Tại nội dung I.2. Một số văn bản QPPL về phát triển CNTT, công nghiệp CNTT và I.3. Một số văn bản chỉ đạo, điều hành quan trọng về phát triển CNTT, công nghiệp CNTT: Đề nghị cơ quan soạn thảo sắp xếp các văn bản QPPL theo trình tự về thời gian cho mỗi loại hình văn bản QPPL; văn bản chỉ đạo, điều hành.

4. Đối với dự thảo Tờ trình đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số: Nhất trí với nội dung.

Trân trọng đề nghị Vụ Công nghệ thông tin tổng hợp báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, CNTT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TỈNH THÁI NGUYÊN

Đỗ Như Lâm

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN **SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1399/STTTT-CNTT V/v tham gia ý kiến đối với Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số	*Thái Nguyên, ngày 14 tháng 09 năm 2021*

Kính gửi: Vụ Công nghệ thông tin – Bộ TT&TT

Thực hiện Công văn số 4154/UBND-KGVX ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc tham gia ý kiến đối với Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số, sau khi nghiên cứu dự thảo và tổng hợp ý kiến góp ý của các Sở ngành liên quan. Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên nhất trí với các nội dung, bố cục dự thảo, gồm:

- Tờ trình Chính phủ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số;
- Đề cương chi tiết Luật Công nghiệp công nghệ số;
- Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật;
- Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đề nghị xây dựng Luật.

Vậy, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên kính đề nghị Vụ Công nghệ thông tin tổng hợp, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- T. BND tỉnh (báo cáo);
- Lưu: VT, CNTT.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Ký bởi: Sở Thông tin và Truyền thông
Email: stttt@thainguyen.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Thái Nguyên
Ngày ký: 14-09-2021 08:53:50 +07:00

Phạm Quang Hiếu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 13878 /UBND-CNTT	*Thanh Hoá, ngày 08 tháng 9 năm 2021*

V/v góp ý dự thảo Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số.

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông.

UBND tỉnh Thanh Hóa nhận được Công văn số 3295/BTTTT-THH ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xin ý kiến góp ý về Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số; sau khi nghiên cứu, UBND tỉnh Thanh Hóa có một số ý kiến góp ý như sau:

1. Về dự thảo Tờ trình đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số và Đề cương xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số:

Trong phần chú thích tiêu đề của dự thảo Tờ trình và Đề cương thể hiện việc ban hành Luật Công nghiệp công nghệ số nhằm thay thế một số nội dung không còn phù hợp về phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đã được ban hành trong Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006. Tuy nhiên, tại các chương, điều khoản thi hành của Đề cương chi tiết đang dự thảo thể hiện nội dung: *"Luật này sẽ thay thế các luật của Quốc hội sẽ hết hiệu lực kể từ ngày luật này có hiệu lực nếu có"* và một số nội dung chuyển tiếp là chưa phù hợp: bởi vì Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006 bao gồm 02 cấu phần chính là *"Ứng dụng công nghệ thông tin"* và *"Phát triển công nghệ thông tin"*, do đó việc ban hành Luật Công nghiệp công nghệ số chỉ thay thế một số nội dung trong Luật Công nghệ thông tin chưa mang tính tổng thể để thay thế toàn bộ nội dung trong Luật Công nghệ thông tin. Do đó, đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, điều chỉnh lại các nội dung cho phù hợp.

2. Đối với Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật về phát triển công nghệ thông tin và công nghiệp công nghệ thông tin:

Báo cáo đánh giá được một phần nội dung về công nghiệp công nghệ thông tin chưa đánh giá được toàn bộ các nội dung được nêu trong Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006. Do đó, đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, bổ sung các nội dung đánh giá về *"Tổng kết thi hành pháp luật về phát triển công nghệ thông tin"*.

3. Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số: Thống nhất với nội dung dự thảo báo cáo.

Trên đây là ý kiến góp ý của UBND tỉnh Thanh Hóa đối với dự thảo Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số: đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét tổng hợp, hoàn thiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Lưu: VT, CNTT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Xuân Liêm

UBND TỈNH TIỀN GIANG **SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1450/STTTTT-VP V/v góp ý Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số	*Tiền Giang, ngày 13 tháng 9 năm 2021*

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông.

Thực hiện Công văn số 5001/UBND-KT ngày 01/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc góp ý Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số.

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tiền Giang đã gửi văn bản lấy ý kiến các đơn vị có liên quan, có danh sách ý kiến kèm theo. Qua nghiên cứu và tổng hợp ý kiến từ các đơn vị. Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tiền Giang, thống nhất với Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số.

Sở Thông tin và Truyền thông kính chuyển Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên.
- UBND tỉnh (để b/c)
- BGĐ sở.
- Các phòng, đơn vị thuộc sở.
- Lưu: VT, VP (Huân).

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

Trần Văn Dũng

DANH SÁCH LẤY Ý KIẾN HỒ SƠ LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ

(Kèm theo Công văn số: 1450/STTTT-VP ngày 13/9/2021 của Sở Thông tin và Truyền thông)

STT	Tên đơn vị	Ý kiến
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thống nhất
2	Sở Tư pháp	Thống nhất
3	Sở Tài chính	Thống nhất
4	Sở Khoa học và Công nghệ	

UBND TỈNH TRÀ VINH **SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1749 /STTTT-BCVTCNTT V/v thực hiện Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ TTTT	*Trà Vinh, ngày 13 tháng 9 năm 2021*

Kính gửi: Vụ Công nghệ thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông

Ngày 26/8/2021 Bộ Thông tin và Truyền thông phát hành Công văn số 3295/BTTTT-CNTT về việc xin ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số.

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 3731/UBND-CNXD ngày 27/8/2021 về việc thực hiện Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, sau khi nghiên cứu Sở Thông tin và Truyền thông thống nhất Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số của Bộ thông tin và Truyền thông xây dựng.

Sở Thông tin và Truyền thông gửi Vụ Công nghệ thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên.
- UBND tỉnh (b/c).
- BGĐ Sở;
- Lưu VT, BCVTCNTT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TỈNH TRÀ VINH

Nguyễn Văn Chuẩn

UBND TỈNH TUYÊN QUANG **SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 795/STTTT-CNTT V/v tham gia ý kiến đối với báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số	*Tuyên Quang, ngày 06 tháng 09 năm 2021*

Kính gửi: Vụ Công nghệ thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông

Thực hiện văn bản số 2234/BTTTT-CNT ngày 24/6/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xin ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp, công nghệ số;

Thực hiện văn bản số 2094/UBND-THCB ngày 30/6/2021 của UBND tỉnh về việc tham gia vào báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số.

Sau khi nghiên cứu dự thảo báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số do Bộ Thông tin và Truyền thông dự thảo, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang hoàn toàn nhất trí và không có có ý kiến tham gia thêm.

Sở Thông tin và Truyền thông trân trọng gửi Vụ Công nghệ thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (để biết);
- Ban Giám đốc Sở (để biết);
- Lưu: VT, CNTT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TỈNH TUYÊN QUANG

Nguyễn Văn Hiến

UBND TỈNH VĨNH PHÚC **SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**
Số /STTTT-CNTT V/v góp ý báo cáo nghiên cứu khả thi lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số	*Vĩnh Phúc, ngày tháng 9 năm 2021*

Kính gửi: Vụ Công nghệ thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 7572/UBND-VX3 ngày 31/8/2021 về việc góp ý báo cáo nghiên cứu khả thi lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số theo đề nghị của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Văn bản số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021. Sau khi nghiên cứu, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Vĩnh Phúc nhất trí nội dung của dự thảo.

Thừa ủy quyền của UBND tỉnh, trân trọng đề nghị Vụ Công nghệ thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, CNTT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Vũ Mạnh Toàn

UBND TỈNH YÊN BÁI **SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:1346 /STTTT-CNTT V/v góp ý vào hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số	*Yên Bái, ngày 07 tháng 9 năm 2021*

Kính gửi: Vụ Công nghệ thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông.

Căn cứ Công văn số 785/VP-VX ngày 30/8/2021 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc tham gia góp ý vào một số dự thảo văn bản của Bộ Thông tin và Truyền thông theo nội dung Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Sau khi nghiên cứu toàn bộ Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số, bao gồm: Tờ trình Chính phủ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số; Đề cương chi tiết Luật Công nghiệp công nghệ số; Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đề nghị xây dựng Luật. Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Yên Bái tham gia ý kiến như sau:

Nhất trí với Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số do Vụ Công nghệ thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng.

Trên đây là ý kiến tham gia vào Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Yên Bái, kính gửi Vụ Công nghệ thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp./

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, CNTT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TỈNH YÊN BÁI

Trần Hùng

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4976/MOBIFONE-CNQLM V/v ý kiến góp ý Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số	*Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2021*

Kính gửi: Vụ Công nghệ thông tin – Bộ Thông tin và Truyền thông

Căn cứ Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/08/2021 của Bộ Thông tin và truyền thông về việc Xin ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số,

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số, Tổng công ty Viễn thông MobiFone kính gửi các nội dung góp ý tại Phụ lục đính kèm

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên,
- A Cường - TGĐ (b/c),
- A Bảo – PTGĐ;
- Trung tâm NCPT (p/h);
- Lưu VT, CNQLM

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Vĩnh Tuấn Bảo

Phụ lục

NỘI DUNG GÓP Ý HỒ SƠ LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ

(Kèm theo công văn số: /MOBIFONE-CNQLM ngày tháng năm 2021 của Tổng công ty Viễn thông MobiFone)

STT	Mục	Nội dung trong dự thảo	Nội dung góp ý
1	Chương II	Chưa có quy định liên quan đến bản quyền	Xem xét bổ sung thêm: - Các quy định liên quan đến bản quyền
2	Chương III Mục 6	Đảo bảo hoạt động cung cấp dịch vụ công nghệ số	Xem xét bổ sung làm rõ thêm: - Các quy định liên quan đến quyền lợi khách hàng: Đảm bảo chất lượng sản phẩm/dịch vụ, bảo vệ thông tin cá nhân, các vấn đề liên quan đến tài sản công nghệ số (crypto currency,..)
3	Chương IV Mục 2	Chưa có quy định liên quan đến an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu	Xem xét bổ sung thêm: - Các quy định liên quan đến an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu

ỦY BAN TRUNG ƯƠNG
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM
BAN THƯỜNG TRỰC
Số: 3296/MTTW-BTT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2021

V/v góp ý Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
ĐẾN Số:
Ngày: 10/9/2021
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

Kính gửi: **Bộ Thông tin và Truyền thông**

Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam nhận được công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về góp ý đối với Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số. Sau khi nghiên cứu bộ hồ sơ, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam có ý kiến cụ thể như sau:

Thống nhất về sự cần thiết, căn cứ pháp lý, mục tiêu đặt ra đối với việc cần xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý, tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển của công nghiệp công nghệ số cũng như nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về công nghệ số. Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số đã được Bộ Thông tin và Truyền thông chuẩn bị khá đầy đủ đảm bảo theo đúng quy định về trình tự, thủ tục và các điều kiện bắt buộc khi lập hồ sơ xây dựng và trình đối với dự án luật.

Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam trân trọng gửi tới Bộ Thông tin và Truyền thông để tiếp tục hoàn thiện dự thảo Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch Đỗ Văn Chiến (để b/c);
- PCT-TTK Lê Tiến Châu (để b/c);
- Vụ Công nghệ thông tin, Bộ TT&TT;
- Lưu VP, Ban TG.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
PHÓ CHỦ TỊCH

Phùng Khánh Tài

PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1702 /PTM-PC V/v góp ý Dự thảo Đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số	*Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2021*

Kính gửi: Vụ Công nghệ Thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông

Trả lời Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/08/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc đề nghị góp ý ***Dự thảo Đề xuất xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số*** (sau đây gọi tắt là Dự thảo), Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), trên cơ sở ý kiến của doanh nghiệp, có ý kiến ban đầu như sau:

1. Nhận xét chung

Ngành công nghệ thông tin, và tương lai là ngành công nghệ số, sẽ là một trong các động lực phát triển kinh tế quan trọng. Vì vậy, VCCI hoàn toàn ủng hộ việc xây dựng một khung khổ pháp lý hoàn chỉnh, phù hợp về ưu đãi, hỗ trợ nhằm thúc đẩy ngành công nghiệp này.

Mặt khác, cũng cần nhìn nhận rằng, một số các chính sách ưu đãi cho ngành công nghệ thông tin đã được xây dựng, tuy nhiên, như đã nêu trong Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động, nhiều quy định chính sách còn thiếu các chế định cụ thể để áp dụng trực tiếp, thiết kế chính sách nhưng không bố trí và dự kiến nguồn lực thực hiện phù hợp dẫn đến tình trạng chính sách không khả thi, không được thực hiện trên thực tế... Do vậy, đề nghị cơ quan nghiên cứu bổ sung một số nội dung sau để hoàn thiện Dự thảo Báo cáo và Tờ trình:

- Rà soát toàn diện về khung khổ pháp lý các chính sách cho ngành công nghệ thông tin, không chỉ các chính sách nằm trong Luật Công nghệ thông tin mà nằm trong các văn bản khác như Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Luật Công nghệ cao..., và các Dự thảo đang được soạn thảo như Dự thảo về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng...; từ đó chỉ ra các khó khăn vướng mắc và đề xuất nhóm giải pháp tổng thể gắn với quá trình xây dựng luật;
- Những điều tra, đánh giá nhu cầu của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp tư nhân trong nước, về ưu đãi, hỗ trợ cũng như các nhu cầu khác như đất đai, nhân lực, tiếp cận vốn, tài chính...

- Khung khổ cam kết của Việt Nam trong các hiệp định thương mại để đánh giá không gian ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển cho ngành công nghệ thông tin.

2. Đối tượng điều chỉnh

Ngành công nghệ thông tin gồm ba phân ngành nhỏ: công nghiệp phần cứng, công nghiệp phần mềm, công nghiệp nội dung số. Tuy nhiên, Dự thảo chưa làm rõ các quy định sẽ đối tượng điều chỉnh của Luật sẽ bao gồm cả ba phân ngành (tức bao trùm tất cả ngành công nghệ thông tin) hay chỉ một số phân ngành cụ thể. Việc xem xét phạm vi điều chỉnh cần lưu ý ở một số điểm sau đây:

- Về mặt nội dung, Dự thảo dự kiến sẽ thay thế cho nội dung về ưu đãi, hỗ trợ phát triển công nghệ thông tin trong Luật Công nghệ thông tin 2006, tức là thay thế toàn bộ nội dung ưu đãi, hỗ trợ cho cả ba phân ngành công nghệ thông tin;
- Về mặt thực tiễn, như trình bày tại Dự thảo Tờ trình, ngành công nghiệp phần cứng hiện cũng đang đóng một vai trò quan trọng trong nền kinh tế, với tăng trưởng trung bình hàng năm đạt khoảng 15,7%, doanh thu xuất khẩu đạt trên 95,8 tỷ USD (năm 2020).

Trong khi đó, nhiều chính sách trong Dự thảo lại thiên về việc hỗ trợ cho ngành công nghiệp phần mềm và ngành công nghệ số như chính sách số 2 về sandbox, chính sách số 3 về các biện pháp đảm bảo đầu tư (vốn, nhân sự,...), chính sách số 4 về hạ tầng kỹ thuật (trung tâm tính toán hiệu năng cao, trung tâm dữ liệu). Việc các chính sách chủ yếu tập trung vào ngành công nghiệp phần mềm và công nghệ số như vậy dường như chưa thực sự hợp lý.

Do vậy, <u>đề nghị cơ quan soạn thảo</u> làm rõ phạm vi, đối tượng điều chỉnh của Dự Luật này.

3. Các chính sách ưu đãi với từng phân ngành công nghiệp

Như đã trình bày ở trên, ngành công nghệ thông tin gồm 03 phân ngành nhỏ. Tương ứng với đó, mỗi phân ngành công nghiệp lại có những khó khăn, bất cập khác nhau, và do đó cần các chính sách ưu đãi, hỗ trợ, tháo gỡ khác nhau. Chẳng hạn, đối với phân ngành công nghiệp phần cứng, khó khăn lớn nhất nằm ở năng lực của các doanh nghiệp trong nước trong việc tham gia sản xuất các sản phẩm điện tử và khả năng tham gia vào chuỗi giá trị của các tập đoàn đa quốc gia. Với ngành công nghiệp phần mềm và công nghiệp công nghệ số, điểm yếu lại

nằm ở cơ sở kết cấu hạ tầng, cơ sở dữ liệu và quy định pháp lý cho ngành. Trong khi đó, ngành công nghiệp nội dung lại gặp vấn đề với các biện pháp quản lý có nhiều ảnh hưởng hạn chế đến sự phát triển của ngành, xuất hiện tình trạng "bảo hộ ngược" với các doanh nghiệp nội địa. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung các đánh giá cụ thể về khó khăn, bất cập mà từng phân ngành đang gặp phải, từ đó đưa ra các chính sách ưu đãi, hỗ trợ phù hợp cho từng phân ngành công nghệ thông tin.

4. Các chính sách ưu đãi, hỗ trợ với các nhóm đối tượng doanh nghiệp

Chính sách 3 Dự thảo đưa ra các biện pháp bảo đảm phát triển công nghiệp công nghệ số. Phân theo nhóm đối tượng doanh nghiệp, các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cần được xem xét gồm:

Một, chính sách dành cho các doanh nghiệp lớn, có tiềm lực tốt nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp này phát triển và nắm giữ các công nghệ trọng yếu. Hiện, Dự thảo đã đề xuất chính sách này ở nhóm chính sách số 3. VCCI đồng tình với đề xuất có các chính sách như vậy. Tuy nhiên, Dự thảo chưa làm rõ các chính sách cụ thể với nhóm doanh nghiệp này (quyền lợi và nghĩa vụ, trách nhiệm tương ứng). Việc này có thể tạo ra những quan ngại về việc chính sách tạo ra những ưu đãi quá lớn cho nhóm này nhưng không có ràng buộc cụ thể, dẫn đến việc các doanh nghiệp tận dụng các lợi thế ưu đãi để chèn ép các doanh nghiệp khác, gây mất cân bằng hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ thông tin. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ hơn nội dung chính sách dành cho nhóm doanh nghiệp này.

Hai, chính sách dành cho các doanh nghiệp cỡ lớn vừa (middle-standing enterprises). Việc dành các ưu đãi cho các doanh nghiệp đầu đàn, như trình bày ở trên, có thể tạo ra tình trạng các doanh nghiệp này tận dụng lợi thế để ngăn cản các doanh nghiệp tiềm năng khác có thể lớn lên để cạnh tranh với mình. Tình trạng này có thể dẫn đến khả năng độc quyền nhóm của nhóm các doanh nghiệp đầu đàn, từ đó kìm hãm khả năng cạnh tranh của cả ngành công nghiệp. Do vậy, một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ cũng nên được dành cho các doanh nghiệp cỡ lớn vừa nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp này tiếp tục lớn lên và thách thức vị trí của nhóm đầu đàn. Một chính sách như vậy có thể tạo động lực thúc đẩy cạnh tranh trong ngành, từ đó thúc đẩy sự phát triển liên tục của ngành công nghệ thông tin. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc bổ sung các chính sách dành cho nhóm doanh nghiệp này.

5. Chính sách ưu đãi với hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số

Đối với các doanh nghiệp công nghệ số, đặc biệt là các doanh nghiệp khởi nghiệp (startups) và các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hệ sinh thái hỗ trợ là điều cần thiết cho quá trình phát triển của doanh nghiệp, chẳng như các quỹ đầu tư, công ty tư vấn, viện nghiên cứu... Tuy nhiên, Dự thảo chưa có các chính sách ưu đãi, hỗ trợ phù hợp để hỗ trợ nhóm này tham gia tích cực hơn vào quá trình trên. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung các chính sách dành cho hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số.

6. Cơ chế với sản phẩm, dịch vụ mới

Chính sách 2 Dự thảo đề xuất một cơ chế tương tự cơ chế sandbox với sản phẩm, dịch vụ mới nhằm cho phép triển khai sản phẩm, dịch vụ mới theo hình thức cấp phép tạm thời, miễn trừ tạm thời để thí điểm triển khai các sản phẩm, dịch vụ mới. VCCI hoàn toàn hoan nghênh chính sách này. Dù vậy, trong thực tế, không chỉ với các sản phẩm, dịch vụ mới như trí tuệ nhân tạo, tài sản số), doanh nghiệp còn gặp phải một số tình huống sau:

- Nhiều sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin thực hiện chuyển đổi số trong các lĩnh vực truyền thống cũng gặp không ít khó khăn trong việc thực hiện các thủ tục hành chính liên quan để triển khai hoạt động kinh doanh trong thực tế. Tuy nhiên, doanh nghiệp lại không tìm được sự trợ giúp, giải đáp phù hợp và thích đáng từ phía cơ quan nhà nước, và xuất hiện tình trạng không cơ quan nhà nước nào nhận trách nhiệm xử lý vấn đề đó;
- Một số sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin mới, chưa có quy định pháp luật cụ thể, điều chỉnh đích danh, tuy nhiên vẫn có thể áp dụng các quy định pháp luật liên quan để áp dụng mà không tạo ra rủi ro lớn đến khách hàng và thị trường. Với trường hợp này, các doanh nghiệp sở hữu sản phẩm, dịch vụ này cũng có mong muốn được công nhận tính hợp pháp của mô hình kinh doanh từ phía cơ quan nhà nước nhằm yên tâm kinh doanh, thuận lợi hơn trong quá trình gọi vốn và có cơ sở trong quá trình làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước khác.

Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc, nghiên cứu một cơ chế phối hợp liên bộ, ngành nhằm giải quyết toàn diện các vấn đề trên, chứ không chỉ áp dụng cho các sản phẩm, dịch vụ mới như trí tuệ nhân tạo hay tài sản số.

7. Quy định pháp lý với các tài sản số

Tài sản số được sinh ra cùng với sự phát triển của công nghệ số như các tài khoản trực tuyến, tài khoản email, tài khoản mạng xã hội… Tài sản số, dù cũng là tài sản theo pháp luật dân sự, lại có một số đặc điểm khác biệt so với các loại tài sản truyền thống. Tuy nhiên, hiện nay hệ thống pháp luật vẫn chưa có quy định về các nguyên tắc cơ bản làm nền tảng cho các giao dịch, chuyển quyền, nghĩa vụ của các loại tài sản này. Do vậy, để thúc đẩy các ngành công nghệ số, tạo lập khung khổ cho ngành, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung chính sách quy định về những nguyên tắc cơ bản áp dụng với tài sản số (quyền, nghĩa vụ của các bên, trong đó có công ty công nghệ; nguyên tắc bảo vệ; nguyên tắc giám định số; nguyên tắc ủy thác…).

Trên đây là một số ý kiến ban đầu của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam về ***Dự thảo Đề xuất xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số***. Rất mong cơ quan soạn thảo cân nhắc để chỉnh sửa, hoàn thiện Dự thảo này.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Cơ quan./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ; Bộ Tư pháp;
- Ban Thường trực (để báo cáo);
- Lưu VT, PC.

TL. CHỦ TỊCH
TRƯỞNG BAN PHÁP CHẾ

PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH

Đậu Anh Tuấn

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP-VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI

Số: 4528/CNVTQĐ-PC

V/v đóng góp ý kiến Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2021

HỎA TỐC

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông.

Phúc đáp Công văn số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/08/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông v/v xin ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số, Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) có một số ý kiến như sau:

1. Viettel nhất trí với sự cần thiết của việc xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số thay thế phần Phát triển công nghệ thông tin trong Luật Công nghệ thông tin 2006 nhằm tạo hành lang pháp lý rộng mở giúp thúc đẩy việc phát triển ngành công nghiệp công nghệ số tại Việt Nam. Tuy nhiên, cần xây dựng khung luật chung nhất, có tầm nhìn bao quát, thích ứng với sự thay đổi và phát triển nhanh chóng của lĩnh vực công nghệ thông tin nói chung công nghệ số nói riêng trên thế giới và trong khu vực.

2. Các nội dung góp ý chi tiết đối với dự thảo hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số theo Phụ lục 01 đính kèm Công văn này.

Trên đây là những nội dung tham gia ý kiến dự thảo Báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số, Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội kính gửi Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, hoàn thiện.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, PC, H Anh 02

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI

Đại tá Đỗ Minh Phương

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
Số: 12307
Ngày: 20/9/2021
Chuyển:
Hồ sơ số:

PHỤ LỤC 01 - CHI TIẾT NỘI DUNG ĐÓNG GÓP Ý KIẾN HỒ SƠ XÂY DỰNG LUẬT CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ

STT	Tham chiếu	Nội dung quy định dự thảo	Ý kiến góp ý
I. TỜ TRÌNH CHÍNH PHỦ ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ			
1.	Mục IV.1	IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CỦA SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN 1. Chính sách 1: Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng quản lý trong các hoạt động công nghiệp công nghệ số.	- Tại mục 1.2, khái niệm công nghệ số chưa rõ, đề xuất xác định rõ công nghệ số và phạm vi của khái niệm này. Hiện đã quy định về các công nghệ khác nhau tại Luật Công nghệ cao 2008 cùng các nghị định, quyết định hướng dẫn, đồng thời đã có danh mục 99 công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển (theo Quyết định 38/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng ngày 30/12/2020) và 4 nhóm công nghệ ưu tiên nghiên cứu, phát triển và ứng dụng để chủ động tham gia CMCN 4.0 (theo Quyết định 2117/QĐ-TTg của Thủ tướng ngày 16/12/2020), tại đó nhóm công nghệ số gồm 12 đơn nhóm. Bên cạnh đó, công nghệ in 3D tiên tiến, Robot tự hành được phân vào nhóm công nghệ vật lý, không phải nhóm công nghệ số. - Đề xuất bổ sung khái niệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, và có phạm vi điều chỉnh cụ thể vì đây là then chốt xác định phạm vi doanh nghiệp công nghệ số và công nghiệp công nghệ số. Sản phẩm, dịch vụ được phát triển từ công nghệ số có điểm khác so với sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số, tuy nhiên ranh giới này không rõ với từng lĩnh vực khác nhau. - Đề xuất định nghĩa khái niệm và phạm vi của sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới (sẽ được thúc đẩy phát triển trong chính sách 2) theo hướng các sản phẩm, dịch vụ mới chưa xuất hiện trên lãnh thổ Việt Nam, nhưng đã có trên thế giới. - Đề xuất Quản lý Nhà nước về ngành công nghiệp công nghệ số, đề xuất bổ sung quy định về quản lý cạnh tranh, chống độc quyền.
2.	Mục IV.2	IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CỦA SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN 2. Chính sách 2. Thúc đẩy phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới	- Đề xuất không yêu cầu cấp phép, cho phép thử nghiệm… với các hoạt động mà pháp luật không quy định cấm, trừ các hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh có điều kiện hoặc nhạy cảm như y tế, sức khỏe, giáo dục, an ninh tiền tệ, trật tự xã hội… Tránh áp dụng như một quy chuẩn chung cho việc phát triển mọi sản phẩm, dịch vụ mới.
3.	Mục IV.3.3	IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CỦA SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN 3. Chính sách 3: Biện pháp bảo đảm phát triển công nghiệp công nghệ số	- Đề xuất bổ sung quy định thành lập và cơ chế hoạt động, cơ chế chi Quỹ đầu tư mạo hiểm của doanh nghiệp. - Đề xuất có quy định cụ thể các chính sách nhằm thu hút nhân lực công nghệ số xuất sắc trong nước và nước ngoài trong nội dung Luật Công nghiệp công nghệ số - Đề nghị có đánh giá đến việc bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp công nghệ số.

STT	Tham chiếu	Nội dung quy định dự thảo	Ý kiến góp ý
		3.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn	- Về các biện pháp bảo đảm khác, đề xuất bổ sung chính sách hỗ trợ, tạo môi trường phát triển cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ vì 95% doanh nghiệp tại Việt Nam hiện nay vẫn là doanh nghiệp vừa và nhỏ. - Về doanh nghiệp công nghệ số dẫn đầu, đề xuất xây dựng cơ chế hỗ trợ nhằm giảm thiểu tác động của độc quyền và cạnh tranh không lành mạnh. - Về Quy định cơ chế quản lý sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu, đề xuất bổ sung việc xác định các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số liên quan mật thiết đến an ninh phi truyền thống (đại dịch, thiên tai, biến đổi khi hậu, năng lượng...). - Về Quy định hình thành, quản lý, thúc đẩy dữ liệu số: đề xuất đưa thành một nhóm chính sách riêng vì đây là nội dung cốt lõi, đầu vào và cả đầu ra của ngành công nghiệp công nghệ số.
4.	Mục IV.4	IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CỦA SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN 4. Chính sách 4: Kết cấu hạ tầng công nghiệp công nghệ số	Về quy định khu Công nghệ thông tin tập trung, đề xuất có quy định liên thông không chồng chéo với khu Công nghệ cao vì đây cũng là hạ tầng phát triển công nghiệp số. Đồng thời, đề xuất phân tích và sử dụng các bài học phát triển các khu Công nghệ thông tin tập trung từ phía tư nhân (nằm ngoài 6 khu Công nghệ thông tin trong báo cáo) để xây dựng luật tạo cơ chế ưu đãi phù hợp.
II. DỰ THẢO CHI TIẾT LUẬT CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ			
5.	Chương 1 - NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	Điều - Phạm vi điều chỉnh Luật này quy định về hoạt động công nghiệp công nghệ số, quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động công nghiệp công nghệ số.	- Đề nghị xây dựng phạm vi điều chỉnh rõ ràng hơn, hạn chế việc chồng chéo giữa các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành trước đó. Cần thiết phải tách bạch quản lý đối với các giải pháp ứng dụng (là cốt lõi của công nghệ, mang tính vô hình), còn các thiết bị, phương tiện phục vụ vận hành giải pháp sẽ được điều chỉnh một cách phù hợp theo hướng tiếp tục quản lý như các văn bản pháp quy hiện hành. Có thể xem xét điều chỉnh các thiết bị này như đối với các giải pháp nếu nó đã được tích hợp giải pháp gắn liền. - Đề cương hiện đang quy định chủ yếu xoay quanh các doanh nghiệp (đối tượng hoạt động chuyên nghiệp) nên chưa bao quát đến các cá nhân tự phát triển, nghiên cứu công nghệ số. Trên thực tế, rất nhiều công nghệ được phát triển bởi một hoặc một nhóm cá nhân trong quá trình họ nghiên cứu, làm việc. Các cá nhân tham gia phát triển, sáng tạo công nghệ số cần nhận được nguồn lực (từ nhà nước, nguồn vốn xã hội hóa) hỗ trợ kịp thời ngay từ bước có ý tưởng đến triển khai nghiên cứu và hoàn thiện sản phẩm.
6.	Chương I - Những quy định chung	Điều - Giải thích từ ngữ 1. "Công nghệ số" là công nghệ thông tin - tập hợp các phương pháp khoa học, công nghệ và công cụ kỹ	1. Tại khoản 1, Đề nghị mở rộng hơn khái niệm về Công nghệ số và bổ sung các công nghệ "mới" khác để thuận lợi cho việc xác định hơn là công nghệ "đột phá" khác. 2. Đề nghị làm rõ tiêu chí xác định một doanh nghiệp hoạt động công nghệ số là doanh nghiệp thực hiện một trong các hoạt động sáng tạo, thiết kế, phát triển, chế tạo, sản xuất, cung ứng sản

STT	Tham chiếu	Nội dung quy định dự thảo	Ý kiến góp ý
		thuật số hiện đại (trong đó có công nghệ trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối (blockchain), in 3D, internet kết nối vạn vật (IoT), kết nối mạng băng rộng (5G, sau 5G), dữ liệu lớn (Bigdata), thực tại ảo (VR), thực tại tăng cường (AR), thực tại trộn (MR) và các **công nghệ đột phá khác**) để sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số. 2. Công nghiệp công nghệ số: là ngành kinh tế sáng tạo, thiết kế, phát triển, chế tạo, sản xuất và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số. 3. Doanh nghiệp công nghệ số: là doanh nghiệp thực hiện các hoạt động sáng tạo, thiết kế, phát triển, chế tạo, sản xuất và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số.	phẩm dịch vụ công nghệ số. Cùng với đó, cần có quy định rõ khái niệm doanh nghiệp công nghệ số cụ thể về phạm vi, phân biệt được giữa doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ số với các doanh nghiệp khác có ứng dụng công nghệ vào hoạt động sản xuất kinh doanh
7.	Chương I - Những quy định chung	Điều - Hoạt động công nghiệp công nghệ số 1. Hoạt động công nghiệp công nghệ số bao gồm: a) Hoạt động công nghiệp phần cứng b) Hoạt động công nghiệp phần mềm c) Hoạt động công nghiệp nội dung số d) Hoạt động công nghiệp công nghệ số mới đ) Hoạt động dịch vụ công nghệ số	Đề nghị xem xét thống nhất với nội dung quy định Giải thích từ ngữ "Công nghiệp công nghệ số". Khái niệm Công nghiệp công nghệ số là ngành kinh tế sáng tạo, thiết kế, phát triển, chế tạo, sản xuất và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số.
8.	Chương I - Những quy	Điều - Chính sách phát triển ngành Công nghiệp công nghệ số Quốc gia	- Đề nghị có quy định thống nhất với hệ thống ngành nghề kinh doanh theo Quyết định 27/2018/QĐ-TTg để doanh nghiệp lựa chọn ngành nghề kinh doanh phù hợp, đáp ứng điều kiện ưu đãi đối với hoạt động công nghiệp công nghệ số.

STT	Tham chiếu	Nội dung quy định dự thảo	Ý kiến góp ý
	định chung	1. Ngành Công nghiệp Công nghệ số là một ngành kinh tế trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam. 2. Thúc đẩy sự phát triển. 3. Quản lý hạn chế rủi ro công nghệ, rủi ro tài chính, bảo đảm an ninh, an toàn. 4. Làm chủ công nghệ lõi	- Đề nghị bổ sung các quy định về chính sách phát triển ngành Công nghiệp công nghệ số quốc gia như sau: "Ngành Công nghiệp Công nghệ số là một ngành kinh tế trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam Nhà nước khuyến khích, ưu tiên phát triển. Nhà nước có những chính sách về mặt tài chính, nguồn lực hỗ trợ, thúc đẩy sự phát triển của ngành. Nhà nước tạo những điều kiện về cơ sở hạ tầng, nền tảng để thúc đẩy sự phát triển. Chính phủ đưa ra các cơ chế chính sách nhằm thúc đẩy việc ứng dụng ngành Công nghệ số trong các lĩnh vực của đời sống xã hội."
9.	Chương II	CHƯƠNG II - PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI, DỊCH VỤ MỚI	Đề nghị có quy định tiêu chí đánh giá sản phẩm, dịch vụ nào được coi là sản phẩm, dịch vụ mới Phạm vi của định nghĩa "mới" thuộc lãnh thổ Việt Nam hay toàn cầu.
10.	Chương II - Mục 1	CHƯƠNG II - PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI, DỊCH VỤ MỚI Mục 1 - TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ SẢN PHẨM MỚI VÀ DỊCH VỤ MỚI	Đề nghị xác định rõ quy mô, phạm vi áp dụng đối với từng loại sản phẩm dịch vụ mới chưa theo từng mức độ để thuận tiện cho việc quản lý và phát triển của lĩnh vực công nghiệp công nghệ số.
11.	Chương II - Mục 2	CHƯƠNG II - PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI, DỊCH VỤ MỚI Mục 2 - SẢN PHẨM TRÍ TUỆ NHÂN TẠO	- Hiện dự thảo mới chỉ nhắc đến Tài sản số tại phần định nghĩa và tại chế định "sản phẩm trí tuệ nhân tạo". Tài sản số là một vấn đề rất quan trọng cần phải xây dựng một chế định riêng trong Luật nhằm giải quyết các vấn đề sau: (i) Cách thức công nhận một sản phẩm công nghệ là một tài sản phù hợp với quy định của pháp luật dân sự; (ii) Điều kiện để các tài sản số được tham gia vào các giao dịch dân sự. (iii) Bảo vệ sở hữu trí tuệ tài sản số; (iv) Quản lý các giao dịch liên quan tới tài sản số do loại tài sản này rất đặc thù, rất dễ bị lợi dụng để thực hiện hành vi rửa tiền (tiền ảo...), lừa đảo, chiếm đoạt tài sản - Việc sắp xếp điều khoản quản lý hoạt động liên quan tới tài sản số nằm trong chế định Sản phẩm trí tuệ nhân tạo là chưa hợp lý, sẽ dẫn đến hiểu lầm Tài sản số chỉ đơn thuần là sản phẩm trí tuệ nhân tạo.
12.	Chương III - Mục 2	CHƯƠNG II - PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI, DỊCH VỤ MỚI Mục 2 - PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CÔNG NGHỆ SỐ	Đề nghị bổ sung các quy định về điều kiện để Doanh nghiệp Công nghệ số được thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nguồn lực công nghệ số bao gồm việc cấp chứng chỉ

STT	Tham chiếu	Nội dung quy định dự thảo	Ý kiến góp ý
		Điều - Đào tạo thực tế tại doanh nghiệp trong các Chương trình đào tạo về công nghệ số của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	
13.	Chương III - Mục 3	CHƯƠNG III BẢO ĐẢM PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ Mục 3 - VỐN, ĐẦU TƯ, ƯU ĐÃI CHO CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ	- Do các sản phẩm công nghệ số có tính chất luôn đổi mới, không thể dự báo một cách toàn diện; mỗi nhu cầu về từng loại sản phẩm công nghệ số cần có cơ chế đặt thù (được may đo sẵn) để khuyến khích đầu tư, nghiên cứu phát triển. Vì vậy, cần xác định các ngành, lĩnh vực công nghệ số trọng điểm là trụ cột cho công cuộc phát triển công nghệ số quốc gia để đưa ra chính sách ưu đãi riêng với từng loại hình sản phẩm ngay trong văn bản Luật; giao cho Chính phủ căn cứ tình hình thực tế để xây dựng cơ chế đối với các loại/nhóm sản phẩm số tiềm năng trong từng thời kỳ đầu tư trong lĩnh vực Công nghiệp Công nghệ số. - Dự thảo hiện chỉ đề cập đến chính sách ưu đãi về vốn, thuế, phí, lệ phí…là giai đoạn đầu vào, chưa đề cập đến các ưu đãi đầu ra, như ưu tiên tiêu thụ sản phẩm mới trong nước, chính sách hỗ trợ đầu ra như trợ giá, thuế, phí hoặc tỷ lệ bắt buộc tiêu thụ hàng hóa trong nước. => Đề nghị bổ sung các ưu đãi đầu ra, như ưu tiên tiêu thụ sản phẩm mới trong nước, chính sách hỗ trợ đầu ra như trợ giá, thuế, phí hoặc tỷ lệ bắt buộc tiêu thụ hàng hóa trong nước. - Dự thảo đề cập đến vốn ngân sách, quỹ phát triển công nghệ số của doanh nghiệp, tuy nhiên các khái niệm về nguồn vốn hiện hành của doanh nghiệp chưa đề cập đến khái niệm này, chủ yếu là quỹ khoa học và nguồn vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp => Đề xuất quy định về các loại vốn thống nhất với quy định về nguồn vốn của các văn bản pháp luật hiện hành.
14.	Chương III - Mục 4	CHƯƠNG III: BẢO ĐẢM PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ Mục 4 - HÌNH THÀNH, QUẢN LÝ, THÚC ĐẨY DỮ LIỆU SỐ	Lĩnh vực công nghệ số tạo ra các sản phẩm cho phép thu thập, xử lý, sử dụng một khối lượng lớn dữ liệu cá nhân nhằm mục đích quản lý của nhà nước hoặc mục đích thương mại do đó việc thu thập, sử dụng và bảo vệ dữ liệu cá nhân như nào để đảm bảo tôn trọng quyền riêng tư cá nhân mà vẫn đạt được mục tiêu kinh tế, quản lý là vấn đề pháp luật công nghệ số cần chú trọng đến. Do vậy, để đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn về bảo vệ dữ liệu, đề cương dự thảo Luật cần bổ sung chính sách rõ ràng về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong công nghiệp công nghệ số, phù hợp với quy định các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia
15	Chương III - Mục 6	CHƯƠNG III: BẢO ĐẢM PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ Mục 6 - MỘT SỐ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM KHÁC	Đề cương dự thảo Luật hiện đã quy định chính sách về vốn, đầu tư, ưu đãi cho công nghiệp công nghệ số như một trong những biện pháp để bảo đảm phát triển lĩnh vực này tuy nhiên các chính sách này mới chỉ đề cập đến các doanh nghiệp Việt Nam về việc đầu tư ra nước ngoài, hợp tác quốc tế trong khi Việt Nam có năng lực và tiềm năng thu hút vốn đầu tư nước ngoài từ các doanh

STT	Tham chiếu	Nội dung quy định dự thảo	Ý kiến góp ý
			nghiệp nước ngoài đầu tư. Do vậy, đề nghị dự thảo Luật quy định rõ ràng các điều kiện về đầu tư và chính sách quản lý liên quan trong lĩnh vực này
16.	Chương IV - Mục 1	CHƯƠNG IV - KẾT CẤU HẠ TẦNG CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ Mục 1 - KHU CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẬP TRUNG	Căn cứ Nghị định 99/2003/NĐ-CP, Khu công nghệ cao được định nghĩa là "khu kinh tế - kĩ thuật đa chức năng, có ranh giới xác định, do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, nhằm nghiên cứu - phát triển và ứng dụng công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, đào tạo nhân lực công nghệ cao và sản xuất, kinh doanh sản phẩm công nghệ cao". Quy định này đang được hiểu rất rộng và bao gồm cả các đặc tính của Khu công nghệ thông tin tập trung như Đề cương dự kiến ghi nhận. Do vậy dự thảo cần phân tách phạm vi, nội hàm của hai loại hình hạ tầng này do liên quan tới các chế độ ưu đãi, quyền, nghĩa vụ của các đối tượng nằm trong hai khu vực đặc thù này.
17.		Chưa quy định	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu xây dựng tách bạch trách nhiệm của hai cơ quan chủ quản là Bộ Thông tin và Truyền thông với Bộ Khoa học và Công nghệ do căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của hai cơ quan này sẽ rất dễ xảy ra tình trạng chồng chéo quản lý trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số.
III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ			
18.	Mục II.2.3	II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH 2. Chính sách 2. Thúc đẩy phát triển sản phẩm mới, dịch vụ mới 2.3. Các giải pháp giải quyết vấn đề Giải pháp 2: Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước của các bộ, ngành, địa phương đối với các sản phẩm, dịch vụ mới, quy trình phối hợp xử lý khi có đề xuất về nghiên cứu phát triển, triển khai sản phẩm, dịch vụ mới; đồng thời quy định một số điều kiện, nguyên tắc quản lý đối với sản phẩm mới (như Trí tuệ nhân tạo, tài sản số)	Bộ TTTT hiện đang đề xuất áp dụng phương án quy định trách nhiệm quản lý nhà nước, đồng thời quy định một số điều kiện, nguyên tắc quản lý đối với sản phẩm mới. Do vậy, đề nghị bổ sung phân tích đánh giá được tác động với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số khi thực hiện các thủ tục hành chính trong trường hợp các quy định đặt ra một số điều kiện đặc thù hoặc các giấy phép chuyên ngành.

TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 5823 /VNPT-KTPCTT Luật công nghiệp công nghệ số xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số	*Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2021*

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
ĐẾN Số:
Ngày: 04/10/21
Chuyển:
Lưu hồ sơ:

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Phúc đáp văn bản số 3295/BTTTT-CNTT ngày 26/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xin ý kiến báo cáo nghiên cứu lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) có ý kiến như sau:

Việc xây dựng khung pháp lý cho hoạt động công nghiệp công nghệ số, tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển của công nghiệp công nghệ số là cần thiết. VNPT nhất trí với các nội dung nêu tại: Tờ trình Chính phủ đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số; Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đề nghị xây dựng Luật.

Đối với Đề cương chi tiết Luật công nghiệp công nghệ số (Sau đây gọi tắt là "dự thảo đề cương Luật"), VNPT có một số ý kiến góp ý như sau:

1. Góp ý tổng thể bố cục của dự thảo

a. Theo dự thảo Tờ trình và dự thảo đề cương Luật, hoạt động công nghiệp công nghệ số gồm các hoạt động: công nghiệp phần cứng, công nghiệp phần mềm, công nghiệp nội dung thông tin số, công nghiệp công nghệ số mới, dịch vụ công nghệ số. Trong đó, các hoạt động công nghiệp phần cứng, phần mềm, công nghiệp nội dung thông tin số, dịch vụ công nghệ số cơ bản kế thừa, hoàn chỉnh thêm từ các hoạt động công nghiệp CNTT trong Luật CNTT và các văn bản hướng dẫn. Nội dung chương II của dự thảo đề cương Luật chủ yếu tập trung quy định một phần của hoạt động công nghiệp công nghệ số mới.

Để có cái nhìn tổng thể và tạo hành lang pháp lý rõ ràng cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số, VNPT đề xuất xây dựng bổ sung các nội dung quy định chi tiết về từng hoạt động công nghiệp công nghệ số như Tờ trình đã đề cập.

b. Chương II quy định các nội dung mang tính chất tổng quát về phát triển sản phẩm, dịch vụ mới. Tuy nhiên, mục 2 Chương này lại quy định về một sản phẩm công nghệ số cụ thể là sản phẩm trí tuệ nhân tạo. Để các quy định về công nghiệp công nghệ số mới mang tính ổn định lâu dài, có thể áp dụng cho các công nghệ của tương lai, đề xuất xem xét điều chỉnh quy định mang tính chất tổng quát hơn.

2. Góp ý quy định chi tiết dự thảo

a. Điều. Giải thích từ ngữ

Đề xuất bổ sung giải thích thuật ngữ "trí tuệ nhân tạo, tài sản số, make in Viet Nam" làm cơ sở để các doanh nghiệp triển khai thực hiện.

b. Điều. Chính sách phát triển Ngành công nghiệp công nghệ số Quốc gia

Đề xuất chuyển nội dung các quy định tại Điều này thành một nội dung trong Điều. Quản lý nhà nước về hoạt động công nghiệp công nghệ số để phù hợp với kết cấu của dự thảo.

c. Điều. Nội dung quản lý nhà nước về hoạt động công nghiệp công nghệ số

Đề xuất bổ sung nội dung quản lý an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động công nghiệp công nghệ số vì đây là nội dung quan trọng mà nhà nước cần quản lý.

d. Điều. Nghiên cứu- phát triển công nghiệp công nghệ số

Căn cứ nội dung tại Điều này, các quy định về khuyến khích đầu tư nghiên cứu phát triển công nghiệp công nghệ số, hoạt động đầu tư nghiên cứu phát triển công nghiệp công nghệ số cần thúc đẩy nên được chuyển thành một nội dung của Chương III về bảo đảm phát triển công nghiệp công nghệ số để phù hợp với kết cấu của dự thảo.

Các nội dung hạn chế, cấm đầu tư nghiên cứu phát triển công nghiệp công nghệ số nên chuyển thành nội dung của Điều về các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động công nghiệp công nghệ số.

e. Điều. Các nguyên tắc chung trong quản lý sản phẩm, dịch vụ mới và Điều. Trách nhiệm quản lý nhà nước về sản phẩm mới và dịch vụ mới

Việc quy định riêng nguyên tắc và trách nhiệm quản lý nhà nước cho hoạt động phát triển sản phẩm, dịch vụ mới chưa đảm bảo tính xuyên suốt, thống nhất trong việc quản lý nhà nước về hoạt động công nghiệp công nghệ số, do các sản phẩm mới, dịch vụ mới cũng là một phần của hoạt động công nghiệp, công nghệ số, do vậy cũng phải tuân thủ các nguyên tắc chung trong hoạt động công nghiệp công nghệ số và chịu sự quản lý của nhà nước về hoạt động này.

g. Điều. Quy trình xử lý các đề xuất về nghiên cứu phát triển, triển khai sản phẩm mới, dịch vụ mới

Đề xuất điều chỉnh tiêu đề thành Quy định xử lý các đề xuất về nghiên cứu phát triển, triển khai sản phẩm, dịch vụ mới vì Quy trình mang tính chất quy định về trình tự thực hiện, trong khi nội dung Điều này quy định các phương thức, nguyên tắc trong việc nghiên cứu phát triển, triển khai sản phẩm dịch vụ mới.

h. Điều. Quy định về chính sách ưu đãi công nghiệp công nghệ số

Bên cạnh việc quy định chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số, đề xuất đơn vị soạn thảo bổ sung làm rõ các quy định về ưu đãi đối với nhân sự của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số.

i. Mục 5. Phát triển doanh nghiệp công nghệ số đầu đàn, doanh nghiệp phát triển/sở hữu sản phẩm công nghệ số trọng yếu, doanh nghiệp kỳ lân

- Đề xuất làm rõ sự khác nhau giữa doanh nghiệp số đầu đàn, doanh nghiệp trọng yếu và doanh nghiệp kỳ lân để từ đó đưa ra được các chính sách quản lý, ưu đãi phù hợp cho mỗi loại hình doanh nghiệp.

- Điều chỉnh tên gọi "doanh nghiệp đầu đàn, doanh nghiệp kỳ lân" để phù hợp với văn phong của văn bản quy phạm pháp luật.

Trên đây là ý kiến đóng góp của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam đối với Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số, kính chuyển Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, tổng hợp.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch HĐTV (để b/c);
- P.TGĐ Nguyễn Nam Long (để biết);
- VPTĐ;Ban: KTTC,KHĐT,CLSP (để p/h);
- Trung tâm R&D,VNPT-IT,VNPT-Media;
- Lưu: VT, KTPCTT, btm./.

Số eOffice: ~~774906~~ **- VBKS**

TỔNG GIÁM ĐỐC

TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM

Huỳnh Quang Liêm

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CỤC AN TOÀN THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1183 /CATTT-PCKT
V/v góp ý Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2021

Kính gửi: Vụ Công nghệ thông tin

Phúc đáp Công văn số 432/CNTT ngày 24/8/2021 của Vụ Công nghệ thông tin về việc góp ý Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số; sau khi nghiên cứu, Cục An toàn thông tin có ý kiến như sau:

1. Tại tiết (3) điểm a mục 2 Phần I Tờ trình đề nghị xây dựng Luật nêu "Công nghệ số xuất hiện là bước phát triển tiếp theo của CNTT", tuy nhiên nội dung chưa thể hiện rõ sự phát triển này như thế nào. Đề nghị làm rõ hơn sự phát triển, sự khác biệt giữa "công nghệ số" và "công nghệ thông tin". Trên cơ sở đó xác định được cụ thể đối tượng hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số để xây dựng chính sách phù hợp.

2. Hiện nay các cuộc tấn công mạng đã trở nên phổ biến, tinh vi và không thể dự đoán trước. Do vậy, đề nghị xem xét lồng ghép các nội dung đảm bảo an toàn phát triển công nghiệp công nghệ số trong dự thảo Luật, gồm một số nội dung.

- Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng công nghiệp công nghệ số của các tổ chức, cá nhân

- Bảo đảm hoạt động công nghiệp công nghệ số không ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế, xã hội khác.

- Cung cấp hạ tầng kỹ thuật của doanh nghiệp công nghiệp công nghệ số để thực hiện nhiệm vụ kiểm soát và bảo đảm an toàn, an ninh mạng trong tình huống khẩn cấp.

- Ngăn chặn khẩn cấp và ngừng cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp công nghiệp công nghệ số đối với tình huống đặc biệt để bảo vệ an ninh quốc gia...

Trên đây là ý kiến của Cục An toàn thông tin, kính gửi Vụ Công nghệ thông tin tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Bộ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cục trưởng;
- Tổ A;
- Lưu: VT, PCKT.

CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC AN TOÀN THÔNG TIN
BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Nguyễn Thành Phúc

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CỤC BÁO CHÍ

Số:1334 /CBC-TTPC
V/v góp ý dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2021

Kính gửi: Vụ Công nghệ thông tin

Cục Báo chí nhận được văn bản số 432/CNTT ngày 24/8/2021 của Vụ Công nghệ thông tin về việc góp ý đối với dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, Cục Báo chí không có ý kiến gì khác đối với nội dung dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên.
- Cục trưởng (để b/c).
- Lưu: VT, TTPC, BTT (05).

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC BÁO CHÍ
BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Nguyễn Văn Hiếu

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG **CỤC TIN HỌC HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:1596 /TTHH-DVCNTT V/v góp ý hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số	*Hà Nội, ngày 08 tháng 09 năm 2021*

Kính gửi: Vụ Công nghệ thông tin

Phúc đáp Văn bản số 432/CNTT ngày 24/8/2021 của Quý Vụ về việc góp ý hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số, sau khi nghiên cứu các tài liệu gửi kèm, Cục Tin học hóa có một số ý kiến như sau:

1. Đối với dự thảo Tờ trình:

- Mục đích và quan điểm xây dựng Luật đã nói lên tinh thần chung của Luật là để cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về phát triển công nghiệp công nghệ số, khắc phục những vấn đề bất cập tồn tại do thiếu các quy định tại các văn bản hiện hành và quan trọng hơn nữa là để thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ số. Tuy nhiên, tại nội dung phạm vi điều chỉnh của văn bản lại chưa toát lên được tinh thần này, chủ yếu đề cập đến khía cạnh phục vụ công tác quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số. Đề nghị xem xét nhất quán tinh thần chung của Luật là quản lý để thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ số

- Nếu xác định công nghệ số là công nghệ thông tin và bao gồm thêm các công nghệ mới của Cách mạng 4.0 thì mới chỉ đề cập đến khía cạnh kỹ thuật thuần túy của công nghệ số. Cần làm rõ thêm vai trò, ý nghĩa, tác động của công nghệ số để cho thấy rõ sự khác biệt giữa công nghệ số với công nghệ thông tin truyền thống trước đây.

- Tại chính sách 2 về thúc đẩy phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới, đề nghị làm rõ hơn trong nội dung của chính sách đối với việc *"Chỉ định một cơ quan đề điều phối, tổ chức xử lý các đề xuất về nghiên cứu phát triển, triển khai sản phẩm, dịch vụ mới"*.

- Tại chính sách 4 về kết cấu hạ tầng công nghiệp công nghệ số, đề nghị làm rõ cơ quan/doanh nghiệp/đơn vị chủ quản của Trung tâm tính toán hiệu năng cao cụ thể là ai để thấy rõ trách nhiệm đầu tư, quản lý, vận hành các Trung tâm này.

2. Đối với dự thảo Đề cương chi tiết Luật:

- Đề nghị xem xét tách nội dung "Chính sách phát triển ngành công nghiệp công nghệ số quốc gia" thành một Chương riêng (hiện tại đang để trong Chương

Những quy định chung).

Cục Tin học hóa trân trọng gửi thông tin để Quý Vụ tổng hợp và hoàn thiện

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, DVCNTT.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC TIN HỌC HÓA
BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Nguyễn Phú Tiến

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Số: 2274 /CTS-CSQH

V/v góp ý hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 09 năm 2021

Kính gửi: Vụ Công nghệ thông tin

Phúc đáp công văn số 432/CNTT ngày 24/08/2021 của Vụ Công nghệ thông tin về việc góp ý Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình, Cục Tần số vô tuyến điện đã nghiên cứu Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số và không có ý kiến góp ý bổ sung

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, CSQH.03

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Đức Trung

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CỤC THÔNG TIN CƠ SỞ

Số: 591/TTCS-TQ
V/v góp ý hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2021

Kính gửi: Vụ Công nghệ thông tin

Phúc đáp Công văn số 432/CNTT ngày 24/8/2021 của Vụ Công nghệ thông tin về việc góp ý hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số, Cục Thông tin cơ sở có ý kiến như sau:

Qua nghiên cứu Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số, Cục Thông tin cơ sở nhất trí với nội dung Hồ sơ trên.

Cục Thông tin cơ sở gửi Vụ Công nghệ thông tin để tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên.
- Lãnh đạo Cục.
- Lưu: VT, TQ, XT.

KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC THÔNG TIN CƠ SỞ

Hoàng Minh Phương

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG **CỤC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 526 /TTĐN-CS&HTQT V/v góp ý Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số	*Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2021*

Kính gửi: Vụ Công nghệ thông tin

Phúc đáp công văn số 432/CNTT ngày 24/8/2021 của Vụ Công nghệ thông tin về việc đề nghị góp ý Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số, Cục Thông tin đối ngoại nghiên cứu và nhất trí với dự thảo các văn bản gồm Tờ trình đề nghị xây dựng Luật, Đề cương Luật, Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật và Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đề nghị xây dựng Luật.

Trên đây là ý kiến của Cục Thông tin đối ngoại gửi Vụ Công nghệ thông tin tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên.
- Cục trưởng (để b/c).
- Lưu: VT, CS&HTQT, D (3).

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI

Đinh Tiến Dũng

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG **VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 615 /KHCN V/v góp ý Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số	*Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2021*

Kính gửi: Vụ Công nghệ thông tin

Phúc công văn số 432/CNTT ngày 24/8/2021 về việc lấy ý kiến góp ý cho Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số; sau khi nghiên cứu, Vụ Khoa học và Công nghệ có ý kiến như sau:

1. Về chủ trương, quan điểm xây dựng Luật

- *Cần bổ sung làm rõ được các nội dung sau:*

+ Trong xu thế CMCN 4.0, xác định rõ quan điểm lĩnh vực công nghệ số là trung tâm thúc đẩy các lĩnh vực khác như bưu chính, viễn thông, xuất bản, truyền thông, an toàn thông tin và một số lĩnh vực kinh tế-xã hội khác.

+ Xây dựng luật để phát triển ngành kinh tế công nghệ số qua điều chỉnh cơ cấu công nghiệp công nghệ số (hàm lượng tri thức cao, ít sử dụng lao động sống/ít sử dụng nguyên nhiên vật liệu, bảo vệ môi trường tốt nhất khu vực và top cao thế giới, tạo chuỗi giá trị công nghệ số đáng kể, ...).

+ Có chính sách mở về phát triển công nghiệp công nghệ số, đặc biệt mở hết để khởi tư nhân phát triển mạnh mẽ, hướng đạt tới đẳng cấp quốc tế cạnh tranh với các quốc gia tiên tiến.

+ Sự đồng bộ, khả thi với chính sách, chiến lược phát triển công nghiệp quốc gia Việt Nam, chiến lược phát triển công nghệ quốc gia Việt Nam, và một số chiến lược quốc gia về kinh tế-xã hội.

2. Ý kiến cụ thể đối với Đề cương chi tiết Luật

Nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện thêm:

Đối với các Điều mới chỉ có quan điểm, định hướng mà chưa có nội dung: cần xem xét bổ sung để có nội dung chính cần quy định, không ghi quan điểm, định hướng. Trong Đề cương Luật còn rất nhiều Điều chưa nêu được nội dung chính, điều này thể hiện những thiếu sót nhất định của đơn vị chủ trì soạn thảo và phần nào gây khó khăn nhất định cho cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến.

+ Đối với Điều ... quy định "Make in Viet Nam": đối với sản phẩm công nghệ số: thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước nâng cao khả năng hấp thu chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua đầu tư nước ngoài và nghiên cứu tạo ra công nghệ, giải pháp mới trong nước, làm chủ công nghệ, thiết kế, sáng tạo, sản xuất sản phẩm, dịch vụ công nghệ số bảo đảm chất lượng cho thị trường trong nước, hướng xuất khẩu thật nhiều ra quốc tế.

+ Đối với Chương Trung tâm dữ liệu cho công nghiệp công nghệ số, chị nên tham khảo ý kiến anh Bình. Hiện nay nhu cầu và thị trường về

trung tâm dữ liệu đang tăng mạnh cũng như có xu hướng theo chuẩn quốc tế rất cao, do đó để phát triển được nền kinh tế công nghiệp công nghệ số thì cần tăng cường cũng như đặt ra tiêu chuẩn cao.

+ Đối với Điều. Quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số: xem xét tham khảo thêm các Luật Viễn thông, Tần số vô tuyến điện, Giao dịch điện tử (dự thảo Luật sửa đổi nếu có), như bổ sung thêm quy định quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số bằng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số bắt buộc phải quản lý chất lượng, …

+ Về định nghĩa Sản phẩm công nghệ số: đây là nội dung mang tính hạt nhân của Luật nên cần đưa ra định nghĩa (nội hàm) ngay trong Đề cương Luật, trong đó phải có nội dung quy định Sản phẩm công nghệ số bao gồm Sản phẩm công nghệ số cốt lõi, Sản phẩm công nghệ số trọng yếu, Sản phẩm công nghệ số trọng điểm, Sản phẩm công nghệ số xuyên biên giới.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: KHCN.

VỤ TRƯỞNG

VỤ KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ

Lê Xuân Công

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TRUNG TÂM CHỨNG THỰC ĐIỆN TỬ QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 404 /NEAC-TDPC
V/v góp ý hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số

Hà Nội, ngày 09 tháng 09 năm 2021

Kính gửi: Vụ Công nghệ thông tin.

Phúc công văn số 432/CNTT ngày 24/8/2021 của Vụ Công nghệ thông tin về việc đề nghị góp ý hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số, Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia nhất trí với nội dung và kết cấu đề cương chi tiết Luật và hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số. sau khi nghiên cứu, Trung tâm có ý kiến như sau:

- Về giải pháp thực hiện chính sách và biện pháp bảo đảm cho công nghiệp công nghệ số: Đề nghị bổ sung thêm chính sách hỗ trợ, triển khai, áp dụng các sản phẩm công nghệ số vào các dịch vụ thiết yếu như kê khai thuế, hải quan, bảo hiểm, các giao dịch điện tử và trong dịch vụ công quốc gia. Cụ thể: Các giải pháp phát triển, mở rộng thị trường chữ ký số cá nhân trong việc kê khai thuế thu nhập cá nhân, quản lý thông tin bảo hiểm xã hội, thực hiện các giao dịch điện tử có giá trị cao

Đồng thời, xem xét bổ sung các chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ sản phẩm công nghệ số như chính sách về miễn giảm thuế doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và các chính sách hỗ trợ vay ưu đãi cho các doanh nghiệp này.

- Về dự thảo Tờ trình "Đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số": Đề nghị rà soát lỗi chính tả và điều chỉnh thể thức trình bày.

Trên đây là ý kiến của Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia về hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số gửi Quý Vụ để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, TDPC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM CHỨNG THỰC ĐIỆN TỬ QUỐC GIA

Nguyễn Thiện Nghĩa

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG **THANH TRA BỘ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 774 /TTra-VT&CNTT	*Hà Nội, ngày 31 tháng 09 năm 2021*

V/v góp ý hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số

Kính gửi: Vụ Công nghệ thông tin

Phúc đáp Công văn số 432/CNTT ngày 24/8/2011 của Vụ Công nghệ thông tin về việc góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số; Thanh tra Bộ có ý kiến như sau:

1. Cơ bản nhất trí với dự thảo Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật;

2. Một số ý kiến góp ý đối với dự thảo "Đề cương chi tiết Luật Công nghiệp công nghệ số:

- Đề nghị xem xét sửa đổi, bổ sung khoản 7 *"Điều. Nội dung quản lý nhà nước về hoạt động công nghiệp công nghệ số"* như sau:

"7. Giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm hành chính, giải quyết khiếu nại, tố cáo".

- Tại *"Điều. Trách nhiệm quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số"* đề nghị xem xét bổ sung như sau

"Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan thực hiện quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số.".

Trên đây là ý kiến của Thanh tra Bộ, kính gửi Quí Vụ nghiên cứu, tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chánh Thanh tra (để b/c);
- Lưu: TTra, BTHH(04).

KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA

Đỗ Hữu Trí

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
VIỆN CÔNG NGHIỆP PHẦN MỀM VÀ NỘI DUNG SỐ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 262 /VCNPM
V/v góp ý Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số

Hà Nội, ngày 01 tháng 09 năm 2021

Kính gửi: Vụ Công nghệ thông tin

Phúc đáp công văn số 432/CNTT ngày 24 tháng 08 năm 2021 của Quý Vụ về việc xin ý kiến góp ý Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số, Viện Công nghiệp phần mềm và nội dung số Việt Nam (Viện CNPM) đã nghiên cứu và có một số ý kiến như sau:

1. Về cơ bản nhất trí với dự thảo Hồ sơ.

2. Đối với Đề cương Luật :

- Xem xét tổ chức lại Chương II vì như vậy dễ dẫn đến cách hiểu sản phẩm mới chỉ có Trí tuệ nhân tạo.
- Đề nghị đưa nội dung về Tài sản số lên chương I
- Xem xét bổ sung :

Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động công nghiệp công nghệ số

Nội dung về đầu tư nước ngoài

– Nội dung nghiên cứu phát triển & ứng dụng công nghệ số phục vụ phát triển công nghiệp công nghệ số.

3. Về Tờ trình nên trình bày cô đọng và ngắn gọn hơn.

Trên đây là một số ý kiến của Viện CNPM gửi tới Quý Vụ để tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Viện trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, P.KTCS.

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

VIỆN CÔNG NGHIỆP PHẦN MỀM VÀ NỘI DUNG SỐ VIỆT NAM

Chu Minh Hoan

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG **TRUNG TÂM INTERNET VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:1096/VNNIC V/v góp ý hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số	*Hà Nội, ngày 31 tháng 08 năm2021*

Kính gửi: Vụ Công nghệ thông tin

Phúc đáp công văn số 432/CNTT ngày 24/8/2021 về việc góp ý hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số. Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC) có một số ý kiến góp ý như sau:

1. Nội dung tổng kết thi hành pháp luật về phát triển CNTT, công nghiệp CNTT:

- Xem xét bổ sung phân tích rõ hơn cơ sở lý luận, các nội dung bất cập, hạn chế trong thi hành phát luật về phát triển CNTT, công nghiệp CNTT, để từ đó thấy rõ sự cần thiết của Luật Công nghiệp công nghệ số.

- Các số liệu báo cáo xem xét đồng bộ cùng một mốc thời gian báo cáo (hiện tại một số số liệu báo cáo đến hết 2020, một số số liệu báo cáo đến 7/2021).

- Xem xét thực hiện và bổ sung thêm kết qua điều tra, khảo sát ý kiến của các doanh nghiệp tại Việt Nam, đặc biệt các doanh nghiệp CNTT về các vấn đề bất cập trong triển khai thực thi pháp luật về phát triển CNTT, công nghiệp CNTT & các đề xuất của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó có thể đề xuất sửa đổi, chuẩn bị các nội dung sửa đổi bám sát, đồng bộ hơn giữa cơ sở lý luận và thực tiễn.

- Luật Công nghiệp công nghệ số xây dựng thay thế nội dung Phat triển CNTT trong Luật CNTT số 67/2006/QH11, do đó cần nêu rõ phạm vi sẽ thay thế những Điều, Khoản nào cụ thể trong Luật CNTT để việc áp dụng sau này tránh chồng chéo.

2. Nội dung Đề cương chi tiết Luật Công nghiệp công nghệ số:

- Đối tượng áp dụng: cần ghi rõ cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và có bao gồm tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp tham gia hoặc có liên quan tại Việt Nam không.

- Nội dung **"Điều. Giải thích từ ngữ"** "Công nghệ số": xem xét bổ sung thêm công nghệ Điện toán đám mây.

- Xem xét bỏ **"Điều. Nguyên tắc chung ..."**: do bản thân Luật là các nguyên tắc chung để áp dụng đồng nhất, nội dung này nên cụ thể hóa ở các điều, khoản và trách nhiệm của cơ quan quản lý hay các đối tượng tham gia, cũng như các hành vi bị nghiêm cấm.

- Xem xét gộp nội dung **"Điều. Chiến lược, Chương trình, Kế hoạch phát triển công nghiệp công nghệ số"** (Chương I) vào nội dung **"Điều. Nội dung quản lý nhà nước về hoạt động công nghiệp công nghệ số"** (Chương I) sẽ phù hợp hơn đồng thời giao trách nhiệm cho Bộ chuyên ngành xây dựng phù hợp với từng thời điểm thay vì cụ thể hóa trong Luật.

- Xem xét bổ sung thêm quy định về "Chuyển giao công nghệ số", có thể tách riêng khỏi nội dung quy định tại **"Điều. Quy định "Make in Viet Nam" đối với sản phẩm công nghệ số"**.

- Xem xét bổ sung thêm quy định về "Thúc đẩy, khuyến khích phát triển các doanh nghiệp công nghệ số đầu đàn, trọng yếu, kỳ lân". Hiện mới dự thảo các quy định tiêu chí phân loại, chưa đề cập đến các quy định nhằm hỗ trợ, thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp này.

Trên đây là các ý kiến góp ý của VNNIC đối với hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số. Kính gửi Quý đơn vị nghiên cứu, tham khảo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQL VNNIC;
- PGĐ. Trần Thị Thu Hiền;
- DNS-VNIX, HT-QLTN, TCKT, KHĐT;
- CN-ĐN, CN-HCM;
- Lưu: VT, KTH.

GIÁM ĐỐC

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TRUNG TÂM INTERNET VIỆT NAM

Nguyễn Hồng Thắng

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG **VỤ BƯU CHÍNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 527 /BC V/v góp ý Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số	*Hà Nội, ngày 10 tháng 09 năm 2021*

Kính gửi: Vụ Công nghệ thông tin

Phúc công văn số 432/CNTT ngày 24/08/2021 của Vụ Công nghệ thông tin về việc góp ý hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số, Vụ Bưu chính có ý kiến như sau:

1. Về quan điểm xây dựng Luật

Đề nghị xem xét, bổ sung quan điểm "quản lý, thúc đẩy và kiến tạo thị trường Công nghiệp công nghệ số".

2. Về một số nội dung cụ thể cần xem xét, bổ sung, làm rõ, cụ thể:

- Kinh nghiệm quốc tế về xây dựng, quản lý công nghiệp công nghệ số.
- Quản lý dữ liệu số như nguồn tài nguyên, chia sẻ, liên thông.
- Kết cấu và cấp phép hạ tầng dữ liệu thông tin
- Thúc đẩy phát triển các công nghệ mới 4.0.
- Thúc đẩy công nghệ chip, công nghệ tính toán hiệu năng cao.
- Chính sách thử nghiệm đổi mới, sáng tạo.
- Chuyển đổi số trong công nghiệp (Smart Factory).
- Chính sách công nghệ thông tin để phát triển thông minh và bền vững

Vụ Bưu chính gửi Công nghệ thông tin để tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu BC, CTT (03).

KT. VỤ TRƯỞNG
PHÓ VỤ TRƯỞNG

VỤ BC

Vũ Chí Kiên

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG **VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Số: 649/KHTC V/v góp ý Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số	*Hà Nội, ngày 09 tháng 09 năm 2021*

Kính gửi: Vụ Công nghệ thông tin

Phúc Công văn số 432/CNTT ngày 24/08/2021 của Quý Vụ về việc góp ý Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số, Vụ Kế hoạch - Tài chính (KHTC) có ý kiến như sau:

1. Về nguyên tắc, Vụ Kế hoạch - Tài chính thấy rằng việc đề xuất xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số là phù hợp với chỉ đạo của Đảng, Chính phủ trong thời gian qua phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển công nghệ số; phù hợp với thực tiễn về nhu cầu sửa đổi, bổ sung các quy định, hành lang pháp lý liên quan các ngành, lĩnh vực kinh tế mới.

2. Một số góp ý đối với nội dung của chính sách đề xuất:

- Về phạm vi, đối tượng áp dụng của chính sách: Lĩnh vực công nghệ số là một lĩnh vực có tốc độ phát triển nhanh, công nghệ thay đổi, cập nhật liên tục trong khi quy trình xây dựng, ban hành Luật mất nhiều thời gian. Vì vậy, Vụ KHTC đề nghị Quý Vụ nghiên cứu, rà soát để đảm bảo việc đề xuất chính sách có khả năng đáp ứng, thích nghi một cách tương đối với sự phát triển của công nghệ trong thời gian tới trên cơ sở kinh nghiệm quản lý của Luật Công nghệ thông tin.

- Về đề xuất bổ sung ngành "Công nghiệp công nghệ số" là một ngành kinh tế trong Hệ thống Ngành kinh tế Việt Nam và quy định mức chi cho công nghệ số trong tổng chi NSNN, xây dựng mục chi riêng trong mục lục NSNN: Vụ KHTC đề nghị Quý Vụ xem xét, bổ sung thêm hiện trạng chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực công nghệ thông tin trong thời gian qua, các khó khăn, vướng mắc do việc thiếu ngân sách gây ra; Đồng thời làm rõ nguyên nhân Bộ Tài chính không đồng thuận đối với đề xuất này trong giai đoạn từ 2010 đến nay để làm căn cứ cho cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Quý Vụ cân nhắc làm rõ, cụ thể các định nghĩa về sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, tránh đưa ra các khái niệm chung chung, khó xác định dẫn đến công tác thực thi gặp nhiều vướng mắc sau này đặc biệt là khái niệm tài sản số, dịch vụ số mới…

- Quý Vụ cần phân tách rõ vai trò trách nhiệm trong công tác thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ số giữa cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp, tránh chồng chéo, có không gian phù hợp để doanh nghiệp và xã hội là động lực chính để thúc đẩy đồng thời đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng NSNN.

Trên đây là ý kiến của Vụ KHTC để Quý Vụ tổng hợp, xử lý.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên,
- Thứ trưởng Phạm Đức Long (để b/c)
- Vụ trưởng (để b/c),
- Lưu VT, KHTC

KT. VỤ TRƯỞNG
PHÓ VỤ TRƯỞNG

VỤ KHTC

Lê Nam Trung